English Section PAGE 45

NĂM THỨ BẢY • #72 • APRIL 1995

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

DẠY TIẾNG VIỆT CHO CON EM TẠI HẢI NGOẠI

TS PHẠM VĂN LƯU

Phỏng Vấn LÊ HỮU KHÓA

NGUYỄN NAM ANH

THƯ VỀ BLOOMINGTON, ILLINOIS

Truyện **LÊ TẤT ĐIỀU**

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA GIẢI PHẪU THẨM MỸ

PHAM NGUYEN HUU, M.D.

PLASTIC & RECONSTRUCTIVE SURGERY
HAND & UPPER EXTREMITY SURGERY

- Tốt nghiệp Giải Phẫu Thẩm Mỹ Tạo Hình tại trường New York Hospital - CORNELL Medical Center và Memorial Sloan-Kettering Cancer Center.
- Tốt nghiệp Giải Phẫu Bàn Tay - STANFORD University Medical Center, Palo Alto VAMC.
- Tốt nghiệp Giải Phẫu Tổng Quát - STANFORD University Medical Center.
- Tốt nghiệp Y Khoa - STANFORD Medical School.

Bà Hồng Liên Phạm Nguyễn Hữu
Giám Đốc Điều Hành và Cố Vấn Thẩm Mỹ

Giải Phẫu Thẩm Mỹ và Chữa Trị Da bằng tia sáng LASER

GIẢI PHẪU THẨM MỸ CHO PHÁI NAM và PHÁI NỮ

- Sửa mắt, mũi, môi, cằm, căng da mặt, da trán, da bụng, sửa ngực
- Hút mỡ mặt, mỡ cổ, mỡ bụng và mỡ đùi.

GIẢI PHẪU TẠO HÌNH

- Sửa những tật do tai nạn, bệnh tật, hay bẩm sinh.
- Chữa trị và giải phẫu những ngực bị chích silicon hay bị ung thư.

GIẢI PHẪU BÀN TAY và CỔ TAY

- Điều trị và giải phẫu các bệnh bàn tay và cổ tay vì tai nạn nghề nghiệp hay tai nạn thông thường.

THẨM MỸ DA và BỆNH NGOÀI DA

- Điều trị và giải phẫu ung thư da, mụn, tàn nhang, nám, nốt ruồi, sẹo, rỗ và gân máu.
- Lột da và chà da.
- **Phòng mạch có Dược Mỹ Phẩm OPTI-SKIN và THERADERM Đặc Chế trị bệnh cho từng loại da.**

- Phòng mạch trang bị máy móc tối tân.
- Giải phẫu hoàn toàn không đau vì dùng kỹ thuật gây mê.
- Bảo đảm an toàn vì có bác sĩ chuyên khoa về tim và gây mê theo dõi sức khoẻ cho quý vị.
- Có phương tiện di chuyển, chỗ ở và người chăm sóc cho quý vị ở xa.

NHẬN VISA, MASTER CARD

NHẬN BẢO HIỂM và MEDICARE CHO GIẢI PHẪU TẠO HÌNH & BÀN TAY

Khám bệnh theo hẹn

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN LẠC: Bà HỒNG LIÊN

ĐỊA ĐIỂM I
LA JOLLA/San Diego
8899 University Ctr Ln. Suite 340,
La Jolla, CA 92122
(Gần Scripps Memorial Hospital - La Jolla)
(619) 455-9919

ĐỊA ĐIỂM II
ORANGE COUNTY
17150 Euclid St. #218
Fountain Valley, CA 92708
(Bên cạnh Fountain Valley Hospital)
(714) 556-1233

NGOÀI VÙNG (619) và (714) XIN GỌI SỐ MIỄN PHÍ:
1-(800) ĐẸP-5568

NHÂN DÁNG QUAN TRỌNG NHƯ PHẨM HẠNH

VAALA

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association

Triển Lãm • Hội Thảo • Ra Mắt Sách
Nhạc Thính Phòng • Văn Nghệ Thân Hữu • Câu Lạc Bộ
Quán Sách Báo Băng và Mỹ Nghệ Phẩm...

11022 ACACIA PKWY # A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 537-8352 • FAX (714) 638-1944

GRAND GARDEN RESTAURANT

Nhà hàng nổi tiếng tiệc cưới trên 10 năm qua.
(Giải thưởng do Hội California Restaurant Writers)

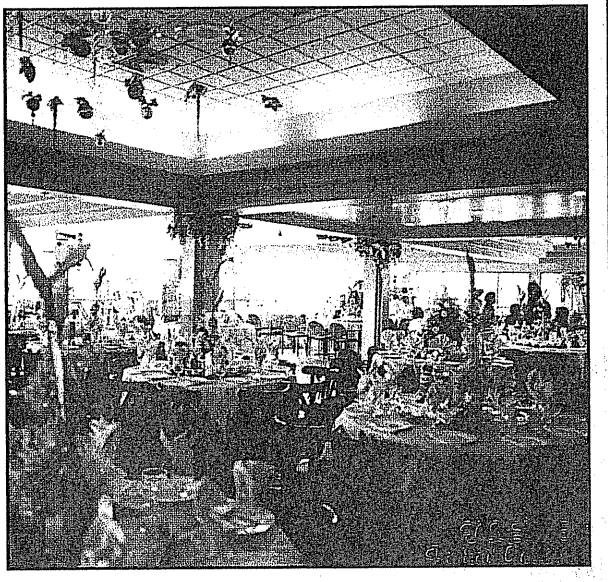

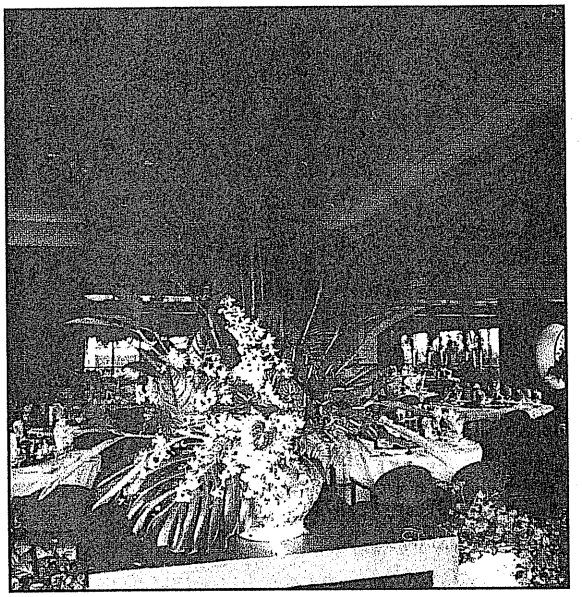

- *Nhà hàng sang trọng nhất với những bình hoa tươi lộng lẫy quanh năm.*
- *Chuyên về tiệc cưới, đám hỏi, sinh nhật, hội họp, đoàn thể...*
- *Thực đơn phong phú và chọn lọc cho ăn trưa và ăn tối.*
- *TÔM CUA CÁ SỐNG*
- *Tiếp đãi lịch sự chu đáo.*
- *Bãi đậu xe rộng rãi và an toàn.*
- *Có giấy phép khiêu vũ cho tiệc cưới.*
- *Có Gift Certificate.*

Giờ Mở Cửa:
WED. - SUN.
10AM to 9:30PM

FINE DINING AT AFFORDABLE PRICE

Tel: (714) 893-1200

8894 BOLSA AVE.
WESTMINSTER, CA 92683

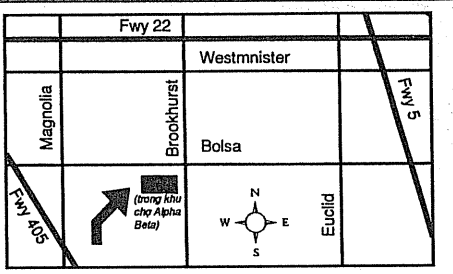

V&T Grafix • 220-1794

1975 - 1995

Hai mươi năm, người Việt xa lìa quê cha đất tổ.
Hai mươi năm, một thế hệ mới con cháu Việt Nam sinh trưởng tại hải ngoại.

- Những hình hài là con người Việt Nam.
- Những tâm hồn có còn một chút gì Việt Nam không?

ĐỂ TRỞ VỀ NGUỒN DÂN TỘC
ĐỂ NHỚ LẠI MỘT THOÁNG HƯƠNG XƯA

Thúy Nga xin Quý Vị hãy cho gia đình, con em mình nghe lại ít nhất một lần (1995) những ca khúc tình tự dân tộc khóc cười theo mệnh nước nổi trôi

PHẠM DUY
Người Tình

Tình Yêu đất nước. Tình Yêu đôi lứa.

PARIS BY NIGHT 30

Giới thiệu chương trình: **LÊ VĂN (đài VOA)**

Giá 25$ 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
9295 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683 - USA
P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Khánh Hà - Ái Vân - Phi Khanh
Hương Lan - Lệ Thu - Dalena
Thái Hiền - Thái Thảo - Thiên Hương - Sơn Ca - Phương Hồng Quế - Trang Thanh Lan - Elvis Phương - Duy Quang - Tuấn Ngọc - Thái Châu - Don Hồ Quang Bình - Chí Tài ...

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC
Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Nha Si DU THI MY LAN
Nguyên Trưởng phòng Nha Khoa Tổng Y viện Khánh Hội
Đã hành nghề 7 năm tại quê hương và 13 năm tại Mỹ.
9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 898-6449
(Trong khu Cathay Bank)

LISE DIEU TRANG VO
Agent
New York Life Insurance Company
NEW YORK LIFE
The Company You Keep
2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: 1 (800) 918-1172

Thông Báo
giá báo mới

Từ đầu **tháng Ba 1995**, giá báo bán lẻ là **$4.00** một tờ. Giá dài hạn sẽ theo bảng sau đây:
Gửi bulk rate: □ 6 tháng: $22.00 □ một năm: $40.00 □ hai năm: $75.00
Gửi first class: □ một năm: $52.00 □ hai năm: $96.00
Gửi ra ngoài nước Mỹ chỉ nhận first class □ **Canada**: US$59 (1 năm); US$113 (2 năm)
□ **Âu châu**: US$76 (1 năm); US$140 (2 năm) □ **Á, Úc**: US$86 (1 năm); US$160 (2 năm)

Chú ý

Quý độc giả cũ (và mới), nếu đặt mua từ nay đến hết ngày 31 tháng Năm 1995, được hưởng giá cũ. Để được lợi, quý vị đặt mua luôn hai, ba năm hay nhiều hơn nữa -- càng nhiều càng... kinh tế (!).

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO

Thế Kỷ 21

□ Xin gửi ngay cho tôi tạp chí THẾ KỶ 21, kể từ số.....
Tôi kèm theo đây số tiền $US40.00 (trong nước Mỹ, *bulk rate; hoặc $52.00 first class*);
US$58.00 (Canada); $76.00 (Âu châu); $86.00 (Úc/Á châu) một năm (12 số báo),
trong đó đã tính cả cước phí. Xin trả bằng ngân phiếu / lệnh phiếu Mỹ kim.

Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
.....

THẾ KỶ 21: 11022 Acacia Pkwy #A, Garden Grove CA 92640 USA • (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

TRUNG TÂM XUẤT BẢN, NHÀ SÁCH, VÀ PHÁT HÀNH

MINH VĂN

2808 GRAHAM ROAD

FALLS CHURCH, VA 22042

Điện thoại: (703) 698-8490 / 698-8491

Fax: (703) 204-9239

Minh Văn là nhà sách qui mô tại vùng Falls Church, Virginia với đầy đủ tất cả các loại sách và băng nhạc, có chỗ ngồi đọc sách và uống cà phê thoải mái. Nhà sách tọa lạc tại khu thương mại khang trang, có chỗ đậu xe rộng rải. Chúng tôi khai trương từ ngày 01 tháng 04 năm 1995. Quí vị từ xa có dịp về vùng Hoa Đô hãy ghé lại nhà sách Minh Văn để thấy tận mắt khung cảnh thân mật và ấm cúng của một nhà sách đúng ý nghĩa phục vụ văn chương.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu 2 quyển sách vừa mới ấn hành:

BÓNG THIÊN ĐƯỜNG

Tập một, quyển ba trong bộ trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ. Nếu đã từng say mê theo dõi quyển một, *CÕI SA MÙ* và quyển hai, *CỬA ĐỊA NGỤC* thì quí vị cần phải tìm đọc cho được *BÓNG THIÊN ĐƯỜNG*. Đây là quyển sách không thể thiếu trong tủ sách gia đình của quí vị.

ÂM BẢN

Tuyển tập gồm 10 truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng

Sách của nhà xuất bản Minh Văn:

1. NGÀY QUANH QUẨN (tập truyện, Trần Long Hồ)..... $10.00
2. NIỀM VUI UNG THƯ (tập truyện, Trần Long Hồ) $10.00
3. KẺ ĐÀO MỒ (tập truyện, Trần Long Hồ) $11.00
4. CÕI SA MÙ (quyển 1, trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ)..... $18.00
5. CỬA ĐỊA NGỤC (quyển 2, trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ)..... $22.00
6. BÓNG THIÊN ĐƯỜNG (tập 1,quyển 3, t. t. Dung Thân của Trần Long Hồ)... $15.00
7. CHÂN TRỜI LAM NGỌC (ký sự, Hồ Trường An)..... $11.00
8. ÂM BẢN (tập truyện của Ngô Nguyên Dũng)..... $11.00

Tổng cộng: .....

Tên và địa chỉ của độc giả mua sách:

Tên họ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Quí vị muốn mua sách của Minh Văn xin hỏi tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc về địa chỉ như trên. Chi / lệnh phiếu xin đề MINH VĂN

Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài**, viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."
Tựa của **Trần Hồng Châu**

■ *185 trang. Giá $10.00*

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

COPIER HƯ? HẾT TONER?

MUA
ĐỔI
MƯỚN

COPIER và máy FAX

Gọi NGAY: ABC (Advance Business Copiers)

1-800-513-COPY

Quý-Vị muốn thưởng-thức

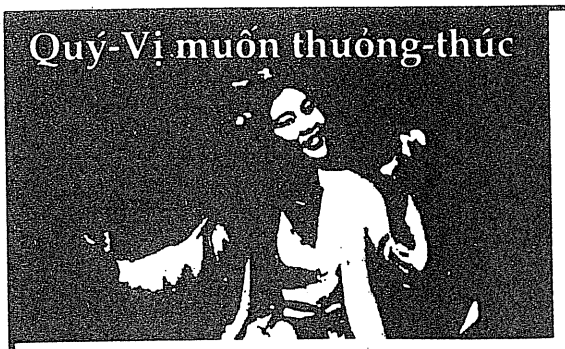

THI-CA CỔ-ĐIỂN & VĂN-NGHỆ DÂN-GIAN

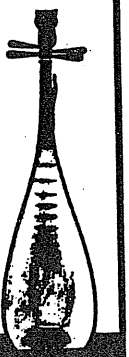

trong 28 cuốn băng Audio-Cassette, với những giọng ca-ngâm độc-đáo, truyền-cảm, vẻ:

1 Lê Thánh-Tông
2 Nguyễn-bình-Khiêm.
3 Chinh-phụ-ngâm
4 Cung-oán ngâm-khúc
5 Nguyễn-Du.
6 Hồ-xuân-Hương
7 Nguyễn-công-Trứ
8 Nguyễn-Khuyến
9 Trần-tế-Xương
10 Chu-mạnh-Trinh
11 Dương-Khuê
12 Nguyễn-khắc-Hiếu
13 Trần-tuấn-Khải
14 Các điệu hát chèo
15 Ca-trù
16 Quan-họ
17 Chầu-văn
18 Cổ-nhạc
19 Hát ru
20 Hát xẩm
21 Trống-quân, Cò-lả
22 Quan-âm Thị-Kính
23 Lưu-Bình, Dương-Lễ
24 Chu-mãi-Thần
25 Trương-Viên
26 Tấm, Cám
27 Ỷ-Lan phu-nhân
28 Văn-tế

Giá đồng loạt mỗi cuốn băng cassette là 8 Mỹ-kim (hay 10 Gia-kim)

Xin viết thu, hỏi chi-tiết và cách-thức đặt mua băng cùng giá-cả nơi bà PHẠM THỊ MỸ:

Bà Phạm thị Mỹ
P.O. Box 24072
Dufferin Mall Postal Outlet,
Toronto, Canada, M6H-4N6

Quý Vị Yêu Thích Những Ca Khúc Nghệ Thuật
Hãy Tìm Mua Đĩa Nhạc

Quỳnh Giao

Tiếng Chuông ChiềuThu

Duy Cường hoà âm

Với Mười Một Bài Ca Bất Hủ Của Tân Nhạc Việt Nam:

* **Ngọc Lan** *Dương Thiệu Tước* * **Tiếng Chuông Chiều Thu** *Tô Vũ* * **Sao Đêm** *Lê Trọng Nguyễn* * **Bến Xuân** *Văn Cao & Phạm Duy* * **Dạ Lai Hương** *Phạm Duy* * **Nguyệt Ca** *Trịnh Công Sơn* * **Đường Chiều Lá Rụng** *Phạm Duy* * **Tà Áo Văn Quân** *Phạm Duy Nhượng* * **Gửi Áng Mây Hàng** *Vũ Thành* * **Đêm Màu Hồng** *Phạm Đình Chương, thơ Thanh Tâm Tuyền* * **Hoàng Hạc Lâu** *Cung Tiến, thơ Thôi Hiệu, Vũ Hoàng Chương cảm dịch*

Có Bán Tại Những Nhà Sách và Trung Tâm Băng Nhạc Uy Tín

Gửi Thẳng Về Nhà, Kể Cả Cước Phí:
Hoa Kỳ: 12 US$, Ngoài Hoa Kỳ: 14 US$
Thư Từ, Chi Phiếu hay Lệnh Phiếu:
Đoantrang Nguyen
P.O. Box 1445
Tustin, CA 92681-1445

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng. Công ty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: 75504.3510
(Compuserve)

Nhóm chủ biên: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc,

Chủ nhiệm:
Lê Định Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh
Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Bài vở gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ biên. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và phải để rõ xuất xứ. Tiền nhuận bút tùy thỏa thuận giữa tòa báo và người viết.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Miền Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Mme Lê Tất Luyện*
45 83 19 12
Đức: *Thế Giang*
2389 537 672
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Bạn bè gặp anh chị em tòa soạn TK 21 thường hỏi thăm: "Sao, báo lên không?" "Lên quá đi chứ! Lên... giá!" Khổ nỗi, chữ "lên" cùng với chữ "rên" một vần! Bà con rên rằng sao lên giá chi vậy? Báo bán với giá cũ đã ít người mua, nay lại lên giá, mà lên cái vù 25 phần trăm.

Xin thưa, chuyện chẳng đặng đừng. Ông nhà in lên 30 phần trăm giá in vì giá giấy lên. Sau, các báo than van ghê quá, phải chia hai giai đoạn, gọi là lên từ từ; nhưng cũng chỉ một hai tháng nữa là đạt "chỉ tiêu" tăng đúng 30 phần trăm. Nhiều báo phải rút số trang hoặc số in. Ấy thế mà "ông Thế Kỷ" (chữ của nhà in gọi các báo) lại vừa tăng trang vừa tăng số phát hành mới khiếp chứ.

Chưa hết, từ đầu năm 1995, Bưu điện Mỹ tăng giá cước phí. Một cái thư thường trước gửi mất 29 xu, nay lên 32 xu. Nghe "xu, xu" tưởng ít, nhưng với số lượng báo hàng ngàn tờ gửi đi các nơi bằng đường bưu điện, thì "xu, xu" trở thành "trăm" như chơi.

May sao, TK 21 không những "sống còn" mà lại tăng trang, tăng số phát hành. Đó là nhờ có thêm quảng cáo. Quảng cáo giành dân lấn đất của bài vở, nên phải tăng trang để bù vào. Quảng cáo cần có nhiều người biết tới, báo phải in thêm để phổ biến rộng. Và, may mắn hơn nữa, TK 21 ngày càng có thêm độc giả, thêm cộng tác viên. Vậy thì, câu trả lời "báo lên" cũng là thiệt tình chẳng phải nói chơi.

Từ hồi dọn về "nhà mới" ở góc đường Main - Acacia, thị xã Garden Grove, báo cứ lên, làm cho anh chị em tòa soạn và trị sự đều phấn khởi, và các "thầy địa lý" được dịp phán "ấy, cuộc đất này có tay long, tay hổ." Long, hổ ra sao, mắt "phàm" không thấy, nhưng khung cảnh chung quanh đẹp, thanh lịch và hữu tình thì ai cũng công nhận. Nhìn trong ảnh (quảng cáo nơi trang bìa sau hoặc bìa 3), trụ sở Hội VAALA cũng là tòa báo TK 21, thật bề thế. Độc giả họ Hà từ Paris gọi sang, nói :"Sao các cậu chơi sang thế?" Nhà thơ họ Trần từ Seattle xuống, ghé chơi, bảo: "Được quá." Chị Quỳnh ở Van Nuys đến đưa mẫu quảng cáo, khen: "Con đường Main đẹp quá, như ở Paris." (Đường lát gạch đỏ cả lòng lẫn lề đường, với những cột đèn uốn hoa văn kiểu La-mã (?), và những bồn hoa, những ghế dài...)

Đất TK 21 hẳn là "đất lành," vì càng ngày chim càng về đậu nhiều. Chúng ta đã thích thú với truyện thật ngắn của Miêng, văn cà rỡn mà vô cùng sâu sắc của Trần Công Sung, chúng ta lại "tìm" ra một ông Thang Ma tinh như ma ở tận bên Tầu, mời được một nhà thơ mà Mai Thảo cho là "hết xẩy" từ vùng Vạn Hồ (nhà thơ Tô Thùy Yên), và trong số này, chúng ta lại "thỉnh" được một "ông di tản lừng lẫy" từ núi cao vùng San Diego xuống: nhà văn Lê Tất Điều.

Số tới, tháng Năm 1995, phát hành vào cuối tháng Tư, sẽ có nhiều bài đặc biệt về 20 năm người Việt sống lưu vong ở khắp nơi trên thế giới mà vẫn ưu tư về tình hình đất nước và tương lai dân tộc. Tòa soạn mong nhận được bài vở đóng góp của các văn hữu trước ngày 10 tháng Tư để kịp sắp xếp. Và trị sự mong có thêm quảng cáo cho số đặc biệt này. Chúc vui và hẹn gặp lại!

THẾ KỶ 21

Tranh bìa: *Tình trong như đã*. Tượng của Trần Văn Lên
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Bé Ký, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Tư, Đinh Cường, Thái Tuấn*
Hí họa: *Babui 75 Mamburao*
Ảnh: *Lê Tam Ca, Lý Kiến Trúc, Ngô Thanh Tùng*

MỤC LỤC

SỐ 72 • THÁNG TƯ 1995

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ

13. Sức mạnh của Mỹ quốc và Mỹ kim (*Nguyễn Vân Hán*)
18. Thực dân Pháp, thực dân Mỹ, thực dân Cộng sản (*Tôn Thất Thiện*)
23. Đảng Cộng sản Việt Nam và nền kinh tế Việt Nam (*Bửu Sao*)
26. Bình thường hóa quan hệ Việt Mỹ... (*Bùi Văn Phú*)

LỊCH SỬ - TÀI LIỆU - GIÁO DỤC

31. Dạy tiếng Việt cho con em tại hải ngoại (*Phạm Văn Lưu*)
36. Hồ Tá Bang (*Phạm Trọng Chánh*)
98. Những người nô lệ trong chế độ Stalin (*Nguyễn Anh Tuấn*)

KHOA HỌC - DU LỊCH

58. Du lịch bờ biển Cali (*Ngô Thanh Tùng*)
66. Bùng nổ Bit bang (*Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh*)

TIẾNG VỌNG

62. Đôi điều với ông Nguyễn Anh Tuấn (*Cam Vũ*)
83. Về "Giấc mộng con" của Ngô Thế Vinh (*Tạ Tỵ*)
84. Về các thuật ngữ kinh tế (*Đỗ Thông Minh*)

VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

70. Ngát hương vườn thơ trữ tình Đức ngữ (*Đàm Trung Pháp*)
73. Nói chuyện với Lê Hữu Khóa (*Nguyễn Nam Anh*)
77. Thư về Bloomington, Illinois (*Truyện, Lê Tất Điều*)
86. Dàn giao hưởng PSI chơi bản "1975" (*Lê Tam Ca*)
88. Dùng dằng (*Truyện, Trần Doãn Nho*)
94. Tiếng hát ru đời, ru người (*Ngô Đình Vận*)

THƠ

75. Tri kỷ với đầu gối (*Trần Mộng Tú*) - 78. Cô bé áo xanh - Tiễn thời gian (*Duy Lam*) - 80. Bình minh trên biển Việt Nam (*Đỗ Thị Kênh G*) - 90. Những ngăn kéo cuộc đời (*Trần Kim Anh*) - 96. Dọn nhà lên núi - Buổi trưa ở Canley Vale (*Nguyễn Tư*) - 97. Lấy chồng sớm làm gì (*D.Đ.H.*)

MỤC THƯỜNG LỆ

6. Thư tòa soạn
7. Bạn đọc viết
10. Tòa soạn và bạn đọc
10. Hộp thư trị sự (*Phan Mỹ Sương*)
41. Sổ tay ký giả
102. Vòng chân trời văn học nghệ thuật
106. Sách báo trong tháng

ENGLISH SECTION

45. "Camp Pendleton Homecoming" on May 6
46. Project 20 raises funds for year-long programs
46. Vietnamese music at Seoul Festival
47. Twilight (*Short story, Hoang Khoi Phong*)
49. Why? (*Poem, Phillip Hung Pease*)■

Văn hóa hay Dân chủ

Văn hóa là định mệnh hay dân chủ là định mệnh?

Sau đây là ý kiến của tôi về vấn đề văn hóa và dân chủ trong bài viết của ông Lâm Lễ Trinh khi ông phê bình ông Lý Quang Diệu.

Theo thiển ý, trong nền văn hóa của một dân tộc có phần chánh trị mà tôi tạm gọi là phần "văn hóa chính trị" (VHCT). VHCT của các dân tộc Tây phương là dân chủ. Lấy thí dụ dân tộc Hoa Kỳ. Phần VHCT của họ là dân chủ, phần khác của nền văn hóa là *hamberger*, phim cao bồi hay gì gì khác nữa. VHCT của người Mỹ được kiến tạo và phát triển liên tục từ mấy trăm năm nay. Tôi giả thiết rằng bây giờ ai bảo người Mỹ bỏ chế độ chính trị của họ để theo chế độ chính trị như ở Trung Cộng thì mỗi năm mỗi người được thêm năm ngàn đô la, tôi nghĩ đa số sẽ bác bỏ đề nghị đó.

Văn hóa chính trị của người Tàu ở Trung Quốc hay ở Singapore là chế độ gia trưởng, dựa vào Nho giáo. Tôi biết nhiều về người Tàu ở Chợ Lớn và ở Singapore. Họ không có thói quen phản đối chánh quyền. Ưu tiên số một của họ là yên ổn làm ăn và có tiền, chuyện tự do dân chủ là thứ yếu. "Tại gia tùng phụ, xuất giá tùng phu, phu tử tùng tử", cái loại khẩu hiệu này vẫn tiếp tục chỉ giáo người đàn bà Tàu, có nghĩa là tối thiểu một nửa (1/2) dân tộc (phái nữ) có tâm lý chấp nhận sự chế ngự của kẻ khác (kẻ thân yêu như cha, chồng, con, cụ Mao, cụ Lý...).

Ông Lý Quang Diệu nói rằng định mệnh là "văn hóa" chứ không phải là dân chủ bởi vì nền "văn hóa chánh trị" của dân tộc ông không phải là dân chủ. Nhưng nó chỉ đúng với người Tàu và người theo văn hóa Tàu trong quá khứ và trong hiện tại. Tôi không nghĩ rằng nó sẽ đúng trong tương lai vì tôi thấy nền VHCT của nhiều nước Á châu đã bắt đầu thay đổi với sự xâm nhập của văn hóa và kỹ thuật Tây phương, thể hiện qua sự thiết lập lần lần các định chế chính trị dân chủ như ở Đại Hàn, Đài Loan.

Tôi nghĩ rằng khi ông Lâm Lễ Trinh nói dân chủ mới là định mệnh, ông muốn xác định là chế độ chính trị của nước Việt Nam, để phát triển, phải là một chế độ dân chủ chớ không phải độc tài. Tôi đồng ý với ông, dựa vào VHCT của bản thân tôi và của những người Việt Nam mà tôi biết. Tuy rằng dân tộc Việt Nam có chịu ảnh hưởng của người Tàu và trong quá khứ có nền VHCT theo lối độc tài gia trưởng, nhưng người Việt Nam có khuynh hướng tự do nhiều hơn người Tàu. Năm 1963 nhiều người ở miền Nam chống chính phủ ông Diệm không phải vì yêu nước, chống ngoại xâm, cũng không theo cộng sản, chỉ chống cái độc tài thời đó. Sau 1975, CSVN đã thất bại trong việc thi hành các chương trình kinh tế cộng sản ở miền Nam vì người dân có một nền VHCT dân chủ (tuy không thể so sánh với dân các nước Âu Mỹ). Nông dân bỏ ruộng hoặc chỉ làm ít thôi, chịu nghèo đói để chống sự áp chế của chánh quyền.

Nói "dân chủ là định mệnh" là nói dân tộc Việt Nam cần có chế độ dân chủ để phát triển tương lai của mình chứ không phải chế độ độc tài gia trưởng (VHCT... Tàu) hay độc tài đảng trị (VHCT Mac-Lê), hay độc tài quân phiệt (VHCT...).

Dân chủ là văn hóa.

Montreal 20 Fev. 1995
Nguyễn Hữu Chung

Chẳng cái nào là định mệnh cả

Vấn đề dân chủ ở Âu Mỹ và Á châu đã một thời được mang ra bàn cãi, tiêu biểu là ông Lý Quang Diệu đã nêu vấn đề dân chủ kiểu Âu Mỹ không thể áp dụng ở Á châu được vì nền văn hóa Á châu khác với văn hóa Âu Mỹ. Sau đó chính quyền CSVN cũng phụ họa với quan niệm đó, một số nhà báo Mỹ như Tim Ferguson cũng phụ họa theo.

...Ông Lý Quang Diệu nói Văn hóa là định mệnh (Culture is destiny) rồi cụ Lâm Lễ Trinh phê bình cho dân chủ mới là định mệnh, Bs Vân nhảy vào cuộc bênh cụ Lý. Quí vị đã dằng co giữa văn hóa và dân chủ rồi dựa vào lý luận của họ Lý mà tranh cãi. Theo tôi: văn hóa không phải là định mệnh, mà dân chủ cũng không phải là định mệnh. Tôi không rõ họ Lý hiểu chữ *định mệnh* như thế nào. Có thể ông lầm hoặc ngụy biện khi dùng từ định mệnh để ám chỉ cái gì Trời cho hầu biện minh cho chủ thuyết của ông.

Nhưng thực tế và lý thuyết không phải vậy. Văn hóa do dân mà ra, do từng dân tộc tạo ra bởi cuộc sống hằng ngày qua phong tục tập quán, tôn giáo. Những dân tộc văn minh cao thì sự tổ chức xã hội qui mô hoàn hảo hơn, do đó văn hóa cũng biểu trưng cả những vấn đề như kinh tế, chính trị, pháp luật, kinh sách, kiến

trúc, hiến pháp... Dân chủ là một thành phần cấu trúc của văn hóa chứ không phải là hệ quả của văn hóa như Bs Vân hiểu. Văn hóa đánh giá mức văn minh của một dân tộc. Xem vậy dân chủ dù dưới hình thức nào đi nữa cũng vẫn do dân mà ra. Còn nếu nói dân chủ do vua, chủ tịch nước, tổng thống hay một nhóm người cai trị ban xuống cho dân thì cũng không phải là định mệnh. Văn hóa thì lại càng không thể là định mệnh được. Định mệnh (Destiny) là cái gì có sẵn từ đời đời, đã được sắp đặt trước bởi một vị quyền năng, không phải con người trần thế. Định mệnh do đó cố định, không đổi thay. Nhưng trên thực tế ta thấy cả văn hóa lẫn dân chủ luôn luôn thay đổi và biến thái.

Bs Nguyễn Tiến Cảnh *(Florida)*

Vô tư, can đảm, và tự do ngôn luận

Báo *Thế Kỷ 21* số 70 có bài "Luật pháp Hoa Kỳ và quyền tự do ngôn luận", bình luận vụ báo Văn Nghệ Tiền Phong bị ba ông Mặt Trận Hoàng Cơ Minh kiện. Bài viết không rút ra kết luận tích cực như các tác giả muốn và giới thiệu ở phần mở đầu, và trình bày quanh co mà không giúp gì cho độc giả hiểu về quyền tự do cùng trách nhiệm của người làm báo.

...Chẳng lẽ hai tác giả cũng lại sợ bị dây tới ông Cao Thế Dung và các ông lại bị vu cáo hay sao? Tôi rất thất vọng về tinh thần vô tư và can đảm của hai ông tác giả.

Trần Mạnh Trung *(Orange, California)*

*Hai tác giả ĐNY và VHB chỉ mượn vụ án trên để trình bầy về luật lệ bảo vệ tự do báo chí. Việc thuật lại vụ án chỉ để giúp độc giả thấy rõ luật pháp ở Hoa Kỳ áp dụng vào vụ đó ra sao. Tạp chí*Thế Kỷ 21 *không có chủ trương tham dự vào các vụ phê bình, chỉ trích lẫn nhau trong cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại. Kết luận tích cực của bài trên nằm ở câu chót, xin ông đọc lại.*

Góp ý với Thang Ma

Về các từ Hán Việt:

- Về chữ "chung cư", tôi có viết: Trung Quốc dùng từ "đoàn cư" hay "đoàn trú" nghĩa là kiến trúc ở chung (công ngụ kiến trúc), chứ không viết "Người Trung Quốc gọi là công ngụ kiến trúc."

- Về việc nên dùng loại chữ Hán nào. Hiện tôi biên soạn sách về chữ Hán trong tiếng Nhật, cho người Việt học tiếng Nhật, do đó tôi dùng chữ Hán của người Nhật. Nên dùng chữ Hán phồn thể, giản thể hay kiểu của Nhật cũng là cả một vấn đề, vì đối tượng người đọc rộng rãi. Dùng chữ Hán phồn thể hay giản thể thì phải có bộ chữ riêng, biết âm đọc hoặc tra theo bộ... do đó tiện dàn máy dùng ở Nhật, tôi đánh loại chữ Nhật dùng. Có thể nói đây là loại chữ cải tiến vừa phải giữa hai loại chữ của Trung Hoa nên cũng hiểu được, lại có cả âm Hán Việt và âm Phổ Thông đi kèm nữa thì không lo.

Ở hải ngoại có ước độ 8,000 người Việt biết ít nhiều tiếng Nhật, trong số có hơn 7,000 đang định cư ở Nhật và độ 600 nguyên là du học sinh ở Nhật nay tản mát khắp nơi trên thế giới. Còn có bao nhiêu người Việt biết tiếng Hoa hay chữ Hán thì tôi không rõ.

- Về cuốn Từ Hải ấn bản mới, ông Thang Ma đã nói khá kỹ. Theo tôi biết thì năm 1987 mới biên tập xong, 1989 mới sắp chữ, in và phát hành làm ba tập, dầy khoảng 5,000 trang. Đến 1990 được chụp thu nhỏ, in ba cột, khổ lớn, nên rút lại còn 2580 trang trên một tập duy nhất rất gọn.

- Trong bài của ông Thang Ma, chỗ nói về chữ Hán giản hóa, khi đưa thí dụ về chữ "Cộng Sản Đảng", có nói về chữ "cộng" và "sản" nhưng thiếu chữ "đảng" để thấy rõ hai lối viết giản thể và phồn thể, khiến một tác giả bị giết oan.

- Xin nói thêm về một số từ điển chữ Hán, ở Việt Nam cuốn từ điển Trung-Việt khá lớn, do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, đã phát hành năm 1993, 60,000 từ, 1,653 trang, sắp và phiên âm theo Phổ Thông là điều xưa giờ các từ điển Hán Việt không có. Ở Trung Quốc năm 1994 vừa ra cuốn từ điển Hán-Việt mới, nghe nói đầy đủ nhất, vượt xa những cuốn cũ. Ở Nhật, Bộ Đại Hán-Hòa Từ Điển là bộ từ điển chữ Hán lớn nhất, gồm 13 tập, khoảng 13,000 trang, có 50,294 chữ Hán, ra khoảng 20 - 30 năm trước. To lớn, nặng nề, dù là ấn bản cũ, giá rẻ tôi cũng không muốn vác về vì không có chỗ để và không dùng tới.

Đỗ Thông Minh *(Tokyo)*

Mấy điều cần sửa lại

Tôi đang theo dõi một cách thích thú mấy kỳ đăng bài "Chuyện Cái Đầu Gối" của PXĐ. Tiện đây xin ghi lại mấy sơ sót nhỏ để tác giả lưu ý sau này khi có dịp in lại.

- Cuốn *Hội Chợ Phù Hoa* đúng nguyên văn tiếng Anh tên là *Vanity Fair*, tác giả là William Makepeace Thackeray (1811-1863).

- Tên tác giả cuốn Giăng Crixtốp viết đúng là: Romain **Rolland**.

Phạm Trọng Lệ *(Fairfax, VA).*

Tác giả "Chuyện Cái Đầu Gối" gửi lời đa tạ sự quan tâm và góp ý của anh.

Ra báo sớm là tiến bộ

Tháng này tôi nhận được báo rất sớm. Đó là một tiến bộ rất tốt, mong tòa soạn duy trì.

Ngoài ra trong bài **Lại rưởi và rưởi** của tôi trong mục Bạn Đọc Viết có một chữ in sai. Đó

là là chữ 11°30'= mười một độ rưỡi, báo đã in là 11°50'. Vậy nếu tiện xin cho một giòng đính chính. Xin đa tạ.

Nguyễn Hưng Quảng *(New Haven, CT).*

11°50' mà gọi là mười một độ rưỡi *thì rõ ràng là sai quá. Thành thật xin lỗi tác giả và xin quý độc giả cảm phiền sửa lại cho đúng. Về việc ra và gởi báo sớm thì từ nay Tòa soạn đã có "quyết tâm", vì thế lịch làm việc hàng tháng có thay đổi, hạn chót để quyết định bài vở cho mỗi số báo sẽ vào khoảng giữa tháng. Sẵn đây xin thông báo để tiện cho quý vị liên lạc bài vở.*

Bất bình giùm cho ông Thang Ma

Đọc bài "Mạn Đàm Với Thang Ma" trên Thế Kỷ 21 số tháng Ba 1995 của ông Nguyễn Anh Tuấn, tôi lấy làm bất bình giùm cho ông Thang Ma vì các điểm sau đây:

Trên trang cuối của bài, ông Tuấn viết "*Ông Thang Ma tự giới thiệu là lấy vợ Tàu, biết tiếng Tàu, ở Tàu...*" sau đó ông Tuấn lại biện luận dài dòng là không nên dùng từ "Tàu" mà nên dùng từ Trung Quốc hay Trung Hoa. Ông Tuấn còn viết "*...trong một bài phân tích về ngôn ngữ ta nên dùng cái gọi là official term of language.*" Nhưng độc giả nhận thấy ngay trong bài viết ấy của ông Tuấn đã không thực hiện đúng như ý kiến của chính ông nêu lên.

Trong câu đầu của bài, ông Tuấn viết "*...của Thang Ma. Cái tên tác giả này nghe cũng lạ.*" Đọc xong, tôi thấy bất bình, cảm thấy ông Thang Ma bị miệt thị và xúc phạm vào đời tư. Dù tên Thang Ma có là bút hiệu hay tên thật thì cũng thuộc sở hữu cá nhân, mang nó ra xem xét theo cái kiểu *cái tên tác giả này nghe cũng lạ* thì không được lịch sự, và cũng không hợp với một bài phân tích về ngôn ngữ. Ngôn từ là phương tiện để diễn đạt tư duy, nó biểu tượng phần lớn cho tư cách, phong thái người dùng. Mong rằng đây chỉ là một sơ suất không cố ý của ông Tuấn.

Phó Nguyễn *(Connecticut).*

Người của ban Tam Ca Đông Phương lên tiếng

Tuyết Hằng rất sung sướng nhận được *Thế Kỷ 21* số 71, tháng Ba 1995. Chân thành cảm tạ tất cả các anh chị trong Tòa Soạn, và đặc biệt cho Tuyết Hằng gửi lời cám ơn nồng hậu đến anh Ngô Đình Vận. Trong bài "Sáo Bay, Sáo Đậu" anh Vận đã viết một đoạn về Tuyết Hằng cùng các nghệ sĩ khác rất là hay và thật súc tích, mặc dù anh có nói là chỉ mô tả các sinh hoạt văn nghệ một cách khái quát. Xin cho Tuyết Hằng gửi đến anh Vận lòng biết ơn và mến mộ ngòi bút của anh, đã khiến người đọc cứ muốn đọc mãi.

Tuyết Hằng thân chúc *Thế Kỷ 21*, một tạp chí giá trị nhất hiện nay, luôn tiến mạnh và sống mãi trong lòng người Việt ở khắp mọi nơi.

Tuyết Hằng *(Alhambra, CA)*

Hàm oan sai, sót

Vì có mấy ông nhà binh, nhà báo, nhà văn, nhà luật chống cộng khó tính nên từ hơn mười năm nay, tôi đã hàm oan nhiều điều mà chẳng ta thán! Tôi theo lời khuyên của người đời xưa: Một sự nhịn, chín sự lành.

Nhưng lần này *Thế Kỷ 21* đã dồn tôi vào bước đường cùng và buộc tôi phải lên tiếng. Trong bài viết của tôi (Quyền đối lập và đối lập ở Việt Nam) đăng trên *Thế Kỷ 21* số Xuân Ất Hợi, trang 22, cột 2, dòng 17, thiếu hẳn 20 chữ: *"những người dân chủ ở trong nước cũng như ở ngoài nước phải tìm cách hành sử quyền đối lập"*, một quyền đã có thật sự... Tôi đồ chừng là "đả tự viên" đả lẹ quá nên nhảy hai dòng. Ông chủ bút lại ở xa, ông chủ nhiệm đương nhiên không muốn "quản lý" chữ nghĩa của người khác nên tôi đành chịu trận!

Chưa hết! Đã sót lại còn sai. Bài của tôi có 13 chữ kép "hành sử" thì một chữ bị sót, còn 12 chữ bị "change all" thành "hành **xử**".

Nếu là tờ báo khác thì tôi cũng đành nhịn thôi. Nhưng vì tờ *Thế Kỷ 21* vốn là tờ báo "chữ nghĩa", lại có nhiều ngòi bút chuyên khảo về chữ nghĩa nên tôi thấy nhột, tự hỏi hay là mình viết sai. Tôi nghi ngờ tôi như bà mẹ của Tăng Sâm nghi ngờ đạo đức của con mình. Nếu tôi không lầm thì không ai nói "hành **xử**", chỉ nói "xử sự", "xử lý", mà phải nói "hành **sử**", "sử dụng".

Dĩ nhiên, ngôn ngữ văn học biến đổi không ngừng. Nhưng các tác giả đi trước trong việc biến đổi bao giờ cũng cho biết lý do tại sao phải thay đổi và thường thường là thuyết phục được người đọc. Điều còn làm tôi kinh hãi là ngay trong số báo *Thế Kỷ 21* tháng trước, tòa soạn vẫn còn sửa một chữ "hành sử" của tôi thành "hành xử" (xin xem mục Bạn Đọc Viết)!

Tôi biết là tôi có nhiều duyên nợ với *Thế Kỷ 21*. Ngay số ra mắt, *TK 21* cũng đã cho sắp lộn chữ bài viết của tôi khiến cả một đoạn dài đọc không ai hiểu gì hết!

Chẳng phải là tôi muốn tố khổ *TK 21*. Chính vì muốn cầu học nên tôi nêu vấn đề và xin *TK 21* cho tôi biết là tôi có đáng được giải oan không?

Trần Thanh Hiệp *(Paris).*

Mea culpa! Maxima mea culpa! *Chính "bổn báo chủ nhiệm" đã... táy máy sửa chữ của cụ Hiệp. Xin chịu phạt (không biết mấy roi đây?). Từ nay xin tra từ diển ngay, trước khi sửa, chứ không thể tin vào cái trí nhớ mỗi ngày mỗi... chật chội của mình. Nhân đây, cũng xin thưa với một tác giả không muốn nêu tên, "cự nự" tôi về*

việc sửa chữ chia xẻ *của ông thành* chia sẻ. *Chữ này thì tôi sửa đúng, vì theo mạch văn, phải viết với "s", có nghĩa là chia sớt, san sẻ (chia ngọt sẻ bùi). Nếu viết "chia xẻ" thì câu văn phải diễn ý phân tán hay phân hóa - chia năm xẻ bảy.* (LĐĐ).

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Trần Mộng Tú (Seattle): Có người vẫn tưởng mình độc quyền về đề tài đó, nhưng đã lầm. Vì lầm nên hơi... quê. Tuy vậy vẫn rất vui vì thấy mình "không còn cô độc", vì ít ra cũng có người khác thưởng thức được cái món im ỉm lầm lì ấy như mình, nếu không nói là hơn mình. Thân.

Phạm Văn Hải (Washington D.C.): Tòa soạn phải gác mấy bài đó lại vì nó "giáo khoa" quá. Ngoài ra đã làm ngay việc cần kíp mà bạn yêu cầu, vì dù chưa rõ nguyên ủy, cũng thông cảm ngay tính chất "khẩn trương" của nó. Chuyện muôn thuở mà. Chúc bạn vui.

Trần Thiện Hiệp (Seattle): Đúng là những tâm hồn thi sĩ gặp nhau, nói theo ngôn ngữ khoa học là *rung cùng tần số*. VDN chắc sung sướng gặp thấy người đồng điệu. Anh nhắc đến hoa Anh Đào ở Tây Bắc vào mùa xuân sắp tới làm anh em trong Tòa Soạn cảm thấy nôn nao muốn... giang hồ một chuyến. Nhưng cũng đành chép miệng thở dài thôi anh ạ. Lu bu quá!

Phạm Thiện Hỷ (Carrollton, TX): Đã có thư riêng cho anh, mong anh đã nhận được. Về việc có nhiều tờ báo cứ lấy bài của báo khác đăng vô tội vạ thì vẫn xảy ra dài dài, nhiều người đã phẫn nộ, đã lên tiếng, nhưng một khi chưa có một qui chế pháp lý rõ rệt để bảo vệ tác quyền cho sách báo Việt ngữ thì việc ấy vẫn còn xảy ra. Chắc anh cũng đồng ý rằng vấn đề phải được giải quyết căn bản tận gốc chứ làm lẻ tẻ thì vẫn không đi tới đâu. Chúc anh thân tâm an lạc.

Võ Đình Tuyết (PA): Đã nhận được cassette và CD của anh gửi cho. Cám ơn nhiều. Một cố gắng đáng khâm phục của anh em văn nghệ miền Đông. Và mới biết rằng những người tài hoa thì thường đa tài, khi cầm cọ thì vẽ, cầm bút thì làm thơ, mà khi hát thì vẫn hay không kém ai. Chúc các bạn vui và hoạt động mạnh.

Trần Công Nghị (Ontario, Canada): Đã nhận được vừa thư, vừa thơ, vừa ngân phiếu, vừa phiếu mua báo. Tòa soạn chân thành cảm ơn anh đã giúp tờ báo phát triển một số đáng kể độc giả dài hạn. Mong mọi chuyện sẽ ngày thêm tốt đẹp. Thân mến.

Đỗ Quyên (Đức Quốc): Đã nhận được bài "Hỏi chuyện..." nhưng không đăng được. Lâu nay ít được tin tức anh em bên ấy, xin anh cho gởi lời thăm tất cả. Thân.

Bảo Vân (Canada): Bài THĐH sẽ đăng vào số tháng tới. Chúc cụ luôn mạnh khỏe để góp sức phát triển văn hóa Việt Nam tại hải ngoại. Kính.

Trần Trung Tín (CA): Đã định sẽ đăng bài góp ý của anh, nhưng vì tình trạng "thông tin ngày càng tràn ngập", nên dành phải gác lại. Số E-mail nhắn trong số trước bị trục trặc vì tòa soạn đổi cách trả tiền mà không thông báo cho Compuserve nên bị "khóa." Chúc anh mạnh khỏe và vui luôn.

Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Trương Xuân Sao (Ginsheim GERMANY), Phạm Trọng Lệ (Fairfax VA), Lê Khắc Ngọc Túy (San Jose CA), Foothill Foreign Car Service (Auburn CA), Phạm Anh (San Jose CA), Nguyễn Tri Hải (Bielefeld GERMANY), Nguyễn Ngọc Anh (North Hills CA), Nguyễn văn Ngọc (Bridgeport CT), Nguyễn Ý Đức (Baton Rouge LA), Vũ Lê Phan (Boise ID), Nguyễn Hưng Quảng (Bridgeport CT), Nguyễn Ngọc Kim (Telford PA), Ngô thị Thân (Chicago IL), Phạm Quang Trung (Hartford CT), Dương Thúy Phương (Huntington Beach CA), Liêm văn Can (Santa Ana CA), Phan Kim Nguyên (Oakland CA), Nguyễn D Diễm (Seattle WA), Nguyễn Chánh Nông (Clifton VA), Frank Trịnh Nhật (Banktown AUSTRALIA), Nguyễn Cao Hoàng (Pasadena CA), Đỗ văn Thu (Chicago IL), Hậu N Vũ (Riverside CA), Dương Đức Như (Houston TX), Nguyễn Hữu Phúc (Westminster CA), Liscum Douglas & Hương (Diamond Bar CA), Trần văn Nam (S. San Gabriel CA), Phạm Huấn (Agoura CA), Trương Toàn (San Diego CA), Quách Phương Hảo (Houston TX), Nguyễn văn Hai (Louisville KY), Chiểu Đỗ (San Jose CA), Hồng Đế Minh (Carthage MO), Tiêu Như Mỹ (Rosemead CA),

Nghi Huỳnh (Saint Paul MN), Ngô Phương Dung (Quebec CANADA), Lâm Thu Vân (Montreal CANADA), Nguyễn Hữu Nam (Quebec CANADA), Dương Thiệu Hùng (Severn MD), Phan Thanh Nguyễn (San Diego CA), Nguyễn Hữu Hùng (Ontario CANADA), Trần thị Kim Oanh (Ontario CANADA), Ngô Văn (Ontario CANADA), Trần Công Nghị (Ontario CANADA), Trịnh Bích Đào (Silver Sping MD), Joseph N. Vinh (San Jose CA), Nguyễn văn Trung (Boulder CO), Huỳnh thị Lộc (San Jose CA), Phạm Hữu Thành (Montbard FRANCE).

Nhà sách Tự Do (*Montreal PQ CANADA*): Đã gởi TK 21 đến TD từ số 71. Thân chúc TD ngày càng phát đạt ở địa điểm mới.

Nguyễn Đức Chinh (*Frankfurt GERMANY*): Cám ơn bạn đã giới thiệu thêm độc giả mới. Đã gởi báo đến TXS. Thân chào.

Ngô Anh Võ (*Montreal PQ CANADA*): Đã nhận được lệnh phiếu trả cho 3 số 68, 69, 70. Cám ơn anh chị và ước mong số lượng báo gởi đi sẽ được tăng gấp đôi trong những lần tới. Thân mến.

Nguyễn Ngọc Anh (*North Hills CA*): Đã điều chỉnh số báo gia hạn của ông đến số 77. Chúc ông vui luôn. Kính.

Tạ Ánh Tuyết (*Miami FL*): Đã gởi quyển *Đàn Bà* đến bạn. Rất tiếc là không có chữ ký của tác giả. Thân mến.

Nguyễn thị Chân Quỳnh (*Châtenay Malabry FRANCE*): Toà soạn cám ơn chị đã gởi cho tấm ngân phiếu ủng hộ. Các anh trong ban biên tập xin gởi lời thăm và chúc chị khoẻ luôn. Thân kính.

Nguyễn Viết Sơn (*San Francisco CA*): Cám ơn ông đã gởi thêm tiền cho cước phí hạng nhất. Thân mến.

Vincent Hưng Phạm (*Camarillo CA*): Đã điều chỉnh số báo gia hạn của ông đến số 76. Thân kính.

Trần thị Trinh (*MA*): Đã nhận được chi phiếu thanh toán tiền sách và báo TK 21. Được biết tháng Tư này chị qua California, mời chị "nhín" chút thì giờ ghé thăm toà soạn TK 21. Thân mến.

Trần Công Nghị (*CANADA*): Đã nhận được lệnh phiếu và danh sách bốn độc giả dài hạn. Cám ơn anh đã mua báo TK 21 chẳng những cho anh mà còn cho cả các bạn hiền. Thân mến.

Nghi Huỳnh (*Saint Paul MN*): Đã gởi báo đến anh theo *First Class*. Cám ơn anh đã ủng hộ TK 21. Thân mến.

Tìm đọc:

HOA VÀNG CŨ

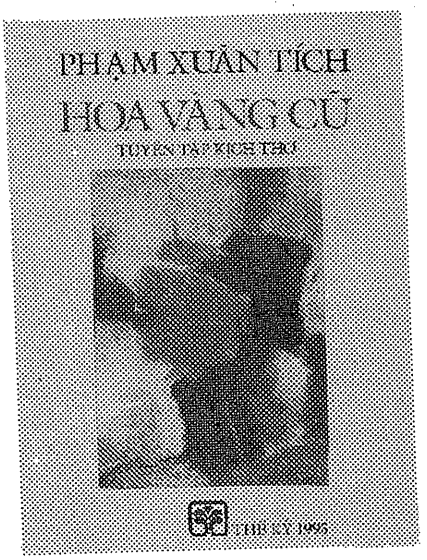

Tuyển tập kịch thơ của Phạm Xuân Tích

Tựa: Trần Thanh Hiệp
Bìa: Lê Tài Điển (tranh) -
Nguyễn Đồng (trình bày)
Phụ bản: Đới Ngoạn Quân, Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Đinh Cường

104 trang khổ lớn. Giá $12.00

THẾ KỶ 11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 USA (714) 638-9510

SỨC MẠNH CỦA MỸ QUỐC VÀ MỸ KIM

NGUYỄN VĂN HÁN

Tháng Chín năm 1987, trước Quốc Hội Âu Châu, thống đốc Ngân hàng Nhật Bản Yusuke Kashiwagi báo động là đồng Mỹ kim bị đe dọa mất giá và kêu gọi các nước nên cấp tốc củng cố đồng Yen Nhật và đồng Đức Mã làm bản vị thay thế Mỹ kim trong hệ thống giao hoán quốc tế. Chỉ vài năm sau, bức tường Bá Linh sụp đổ, rồi Hoa Kỳ chiến thắng tại Vịnh Ba Tư và Liên Xô tan rã. Người ta nói tới trật tự mới cho thế giới, hoặc "lịch sử cáo chung", với sự thắng thế của chủ nghĩa tư bản và ý niệm dân chủ, với ngôi vị bá chủ của đệ nhất siêu cường Hoa Kỳ... Trong khung cảnh đó, lời tuyên bố của thống đốc Kashiwagi quả là lạc lõng.

Nhưng, thực ra, Mỹ kim quả đã mất giá một cách liên tục trong khoảng hai thập niên qua.

Năm 1971, khi Richard Nixon mặc nhiên từ bỏ kim bản vị và thả nổi đồng Mỹ kim, tờ giấy bạc xanh ăn chừng 360 Yen và vàng trị giá 35$ một troy ounce. Khi Hoa Kỳ ký Hiệp ước Paris để chuẩn bị thoái lui khỏi Việt Nam, tiền Mỹ ăăn 300 Yen và giá vàng lên tới gần 200$. Khi Ronald Reagan lên cầm quyền, ông đã vực đồng Mỹ kim từ 200 Yen lên đỉnh cao sau cùng là 276,74 Yen trong khi vàng có lúc lên tới hơn 800$. Từ đó, đà tuột giá của Mỹ kim đã bắt đầu với tốc độ nhanh hơn, nhất là kể từ 1985 trở đi, và rơi vào xuống mức 140 Yen khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, năm năm về trước. Tháng Chín năm qua Mỹ kim tuột tới mức báo động về tâm lý khi còn ăn có 100 Yen. Vỏn vẹn trong một tuần đầu tháng Ba, Mỹ kim mất giá thêm 8%, chỉ còn ăn 1,34 Đức mã và 90 Yen.

Một tuần sau khi đồng bạc sụt giá xuống mức kỷ lục đó, giới chức Mỹ bắt đầu phải có phản ứng đối phó. Nhưng, như vài tiền lệ đã thấy, với một ngàn tỷ Mỹ kim trao đổi liên tục một ngày 24 tiếng theo ánh mặt trời trên các thị trường từ Á sang Âu sang Mỹ, những biện pháp can thiệp của các ngân hàng trung ương (như mua Mỹ kim về hoặc điều chỉnh lãi suất hầu giữ giá đồng bạc xanh) đều chỉ có tác dụng nhất thời. Tháng Sáu năm ngoái, 16 ngân hàng trung ương đã cùng nhau tung tiền mua vào ba tỷ Mỹ kim để cấp cứu mà vài tuần sau đó, tiền Mỹ vẫn tiếp tục trôi. Lần này, người ta sẽ giải quyết vấn đề ra sao?

Nhưng, trước hết, câu hỏi đặt ra là Mỹ kim mất giá sẽ gây ra những hậu quả gì?

Mỹ kim mất giá là một nguy cơ khủng hoảng

"Mỹ kim mất giá" là một ý niệm tương đối, khi có sự so sánh với một giá trị khác, cho nên cách lượng định hậu quả cũng là điều tương đối. Một số người Mỹ còn biện bác rằng Mỹ kim không mất giá mà thực sự là đồng Yen hay đồng Đức Mã đã... lên giá. Điều đó chỉ có tác dụng trấn an chứ không thay đổi được sự thể là trị giá đồng bạc xanh đã thua sút khi đối chiếu với một số ngoại tệ như đồng Yen của Nhật, đồng Mark của Đức, hoặc đồng Phật lăng Thụy Sĩ... Mỹ kim chỉ đứng hoặc lên giá khi so sánh với đồng Peso của Mễ Tây Cơ hay đồng Gia kim của Gia Nã Đại vì sự suy yếu nội tại của hai quốc gia này: Mễ đang lâm khủng hoảng và Gia Nã Đại cũng sắp nguy ngập sau những chi tiêu thiếu kỷ luật và thiếu quân bình của họ. Dù sao, sức mua của đồng Mỹ kim quả là có giảm sút và đây là một vấn đề cho thế giới và cho Hoa Kỳ.

Về hậu quả, người ta cần xét trên nhiều mặt vì những vai trò đồng thời của Mỹ kim.

Mỹ kim là đơn vị tiền tệ của Mỹ mà cũng là một phương tiện giao hoán phổ biến nhất trên thế giới, cho nên việc đồng bạc xanh này mất giá đương nhiên gây ra những xáo trộn trong trao đổi quốc tế và trong sự vận hành bình hoà của thị trường. Hãy nghĩ tới một thước đo cao su, co nhiều hơn giãn, hoặc môỳt quả cân mỗi ngày trọng lượng lại mỗi giảm, ta mới suy ra những bất tiện của việc tính toán kinh doanh và kinh tế. Vì vậy, việc Mỹ kim mất giá sẽ ưu tiên chi phối quan hệ kinh tế giữa Hoa Kỳ với các nước có ngoại tệ mạnh nói trên, đồng thời cũng ảnh hưởng tới những quan hệ mở rộng sang các nước hoặc các loại hàng hoá khác.

Một cách cụ thể, Mỹ kim sụt giá là sẽ có người lời người lỗ. Bị thiệt thòi là dân Mỹ và giới xuất cảng hàng vào Mỹ. Dân Mỹ bị thiệt khi đi du lịch ngoại quốc (trừ ở Gia Nã Đại và

Mễ Tây Cơ) hoặc, nghiêm trọng hơn, khi tiêu dùng ở nhà; giới xuất cảng hàng hoá vào Mỹ (chủ yếu là Nhật và Đức) cũng bị thiệt vì phải bán hàng với giá cao hơn và khó cạnh tranh hơn. Có lời là nhà xuất cảng Mỹ nhờ bán hàng ra rẻ hơn, và là các doanh nghiệp Mỹ hoạt động tại những nước có ngoại tệ lên giá so với Mỹ kim như Nhật hay Đức...

Song song, Mỹ kim cũng là một phương tiện tồn trữ tài sản và khí cụ đầu tư của nhiều người và nhiều nước, đầu tiên là dân Mỹ và Hoa Kỳ. Khi Mỹ kim mất giá, nó khiến tài sản dự trữ hoặc đầu tư bằng Mỹ kim bị hao mòn. Đây là vấn đề có ảnh hưởng lan rộng và hậu qaủ lâu dài. Để đối phó, người ta sẽ phải tìm phương tiện thay thế. Cụ thể là những thị trường thương phẩm (như ngũ cốc, khoáng sản, kim loại) sẽ tăng giá và thị trường tài chánh sẽ bị chấn động vì người ta đảo ngược những tính toán lời lỗ và bán Mỹ kim đi để phòng ngừa lạm phát, phòng ngừa hàng mua bằng tiền Mỹ sẽ lên giá, phòng ngừa Mỹ kim mất giá thêm. Càng bị bán ra, Mỹ kim càng mất giá nên càng gây xáo trộn cho hệ thống giao hoán quốc tế.

Hậu quả thứ ba của vụ Mỹ kim sụt giá có liên hệ tới một vấn đề đặc thù của Mỹ. Từ gần hai mươi năm nay, Hoa Kỳ bắt đầu bước vào thời kỳ nhập cảng tư bản sau mấy thập niên xuất cảng tư bản.

Nguyên nhân là Hoa Kỳ bị khiếm hụt ngoại thương do nhập cảng nhiều hơn xuất cảng và khiếm hụt ngân sách do công chi nhiều hơn thu. Để tài trợ mức khiếm hụt trên, Hoa Kỳ phải nhập cảng tư bản, tức là vay mượn ở ngoài, khoảng 150 tỷ một năm. Muốn các chủ nợ cho vay, cụ thể như mua công khố phiếu của Mỹ chẳng hạn, lãi suất tại Hoa Kỳ phải đủ hấp dẫn để bù lại sự mất giá của đồng bạc Mỹ. Lãi suất mà gia tăng để trung hoà ảnh hưởng mất giá của đồng bạc thì lại chi phối ngược sức sản xuất và tiêu thụ của kinh tế Mỹ. Đồng thời, Mỹ kim càng mất giá, lãi suất càng tăng thì tiền lời thanh toán cho các chủ nợ cũng sẽ tăng. Trong hiện tại, với mấy ngàn tỷ Mỹ kim vay mượn do khiếm hụt tích lũy, khoản tiền lời này gần ăn hết đa số thuế lợi tức liên bang. Lãi suất mà tăng thêm thì Hoa Kỳ mắc nợ nặng hơn, mức sống dân chúng sẽ giảm, kinh tế sẽ suy trầm và lạm phát có thể tăng...

Quan trọng nhất, khả năng can thiệp và ảnh hưởng quốc tế của Hoa Kỳ vì vậy cũng sút kém.

Nhân duyên sụt giá, từ kinh tế tài chánh...

Sau khi lượng định hậu quả, ta xét tới những nguyên nhân. Người ta có thể có nhiều lý giải gần xa về nguyên do, nhưng tựu chung vẫn là sự thiếu tin tưởng vào đồng bạc xanh.

Trước hết, hãy tìm hiểu về những nguyêạn do gần.

Năm ngoái, khi Mỹ kim rơi xuống mức tâm lý 100 Yen, đảng Cộng Hoà đối lập coi đây là chỉ dấu cho thấy thế giới không tin tưởng vào cách lãnh đạo rất lụp chụp của tổng thống Bill Clinton. Họ không hoàn toàn vô lý. Tuy nhiên, nói theo một ý niệm gần gũi với chúng ta, đó chỉ là cái "duyên" chưa hẳn là cái "nhân": tài năng của Bill Clinton chỉ là vấn đề nhất thời, không là nguyên nhân chính.

Y như trong tuần đầu tháng Ba vừa qua, khi dự luật đòi tu chính Hiến pháp để quân bình ngân sách (do phe Cộng Hoà đệ nạp) đã bị đánh bại tại Thượng Viện vì thiếu một phiếu mới đủ túc số 2/3, thị trường tiền tệ cũng lập tức phản ứng và đẩy đồng bạc xanh tuôỳt dốc trong bốn ngày liền xuống mức 90 Yen và 1,34 Đức Mã: giới đầu tư thất vọng vì thấy Hoa Kỳ không cố gắng chấn chỉnh nền tài chánh công nên đã bán Mỹ kim ra. Đây cũng là một yếu tố bổ sung khác. Ngoài ra, từ hai tuần trước đó, khi điều trẫn trước Quốc Hội, chủ tịch Quỹ Dự Trữ Liên Bang Hoa Kỳ Alan Greenspan xác nhận rằng kinh tế Hoa Kỳ đãờ đạt mức phát

triển gọi là bình hoà so với áp lực lạm phát coi như đã được kiềm chế. Do đó trong chức năng của một ngân hàng trung ương, Quỹ chưa thấy nhu cầu phải nâng lãi suất ngắn hạn như đã làm bảy lần trong một năm vừa qua, và có khi còn giảm lãi suất. Lời tuyên bố của Greenspan được thị trường chứng khoán đón mừng và đưa chỉ số Dow Jones vượt mức kỷ lục 4000, nhưng lại làm thị trường trái phiếu tin rằng lãi Hoa Kỳ sẽ không tăng nữa. Giới đầu tư vào những ngành có tiền lời cố định như trái phiếu bèn tìm nguồn đầu tư khác có triển vọng sinh lợi cao hơn. Họ bán Mỹ kim mua ngoại tệ khác làm Mỹ kim mất giá...

Sơ kết lại, ta thấy rằng những nguyên nhân gần của cơn khủng hoảng Mỹ kim vừa qua có thể là Bill Clinton lúng túng về đối ngoại lẫn nội chính, là tu chính án quân bình ngân sách bị bại, là lãi suất sẽ không tăng... hoặc là nhiều yếu tố phụ thuộc khác như Mỹ tung kế hoạch cấp cứu Mexico làm nhiều người e ngại là đồng Mỹ kim sẽ tuột giá cùng đồng Pesos; Đức rục rịch tăng lãi suất; kế hoạch thống nhất tiền tệ của Âu Châu đi vào thoái trào khiến người ta càng tin vào sức chi phối của tiền Đức; Nhật cần vận động tư bản để thúc đẩy sản xuất sau khi bị suy trầm năm ngoái và bị địa chấn năm nay, v.v... Trong tương quan hội nhập kinh tế thế giới, ngần ấy yếu tố hẳn đều tác động đến thị trường ngoại tệ và làm Mỹ kim sụt giá.

Nhưng, vì Mỹ kim mất giá liên tục từ hơn hai mươi năm qua, trước các biến cố ngắn hạn kể trên, cho nên ta phải đi ngược lên những nguyên nhân sâu xa hơn là những duyên cớ nhất thời. Có hai nguyên nhân chính có thể được trình bày ở đây.

...Tới nguyên nhân văn hoá và chiến lược

Trước hết là nạn khiếm hụt kinh niên của Hoa Kỳ.

Ta biết là Hoa Kỳ bị khiếm hụt ngoại thương một cách thường xuyên. So với lực sản xuất của một nền kinh tế sáu bảy ngàn tỷ một năm, ảnh hưởng của khiếm ngạch mậu dịch chưa phải là một vấn đề sinh tử. Khác với Nhật, là một nước ít tài nguyên thiên nhiên, có nền kinh tế hướng ngoại và thịnh vượng nhờ mậu dịch, Hoa Kỳ là một thị trường lớn nên ngoại thương chỉ tác động đến 10% tổng sản lượng mà thôi. Đây là một điều phản ảnh những lẩm lẫn của nội các Clinton (khi muốn điều chỉnh thất quân bình mậu dịch bằng đồng Mỹ kim giảm giá) và gián tiếp châm ngòi cho vụ tuột dốc với tốc độ cao từ hai năm nay. Điều đáng quan tâm hơn chính là sự thiếu hụt lớn giữa khả năng tiết kiệm và nhu cầu tiêu thụ của cả nền kinh tế. Hoa Kỳ có mức tiết kiệm thấp nhất trong các nước công nghiệp hóa (4% tổng sản lượng) và có mức tiêu thụ quá cao, nhất là tiêu thụ của khu vực công. Ngân sách quốc gia bị thiếu hụt nặng, gần 200 tỷ một năm vì sự sai biệt này. Cả hai loại thiếu hụt mậu dịch và ngân sách đều là những nguyên nhân sâu xa khiến Hoa Kỳ là một nước nhập cảng tư bản và làm đồng Mỹ kim mất giá. Đây là một nguyên nhân có tính chất văn hoá xã hội và chính trị của một xã hội đã tới hồi cực thịnh và bắt đầu suy thoái vì ý hưởng hưởng thụ phổ biến và vì sự thiếu kỷ luật của chính quyền.

Nhìn trong trường kỳ, hiện tượng này cũng tương tự như sự suy thoái của Đế quốc Anh sau Thế chiến I, trước khi nhường ngôi vị bá chủ cho Hoa Kỳ, hoặc sự suy thoái của những bá chủ trước đó.

Một nguyên nhân thứ hai, hầu như đi sát nguyên nhân trên và có tính chất chiến lược, là sự suy thoái của Hoa Kỳ trong khả năng (khách quan) và ý chí (chủ quan) bảo vệ quyền lợi và ngôi vị bá chủ.

Từ sau Thế chiến I, người ta coi Hoa Kỳ là thành lũy vững chắc nhất để bảo vệ tài sản của thiên hạ, vì vậy giới đầu tư mua tiền Mỹ như một phương tiện dự trữ an toàn. Sau Thế chiến II và trong thời Chiến tranh Lạnh giữa hai khối, trong tư thế lãnh đạo "thế giới tự do", Hoa Kỳ càng tăng cường khả năng bảo vệ quyền lợi của mình lại càng được coi như một hầm bạc an toàn của thiên hạ. Một thí dụ ta còn có thể nhớ được là khi Mikhail Gorbachev bị đảo chánh ngày 19 tháng Tám năm 1991, Mỹ kim đã vọt tăng trong khi tiền Đức bị sụt giá trong có vài giờ: Mạc Tư Khoa mà có loạn thì kho bạc tại Mỹ vẫn an toàn hơn kho bạc tại Đức, vốn nằm dưới tầm đạn Liên Xô...

Một trong những chỉ dấu đo lường khả năng "bảo vệ tài sản" và "hầm trú ẩn an toàn" chính là ngân sách quốc phòng. Hoặc nói theo ý niệm kinh tế, là sức đầu tư của Hoa Kỳ vào việc bảo vệ tài sản và quyền lợi của họ (và của những ai tồn trữ tiền tệ của họ). Nếu có so sánh ngân sách quôÔc phòng với sự thăng trầm của Mỹ kim, người ta thấy là từ 1980 khi Reagan lên cầm quyền, Mỹ kim đã tăng giá cùng với mức gia tăng ngân sách quốc phòng, trong năm năm liên tục. Sau đó, khi tỷ lệ ngân sách quốc phòng bắt đầu giảm, nhất là từ những năm 1990 về sau, trị giá Mỹ kim tuột dốc theo.

Vì vậy, một trong những nạn nhân bất ngờ nhất của việc bức tường Bá Linh bị sụp đổ và Liên Bang Xô Viết tan tành chính là đồng Mỹ kim: nguy cơ đại chiến đã tàn lụi khiến người ta giảm bớt nhu cầu tìm nơi cất giữ tài sản an toàn nhất là Hoa Kỳ. Khi mất chức năng tạm gọi là "an toàn", giá trị đồng Mỹ kim không còn được gia trọng bởi yếu tố an ninh, mà được

lượng định theo giá trị nội tại, tức là thực lực kinh tế của Mỹ, đối chiếu với các nền kinh tế khác như Nhật Đức. Vì vậy, đồng Mỹ kim đang rơi vào đúng thực giá của nó, theo sát quy luật cung cầu bình thường.

Khi xét tới thực lực và tổng hợp những yếu tố kinh tế tài chánh và cả chính trị, ta thấy là Hoa Kỳ không chỉ mất dần ý chí lãnh đạo thế giới (khuynh hướng tự cô lập và ích kỷ đã thành phổ biến trong cả hai cánh tả và hữu lẫn quần chúng là một biểu hiện) mà còn mất dần khả năng tiết kiệm và đầu tư để bảo đảm quyền lợi và tương lai của họ.

Chiều hướng trên sẽ còn tiếp tục, trừ phi có biến động cực kỳ nguy hiểm làm xoay đổi tình hình và tâm tư dân chúng Mỹ. Chiều hướng đó cũng khiến kinh tế Mỹ sẽ mất ưu thế đã có và đồng đô la cũng vậy.

*

Khi tổng kết những vấn đề gần xa nói trên để dự đoán tương lai, ta thấy là việc chi nhiều hơn thu, tiêu thụ nhiều hơn tiết kiệm, dù bởi một siêu cường kinh tế số một, cũng không thể kéo dài mãi mãi mà không tới lúc phải "thanh lý sổ sách". Đối với một gia đình việc đó có thể là thu vén chi tiêu, xin khất nợ, bán nhà trả nợ, khai báo phá sản hoặc cả... sang tên quỵt nợ nếu có thể. Đối với một quốc gia, kết quả của tiến trình thanh lý này thường là những khủng hoảng tài chánh, nặng nhẹ tùy mức độ thiếu hụt cao hay thấp, thời gian trì hoãn lâu hay mau. Đồng thời, vì sự suy thoái ngôi vị quốc tế của Hoa Kỳ, người ta phải chờ đợi là đơn vị tiền tệ số một của thế giới cũng sẽ bị thay thế. Một sự đổi ngôi và thanh lý nợ nần như vậy sẽ không diễn ra một cách êm ấm.

Đức là một nước có thực lực kinh tế và có kỷ luật chi tiêu nên tiền Đức sẽ được nhiều người tín nhiệm. Nhưng, với gánh nặng trùng tu lại Đông Đức (tương tự như đã bị một cơn địa chấn Kobe... kéo dài non nửa thế kỷ), Đức sẽ chỉ là một siêu cường kinh tế Âu Châu, và ngôi vị bá chủ kinh tế của Hoa Kỳ có thể sẽ được Nhật Bản kế thừa. Suy như vậy, một Mỹ kim chỉ còn ăn 50 Yen là điều sẽ thấy trong dăm năm tới.

Đây sẽ là chỉ dấu cho thấy sự hoán chuyển ngôi vị siêu cường trên thế giới, cho dù chỉ số Dow Jones có thể lên tới 4500 vào cuối thế kỷ, trước khi tuột theo đồng Mỹ kim. Sự suy thoái của Hoa Kỳ và việc thanh lý chi thu là điều khó tránh và sẽ gây ra chấn động ngày một nhiều và mạnh hơn trong hệ thống thanh toán như Kashiwagi tiên đoán.

Hệ thống tiền tệ quốc tế được xây dựng từ sau Thế chiến Thứ hai, với ưu thế gần như tuyệt đối của Hoa Kỳ, trên những nền móng kinh tế nay đã đổi khác nên cũng phải được cải tổ. Năm 1971, khi Hoa Kỳ thả

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

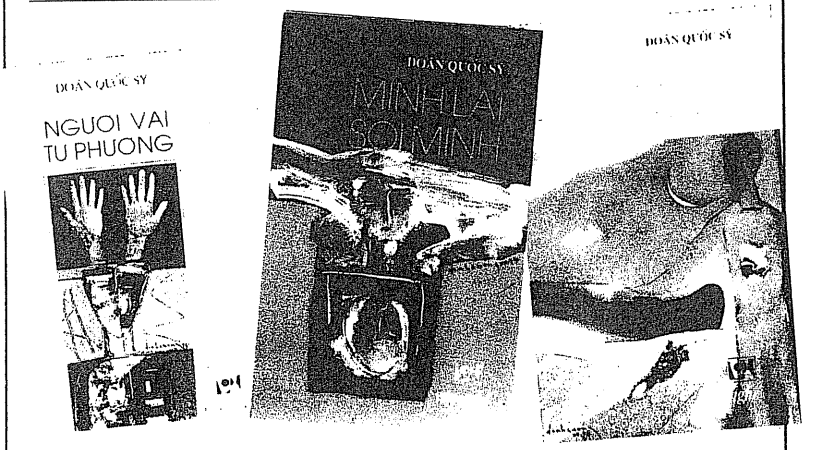

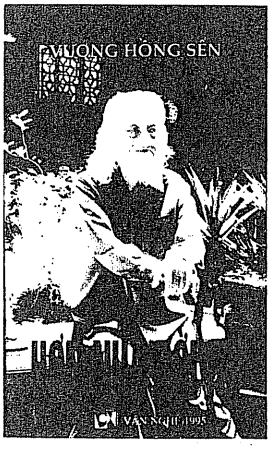

• Khác với bản của một nhà xuất bản tại hải ngoại đã chụp lại bản in trong nước, từng bị kiểm duyệt nhiều đoạn quan trọng. Được ủy quyền của nhà văn **Vương Hồng Sển**, HƠN NỬA ĐỜI HƯ do nhà Văn Nghệ phát hành có đầy đủ những đoạn trên. Giá 20MK. Ngoài nước Mỹ giá 23 MK.

• Chào mừng nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vừa đến định cư tại Hoa Kỳ, độc giả hãy tìm đọc ba tác phẩm mới nhất của ông:

• NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG. Đem nhân ái hóa giải tham tàn, nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vẫn giữ nguyên tâm hồn than thản và đôn hậu qua tác phẩm này. Giá 10MK. Ngoài nước Mỹ giá 11 MK.

• DẤU CHÂN CÁT XÓA. Ngợi ngời cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng. Giá 9MK. Ngoài nước Mỹ giá 10 MK.

• MÌNH LẠI SOI MÌNH. Sau những năm tù tội, **Doãn Quốc Sỹ** "mình lại soi mình" qua bốn trăm trang sách. Trung thực, dạt dào tình cảm, bất ngát yêu thương. Giá 16MK.
Ngoài nước Mỹ giá 18 MK.

nổi Mỹ kim việc giao hoán trên thế giới đã bị giao động mãnh liệt. Ta có thể so sánh việc đó như môỳt nhà cái thua bạc nên đơn phương đổi trị giá tiền "sầu" mặc cho các nhà con bị thiệt. Nhưng, khi đó an ninh chiến lược vẫn còn là một quan tâm ưu tiên của các nước kia, nên họ đã phải bấm bụng chịu đựng, coi như gián tiếp tài trợ nhu cầu bảo vệ an ninh và trả Mỹ một phụ phí bằng một đồng tiền cao hơn thực giá.

Ngày nay, sự thể đã khác, và việc trao đổi kinh tế trong một thế giới liên lập với những phương tiện điện toán và thông tin gần như lập tức đã mở bung quy luật thị trường và hoá giải tác dụng can thiệp hay điều hướng của các chính quyền. Thế lực và sức ép của Hoa kỳ cũng đã sút khi so với sự lớn mạnh của các cường quốc kinh tế mới. Một nước nghèo mà bị khiếm hụt cả mậu dịch lẫn công chi như Hoa Kỳ là lập tức được Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế tới hỏi thăm, làm áp lực bắt cắt giảm công chi, tăng thuế, tăng lãi suất, phá giá đồng bạc v.v.. theo đúng quy luật do chính Hoa Kỳ đề cao từ bao năm nay. Thị trường thế giới sẽ không chấp nhận Hoa Kỳ mãi mãi là ngoại lệ.

Luật chơi trên thế giới sẽ phải thay đổi và sẽ chi phối các định chế quốc tế. Cho tới đó, những giằn sóc của Mỹ kim trong đà tuột dốc và chưa được thay thế bởi các ngoại tệ mạnh (hoặc một hệ thống ngoại tệ phức hợp) sẽ còn gây nhiều hỗn loạn...

Trong trung hạn, đà mất giá của đồng Mỹ kim chỉ có thể được trì hoãn nếu Hoa Kỳ chấn chỉnh được chi tiêu và nâng cao tiết kiệm, nhất là quân bình được ngân sách hàng năm thâm thủng non 200 tỷ của họ. Một trong những chỉ dấu khác là sự thay đổi chính trị tại toà Bạch Ốc vào năm 1996 sắp tới, với một chính quyền bảo thủ, kỷ luật hơn và ít mị dân hơn trong việc công chi.

Trong ngắn hạn, lãi suất ngắn hạn của Hoa Kỳ sẽ phải được Quỹ Dự Trữ Liên Bang miễn cưỡng nâng cao, một phần để đối phó với nguy cơ lạm phát nhập cảng do đồng Mỹ kim sụt giá, và một phần lớn hơn là để tạm thời nâng đồng Mỹ kim dậy. Lãi suất tăng sẽ khiến kinh tế có thể bị giảm phát, thất nghiệp lại có chiều hướng gia tăng và khiến chứng khoán sẽ tụt mạnh từ những đỉnh cao kỷ lục hiện nay. Đây là điều miễn cưỡng về cả mặt kinh tế lẫn nguyên tắc: Quỹ không có chức năng đối ngoại, tức là để đối phó với những vấn đề quốc tế.

Mặt khác, Hoa Kỳ cũng có thể kêu gọi các nước kia giảm lãi suất của họ để thu hẹp sai biệt về mức lời giữa các đơn vị tiền tệ hầu giữ giá Mỹ kim khỏi tụt thêm. Điều này chưa chắc đã được vì các nước kia cũng có những nhu cầu nội bộ của họ, mà Hoa Kỳ lại hết ảnh hưởng như xưa. Đây là đề tài sẽ được bảy nước công nghiệp bàn cãi tại Thượng đỉnh kinh tế năm nay.

Tổng kết lại, Mỹ kim là một hàn thử biểu phản ảnh một cách tổng hợp nhiều yếu tố khác biệt, vì vậy, sự sụt giá của nó báo hiệu nhiều thay đổi lớn của thế giới. Trước đây những thay đổi như vậy thường cả trăm năm mới thấy một lần. Nhờ tiến bộ khoa học kỹ thuật của nhân loại, những thay đổi trên nay xảy ra với tốc độ nhanh hơn, và cũng làm loài người chóng mặt hơn. Dù sao, ta không nên vội đi vào một kết luận cực đoan trái ngược, coi Hoa Kỳ như một nước hạng bét hết thời, và đồng bạc xanh như tờ giấy lộn!

Gần nửa thế kỷ sau khi mất ngôi vị bá chủ đã có từ thế kỷ trước, tới cuối thế kỷ này Anh vẫn là một cường quốc kinh tế đáng kể của thế giới.■

ĐA VĂN - ĐA NGÔN

Đàn bà

Đàn bà mang lại cho đàn ông những hạnh phúc tuyệt vời, miễn là anh chịu đựng được họ.

Riêng và chung

Ai cũng nói chuyện ân ái là một chuyện tuyệt đối riêng tư. Nhưng ai cũng thích làm chung với người khác hơn là làm một mình.

Còn mới

Bác sĩ ở Việt Nam đang định ghép óc cho một bệnh nhân, chỉ còn chờ người tặng óc — như tử thương vì tai nạn. Bệnh nhân năn nỉ: Nếu được xin bác sĩ cho tôi bộ óc của một cán bộ tuyên huấn. Tại sao? Vì nó còn mới, gần như chưa bao giờ dùng đến.

THỰC DÂN PHÁP, THỰC DÂN MỸ, THỰC DÂN CỘNG SẢN

Vài bài học lớn của lịch sử Việt Nam cận kim và hiện đại qua những tác phẩm của Hoàng Trọng Thược, Phạm Văn Lưu và Bửu Sao.

TÔN THẤT THIỆN

(Tiếp theo và hết)

III. "Ngô Đình Diệm và Hoa Kỳ" của Phạm Văn Lưu

Ông Phạm Văn Lưu là một nhà khoa bảng xuất thân từ các đại học Úc. Cũng như ông Vũ Ngự Chiêu, với học vị Tiến Sĩ tất nhiên ông rất ý thức về sự cần tôn trọng tính cách khoa học trong phương pháp sưu tầm biên soạn. Ngay trong phần dẫn nhập, ông ta đã than phiền rằng phần lớn những tài liệu về Việt Nam trong các thư viện Hoa Kỳ "không phản ảnh một cách khách quan và vô tư về thực tại đất nước và nguồn gốc của dân tộc Việt Nam." ("Lời Nói Đầu", tr.XI). Đồng thời ông ta cũng trình bày rõ ràng phương pháp nghiên cứu của ông ta. Ông đã sử dụng rất nhiều nguồn tài liệu. Ông ta đã bỏ công sưu tầm tài liệu Mỹ và ngoại quốc tại rất nhiều nơi trên thế giới (xem tr.XXI). Nhưng đặc biệt hơn cả là ông đã thâu tập rất nhiều tài liệu **Việt Nam**, và phỏng vấn hơn 150 nhân chứng **Việt Nam**.

Cũng như cụ Hoàng Trọng Thược, ông Lưu không dấu cảm tình và sự khâm phục của mình đối với đối tượng nghiên cứu của ông - là cố tổng thống Ngô Đình Diệm - , nhưng ông không để cho tình cảm của mình ảnh hưởng đến sự sưu tầm, chọn lựa, phân tích và trình bày tài liệu. Trong công việc này ông rất chu đáo và khách quan. Ông đã làm đúng nhiệm vụ của một sử gia, là nói rõ xuất xứ của tài liệu và **giải thích** các sự kiện - nghĩa là vạch rõ mối liên hệ nhân quả giữa những sự kiện đó - thay vì đưa ra những biện hộ hay phê phán cá nhân chủ quan.

Có hai điều nổi bật được nêu ra trong tác phẩm của ông Lưu là: 1/ tính cách thực dân của một số viên chức Hoa Kỳ; 2/ thái độ cầu ngoại của một số viên chức Việt Nam.

Riêng về điểm thứ nhất ta thường nghe người Mỹ khoe khoang rằng Hoa Kỳ không phải là một quốc gia đế quốc vì họ không có thuộc địa, và nguyên thủy họ là một thuộc địa đã làm cách mạng để tự giải phóng. Điều này đúng. Nhưng qua những tài liệu mà ông Lưu đã bỏ công tìm được và đem ra ánh sáng, trong các giới Hoa Kỳ, đặc biệt là trong hàng ngũ viên chức của Bộ Ngoại Giao và Nhà Trắng, và ngay cả trong giới có tiếng là phóng khoáng, giới trí thức, cũng có những tên thực dân hạng nặng.

Những tên thực dân này - viên chức như Harriman, Hilsman, Forrestal, Kidder, Heath, Collins, Duebrow, Lodge, Trueheart; trí thức như Morgenthau, Galbraith, nhóm giáo sư đại học Michigan - cho rằng Hoa Kỳ có quyền truất, lập nguyên thủ quốc gia Việt Nam, một quan niệm không khác gì quan niệm của những viên chức thực dân Pháp thời Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân. Và cũng như những viên chức thực dân Pháp đó, họ cũng bịa đặt nhiều chuyện về vị nguyên thủ họ muốn triệt hạ. Chẳng hạn, Hilsman đã ngụy tạo tài liệu và phao lên là ông Ngô Đình Nhu hút thuốc phiện và điên để làm sôi nổi dư luận ép Tổng Thống Kennedy chấp nhận đề nghị của y. Rủi thay, Kennedy là một Tổng Thống thiếu tự tín nên để cho những viên chức trung cấp tiếm quyền và nhân danh ông ta ra lệnh cho đại sứ Lodge khuyến khích tướng lãnh Việt Nam đảo chánh.

Ông Lưu đã phanh phui tài liệu chính thức của Hoa Kỳ để làm sáng tỏ những điểm trên đây. Liên hệ mật thiết với điều này là trong chiến dịch ngụy tạo tài liệu nói ông Nhu hút thuốc phiện và điên lại có viên chức Việt Nam, trong đó một cận thần của ông Diệm đóng vai chủ chốt. Viên chức đó là Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng tại Phủ Tổng Thống. Tình trạng y hệt thời các vua Thành Thái và Duy Tân. Lúc đó, như ta đã thấy ở trên, chính các đại thần triều Nguyễn viện cớ là vua điên và dâm dật, hay "dâm loạn" để yêu cầu chính phủ bảo hộ Pháp truất phế vua.

Ngoài ông Thuần, các tướng lãnh Việt Nam cũng đóng một vai trò then chốt: họ là công cụ của Hoa Kỳ trong mưu đồ truất, lập nguyên thủ Việt Nam. Trong sự truất phế ông Diệm người Hoa Kỳ đã mượn tay tướng lãnh Việt Nam để thực hiện ý đồ của mình. Ngoài các tướng lãnh còn có một số nhân vật Việt Nam tham gia vào cuộc vận động này. Những người này đã bị Hoa Kỳ dùng làm công cụ của họ trong việc động viên dư luận Hoa Kỳ và quốc tế. Kết quả là các tướng lãnh và những người trên đây đã vô tình mang chủ quyền của Việt Nam trao cho Hoa Kỳ. Hậu quả là Việt Nam đương nhiên thành một xứ bảo hộ. Sau khi Tổng Thống Diệm bị loại, đại sứ Hoa Kỳ đương nhiên thành toàn quyền ở Việt Nam. Bao nhiêu quyết định về Việt Nam, kể cả quyết định sống còn cả nước và dân Việt, nằm trong tay Mỹ. Các giới lãnh đạo Việt Nam hiểu rõ và chấp nhận điều đó. Ví dụ ông Thiệu đã nói với ông Minh trước ngày tuyển cử tổng thống năm 1971: "Mỹ quyết định tất cả. Ai làm tổng thống cũng vậy. Alors, pourquoi pas moi?"* Và ông Lodge đã nói với ký giả Stanley Karnow: "We take over." Điều mỉa mai là ông Diệm, người mà ông Thuần, các tướng lãnh và một số nhân vật Việt Nam âm mưu với Mỹ để triệt hạ, là người đã cương quyết bảo vệ độc lập và danh dự Việt Nam, người đã nói với đại sứ Hoa Kỳ Nolting: "Viet Nam does not want to be a protectorate" [of the USA] (Việt Nam không muốn trở thành một xứ bảo hộ của Mỹ). (tr.259) Và với đại sứ Lodge khi ông này khuyên ông từ chức để tự cứu mạng: "Ông đang nói chuyện với một Tổng Thống của một quốc gia độc lập và có chủ quyền... Tôi sẽ không bao giờ ra đi theo lời yêu cầu... của đại sứ Mỹ." (tr.201) Ông Diệm đã làm như vua Duy Tân. Nhưng Pháp chỉ lưu đày vua Duy Tân, còn Mỹ thì đã xử tử ông Diệm (tr.201).

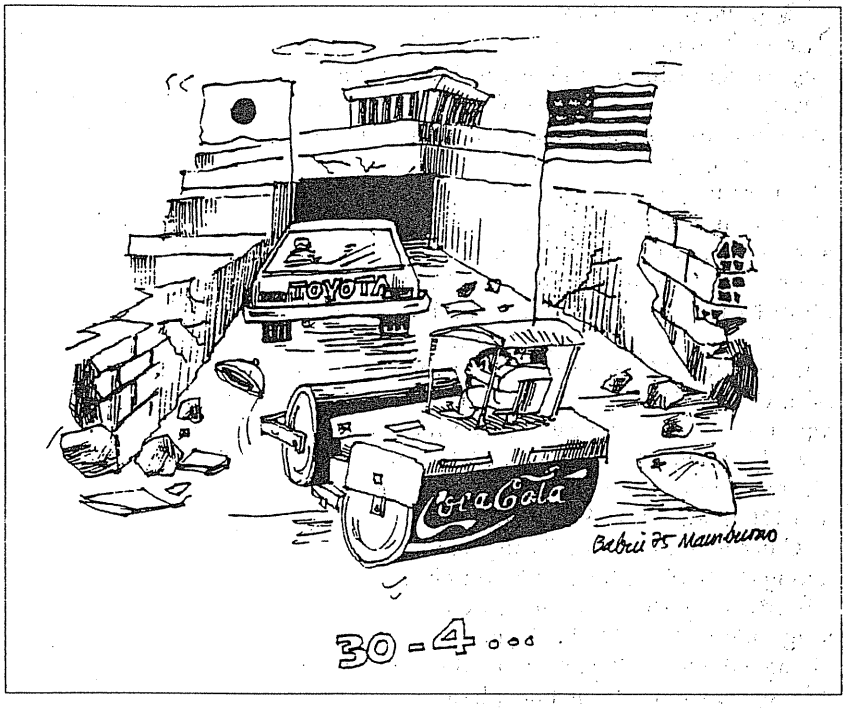

Bài học của lich sử ở đây là Pháp đã giành quyền bảo hộ Việt nam, nhưng sau lại nhượng quyền đó cho Nhựt. Và Hoa Kỳ cũng giành quyền bảo hộ Việt Nam, nhưng khi đã ngán thì lại nhượng quyền đó cho cộng sản. Bài học đó cần được nhắc lại trong lúc này, vì trong những năm qua, và hiện nay, có một số chính khách vẫn chạy ra chạy vào Nhà Trắng và Bộ Ngoại Giao Mỹ hầu kiếm một sự yểm trợ để "giải phóng" Việt Nam, và một số người tỵ nạn ở Hoa Kỳ vẫn tin rằng có thể nhờ Hoa Kỳ yểm trợ để lật đổ chế độ cộng sản. Đó chỉ là một mơ mộng hảo huyền. Tệ hơn nữa: đó là vô tình yêu cầu Hoa Kỳ bảo hộ Việt Nam.

Còn hai bài học khác liên quan mật thiết với bài học vừa nêu ở trên: 1/nguy cơ cho vận mạng của Việt nam khi đồng minh với một nước mà viên chức không hiểu gì hết về Việt Nam; 2/ nguy cơ "dốt" - không hiểu gì về thế giới cả.

Về điểm thứ nhất, ông Lưu đã mô tả rất chi tiết và phân tách những sai lầm của viên chức Mỹ trong nhận định của họ về chính trị và xã hội Việt Nam. Ví dụ: những báo cáo của Hilsman, người đã cùng Harriman và Forrestal đóng vai trò then chốt trong cuộc đảo chính lật đổ ông Diệm, cho ta thấy rõ rằng "chuyên viên" Mỹ không hiểu gì về Việt Nam cả. Họ cho rằng sau khi lật đổ ông Diệm các tướng lãnh sẽ cải thiện tình hình đưa đến thắng cộng sản. Sự thực ra sao thì người Việt Nam và người Mỹ nào cũng biết rồi.

Về điểm thứ hai, một trong những lý do chính đưa đến sự giảm uy tín dần dần của ông Diệm, và cho viên chức Hoa Kỳ không thích ông, một cớ rất mạnh để biện hộ cho giải pháp "dẹp bỏ" ông và nhất là ông Nhu, là hai ông

này thiếu hiểu biết về một số lãnh vực căn bản. Đặc biệt trong một thế giới mà trào lưu dân chủ càng ngày càng mạnh và truyền thông có tác động về chính trị, hai ông không quan tâm gì lắm đến hai điều này. Họ cho rằng họ tận tâm trong nhiệm vụ là đủ. Vài ngày trước đảo chánh, ông Diệm nói với tôi: "Người ta nói dân chúng chống tui. Nhưng tui làm chi mà dân chúng chống tui? Tui thức khuya, dậy sớm, không làm chi khác ngoài việc lo cho dân, vậy tại sao họ lại chống tui?"

Về phương diện truyền thông, thì hai ông hoàn toàn vô hiệu vì không biết đóng kịch, và không có tài năng về thuyết phục người khác. Những chính sách của ông Diệm mà ông Lưu liệt kê và cho là tốt cho dân thì có thể tốt thật. Nhưng hai ông Diệm và Nhu không biết cách "bán" ("sell", như Mỹ nói) những chính sách hay này cho dân chúng. Ví dụ kế hoạch "Ấp chiến lược". Ông Diệm có giải thích cho tôi nghe rằng đó là kế hoạch "tận lương vô kế". Đó là một giải thích rất hay và rất đúng. Mà thật vậy. Sau 1975, phía cộng sản đã tiết lộ rằng kế hoạch này đã gây rất nhiều khó khăn cho họ. Trong một bức thư gởi cho Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) tháng Bảy năm 1962 và được công bố năm 1986, Lê Duẩn viết: "Đã có lúc ở Nam Bộ cũng như ở Khu 5, tình hình khó khăn đến mức tưởng như cách mạng không thể duy trì và phát triển được... Nhất thiết không nên vì những khó khăn tạm thời do việc dồn dân lập ấp chiến lược của địch gây nên mà đâm ra hoang mang... để đánh thắng địch, đưa cách mạng đến thành công, thì, một mặt phải phá cho được kế lập ấp chiến lược."** Nhưng ông Diệm chỉ giải thích mục tiêu của "Ấp chiến lược" vài ngày trước đảo chính, và với riêng tôi. Trước đó, tôi không hề nghe ông nói như vậy với dân chúng. Vì dở về truyền thông, tuy kế ông Diệm hay mà chẳng đi đến đâu, mà lại còn gây chống đối. Điều mỉa mai là báo chí và chuyên viên Mỹ cứ hô hoán rằng miền Nam đang bị mất vào tay cộng sản vì ông Diệm; kế hoạch "Ấp chiến lược" bị Mỹ đả kích rất nặng và, sau đảo chính, bị các tướng lãnh Việt Nam dẹp tan một cách rất hăng và rất lẹ.

Riêng về phương diện đối đầu với dư luận Mỹ thì ông Diệm và ông Nhu không hiểu gì về nước Mỹ và dân Mỹ cả. Ông Diệm có ở Hoa Kỳ một thời gian, nhưng ông rất chủ quan. Còn ông Nhu thì hoàn toàn không có kinh nghiệm về Hoa Kỳ. Ông chỉ hiểu biết rõ văn hóa Pháp. Sự "dốt" về Hoa Kỳ này được thâu gọn trong mấy câu than thở của ông Diệm với hai người thân cận, được ông Lưu ghi lại. Với ông Nguyễn Hữu Châu: "Chúng ta có một người bạn quí giúp đỡ tiền bạc nhưng không hiểu chi về chuyện Việt Nam" (tr.255). Với ông Võ Văn Hải: "Mình thực sự không hiểu người Mỹ. Thượng nghị sĩ Mansfield từ lâu là một người bạn tốt và luôn luôn ủng hộ mình. Tại sao bây giờ quay sang chỉ trích mình?" (tr.179).

Ông Diệm và ông Nhu đã không ý thức được rằng phần đông người Hoa Kỳ không để ý đến những gì xảy ra ở ngoài Hoa Kỳ và chỉ có ý niệm lờ mờ về thế giới, còn "chuyên gia" Hoa Kỳ thường **biết rất nhiều** về Á Đông, nhưng lại **hiểu rất ít** về những gì họ biết. Ngược lại, cũng như các ông Diệm và Nhu, vì quá quen với quan niệm "trung thành" của người quân tử, ít người Á Đông hiểu rằng, về chính trị, trong chế độ dân chủ của họ, người Hoa Kỳ không biết "trung thành" là gì, và họ coi chuyện thay đổi lập trường, chính sách, và đồng minh, nay vầy mai khác, là chuyện rất thường. Hoa

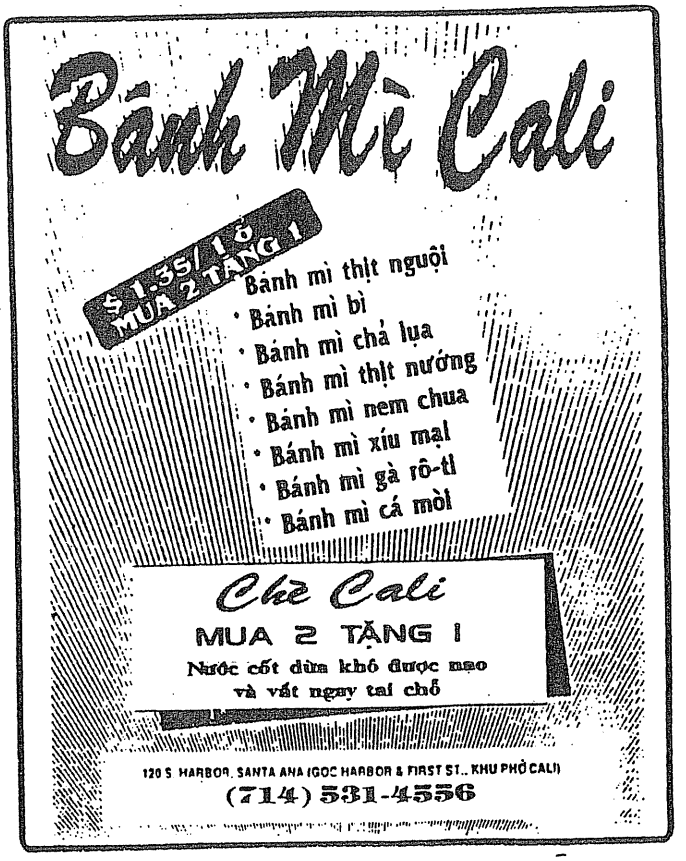

Kỳ đã dùng mọi cách ủng hộ ông Diệm trong những năm 1954-1960, nhưng họ cũng dùng mọi cách để hạ ông ta trong những năm sau đó. Như Tổng Thống Pakistan đã nói: "Đồng minh với Hoa Kỳ thật nguy hiểm." (tr.206) Đây là bài học mà tất cả chính khách Việt Nam cần nhớ trong bang giao với Hoa Kỳ.

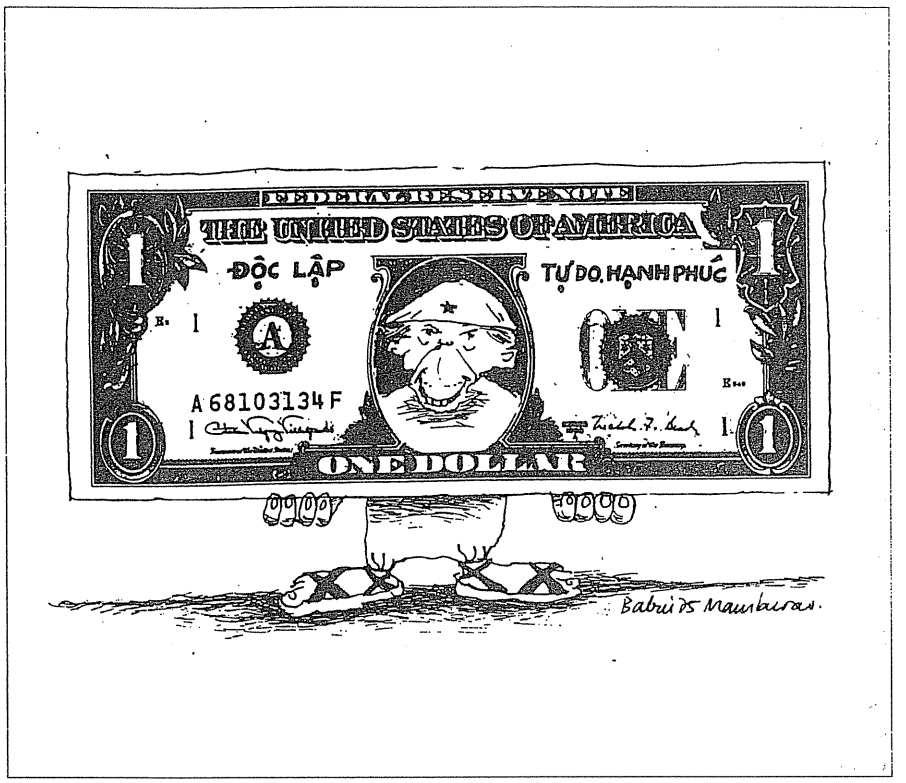

Điều rất quan trọng mà ông Diệm không hiểu, và hiện nay nhiều người Việt Nam khác vẫn không hiểu, là chính trị Hoa Kỳ luôn luôn biến chuyển tùy theo biến chuyển của dư luận, và dư luận Hoa Kỳ rất dễ bị báo chí ảnh hưởng. Và dù sao, chính sách Hoa Kỳ cũng luôn biến đổi qua thời gian, và theo chế độ dân chủ Hoa Kỳ, Tổng Thống và Quốc Hội thay đổi rất dễ dàng, và bắt buộc phải thay đổi theo định kỳ, và mỗi thay đổi nhân sự kéo theo thay đổi chính sách. Chính sách có thể bị sửa đổi, thay thế, hay hoàn toàn đảo ngược là một chuyện thường, và điều này không làm cho người Mỹ ngượng ngùng thắc mắc gì cả. Ví dụ: chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam hiện nay không còn là "chống cộng" và "bảo vệ tự do ở Việt Nam" nữa, và có những giới Mỹ muốn chính quyền cộng sản "ổn định" và mạnh, để họ có thể "làm ăn" dễ dàng.

Ông Lưu đã phân tích rất chi tiết những khác biệt về văn hóa xã hội Việt Nam và Hoa Kỳ, và ảnh hưởng của nó về chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam nói chung, và về cái chết của hai ông Diệm Nhu nói riêng. Ông đã làm một việc rất bổ ích cho chúng ta. Ông đã gián tiếp khuyến cáo chúng ta phải hết sức cảnh giác trong quan hệ với Hoa Kỳ, và đồng thời, ông cũng gián tiếp thúc chúng ta nên xét lại chế độ, chính sách, và con người của hai ông Diệm và Nhu trước khi phê phán dứt khoát.

Trong sự tái xét này có một điểm mà những chi tiết được ông Lưu thâu tập làm cho ta phải suy nghĩ. Đó là vấn đề đạo đức và chính trị. Ông Diệm chết vì đã bám vào một số nguyên tắc: ông đã không chịu biến Việt Nam thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ, và không chịu rời chức vụ và rời xứ (vì là Tổng Thống Việt Nam ông không thể nhận lệnh của đại sứ Hoa Kỳ); ông đã không cho phép trung tá Duệ tấn công Tổng Tham Mưu (vì làm như vậy mất kỷ cương trong nước); ông không cho phép ông Nhu xuất ngoại (vì như vậy là chấp nhận đòi hỏi của Đại sứ Mỹ), mà cũng không cho ông Nhu ra tay trước chống nhóm dảo chánh (vì ông không muốn đổ máu). Ở đây tôi mở dấu ngoặc để ghi một sự kiện nhỏ ông Lưu phanh phui mà nay tôi mới biết: trái với dư luận mấy lâu nay cho rằng ông Diệm chết vì ông Nhu, những tài liệu ông Lưu thâu tập được cho ta biết rằng sự thực ngược lại, và chính ông Nhu đã chết vì ông Diệm. Những lý do của ông Diệm là những lý do của nguyên tắc và đạo đức. Ông Diệm đúng hay sai? Người lãnh đạo Việt Nam có nên đặt vấn đề đạo dức không? Vấn đề này là bối cảnh tác phẩm của Bửu Sao.

IV. "Những mối ưu tư của người Việt đôi bờ" của Bửu Sao

Trình bày tác phẩm *Những mối ưu tư của người Việt đôi bờ* của Bửu Sao là một việc rất khó, vì đây không phải là **một** quyển sách về **một** vấn đề, nhưng là một tập hợp không biết bao nhiêu là nghị luận về tất cả những vấn đề liên quan đến sự tồn vong tiến triển, an sinh phúc lợi, tự do dân chủ của Việt Nam. Nguy cơ

của một văn tác như thế là chỉ phớt lên các vấn đề một cách nông cạn, tài tử. Nhưng tác phẩm của ông Bửu Sao đã không nằm trong loại này. Nó là một công trình nghiên cứu rất công phu và suy tư rất sâu sắc, căn cứ trên những kiến thức vững vàng sâu rộng. Nó bộc lộ một ý chí tìm ánh sáng về các vấn đề Việt Nam để giúp người Việt có chất liệu để suy tư, cứu xét một cách hữu hiệu, để đi đến những lựa chọn sáng suốt. Như tác giả đã nói ở tít của sách, quyển sách này bàn về "những mối ưu tư của người Việt đôi bờ trong việc mưu cầu hạnh phúc cho dân Việt nhân dịp khảo sát chính sách đổi mới của Đảng Cộng Sản Việt Nam qua các tài liệu quốc nội trong bối cảnh lịch sử thế giới."

Vì nó là một khảo sát chính sách đổi mới của ĐCSVN nên về căn bản nó là một công trình nghiên cứu, phân tách, phê phán chế độ và chính sách của ĐCS hiện tại. Có thể nói đây là một công trình qui mô. Đặc điểm của nó là tác giả đã dùng những tài liệu xuất phát từ trong xứ và trong chế độ cộng sản. Những tài liệu này rất dồi dào phong phú, và hiển nhiên là tác giả đã bỏ rất nhiều công để thâu tập những tài liệu đó. Quan trọng hơn nữa, tác giả đã cứu xét những tài liệu đó rất kỹ, đã nghiền ngẫm về tất cả những khía cạnh của những sự kiện mà độc giả có thể biết qua những tài liệu đó để rút những kết luận có thể giúp họ thấy vấn đề một cách rõ ràng, để lấy những quyết định sáng suốt và hữu lý, thích ứng với tình hình, trong bối cảnh thế giới hiện tại.

Qua sự cứu xét kỹ càng và khách quan nói trên, tác giả đi đến kết luận rằng chế độ "xã hội chủ nghĩa" Việt Nam hiện tại là một chế độ theo đuổi những chính sách thực dân. Đây là mối giây liên kết tác phẩm của ông với các tác phẩm của cụ Hoàng Trọng Thược và Phạm Văn Lưu. Sau thực dân Pháp và thực dân Mỹ, dân Việt lại bị nạn thực dân cộng sản, mà ông gọi là "thực dân bản địa" (tr.12). Không khác gì chế độ thực dân Pháp, chế độ xã hội chủ nghĩa tước đoạt quyền tự do mưu cầu hạnh phúc và quyền tự do lựa chọn đại diện của mình, cùng quyền tham gia vào các quyết định về hướng đi và số phận của xứ sở - quyền chính trị.

Lãnh đạo ĐCSVN cũng tự giành cho mình quyền định đoạt về kinh tế, nghĩa là về lựa chọn phương thức trong sự mưu cầu an sinh phúc lợi của người dân và phát triển canh tân của xứ sở. Nhưng tập trung quyền hành kinh tế không thể đưa đến sự lựa chọn và thi hành những chính sách cho dân và nước có khả năng đạt những mục tiêu mong muốn được. Bửu Sao viết: "Giờ đây nhân dân Việt Nam đang bị đặt ở một vị thế giả tạo, sai trái, bất ổn, Bao cấp chẳng phải bao cấp, tư bản chẳng ra tư bản. Mạnh ai nấy sống, như trên mảnh đất hoang vậy. Trong tình trạng này, cái xí nghiệp khổng lồ gọi là Đảng Cộng Sản Việt Nam dưới danh xưng nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa có nên bị giải thể hay không? Giải thể cách nào đây?" (tr.71). Ông chủ trương giải thể, và đồng thời đưa ra những đề nghị thích ứng để giải thể chế độ về mọi phương diện.

Tác phẩm của ông Bửu Sao là một tài liệu tham khảo tất yếu của tất cả những người Việt Nam, **bên này và bên kia**, đang tìm lối thoát cho xứ sở.

Đối với những người thuộc **bờ bên này**, tác phẩm này cung cấp những giải thích rất khoa học, khách quan, giản dị, về hầu hết các khía cạnh của vấn đề, có thể dùng làm lý luận cho một cuộc chống cộng đứng đắn và xây dựng, căn cứ trên lý trí và lịch sử, trên những nguyên tắc vững vàng của chính trị-xã hội-kinh tế học, thay vì chống cộng một cách mù quáng, bừa bãi, thiếu căn bản lý luận vững chắc, và vì vậy không hữu hiệu.

Đối với những người thuộc **bờ bên kia** còn lương tri, còn trí tuệ, đã theo Việt Minh rồi ĐCS vì lý tưởng và nay đã có nhiều nghi vấn về khả năng của chủ nghĩa cộng sản, và nhất là về khả năng của ban lãnh đạo ĐCS và những chính sách họ đưa ra trong việc giải quyết các vấn đề trọng đại của dân tộc - an ninh, cơm áo, phát triển, tiến bộ, công bằng xã hội, tự do dân chủ, kỹ cương đạo lý - tác phẩm của Bửu Sao sẽ cung cấp những giải thích chế độ "xã hội chủ nghĩa" hiện tại và những chính sách mà ĐCS đang theo đuổi trục trặc chỗ nào, ra sao, và phải làm gì để ra khỏi tình trạng đó.

V. Kết luận

Ba quyển sách nêu trên đây là những quyển sách mà tôi nghĩ rằng mỗi người Việt Nam cần có, cần đọc. Riêng tôi, một người đã đọc rất nhiều sách về Việt Nam trong 50 năm qua, ít khi tôi được cái hứng thú đọc những tác phẩm về Việt Nam có giá trị do người **Việt Nam** sáng tác như những tác phẩm này: nó hội đủ những điều kiện về phương pháp khoa học trong việc biên soạn văn tác về sử. Các tác phẩm này làm sáng tỏ thêm lịch sử Việt Nam và giúp cho người Việt thấy, hiểu những vấn đề của xứ sở một cách rõ hơn, và do đó, có một quan niệm sáng suốt, đứng đắn, hợp lý, cân bằng và công bằng hơn về người, về việc. Nó vừa là một đóng góp đáng kể vào sự tìm giải quyết những vấn đề trọng đại của xứ sở.■

Ottawa, tháng 1, năm 1995

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Bức thư ngỏ gửi ông Trần Bạch Đằng

"Để đánh dấu 65 năm thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam"

BỬU SAO

Thưa ông,

Là độc giả thường nhật của báo chí quốc nội, đây tôi gửi đến ông một vài cảm nghĩ rất chân thành nhân đọc bài của ông đăng trên *Thời Báo Kinh Tế* Sài Gòn ngày 19/1/1995, dưới nhan đề *Đảng Cộng Sản Việt Nam Và Nền Kinh Tế Việt Nam, để đánh dấu 65 năm thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam.*

Thưa ông, từ năm có cuộc đổi mới tại xứ này tôi đã theo dõi kỹ càng mọi sinh hoạt văn hóa và chính trị của ông để nhận thấy rõ ông có một cái nhìn khoáng đạt và độc đáo về những vấn đề liên hệ đến vận nước. Nhưng ở cái tư thế trong giai tầng đảng bộ ông phải dùng lối ẩn dụ lắt léo tinh khôn trong khi ông chỉ muốn được nói lên sự thật. Có phải không, thưa ông? Do đó tôi viết lá thư này không ngoài mục đích giải ám những điểm khúc mắc trong bài ông viết để làm sáng tỏ một vài điểm chính yếu về những vấn đề then chốt trong công cuộc đổi mới nầy. Nếu ông thầm mong có người giúp ông đạt được mục tiêu ấy thì đây tôi xin được hân hạnh nhận lãnh công tác.

Ông nói rằng *Đảng đã xướng xuất ĐỔI MỚI vì thời cuộc thay đổi quá nhanh, song cuộc đổi mới này đã trở thành một trào lưu quần chúng không thể đảo ngược được nữa. Do đó đảng đang đứng trước nhiều thách thức chưa từng có.* Quả thế! Còn gì đúng hơn, thưa ông.

Vậy những thách thức ấy là gì và thuộc các lãnh vực nào?

Thách thức thứ nhất là thách thức Văn hóa, thuộc lĩnh vực *trí tuệ và nhiệt tình* của Đảng. Ông nói: *Đảng đã giữ vai trò lãnh đạo chỉ vì Đảng đã có trí tuệ và nhiệt tình, là tính tất yếu của sự lãnh đạo. Chính vì có trí tuệ và nhiệt tình mà đồng bào đã rộng lượng tha thứ cho Đảng trong những sai lầm cục bộ, bởi vì, với trí tuệ và nhiệt tình Đảng đã mang lại lợi ích toàn cục cho cả dân tộc và cho mỗi người.*Những lời khẳng định này cần phải đem đối chiếu với hiện thực một cách rành rẽ và nghiêm túc.

Phàm là người trí thức, ông nói đến *những sai lầm cục bộ* nhưng ông không khỏi nghĩ đến chiến dịch cải cách điền địa trong những năm 1955- 1956 mà ngót 300,000 nhà nông đã bị xử tử. Rồi đến vụ sai lầm trong các vụ đốt sách và tru diệt giới trí thức bị qui kết là tiêu biểu cho nền văn hóa tư bản đồi trụy qua những năm 1956-1958 ở ngoài Bắc, qua những năm 1975-1979 ở trong Nam. Sang giai đoạn đổi mới và mở cửa, Đảng phải buộc lòng từ bỏ chủ thuyết Mác Lê nên phải chấp nhận để *trào lưu quần chúng* tự do sưu tập sách báo trước 75, khôi phục nền văn hóa nhân bản và dân tộc đã bị Đảng hủy diệt 50 năm tung hoành ngang dọc trên đất nước nầy.

Vậy xin hỏi: những sai lầm trên đây có phải là những sai lầm cục bộ không? Và những sai lầm nầy có đáng được quốc dân tha thứ không? Chắc hẳn trong thâm tâm ông không tránh được những câu hỏi như thế. Nhưng việc trả lời thì vượt quá giới hạn tư duy do Đảng đã ấn định cho ông cũng như cho mỗi một người dân trong nước.

Thách thức thứ hai là thách thức chính trị thuộc lĩnh vực nhân quyền và dân quyền. Ông đề cập đến những thành quả cụ thể mà *thước đo hàng đầu là đời sống các tầng lớp nhân dân trong một xã hội ổn định về chính trị.* Ở đây tôi chú trọng đến hai từ ghép **Nhân Dân** và **Ổn Định**.

Trong bài tham luận đăng trên tuần báo Pháp Luật ngày 3 tháng Năm 1993, ông đặt câu hỏi: *Nhân dân đây là ai?* Và ông đã dùng một lối lý luận tinh khôn để ám chỉ Nhân Dân đây là Hội Đồng Nhân Dân, là Ủy Ban Nhân Dân, là Tòa Án Nhân Dân, là Công An Nhân Dân, và tất cả mọi thứ Nhân Dân khác không thuộc về nhân dân, vì các *ông nhân dân nầy*, như ông nói, do Đảng chỉ định và chi phối để xử lý con dân. Chính nhờ các *ông nhân dân* nầy mà xã hội Việt Nam đã được **ổn định**: đấy là tình trạng **ổn định** của một **Nhà Nước Công An** trong ấy sau lưng mỗi người dân đang rình rập một người "công an bạn dân". **Nhân Dân** và **Ổn Định** là thế đấy: **Ổn định** bằng lối bắt

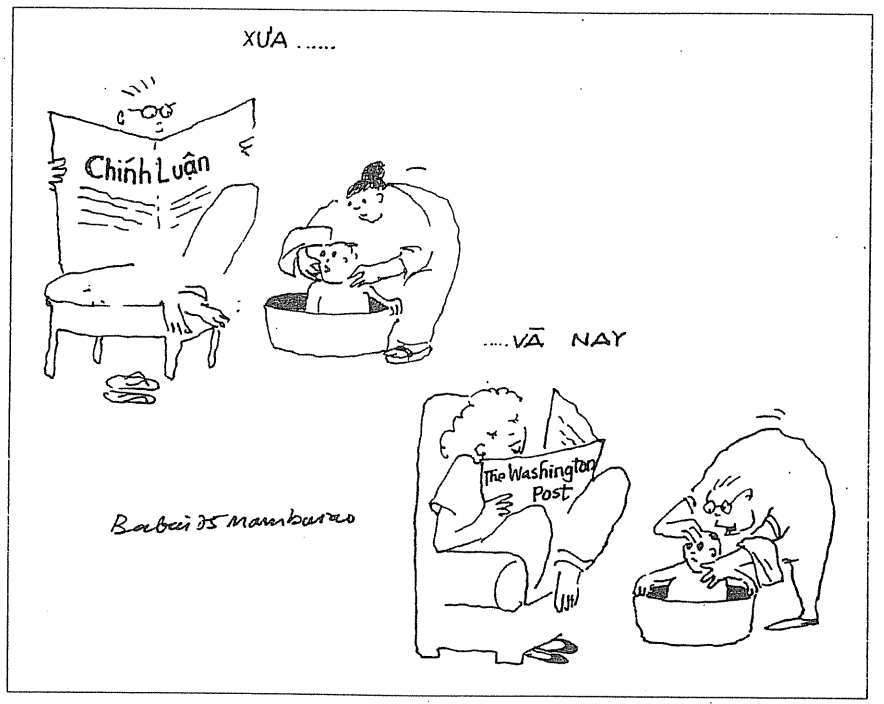

nhốt các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, các Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sỹ... và vô vàn những công dân khác chỉ vì họ muốn nói lên một vài sự thật để hoàn thiện cuộc đổi mới nầy. Về người Việt nước ngoài, ông Đỗ Mười đã có lần tuyên bố: *"Những lời dè bỉu chê bai của bọn lưu vong này rất xa lạ đối với nhân dân ta, với xã hội Việt Nam."* Xa lạ thật đấy! Vì ổn định bằng lối rình rập bắt nhốt này chỉ nhằm gây dồn ép truy bức trong thâm tâm con người để rồi một ngày đẹp trời nào đó sẽ làm nổ tung chế độ. Còn ông thì ông muốn giảm bớt cái nghiệt tình oan khuất đang chất chứa trong lòng dân nên đã lên tiếng đấu dịu: *Cải vã kiểu này không phải là chuyện người nghiệm túc - người Việt Nam đều là người lớn cả.* Ông Trần Bạch Đằng ạ, tôi đoan chắc trong thâm tâm ông vẫn cho rằng đây mới là chuyện người nghiêm túc; và những mối ưu tư này không *xa lạ đối với nhân dân ta, với xã hội Việtnam.* Nói chung, đấy là Những Mối Ưu Tư Của Người Việt Đôi Bờ mà kèm theo đây tôi gởi biếu ông một cuốn sách đúc kết (*).

Thách thức thứ ba là thách thức kinh tế, thuộc lãnh vực *cải thiện đời sống các tầng lớp nhân dân.* Là người trí thức ông thừa biết rằng những sai lầm sau 1975 của ba kế hoạch ngũ niên liên tiếp đồng thời với chính sách *"bài trừ tư sản mại bản, tận diệt con buôn"* không phải là những sai lầm cục bộ: chính những sai lầm này đã đưa nước Việt Nam vào vị trí của một nước nghèo nhất thế giới. Ông thừa biết rằng tình trạng nghèo đói của dân Việt là hậu quả tất yếu của cái *nhiệt tình và trí tuệ* của Đảng, mà cựu đảng viên Tiêu Dao Bảo Cự đã can đảm đánh giá ngược lại khi ông ấy nói: "Nhiệt tình cộng với ngu dốt chỉ là phá hoại thôi!" (Nửa Đời Nhìn Lại, passim).

Ông còn nói: *Với hai phẩm chất kia* (trí tuệ và nhiệt tình), *Đảng đã mang lại lợi ích toàn cục cho cả dân tộc và cho mỗi người.* Là người trí thức, ông thừa biết *những lợi ích toàn cục cho toàn dân* trong suốt bốn mươi năm chấp chính của Đảng là những cái gì rồi. Ngay báo chí quốc nội cũng đã phanh phui ra tất cả. *"Nhờ cơ may đổi mới, tư duy cởi mở, nhân dân đã nhận ra là con người mình, thành phố, quê hương mình là quá lạc hậu, lạc hậu đến kinh người so với các nước khác, trước nhất là các nước thuộc Thế Giới Thứ Ba."* (Tuổi Trẻ tháng Bảy 1993).

Nói đến sự nghèo đói của nhân dân ta, ông biện bạch: *Năm 1994, tổng sản phẩm xã hội chia cho đầu người của Việt Nam là 250 USD. Từ 130 USD năm 1986, chúng ta đã đạt trong tám năm mức gần gấp đôi!*

250 USD/năm để sống! Khiếp quá ông nhỉ? Rồi ông tiếp: *Như thế chúng ta đã rút ra khỏi danh mục những nước "rất nghèo" (très pauvre) lên mức "tương đối nghèo" (relativement pauvre).* Ông còn chua thêm mấy chữ tiếng Pháp trong dấu ngoặc đơn để cầm chắc lấy chân lý. Thế mà thưa ông, tài liệu của Ngân Hàng Thế Giới được công bố vào cuối năm 1994 đã nói ngược lại ông. Tài liệu này cho biết: nước Việt Nam nay thuộc vào hạng bốn nước nghèo nhất thế giới: đứng trước Somalia nhưng đứng sau Tanzania và Mozambique! (World Bank Policy Research, 1994 Ref. 678-83). Theo tiêu chuẩn Liên Hiệp Quốc, danh mục *tương đối nghèo* bắt đầu ở mức thu nhập 1000 USD/năm. Tôi đoan chắc ông vẫn biết thế nhưng ông phải biện bạch lấy rồi để được lãnh hai chữ bình an. Trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nầy, bình an cho bản thân là vấn đề sống còn đấy, có phải không, thưa ông?

Về mặt tích cực của công cuộc đổi mới nầy, ông bảo: *Khi đã có cơm ai mà chẳng nghĩ đến những gì cao hơn? Song bằng cách nào để có*

cơm, hình như có người không quan tâm, hình như có người giả định chẳng cần làm gì cả, vẫn có cơm! Ở đây ông có thể tha hồ phê phán mà không chuốc họa vào thân. Cởi mở kinh tế mà! Nhân đó ông đã phác họa hoạt cảnh của một xã hội **đổi mới** trong ấy tiền đẻ ra tiền, cho nên thiên hạ chẳng cần phải làm gì cả. Đấy là cung cách làm kinh tế của các Doanh Nghiệp Nhà Nước. Khi họ vớ được vốn vay với lãi suất ưu đãi do ngân hàng nhà nước tài trợ để rồi chuyển lẹ đến các doanh nghiệp tư nhân nhờ khai thác hộ cho thì quả thật họ *chẳng cần làm gì cả* mà vẫn có cơm ăn thừa mứa. Tiền của thì tha hồ vung vãi trong các hộp đêm sau khi đã cất gởi một số không ít tại các ngân hàng ngoại quốc. Tuy gọi là Đổi Mới nhưng cán bộ Đảng vẫn áp dụng cung cách làm kinh tế thời bao cấp để có cơm ăn mà chẳng phải cử động ngón tay út.

Hơn ai hết, ông là người đã thông suốt mọi mất mát thua thiệt mà con dân đã cam chịu vì Đảng. Ông đã thổn thức trăn trở, chỉ mong được nói lên tất cả sự thật nhân ngày kỷ niệm 65 năm thành lập đảng, có phải không, thưa ông? Chắc thế, vì ông còn nói tiếp: *Thông minh, can trường, khôn khéo, mô phạm - những phẩm chất mà thiếu chúng thì giá trị lãnh đạo bị xoi mòn... Gương xấu không thiếu, ngay trước mắt chúng ta. Chẳng một trích dẫn kinh điển nào thuyết phục hơn một trích dẫn nhãn tiền - một tự trích dẫn.* Với những *tự trích dẫn* trên đây không ai còn nghi ngờ cái chân giá trị lãnh đạo mà ông chỉ mong được vạch trần ra để có cơ may thật sự **Đổi Mới.**

Để kết thúc ông nói: *Lập luận chống Cộng, chống Việt Nam sẽ thay đổi nếu Đảng Cộng Sản kiên trì con đường đổi mới, cố gắng lãnh đạo đất nước giành những bước tiến từng ngày, từng tháng, từng năm.* Chí lý quá! *Lập luận chống Cộng, chống Việt Nam* quả thật đã thay đổi, vì chưng còn Cộng Sản đâu nữa mà chống? Theo kết toán chính thức cuối năm 1994 thì mức thu nhập bình quân tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thp. Hồ Chí Minh là từ 810 MK đến 1200MK, có thể là mỗi năm, cũng có thể là mỗi tháng, tùy cấp bậc, song ít nữa là gấp từ ba lần đến 100 lần mức thu nhập bình quân đầu người trong dân gian. Đấy chỉ là mức thu nhập của giới tân hào Việt nam, khoảng một triệu tám đảng viên còn muốn được gọi là **cộng sản** vì họ đã **cộng gộp tài sản** của 72 triệu dân trong tay mình. Nếu chỉ tính mức thu nhập bình quân của các ông quan cách mạng này là 600 MK/năm mà thôi thì khoảng thu nhập ròng của một triệu tám đảng viên đã chiếm hơn một tỷ 80 triệu mỹ kim lợi tức ròng của quốc dân rồi còn gì! Phần tép riu còn lại của phúc lợi quốc gia là bao nhiêu để *cải thiện đời sống các tầng lớp nhân dân* đây?

Vậy lập luận chống cộng đã thay đổi thật: thay vì chống cộng, người dân Việt Nam nay phải chống cái tập đoàn **Tư Bản Phát Xít Đỏ** đang ngự trị bằng bạo lực trên đầu trên cổ con dân. Song chống tập đoàn Phát Xít tư bản đỏ nầy không phải là chống Việt Nam. Nhân dân Việt Nam, ở trong cũng như ở ngoài nước, là kẻ thù bất cộng đái thiên của tập đoàn nầy, vì nước Việt Nam không phải là sở hữu của Đảng, mà là sở hữu của toàn dân Việt Nam.

Trân trọng:

BỬU SAO

(*)Những Mối Ưu Tư Của Người Việt Đôi Bờ. Tác giả Bửu Sao, tiến sĩ chuyên khoa Kinh Tế Á Châu Thái Bình Dương, Sorbonne III Paris INALCO, gởi biếu ông Trần Bạch Đằng, chuyên gia kinh tế của Nhà Nước XHCNVN, Cố Vấn cạnh Thủ Tướng Võ Văn Kiệt.■

BÌNH THƯỜNG HÓA QUAN HỆ MỸ - VIỆT: THƯƠNG MẠI TRƯỚC CHÍNH TRỊ SAU

BÙI VĂN PHÚ

Sử ký Việt Nam có ghi vào hậu bán thế kỷ 19 dưới triều vua Tự Đức, Bùi Viện là người Việt đầu tiên đã liên lạc với chính quyền Mỹ. Chuyến đi Hương Cảng của ông không chính thức nhưng Bùi Viện đã được gặp viên lãnh sự Mỹ và theo ông ta về Hoa Kỳ. Tại Mỹ Bùi Viện được tổng thống Ulysses S. Grant, một danh tướng anh hùng của cuộc nội chiến Hoa Kỳ tiếp kiến và hứa hẹn sẽ giúp triều đình Tự Đức chống lại quân xâm lăng Pháp. Tình hình Việt Nam lúc bấy giờ rất đen tối, Pháp tấn công vào Đà Nẵng, và một số tỉnh miền tây đã mất.

Chuyến đi của Bùi Viện do tự ông khởi xướng, vua Tự Đức không biết. Khi được Hoa Kỳ hứa ủng hộ, ông cũng trình bày rõ sự việc như thế. Tuy nhiên, Hoa Kỳ vẫn muốn giúp và đã cử người theo Bùi Viện về Việt Nam tìm hiểu thực trạng. Về nước Bùi Viện trình sự việc với nhà vua và được tha thứ tội giả mạo quốc thư đi cầu viện. Vua Tự Đức sau đó chính thức cử Bùi Viện đi Hoa Kỳ một lần nữa. Tiếc thay khi Bùi Viện trở lại Hoa Kỳ thì cục diện chính trị của Mỹ cũng đã thay đổi và những lời hứa cũ không còn hiệu lực vì tổng thống Grant đang phải đương đầu với tham nhũng, lạm dụng công quyền trong chính giới Mỹ. Hoa Kỳ đòi Bùi Viện số tiền hai triệu quan thì mới chịu xuất binh. Bùi Viện thất vọng trở về nước và không còn tin tưởng vào sự giúp đỡ của Hoa Kỳ trong việc chống ngoại xâm.

Kể từ khi nhà ngoại giao Việt nam đầu tiên đến Mỹ cầu viện không thành đến nay đã hơn một thế kỷ. Qua quãng thời gian dài đó mối bang giao Hoa Kỳ - Việt Nam là một con đường cong queo, gập ghềnh và đầy chướng ngại, nhất là trong gần nửa thế kỷ qua.

Đầu năm 1973 Hiệp Định Ba Lê về Hòa Bình Việt Nam được ký kết. Theo đó Hoa Kỳ sẽ rút hết quân, tù binh của các bên được trao trả, và tương lai chính trị của miền Nam sẽ do nhân dân miền Nam quyết định. Cũng theo tinh thần của bản hiệp định, Hoa Kỳ có trách nhiệm viện trợ tái thiết cho cả hai miền Nam Bắc.

Hiệp Định Ba Lê 73 đã đặt nền tảng cho hòa bình và phát triển tại Việt Nam. Tiếc thay những cơ hội lại vụt mất vì hiệp định không được tôn trọng, từ thi hành ngưng bắn, trao đổi tù binh đến việc thực thi quyền dân tộc tự quyết của miền Nam. Với quyết tâm thống nhất đất nước trong chế độ Cộng Sản, Hà Nội đã thành công trong việc xâm chiếm miền Nam, kết thúc cuộc chiến vào ngày 30 tháng Tư 1975. Sau đó Hà Nội giải tán Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, tổ chức bầu cử độc đảng để thống nhất đất nước vào cuối năm 1976. Việt Nam từ đó trở thành nước Cộng Sản lớn thứ ba trên thế giới và là một mối đe dọa cho các quốc gia lân bang trong vùng. Hoa Kỳ cắt đứt mọi liên lạc với Việt Nan từ đó.

Quan hệ Mỹ - Việt từ Ford đến Bush

Sau tháng Tư năm 1975, Hoa Kỳ áp dụng chính sách cấm vận đối với Việt Nam theo tinh thần của bộ luật cấm giao thương với những quốc gia thù nghịch, hầu hết là nước Cộng Sản, đã được Hoa Kỳ ban hành từ năm 1917. Hoa Kỳ đã cấm vận miền Bắc từ năm 1964 và sau tháng Tư năm 1975 chính sách này được áp dụng cho toàn thể Việt Nam.

Ít lâu sau chiến thắng, Hà Nội đòi hỏi Hoa Kỳ bồi thường chiến tranh qua hình thức viện trợ tái thiết theo tinh thần của Hiệp Định Ba Lê 1973. Chính quyền của tổng thống Gerald Ford bác bỏ đề nghị trên vì Hiệp Định Ba Lê đã không được tôn trọng và phía Mỹ cho biết căn bản để tiến tới quan hệ giữa hai nước là việc giải quyết vấn đề POW/MIA. Mặt khác vì không dự đoán được những mục tiêu quân sự của Hà Nội tại Đông Nam Á nên Hoa Kỳ đã không tích cực trong việc nối lại quan hệ với Hà Nội. Hoa Kỳ lo sợ một liên bang Đông Dương sẽ được thành hình vì với một đạo binh gồm một triệu quân, có kỷ luật và tự hào là đánh thắng Pháp và Mỹ, Cộng Sản Việt Nam có thể sẽ thực hiện giấc mộng đó. Trong những năm 1975, 76 Hoa Kỳ đã phủ quyết đơn xin gia nhập Liên Hiệp Quốc của Việt Nam ba lần.

1. Việt Nam và Jimmy Carter:
Muốn bang giao trước.

Tổng thống Jimmy Carter đã có một số quyết định liên quan đến Việt Nam. Thứ nhất, ông ký lệnh ân xá cho những người trốn quân dịch, đào ngũ trong thời chiến tranh Việt Nam như một hành động hàn gắn những xung đột trong chính giới và quần chúng Hoa Kỳ về

cuộc chiến. Tháng Ba 1977 ông cử đặc sứ Leonard Woodcock, lúc đó là chủ tịch của Tổng Liên Đoàn Lao Động Hoa Kỳ, qua Hà Hội nói chuyện về quyền lợi song phương. Hoa Kỳ sau đó không phủ quyết và Việt Nam chính thức gia nhập Liên Hiệp Quốc vào mùa hè năm 1977.

Những cuộc thảo luận kế tiếp được diễn ra tại Ba Lê giữa hai thứ trưởng ngoại giao là Richard Holbrook và Phan Hiền. Hoa Kỳ muốn hai nước thiết lập bang giao trước, rồi sẽ từ từ bỏ lệnh cấm vận, giải tỏa quỹ dự trữ của Việt Nam tại ngân khố Hoa Kỳ. Hà Nội tiếp tục đòi Hoa Kỳ viện trợ tái thiết thì mới cung cấp tin tức liên quan đến POW/MIA và đã đưa ra một danh sách dài gồm những dụng cụ kỹ thuật, nông nghiệp, phân bón, nguyên liệu mà Hà Nội cần cho việc phát triển kinh tế như những trao đổi. Đề nghị trên bị Hoa Kỳ bác bỏ và quốc hội đã biểu quyết một đạo luật cấm viện trợ cho Việt Nam.

Cuối năm 1978 Việt Nam đem quân qua Cam Bốt, một đồng minh của Trung Quốc. Hà Nội cũng đuổi nửa triệu người Việt gốc Hoa về Trung Quốc bằng đường bộ cũng như đường biển. Hoa Kỳ cho đây là những dấu chỉ cho thấy Hà Nội đã nghiêng về phía Liên Xô nên chấm dứt các cuộc thương thảo vì lúc này mối quan hệ Hoa Kỳ và Trung Quốc đang được cải tiến. Hoa Kỳ đã chính thức thừa nhận Trung Quốc từ ngày 1 tháng Giêng năm 1979.

2. Việt Nam và Ronald Reagan:

Phải cứng rắn với Cộng Sản.

Chính quyền của tổng thống Ronald Reagan đưa điều kiện nói chuyện bang giao là Hà Nội rút quân, hỗ trợ cho một giải pháp hòa bình ở Cam Bốt và hợp tác trong việc giải quyết vấn đề POW/MIA. Trong nhiệm kỳ đầu chính quyền Reagan đã không có quyết định quan trọng nào liên quan đến Việt Nam vì bộ đội Việt Nam tiếp tục chiếm đóng Cam Bốt.

Năm 1987, Reagan gửi đặc sứ John Vessey, nguyên tổng tham mưu trưởng quân đội, đi Hà Nội nói chuyện về POW/MIA. Sau đó Hà Nội đã hợp tác hơn với hàng trăm bộ xương được trao trả, tuy nhiên con số được xác nhận thuộc về lính Mỹ không nhiều. Cuối nhiệm kỳ của Reagan, vấn đề còn lại và những người tù học tập cải tạo của Việt Nam Cộng Hòa cũng được nêu lên với Hà Nội.

3. Việt Nam và George Bush:

Mở đầu cho những quan hệ.

Các cuộc thảo luận về POW/MIA, còn lại, cựu tù cải tạo được tiếp tục dưới thời tổng thống George Bush đưa đến việc ký kết với Hà Nội những thỏa hiệp định cư còn lại và cựu tù cải tạo. Gần hai trăm ngàn người đã được Hoa Kỳ cho định cư theo những diện này. Hà Nội cũng vận động ráo riết cho việc thiết lập văn phòng liên lạc tại thủ đô của hai quốc gia nhưng thất bại vì vấn đề Cam Bốt và POW/MIA chưa có những tiến bộ đáng kể.

Ngày 8 tháng Bảy năm 1990 ngoại trưởng James Baker loan báo Hoa Kỳ sẽ chính thức nói chuyện với Hà Nội để tìm một giải pháp hòa bình cho Cam Bốt.

Tháng Tư năm 1991 Hoa Kỳ đưa ra một bản lộ đồ để tiến tới bình thường hóa quan hệ. Việt Nam đồng ý để người Mỹ mở một văn phòng tìm kiếm POW/MIA tại Hà Nội. Kể từ 1975

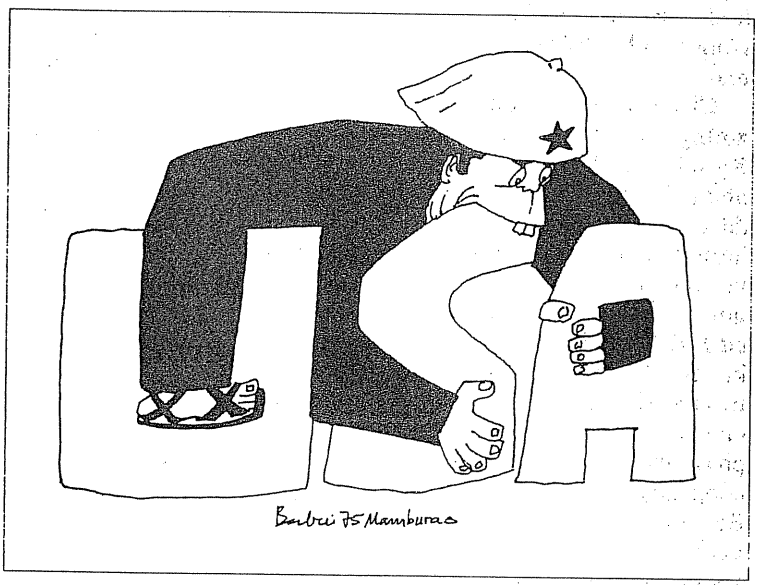

Hoa Kỳ không đưa ra một chính sách rõ rệt đối với Việt Nam vì thế bản lộ đồ được coi là kim chỉ nam của chính quyền Mỹ trong việc tiến đến bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Căn bản của bản lộ đồ là nền hòa bình Cam Bốt và giải quyết vấn đề POW/MIA.

Tháng Tám năm 1991 Ủy Ban Đặc Nhiệm của Thượng Viện về POW/MIA được thành lập dưới sự đồng chủ tọa của hai nghị sĩ Bob Smith của đảng Cộng Hòa và John Kerry của đảng Dân Chủ. Ủy ban có trách nhiệm tìm hiểu cặn kẽ vấn đề và đưa ra những khuyến cáo.

Cuối năm 1991 sau khi Hiệp Định Hòa Bình cho Cam Bốt được ký kết, Hoa Kỳ bắt đầu đi theo bản lộ đồ bằng việc bãi bỏ lệnh cấm di chuyển ra ngoài Nữu Ước dành cho các nhà ngoại giao Việt Nam, cho phép các nhà kinh

doanh Mỹ tổ chức du lịch Việt Nam và viện trợ nhân đạo một triệu đô la cho Việt Nam.

Tháng Tư 1992 liên lạc viễn thông giữa Hoa Kỳ và Việt Nam được nối lại.

Tháng Mười 1992 trên ba ngàn tấm hình về POW/MIA được nhân viên tình báo Hoa Kỳ Ted Schweitzer mua từ văn khố của Hà Nội đem về Mỹ. Tuy nhiên số hình này cũng chỉ giúp giải quyết được một số rất nhỏ những trường hợp người Mỹ còn mất tích.

Tháng Mười Hai 1992, trước khi tổng thống Bush từ giã tòa Bạch Ốc, ông ký lệnh cho phép các công ty Mỹ được nghiên cứu thị trường tại Việt Nam. Lệnh cấm vận được duy trì khi George Bush ra đi.

4. Lộ đồ bang giao Hoa Kỳ - Việt Nam

Sau nhiều năm thảo luận với những nghi ngờ lẫn nhau về thực tâm muốn tiến tới bang giao, đầu tháng Tư 1991 Hoa Kỳ chính thức đưa ra một bản lộ đồ bốn giai đoạn. Như các diễn biến xảy ra thì tiến trình bang giao Hoa Kỳ - Việt Nam đang ở giai đoạn chót.

A. Giai Đoạn Một (bắt đầu khi Hiệp Định Ba Lê về hòa bình Cam Bốt được ký kết vào tháng Mười 1991).

Phía Việt Nam:

- ký kết bản hiệp định hòa bình và thúc đẩy chính quyền Hun Sen đồng ý ký vào hiệp định này.
- có những bước tiến cần thiết để giải quyết mau lẹ "những trường hợp tù binh mà tín hiệu sau cùng cho biết còn sống" cũng như giải quyết những báo cáo nói còn tù binh, và tiếp tục trao trả hài cốt với ý định giải quyết vấn đề này trong vòng hai năm.
- cho phép những cựu tù cải tạo mà trước đây họ có liên hệ với Hoa Kỳ được phép rời Việt Nam qua chương trình đoàn tụ (ODP).

Phía Hoa Kỳ:

- bãi bỏ lệnh cấm di chuyển quá 25 dặm ngoài Nữu Ước dành cho các nhà ngoại giao Việt Nam.
- bắt đầu những cuộc thảo luận về việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao.
- cho phép những công ty Hoa Kỳ tổ chức du lịch Việt Nam.
- công khai bày tỏ những quan tâm về vấn đề diệt chủng tại Cam Bốt.

B. Giai Đoạn Hai (bắt đầu sau giai đoạn một và sau khi các lực lượng hòa bình của Liên Hiệp Quốc đã được tổ chức tại Cam Bốt).

Phía Việt Nam:

- tiếp tục hỗ trợ hiệp định và thúc đẩy chính quyền Nam Vang thi hành hiệp định.
- có những tiến bộ trong việc giải quyết vấn đề POW/MIA đã bắt đầu ở giai đoạn một.

Phía Hoa Kỳ:

- gửi một phái đoàn cao cấp đến Hà Nội để bàn thảo về vấn đề bình thường hóa bang giao.
- cho phép nối lại liên lạc viễn thông với Việt Nam.
- cho phép những công ty Hoa Kỳ ký kết những hợp đồng tại Việt Nam.
- cho phép các dịch vụ tài chánh được thực hiện nhằm đáp ứng những nhu cầu nhân dụng tại Việt Nam.
- làm việc với những quốc gia khác để giúp Việt Nam thanh toán những món nợ đối với các tổ chức tài chánh quốc tế.
- cho phép các công ty Hoa Kỳ được mở văn phòng đại diện thương mại tại Việt Nam.
- giải tỏa hết những giới hạn đối với những dự án của các tổ chức ngoài chính phủ tại Việt Nam.

C. Giai Đoạn Ba (bắt đầu khi việc kiểm soát hòa bình đã được tổ chức, việc giải giới vũ khí hoàn tất và việc giải binh bắt đầu)

Phía Việt Nam:

- tiếp tục hỗ trợ và khuyến khích chính quyền Nam Vang tôn trọng Hiệp Định Ba Lê.
- rút hết binh lính và cố vấn quân sự khỏi Cam Bốt.
- giải quyết những trường hợp POW/MIA cuối cùng được biết đến như còn sống và trao trả những hài cốt mà Việt Nam còn giữ.

Phía Hoa Kỳ:

- mở văn phòng liên lạc ngoại giao tại Hà Nội và Hoa Thịnh Đốn.
- hoàn toàn bãi bỏ lệnh cấm vận.
- hỗ trợ cho những tổ chức tài chánh quốc tế viện trợ cho Việt Nam trong những dự án nhân đạo.

D. Giai Đoạn Bốn: Sau khi đã có một cuộc tổng tuyển cử tự do tại Cam Bốt do Liên Hiệp Quốc giám sát, một quốc hội Cam Bốt được bầu để soạn thảo Hiến Pháp mới, các lực lượng quân đội được giải giới, và Việt Nam hợp tác hết lòng để giải quyết vấn đề POW/MIA còn lại, thì Hoa Kỳ sẽ:

- thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ với Việt Nam.
- cứu xét việc cho hàng hóa Việt Nam được hưởng qui chế tối huệ quốc trong việc trao đổi mậu dịch.
- hỗ trợ các tổ chức tài chánh quốc tế trong việc giúp Việt Nam thực hiện những dự án phát triển kinh tế.

Việt Nam và Bill Clinton

Không như những vị tiền nhiệm, tổng thống Bill Clinton là người của thế hệ chiến tranh Việt Nam, hơn nữa ông lại đứng về phía những người chống lại cuộc chiến tranh này. Quá khứ của Clinton thường đưa đến những tranh luận và phản đối, mạnh mẽ nhất xảy ra trong Ngày Chiến Sĩ Trận Vong năm 1993 khi Clinton đến

đọc diễn văn tại Đài Tưởng Niệm Việt Nam.

Các cố vấn đối ngoại của Clinton muốn Hoa Kỳ tiến tới trong việc thừa nhận Hà Nội, trong khi đó những cố vấn đối nội lại khuyên ông nên cẩn thận vì không muốn vấn đề bang giao với Việt Nam trở thành một đề tài tranh luận gây lạc hướng cho việc thực thi chính sách đối nội do Clinton đề ra. Vì thế Clinton tiếp tục đi theo bản lộ đồ đã được đưa ra vào năm 1991 mà vấn đề POW/MIA là một trọng tâm.

Tháng Giêng năm 1993 Ủy Ban Đặc Nhiệm POW/MIA của Thượng Viện công bố những điều tra của ủy ban trong một tài liệu dày trên một ngàn trang. Tuy ủy ban đã làm sáng tỏ một số vấn đề nhưng vẫn còn nhiều nghi vấn về số hài cốt lính Mỹ mà Hà Nội thực sự có thể giải quyết mà họ vẫn chưa hết lòng. Nhiều phái đoàn hành pháp và lập pháp Hoa Kỳ tiếp tục đi Việt Nam để lượng định sự hợp tác của Hà Nội.

Tháng Tư 1993 một tài liệu mới, bản báo cáo của tướng Trần Văn Quang về con số tù binh được khám phá tại Văn Khố của Đảng Cộng Sản Nga, theo đó Hà Nội đã giam giữ 1,250 tù binh, nhưng khi trao trả sau Hiệp Định Ba Lê chỉ có hơn 600 trở về.

Tháng Bảy 1993 Hoa Kỳ không phản đối việc Pháp và Nhật giúp Việt Nam trả nợ cũ từ những tổ chức tài chánh quốc tế.

Ngày 12 tháng Chín 1993 Clinton ký gia hạn lệnh cấm vận nhưng tăng số tiền viện trợ nhân đạo cho Việt Nam lên 3.5 triệu đô la.

Ngày 27 tháng Giêng 1994, Thượng Viện Hoa kỳ, cơ quan lập pháp có ảnh hưởng lớn trong chính sách đối ngoại biểu quyết thông qua một quyết nghị ủng hộ việc Hoa Kỳ bỏ cấm vận.

Ngày 3 tháng Hai 1994 tổng thống Bill Clinton ký lệnh bãi bỏ cấm vận đối với Việt Nam.

Ngày 28 tháng Hai hai bên bắt đầu những thảo luận để giải quyết vấn đề tài sản đôi bên. Việt Nam tuy đã có nhiều cởi mở theo cơ chế kinh tế thị trường nhưng luật lệ về sở hữu và sử dụng đất chưa có khiến việc trao trả bị chậm trễ nhiều tháng. Khi công bố quyết định thiết lập văn phòng liên lạc tại hai thủ đô vào ngày 26 tháng Năm 1994 hai bên dự định trong vòng vài tháng văn phòng sẽ mở cửa. Trên thực tế phải mất gần một năm mới hoàn tất việc thương thảo về tài sản trước khi văn phòng liên lạc chính thức mở cửa vào cuối tháng Giêng 1995.

Kể từ khi Hoa Kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận, các cuộc thảo luận liên quan đến nhân quyền tại Việt Nam cũng được thực hiện giữa đại diện của hai quốc gia. Các vị dân cử Hoa Kỳ tuy ủng hộ việc bình thường quan hệ giữa hai nước vẫn không ngừng lên tiếng kêu gọi Hà Nội tôn trọng nhân quyền, trả tự do cho những tù nhân chính trị, tù nhân của lương tâm tại Việt Nam.

Lập văn phòng liên lạc: ánh sáng ở cuối đường hầm

1. Hoa Kỳ chính thức trở lại

Sáng ngày 28 tháng Giêng 1995 Hoa Kỳ và Việt Nam đã ký kết những thỏa thuận trao trả tài sản tại Hà Nội giữa James Hall, trưởng phòng liên lạc đại diện phía Hoa Kỳ và Nguyễn Xuân Phong, vụ trưởng vụ Châu Mỹ đại diện phía Việt Nam. Buổi lễ chỉ diễn ra trong vòng mười phút và hai bên đều không đưa ra dự kiến về bước tiến kế tiếp trong việc bang giao.

Theo những thỏa thuận được ký kết, Hoa Kỳ sẽ lấy lại 36 bất động sản tại 22 địa điểm khác nhau ở Việt Nam và Hà Nội sẽ được quyền làm chủ Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa cũ ở Hoa Thịnh Đốn. Phía Việt Nam cũng đồng ý trả một ngân khoản 208.5 triệu đô la tiền bồi thường thiệt hại cho chính phủ và các công ty Mỹ.

Trước khi văn phòng liên lạc mở cửa, vấn đề POW/MIA lại gây chú ý khi cuốn sách Inside Hanoi's Secret Archives với những tài liệu của Ted Schweitzer được xuất bản. Sách này ghi lại lời một số sĩ quan Bắc Việt cho biết đã có hàng trăm tù binh Hoa Kỳ bị hành quyết hoặc tra tấn chết trong khi bị Hà Nội giam giữ. Một số nhà lập pháp lên tiếng yêu cầu Clinton không nên tiến thêm trong lúc này.

Thông Báo
v/v giá báo mới

Từ đầu **tháng Ba 1995**, giá báo bán lẻ là **$4.00** một tờ. Giá dài hạn sẽ theo bảng sau đây:
Gửi bulk rate: □ 6 tháng: $22.00 □ một năm: $40.00 □ hai năm: $75.00
Gửi first class: □ một năm: $52.00 □ hai năm: $96.00
Gửi ra ngoài nước Mỹ chỉ nhận first class
□ **Canada**: US$59 (1 năm); US$113 (2 năm)
□ **Âu châu**: US$76 (1 năm); US$140 (2 năm)
□ **Á, Úc**: US$86 (1 năm); US$160 (2 năm)

mẫu phiếu mua báo dài hạn in nơi trang 2
Liên lạc:
Cô **Phan Mỹ Sương**
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640 USA
(714) 638-9510

FAX (714) 638-1944

Sáng ngày 8 tháng Hai 1995, đúng bốn mươi năm kể từ khi người Mỹ cuốn gói rời khỏi miền Bắc và 20 năm sau khi rút khỏi miền Nam, cờ Mỹ được kéo lên tại Hà Nội trong một buổi lễ chào cờ đơn sơ nhưng ý nghĩa. Đây là một bước quan trọng chứng tỏ hai nước đang cố gắng giải quyết những khó khăn, trở ngại còn lại trước khi chính thức thừa nhận nhau.

2. Quan hệ Hoa Kỳ - Trung quốc: Một tiền lệ về quan hệ giữa Hoa Kỳ và nước Cộng Sản

Khi Mao lên nắm quyền tại Trung Quốc vào năm 1949 đẩy Tưởng Giới Thạch ra Đài Loan, Hoa Kỳ đã không thừa nhận chính quyền cộng sản mà chỉ thừa nhận Đài Loan và đã có chính sách cấm du lịch, giao thương với Trung Quốc.

Hai mươi năm sau khi cộng sản lên nắm quyền, vào năm 1971 tổng thống Richard Nixon đã nới lỏng lệnh cấm vận và cho phép người Mỹ đi du lịch Trung Quốc. Tháng Hai 1972 Nixon công du Trung Quốc và trở thành vị tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ viếng thăm nước cộng sản đông dân nhất hoàn cầu. Kết quả của chuyến đi là Bản Thông Cáo Chung Thượng Hải được ký kết giữa Nixon và Chu Ân Lai. Hai bên đồng ý việc tiến đến bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước là một điều có lợi cho cả đôi bên và thế giới. Một năm sau đó văn phòng liên lạc được thiết lập tại Bắc Kinh và Hoa Thịnh Đốn.

Từ những khởi đầu với quan hệ mậu dịch, trao đổi văn hóa, giáo dục, đến việc thiết lập văn phòng liên lạc, đã phải mất tám năm trước khi hai nước chính thức thừa nhận ngoại giao vào ngày 1 tháng Giêng 1979 khi tổng thống Jimmy Carter quyết định cắt đứt những liên hệ ngoại giao với Đài Loan và bang giao với Trung Quốc.

Trong tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, Đài Loan là một vấn đề gai góc nhất nhưng qua thương thảo, nhượng bộ từ hai phía nên đã được giải quyết có lợi cho cả đôi bên.

3. Bình thường quan hệ kinh tế trước, chính trị sau:

Trong tiến trình tiến tới bình thường quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, vấn đề POW/MIA là một trở ngại nhưng không phải là những bế tắc. Trong 20 năm qua Hà Nội đã trao trả ba trăm bộ hài cốt. Một số giới chức chính quyền Mỹ còn tin rằng Hà Nội có thể giúp giải quyết những trường hợp còn lại. Thượng nghị sĩ Bob Smith, nguyên đồng chủ tịch Ủy Ban Đặc Nhiệm POW/MIA của thượng viện tin rằng Hà Nội biết tin tức về hàng trăm trường hợp nữa và có thể giúp giải quyết mau lẹ hơn. Chính phủ Việt Nam vẫn nói đây là vấn đề nhân đạo trong khi đó một số người Mỹ cho đây là một kế hoạch chính trị có tính toán của Hà Nội để dùng vấn đề này như một trao đổi cho việc bang giao, viện trợ. Với thời gian, niềm tin vào quan hệ tốt đẹp và những nhượng bộ từ hai phía, vấn đề sẽ được giải quyết thỏa đáng như mong muốn của hai bên.

Những trở ngại khác để tiến tới bình thường quan hệ là cơ cấu tổ chức kinh tế, hấp lực đầu tư tại Việt Nam. Như đã phát triển trong mối quan hệ Hoa KỲ - Trung Quốc, cơ cấu kinh tế cải tiến để phát triển là một yếu tố để Hoa Kỳ tiến mau hơn trong việc bình thường hóa quan hệ.

Hiện nay tuy không còn cấm vận nhưng việc giao thương với Việt Nam vẫn bị giới hạn bởi nhiều luật của Hoa Kỳ như về qui chế tối huệ quốc, quỹ dự trữ và tài sản, bảo hiểm đầu tư của tư nhân tại nước ngoài, tài trợ xuất nhập cảng, trợ cấp xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp v.v... mà các tổ hợp luật sư lớn của Hoa Kỳ như Vecchi, McKenzie, White and Case đang làm việc với Việt Nam để tạo những môi trường thuận lợi cho việc đầu tư, cho phép các tổ chức tài chánh quốc tế, mà Hoa Kỳ thường đóng góp nhiều nhất, viện trợ hoặc cho Việt Nam vay tiền để thực hiện những dự án phát triển. Khi có môi trường kinh tế thuận lợi, đầu tư gia tăng, quan hệ thương mại phát triển và rồi sẽ đưa đến việc phát triển những quan hệ chính trị giữa hai quốc gia.

Trên căn bản pháp lý, Hoa Kỳ cũng cần chuẩn bị dư luận quần chúng cho việc thiết lập quan hệ chính trị với cộng sản Việt Nam, một cựu thù đã đánh bại Hoa Kỳ trong một cuộc chiến đắt giá về nhân mạng cũng như tài chính. Thượng Viện hiện do đảng Cộng Hòa nắm đa số với thủ lãnh là nghị sĩ Robert Dole - người đã chống lại quyết định bỏ cấm vận của Clinton - và Jessie Helm làm chủ tịch ủy ban ngoại giao là một nghị sĩ cực hữu mà những cuộc điều trần trước Thượng Viện về bang giao hai nước không có lợi cho Hà Nội.

Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ luôn luôn ở thế chân vạc gồm ba yếu tố: quyền lợi kinh tế, vị thế chiến lược và lý tưởng dân chủ. Trong thế đó, Hoa Kỳ sẽ trở thành bạn khi Việt Nam có thị trường đầu tư tốt, góp phần tạo sự ổn định trong vùng - Hoa Kỳ sẽ tán đồng việc Việt Nam gia nhập Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á tức khối ASEAN - và tỏ ra là một chính quyền biết tôn trọng nhân quyền. Chỉ khi có đủ ba yếu tố trên thì quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam mới được coi là bình thường. Nếu không, hai bên vẫn còn những bất đồng, đôi khi căng thẳng như quá khứ, hay như mối quan hệ Hoa Kỳ - Trung Quốc trong một phần tư thế kỷ qua.■

Tháng Ba 1995

DẠY TIẾNG VIỆT CHO CON EM TẠI HẢI NGOẠI

Tiến sĩ PHẠM VĂN LƯU

Có một số không ít phụ huynh tâm sự với tôi:

"Chúng tôi cũng muốn con cái học tiếng việc. Nhưng nhiều khi nghĩ lại chúng tôi thấy đó là một điều lầm lẫn vì khi đến nước Úc của người ta rồi, gắng học tiếng của người ta càng nhiều càng tốt để ăn nói, để hội nhập vào xã hội của người ta! Cứ giữ cái nợ văn hóa quê mùa của mình làm gì? Chỉ tổ làm chậm việc thăng tiến trong xã hội mới! Nhưng khổ tâm vô cùng, nếu chúng tôi công khai bày tỏ quan điểm này thì các vị giáo chức sẽ bảo chúng tôi là vong bản, mất gốc..."

Tôi thành thật chia sẻ ưu tư lớn lao của quý vị này về tương lai và sự thành đạt của giới trẻ Việt Nam tại hải ngoại. Do đó, tôi muốn tôn trọng ý kiến của các vị đó, để chọn đề tài:

Thử đặt lại vấn đề giảng dạy tiếng Việt tại hải ngoại.

Tôi cũng đề nghị chúng ta nên thảo luận một cách khoa học, khách quan, vô tư, triệt để và dứt khoát. Để rồi, nếu kết quả cho thấy việc học tiếng Việt thực sự có hại cho việc phát triển trí thông minh của các em, thì chúng ta nên vì lợi ích của các em và tiền đồ của đất nước, nên dẹp bỏ tự ái dân tộc và can đảm chấm dứt việc giảng dạy tiếng Việt. Nhưng ngược lại, nếu việc giáo dục song ngữ Việt và Anh sẽ là khởi điểm kích thích sự phát triển khả năng trí tuệ và tình cảm tốt đẹp cho các em, thì chúng ta cũng nên mạnh dạn cổ võ để cùng thống nhất ý chí, cùng hỗ trợ cho công việc giáo dục song ngữ mang lợi ích thiết thực cho cá nhân các em, gia đình và cộng đồng người Việt tại hải ngoại.

I. Một vài khái niệm chuyên môn

Để quí vị dễ theo dõi, tôi xin phép nêu lên vài khái niệm chuyên môn mà các nhà giáo dục và tâm lý học đã dùng để đo lường sự phát triển trí thông minh của các em.

1.*Trắc nghiệm về sự hiểu biết (Mental Age)*

Năm 1905, hai nhà tâm lý học Alfred Binet và Theodore Simon nghĩ ra những bài trắc nghiệm khả năng thông minh của đứa trẻ để xác định tuổi hiểu biết (Mental Age). Từ đó, các nhà giáo dục và tâm lý học Âu Mỹ sử dụng lối trắc nghiệm này để định giá khả năng phát triển trí thông minh của trẻ em. Các bài trắc nghiệm tuổi hiểu biết được soạn tùy theo lứa tuổi như 4, 5, 6... dưới nhiều hình thức khác nhau bằng vấn đáp, hình ảnh hay chữ viết.

2. *Chỉ số thông minh IQ (Intelligence Quotient)*

Từ khái niệm tuổi hiểu biết này chúng ta có thêm khái niệm chỉ số thông minh (Intelligence Quotient), viết tắt là IQ. Cách tính chỉ số thông minh như sau:

Nếu một em bốn tuổi làm được một bài trắc nghiệm cho lứa tuổi của em, thì lấy 4:4 x 100 = 100. Chỉ số thông minh trung bình là 100. Nếu một em bốn tuổi làm được bài trắc nghiệm của tuổi hiểu biết 6, chỉ số thông minh (IQ) 6:4 x 100 = 150. Đây là chỉ số thông minh cao. Nhưng một em mười tuổi chỉ làm được bài trắc nghiệm của tuổi hiểu biết 8, chỉ số thông minh 8:10 x 100 = 80. Em này bị xếp vào loại có trí thông minh thấp. Ngoài ra tôi còn dùng chữ *song ngữ* để dịch chữ *bilingual*.

Để có một căn bản khách quan, khoa học và vô tư cho cuộc thảo luận, tôi xin phép lược trình những nghiên cứu từ đầu thế kỷ liên quan đến việc học song ngữ (nghĩa là học hai ngôn ngữ cùng một lúc), giống như các em học sinh Việt Nam học vừa tiếng Việt và tiếng Anh vậy.

Một cách tổng quát có thể nói những cuộc nghiên cứu trước thập niên 50 đều là những tìm hiểu có tính cách cá nhân và thường chống lại việc học song ngữ. Trái lại, những cuộc sưu tầm có tính chất tập thể hay được các đại học tài trợ từ sau thập niên 1960 đều tán đồng giảng dạy song ngữ và cho rằng các em đạt được những lợi ích quan trọng về phương diện tình cảm và phát triển trí tuệ khi các em học hai ngôn ngữ.

II. Lập luận chống học song ngữ

1. Giống như quan điểm của một số quí vị phụ huynh không đồng ý gửi con em học Việt ngữ, các cuộc nghiên cứu trên thế giới trước năm 1950 cho rằng học song ngữ có những tác dụng tai hại cho trí óc non nớt của các em. Thật vậy, năm 1922, Jesperson, trong một quyển sách của ông mang nhan đề *Language, its Na-*

ture, Development and Origin đã viết:

"Dĩ nhiên, thật có lợi cho một em bé biết hai ngôn ngữ, nhưng chắc chắn, em đã phải trả một giá rất đắt cho mối lợi đó. Trước hết em phải làm việc rất vất vả để biết thông thạo hai ngôn ngữ thay vì một. Điều này sẽ làm giảm khả năng học tập của các em trong những môn học khác mà các em có thể và cần phải học. (Jesperson, O., 1922, op. cit., London: Gheorge Allen and Unwin Ltd, p.148)

2. Năm 1928, Reynold trong một bài báo xuất bản tại Thụy Sĩ, đã bày tỏ quan niệm cho rằng học song ngữ sẽ đưa đến những hậu quả nghiêm trọng. Nó dẫn đến xáo trộn và lầm lẫn trong việc trau dồi ngôn ngữ. Kế tiếp hậu quả là làm giảm sút khả năng suy nghĩ sắc bén, khiến hành động kém chính xác, làm suy thoái trí thông minh, gia tăng sự hôn mê về tinh thần và gây nên những sự bất ổn nội tâm. (trích lại, phần tiếng Anh của Gheorge Saunders, p.15)

3. Đến 1933, một nhà ngữ học Đức, Weigerber cho rằng việc học song ngữ là trái với tự nhiên. Nó sẽ làm bất bình thường trí thông minh của các em trong các cộng đồng sắc tộc. Ba mươi năm sau, nghĩa là vào năm 1966, nhà ngữ học Weigerber vẫn cho rằng những lợi ích của việc học song ngữ không bù đắp được những điều mà ông cho là các tác hại do việc học song ngữ gây nên. Theo ông bản tính căn bản của con người là đơn ngữ chứ không phải là song ngữ. Việc học song ngữ giống như một người cố gắng theo hai tôn giáo khác nhau cùng một lúc.

4. Ngoài những luận cứ chống lại việc học song ngữ căn cứ trên những nhận thức cá nhân này, ngày nay ở Úc còn một số khá lớn phụ huynh trong các cộng đồng sắc tộc và các vị giáo viên dạy ESL nghĩa là Anh văn như một thứ ngôn ngữ thứ hai khuyên các phụ huynh cho các em chỉ nói một ngôn ngữ duy nhất đó là tiếng Anh ở nhà cũng như ở trường. Vì theo quan niệm của các vị này: càng nghe nhiều, càng nói nhiều tiếng Anh, chúng ta sẽ trở nên lưu loát trong việc sử dụng tiếng Anh. Nếu chúng ta cho phép các em nói tiếng Việt ở nhà sẽ làm cản trở việc nói tiếng Anh của các em. Bao giờ việc học đơn ngữ cũng giúp các em dễ dàng lãnh hội hơn học song ngữ. Lập luận này có thể đúng và hợp lý trong trường hợp tổng quát, nhưng nó lại tỏ ra sai lầm nếu đem áp dụng vào các cộng đồng sắc tộc mới định cư như cộng đồng Việt Nam.

Thực vậy, luận cứ này đã bỏ quên một yếu tố cá biệt rất quan trọng của cộng đồng chúng ta. Tất cả học sinh Việt Nam đều thuộc về thế hệ đầu tiên mới đến Úc. Tôi không dám nói tất cả, nhưng đa số phụ huynh Việt Nam, về phương diện Anh ngữ, chưa phát âm đúng, cấu trúc câu văn chưa rõ ràng, đôi khi còn sai văn phạm nữa. Nếu ta sử dụng Anh văn ở nhà để nói với các em, các em sẽ hấp thụ thứ tiếng Anh không hoàn chỉnh đó. Đến trường, cô giáo lại phải sửa giọng phát âm, sửa cách thành lập câu của các em... làm cho các em gặp rất nhiều trở ngại trong việc học tiếng Anh ở trường. Do đó, các em này còn nói tiếng Anh kém và viết tiếng Anh không chính xác bằng các em nói tiếng Việt ở nhà và chỉ học tiếng Anh ở trường. Đó là chưa kể trường hợp, một vài em khi cô giáo sửa tiếng Anh, các em bảo:

"Ba tôi dạy như vậy mà"

Một cô giáo Úc đã bảo: *"Stupid, forget it!"*

Những sự kiện đó dần dần làm cho các em khinh thường phụ huynh. Rồi dẫn đến khủng hoảng sâu xa hơn trong đời sống gia đình. Kinh nghiệm riêng của cá nhân chúng tôi, gần mười năm nay dạy tại trường tiểu học Fitzroy, tôi theo dõi khoảng sáu em luôn luôn nói tiếng Anh ở nhà cũng như ở trường. Cha mẹ không cho các em học tiếng Việt và tiếp xúc với bạn bè bằng tiếng Việt, vì sợ ảnh hưởng đến việc học tiếng Anh.

Kết quả: đến lớp sáu, những em này làm những bài luận văn bằng Anh ngữ kém hơn các em nói giỏi tiếng Việt ở nhà và học giỏi tiếng Việt tại trường ngày Thứ Bảy. Điều đáng để chúng ta suy nghĩ hơn là: tất cả sáu em này đều thiếu lễ độ và ngỗ nghịch với cha mẹ. Đặc biệt khi các em này không muốn vâng lời cha mẹ, các em bảo với cha mẹ các em: "Cha mẹ nói tiếng Anh đi! Nói tiếng Việt con không hiểu gì cả!" Nhưng khi cha mẹ nói bằng tiếng Anh với các em, các em lại cãi: "Tiếng Anh của cha mẹ 'funny' quá, con không hiểu gì cả!"

Trong khi đó các em học tiếng Việt vì còn giữ được truyền thống gia đình Việt Nam nên lúc nào cũng lễ phép và ngoan ngoãn với các

phụ huynh. Chính vì vậy, sau gần sáu, bảy năm xa lánh người Việt, phụ huynh của các em vừa nói đến trên kia lại mang con của họ đến nhờ trường do chúng tôi phụ trách, nhờ thầy cô Việt Nam dạy dỗ các em. Vì thầy cô của trường này cũng là giáo viên trong các học đường ở Úc, hay cũng tốt nghiệp tại các đại học Úc, nên các em đó nể sợ hơn.

5. Một cuộc nghiên cứu khác ở Thụy Điển của Ruke Dravina năm 1967 cũng cho thấy kết quả tương tự. Nghĩa là các em dùng tiếng mẹ đẻ *Latvian* để nói ở nhà với cha mẹ thì viết giỏi và nói giỏi tiếng Thụy Điển hơn là các em sử dụng ngay cả tiếng Thụy Điển để nói với cha mẹ. Để giải thích tình trạng có vẻ hơi nghịch lý đó, Dravina viết rằng: các em nói tiếng Thụy Điển ở nhà với phụ huynh không phải người Thụy Điển đã học phải cách phát âm sai. Cách diễn tả lầm lẫn đã tạo cho các em những bước khởi đầu đầy tệ hại trong việc học tiếng Thụy Điển ở trường, [...] trong khi các em nói tiếng mẹ đẻ ở nhà với cha mẹ thì được học thứ tiếng Thụy Điển thuần túy, đúng giọng ở ngoài xã hội từ những người Thụy Điển chính gốc.

Ngoài ra, các cuộc nghiên cứu của Oksaar đối với trẻ em Estonian ở Stockholm vào năm 1977 và của Clyne đối với 200 trẻ em Đức nói tiếng Anh ở Úc năm 1967 cũng cho thấy một kết quả tương tự. (Clyne, M, 1967, *Transference and Triggering: Observation on the Language Assimilation of Postwar Gherman - Speaking Migrants in Australia,* The Hague: Nijhoff.p.116), nghĩa là các em nói tiếng Đức ở nhà với cha mẹ thì các em nói tiếng Đức rất thành thạo, mà tiếng Anh của các em cũng lưu loát hơn các em chỉ dùng đơn ngữ tiếng Anh ở nhà lẫn ở trường.

Năm 1956, trong khi duyệt xét lại các cuộc nghiên cứu đã thực hiện tại Hoa Kỳ về vấn đề này, ông Haugen đã kết luận như sau trong tác phẩm *Bilangualism in the Americas,* Alabama, University of Alabama xuất bản:

"Việc học song ngữ không ảnh hưởng gì tới những bài trắc nghiệm về trí thông minh dùng vấn đáp và hình ảnh."

Nhưng tác giả lưu ý đối với những trắc nghiệm về trí thông minh dùng chữ viết, các em học song ngữ chậm đi khoảng hai năm ở một thời điểm nào đó so với các em học đơn ngữ. Nhưng khác biệt này sẽ biến mất khi các em học song ngữ bước vào đại học.

III. Lập luận ủng hộ việc học song ngữ

1. *Nghiên cứu ở Gia Nã Đại*

Kết quả những cuộc nghiên cứu trong thập niên 50 trở về trước hầu như bị các cuộc nghiên cứu qui mô trong thập niên 60 trở về sau bác bỏ. Năm 1962, Peal và Lambert nghiên cứu hậu quả của việc học song ngữ đối với trí thông minh của học sinh 10 tuổi từ sáu trường dạy tiếng Pháp ở Montreal, Canada. Hai nhà nghiên cứu chọn hai nhóm học sinh song ngữ và đơn ngữ cùng một giai cấp xã hội, giới tính và tuổi tác để trắc nghiệm. Kết quả thật không ngờ: các em học song ngữ có chỉ số thông minh cao hơn các em đơn ngữ không những trong những bài trắc nghiệm dùng vấn đáp mà ngay cả đến những bài trắc nghiệm dùng chữ viết.

Hơn nữa, các em học lớp song ngữ thường học lớp cao hơn các em học đơn ngữ cùng lứa tuổi. Kế tiếp các em học song ngữ đều có điểm cao trong các bài tập ở lớp hơn các em học đơn ngữ. Tóm lại, có thể nói cuộc nghiên cứu này chứng tỏ các em học song ngữ hơn hẳn các em học đơn ngữ về mọi phương diện.

Do đó Peal và Lambert đi đến kết luận: *"Thật là lầm lẫn khi nghĩ rằng học thêm một ngôn ngữ thứ hai là đặt thêm một gánh nặng cho việc phát triển cả hai ngôn ngữ và cản trở những thành quả giáo dục của các em!"*

Peal và Lambert tóm tắt kết quả nghiên cứu của các ông như sau: Kinh nghiệm của một em học song ngữ cho thấy em đó đạt được một sự linh động khi trau dồi kiến thức, có ưu thế trong việc hình thành các khái niệm, và có một khả năng tinh thần để kiếm tìm nhiều giải pháp hơn cho vấn đề. Ngoài ra các em học song ngữ còn có thể phát triển nhiều kỹ năng tinh thần khác. (Peal, E. and Lambert, W, 1962, "Relation of Bilangualism to Intelligence", *Psychological Monographs, No 76,p.1-23)*

2. Nghiên cứu ở Mỹ

Năm 1964, trong một cuộc nghiên cứu rất qui mô để hoàn thành luận án tiến sĩ nhan đề *"A comparision of the Cognitive Functioning of Monolinguals and Bilinguals"* ở McGill University, Anesfield đã xác nhận mình hoàn toàn đồng ý với các kết quả năm 1962. Tuy nhiên, ông giải thích vì các em học sinh này là thuộc các gia đình di dân: do hoàn cảnh bắt buộc nên các em không thể có chọn lựa nào khác hơn là phải học song ngữ. Chính vì vậy mà các em này đạt điểm số cao trong bài trắc nghiệm về chỉ số thông minh hơn các em học đơn ngữ. Đây là trường hợp tương tự các em học sinh Việt Nam tại Úc.

Năm 1977, Selalowitz, trong một cuộc nghiên cứu khác cũng cho rằng gia sản văn hóa và ngôn ngữ của các em học song ngữ vốn đã phong phú rồi vì nó gồm cả hai ngôn ngữ và điều đó sớm đưa đến những kinh nghiệm làm kích thích sự phát triển trí tuệ của các em!

Tôi xin ngưng việc tường trình các kết quả sưu tầm theo niên biểu. Sau đây xin tóm lược những lợi ích của việc học song ngữ đã được nhiều nhà nghiên cứu công nhận.

1. Phân biệt được ý nghĩa của các chữ đồng âm

Các em bé song ngữ tỏ ra có nhiều khả năng đặc biệt với các chữ đồng âm trước các em học đơn ngữ từ một đến hai năm. Cummins cho rằng khả năng phân biệt ý nghĩa của những chữ đồng âm là một điều rất cần thiết cho em bé sử dụng ngôn ngữ hữu hiệu để diễn tả suy nghĩ của mình. (Cummins,J. 1976, Working Papers on Bilingual,9,1-43)

Có khả năng tìm nhiều giải pháp cho một vấn đề

Năm 1973, Scott công bố kết quả cuộc nghiên cứu kéo dài bảy năm về một nhóm học sinh người Anh ở Gia Nã Đại, chúng có cơ hội học song ngữ vì các em phải theo học trường Pháp. Ông nhận thấy rằng tất cả các em học song ngữ đều có khả năng suy nghĩ đa diện và đa hiệu hơn các em học đơn ngữ cùng lớp. Khả năng suy nghĩ đa diện và đa hiệu được các nhà giáo dục đánh giá rất cao. Họ cho đó như là một chỉ số sáng tạo cao, có óc tưởng tượng phong phú và có khả năng phán đoán chọn lựa một cách nhanh chóng những giải pháp khả thi. (Scott, S, 1973, *The Relation of Divergent Thinking to Bilangualism: Cause of Effect? Unplublished Research Report,* McGill University)

3. Có nhiều sáng kiến hơn

Năm 1974, Carringer khảo sát khả năng có nhiều sáng kiến của các trẻ em Mễ Tây Cơ sử dụng song ngữ Tây Ban Nha và Anh ngữ, kết quả cho thấy các em học song ngữ vượt xa các bạn đơn ngữ cùng lớp về nhiều phương diện. Trong phần kết luận ông đã viết:

"Mặc dù đây chỉ là một sự giải thích, cuộc nghiên cứu này đã cho thấy rằng việc học song ngữ đã kích thích khả năng có nhiều sáng kiến... vì học song ngữ luôn cho các em hai ngữ vựng để chỉ cùng một sự vật. Nhờ đó, các em chú trọng về ý tưởng chứ không phải từ ngữ, nhắm đến nội dung hơn là hình thức, về ý nghĩa hơn là biểu tượng. Đây chính là diễn trình vô cùng quan trọng cho tiến trình phát triển trí thông minh cũng như cho phép các em có một mức độ linh dộng cao hơn trong nhận thức." (Carringer, D. 1974. "Creative Thinking Abilities of a Mexican Youth. The Relationship of Bilangualism", trong *Journal of Cross-Cultural Psychology* 5, p.492-503).

4. *Cảm tính thích nghi với xã hội mới hơn*

Trong những cuộc nghiên cứu của Ghenetee, Tucker... vào năm 1975 đối với những trẻ em người Anh tại các trường học nói tiếng Pháp ở Quebec, Gia Nã Đại chứng tỏ các em học song ngữ đều có cảm tính thích nghi với môi trường sống mới cao hơn các em học đơn ngữ. Ngoài ra, Ben- Zeev tại Hoa Kỳ vào năm 1977 đưa ra kết quả làm thỏa mãn ước vọng của nhiều phụ huynh chúng ta, đó là các em học song ngữ dễ cảm nhận được ý nghĩa của những lời nói bóng gió, có tinh thần cởi mở, vui vẻ nhận lời sửa sai và khuyên bảo của phụ huynh hơn là các em học đơn ngữ. Từ đó, các em học song ngữ thường lễ phép và lịch sự hơn các em học đơn ngữ. (Ben- Zeev, 1977, *"Mechanisms by which Childhood Bilangualism Affects Understanding of Language and Cognitive Structures").*

5. *Có khả năng kiến tạo những khái niệm mới*

Công trình nghiên cứu của Liedtke và Nelson trong năm 1968 đi đến kết luận: các em học song ngữ có khả năng xây dựng nhiều khái niệm mới hơn các em học đơn ngữ. Chính khả năng này là yếu tố quan trọng trong việc phát triển trí thông minh. Các nhà nghiên cứu dự đoán: các em học song ngữ đạt khả năng tốt, bởi vì hậu quả của việc học song ngữ cho phép các em có dịp tiếp xúc với những môi trường phức tạp và nhiều giao tiếp xã hội hơn các em học đơn ngữ.

6. *Giúp gia đình gắn bó và giúp đứa trẻ sống hạnh phúc*

Nếu hiểu vai trò giáo dục là giúp phát triển toàn diện, giúp thỏa mãn những nhu cầu về tinh thần, tình cảm, lý trí và vật chất... giúp có một đời sống có ý nghĩa, tốt đẹp và hạnh phúc hơn. Trong chiều hướng đó, giáo dục phải cung ứng một kiến thức hiểu được quá khứ của chính mình, có thể hòa nhịp được với cuộc sống hiện tại và có khả năng thích nghi được với môi trường sống mới của xã hội tương lai.

Trong bối cảnh đó, việc học tiếng Việt lại trở nên một nhu cầu tinh thần hết sức khẩn thiết, giúp các em phát triển một đời sống nội tâm sung mãn, đầy đủ và toàn diện. Chính lúc đó đứa trẻ mới cảm nhận được cuộc sống an lành và hạnh phúc trong gia đình. Thật vậy, một đứa trẻ không thể thấy được hạnh phúc khi trong lòng luôn băn khoăn, thắc mắc về cội nguồn của chính mình, luôn có sự gảy đổ trong việc thông đạt tình cảm và tinh thần giữa anh chị em, cha mẹ, ông bà và thân thích trong gia đình. Nếu sau này các em trở thành chuyên gia, nhà trí thức lỗi lạc thì các em càng khổ đau hơn nữa vì hành trang ngôn ngữ Việt nghèo nàn không cho phép các em bước tới ngưỡng cửa của ngôi đình tổ phụ của giòng tộc mình, để tìm biết về gia phả của ông bà tổ tiên.

IV. Những nghi vấn

1. Học song ngữ có hại cho thần kinh các em?

Đứng về phương diện trí óc của các em, Segalowitz trong bài tổng kết về những nghiên cứu liên quan đến khía cạnh thần kinh học trong vấn đề học song ngữ, đã kết luận:

"Hình như không có một bằng chứng rõ rệt, về phương diện thần kinh học, chứng tỏ có một khác biệt rõ rệt về vấn đề ngôn ngữ trí óc của người học song ngữ và người học đơn ngữ... Ngày nay, các dữ kiện đã chứng tỏ rằng trí óc của người học song ngữ không phải chịu một gánh nặng nào về phương diện thần kinh khác hơn những người học đơn ngữ. Đứng về quan điểm thuần thúy thần kinh học, một trí óc có thể sử dụng song ngữ cũng dễ dàng y như khi nó dùng một ngôn ngữ."

Học song ngữ có làm chậm các em biết nói?

Đó là vấn đề phụ huynh muốn biết. Trước hết, không có bằng chứng cho thấy các em sống trong gia đình song ngữ chậm biết nói hơn các em sống trong gia đình đơn ngữ. Doyle và đồng nghiệp đã so sánh 13 em nói song ngữ Pháp - Anh và 13 em nói đơn ngữ, họ tìm thấy các em song ngữ bập bẹ nói lúc 11 tháng hai ngày, trong khi các em đơn ngữ 12 tháng.

Dĩ nhiên, việc phát triển tiếng nói tùy thuộc vào yếu tố cá nhân đặc biệt của các em. Tổng quát, các công trình nghiên cứu khác cũng cho thấy các em trong các gia đình song ngữ biết nói trước các em đơn ngữ.

3. Tuổi nào học sinh ngữ thích hợp?

Trong một bản phúc trình viết bằng tiếng Pháp xuất bản tại Thụy Sĩ, Balkan đã nghiên cứu các trẻ em Thụy Sĩ từ 11 đến 16 tuổi. Phúc trình này chứng tỏ rằng các em học song ngữ thì hơn hẳn các em học đơn ngữ về phương diện số học, viết văn, nhận thức và luận lý. Và các em học song ngữ trước bốn tuổi có nhiều ưu điểm hơn các em học sau lứa tuổi đó. Nói một cách tổng quát hơn, các em học song ngữ sớm dễ dàng lãnh hội hơn các em học trễ.

V. Yếu tố văn hóa

Trên đây chúng tôi đã trình bày học tiếng Việt là nhu cầu cần thiết cho các em, nhưng đó cũng chỉ là phương tiện cơ bản để chúng ta tiến tới việc tìm hiểu những vấn đề có tính cách trọng đại hơn, những vấn đề thiết yếu thuộc về cốt tủy của đời sống tinh thần dân tộc. Tôi muốn nói đến văn hóa Việt.

Nếu những cuộc nghiên cứu tôi vừa trình bày ở trên đã chứng tỏ rằng bất cứ những trẻ em nào của bất cứ một sắc dân nào trên thế giới nếu chấp nhận học song ngữ, các em cũng sẽ đạt được một số lợi ích quan trọng về phương diện phát triển trí thông minh của các em. Nhưng trên bình diện văn hóa thì ngược lại, các cuộc nghiên cứu cho thấy rằng chỉ có những dân tộc nào có đời sống văn hóa cao, biết bảo tồn những truyền thống tốt đẹp của gia đình và dân tộc mình tại các quốc gia hải ngoại, thì các con em của họ sẽ thành công rực rỡ trong học đường và trong đời sống xã hội. Thật vậy, những cuộc nghiên cứu có tính cách qui mô của đại học Mỹ từ sau 1945 đến nay cho thấy: trong số những sắc dân đến định cư tại Hoa Kỳ từ đầu thế kỷ đến nay, chỉ có ba dân tộc đạt được những kết quả học vấn sáng chói tại học đường Mỹ. Lý do là ba dân tộc đó có gia sản tinh thần quí giá và họ biết bảo tồn những giá trị truyền thống tốt đẹp của mình.

Các cuộc nghiên cứu của đại học Pennsylvania và Brooklyn năm 1961 chứng minh: nhờ những yếu tố tinh thần mà thế hệ thứ ba của người Do Thái tại Mỹ có đến 90% học đại học, dù thế hệ thứ nhất từ Đông Âu đến Mỹ rất ít học hoặc chưa bao giờ cắp sách đến trường. Nghiên cứu của đại học California năm 1948 cũng chứng tỏ người Nhật là người có tính tự hào về dân tộc rất cao, đã tạo nên những thành tích lẫy lừng trong các đại học Mỹ.

Sau hết, vào năm 1992, các chuyên gia của đại học Michigan đã công bố kết quả của cuộc nghiên cứu kéo dài bốn năm về cộng đồng tị nạn Đông Dương, trong đó đa số là trẻ em Việt Nam, các vị này đã ca ngợi thành quả giáo dục của các em như sau:

"Vì các người tị nạn mới đến Mỹ ít năm, nên ta có thể nói thành công của các em là do gốc rễ văn hóa của chúng... Chúng tôi không bỏ qua các động lực của xã hội Mỹ, trong đó có cơ hội học hành và thăng tiến. Nhưng chúng tôi tin rằng tập tục và giá trị truyền thống văn hóa thấm nhuần trong các trẻ em Việt Nam đã hướng dẫn các em đạt được những thành quả sáng chói này." (Nathan Caplan et alii, "Indochinese Refugee Families..." trong Scientific American, Feb.1992)

VI. Kết luận: Không nên chấm dứt dạy tiếng Việt

Tóm lại, đứng trên quan điểm khoa học, khách quan và vô tư, việc học tiếng Việt không những không gây trở ngại cho các em, mà còn giúp cho các em học song ngữ Việt - Anh, có được một tình cảm phong phú và cởi mở cũng như có được lợi ích quan trọng trong việc phát triển khả năng trí tuệ và kiến thức của mình. Điều đáng quí hơn nữa: quý vị phụ huynh Việt Nam chúng ta đang thừa hưởng một di sản tinh thần quý báu, nếu biết bảo tồn và phát huy, gia sản này sẽ thành khí cụ tinh thần sắc bén và hữu hiệu để đào tạo một giới trẻ Việt Nam tại hải ngoại lành mạnh và thành công.

Tôi nghĩ kết quả các công trình nghiên cứu trên thế giới đã thành một tín điệp đủ sức thuyết phục đối với sứ mạng cao quí và thiêng liêng của tất cả các vị phụ huynh chúng ta trong việc tích cực chuyển giao dòng sinh mệnh Việt tộc cho thế hệ tương lai. Tôi có thể khẳng định, hơn lúc nào hết, giờ này tiền đồ của dân tộc đang nằm trong tầm tay quyết định của quí vị.■

HỒ TÁ BANG (1874 - 1943)

Nhà chấn hưng công thương nghiệp của Phong Trào Duy Tân

TS PHẠM TRỌNG CHÁNH

Vào những năm 1920 - 1930 giới thanh niên lên đường đi làm cách mạng thường nhắc đến hai câu

Sinh vi nô lệ sinh do tử
Tử hữu tinh thần tử nhược sinh

Dịch:

Sống làm nô lệ sống như chết
Chết có tinh thần chết vẫn sống.

Hai câu của cụ Hồ Tá Bang, một nhà "cách mạng" của Phong Trào Duy Tân, nhà cách mạng lạ lùng không mang bom mang súng đi ám sát ai, cũng chẳng lưu vong lê gót nơi xứ người cầu viện, mà là "nhà cách mạng" hoạt động kinh tế. Đó quả là một điều kỳ lạ và mới mẻ đối với xã hội trọng sĩ khinh thương, một xã hội nông nghiệp lạc hậu, hầu như không có giai cấp thương nhân tư sản. Các sử gia Nam, Bắc bốn mươi năm qua đã bối rối không biết xếp cụ vào đâu. Họ nhắc đến những vận động cải cách dân chủ của cụ Phan Chu Trinh tại Pháp, Huỳnh Thúc Kháng tại Nghị Viện Dân Biểu Trung Kỳ và báo Tiếng Dân, nhắc đến những hoạt động nâng cao dân trí của trường Dục Thanh, Đông Kinh Nghĩa Thục, nhưng lại lờ đi các hoạt động chấn hưng Công Thương nghiệp của cụ Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quý Anh v.v...

Nhưng đó là một trong ba hoạt động căn bản của Phong Trào Duy Tân. Hoạt động của các trường Đông Kinh Nghĩa Thục và Dục Thanh chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn (sáu tháng, hai năm), trong khi công ty Liên Thành, cơ sở kinh doanh đầu tiên của Phong Trào Duy Tân thành hình năm 1906 vẫn còn tồn tại đến ngày nay (90 năm). Đã không coi các cụ hoạt động công thương nghiệp là các nhà cách mạng, thậm chí có sử gia (miền Bắc) xếp cụ Hồ Tá Bang vào loại nhà tư sản, địa chủ, dù rằng chính các cụ Hồ Tá Bang, Trương Gia Mô đã tổ chức để đưa chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành qua Pháp với cụ Phan Chu Trinh để xin vào học trường Thuộc Địa. Bốn mươi năm sau ngày chết, cụ Hồ Tá Bang vẫn bị... đánh tư sản!

Bác sĩ Hồ Tá Khanh năm nay đã 85 tuổi, nguyên bộ trưởng kinh tế chính phủ Trần Trọng Kim năm 1945 là con trai cụ Hồ Tá Bang, có trao cho tôi toàn bộ di cảo của cụ, cùng các cuộn băng ghi lại lời tự thuật của chính bác sĩ Khanh, một số do tiến sĩ Huỳnh Kim Khánh phỏng vấn trong khảng thời gian 1973 - 1983 (anh Khánh đã mất trước khi khai thác tài liệu sử học này).

Di cảo gồm 23 bài thơ, sáu câu đối và một bài hát hò, cùng với:

- Bài tiểu sử mộ bia cụ Hồ Tá Bang nguyên văn bằng chữ Hán do cụ Huỳnh Thúc Kháng soạn, cụ Trần Đình Phiên dịch,
- Bài văn bia Phan Chu Trinh do cụ Huỳnh Thúc Kháng soạn, các cụ Hồ Tá Bang, Trần Đình Phiên, Huỳnh Đình Điển lập,
- Một bài thơ chữ Hán do cụ Phan Bội Châu gửi cụ Hồ Tá Bang, có bản dịch của chính cụ Phan Bội Châu,
- Một số câu đối, thơ viếng khi cụ Hồ Tá Bang từ trần.

Các tài liệu về cụ Hồ Tá Khanh minh xác được một số dữ kiện lịch sử, ví dụ về cái chết của Tiến Sĩ Trần Quý Cáp: Nguyên do là án sát Phạm Ngọc Quát có tham gia hùn vốn vào Công Ty Liên Thành của Phong Trào Duy Tân, khi vụ kháng thuế Trung Kỳ bị đàn áp, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng bị bắt, nghĩ rằng Phong Trào Duy Tân sẽ bị tiêu diệt, sợ bị liên lụy, Phạm Ngọc Quát bắt ngay bạn của mình là Trần Quý Cáp lúc bấy giờ đang làm Đốc Học Khánh Hòa, "tiền trảm hậu tấu" để tránh các tiết lộ làm hại cho hoạn lộ của ông. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch sau này nằm trong chính phủ Việt Minh chính là cháu nội của Phạm Ngọc Quát.

Những dữ kiện lịch sử liên hệ đến bác sĩ Hồ Tá Khanh trong thời kỳ ông làm Bộ Trưởng Kinh Tế trong chính phủ Trần Trọng Kim, những liên hệ của ông với Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Giàu, Phạm Ngọc Thạch, Hồ Văn Ngà... chúng tôi sẽ trình bày trong những bài riêng. Bài này chỉ giới hạn vào nhân vật Hồ Tá Bang.

Trước hết chúng tôi minh xác những nhận định sai lầm thiếu khách quan của các sử gia trong nước trong quyển *Bác Hồ với Miền Nam và Miền Nam với Bác Hồ* (nhiều tác giả), cho rằng Hồ Tá Bang "chịu ảnh hưởng ít nhiều xu

hướng chính trị của cụ Phan Bội Châu." (tr.215). Bác sĩ Hồ Tá Khanh xác định "cha tôi thường hay khen cụ Phan Chu Trinh thông minh hơn cụ Phan Bội Châu, ông gặp gỡ thân thiết với cả hai nhân vật và chịu ảnh hưởng chủ trương Duy Tân Dân Chủ của cụ Phan Chu Trinh hơn là chủ trương Bạo Động tôn Cường Để lập chế độ quân chủ lập hiến." Sau vụ hai bài phú Chí Thành Thông Thánh và Lương Sơn Danh Ngọc ở trường thi Bình Định do Nguyễn Quý Anh trong đám thí sinh phát ra, các cụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp cùng Nguyễn Quý Anh vào Phan Thiết ở nhà cụ Hồ Tá Bang. Hai cụ Huỳnh và Trần theo ghe bầu về lại Quảng Nam một tháng sau. Cụ Phan Chu Trinh nằm lại dưỡng bệnh sáu tháng tại nhà cụ Hồ Tá Bang. Tại đây cụ Phan thuyết phục cụ Bang và các nhân sĩ Phan Thiết thành lập Liên Thành Thương Điếm, trường Dục Thanh, Liên Thành Thi Xã. Và Hồ Tá Bang trở thành nhân vật hàng đầu trong chủ trương chấn hưng Công Thương Nghiệp của Phong Trào Duy Tân.

Cũng trong cuốn sách vừa kể ở trên, ở phần cuối các tác giả nhận định rằng "Tham gia sáng lập Hội Liên Thành, lúc đầu Hồ Tá Bang cũng tỏ ra là một nhân sĩ có tinh thần dân tộc, muốn góp phần tích cực 'khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh'. Nhưng dần dần ông chạy theo con đường kinh doanh tư bản chủ nghĩa đơn thuần và không bao lâu trở thành tư bản kiêm địa chủ."

Nhận định này ghi dấu cái tầm nhìn hẹp hòi thiển cận của các sử gia do đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo. So với các cụ trong Phong Trào Duy Tân, Cộng Sản Việt Nam quả là một bước thụt lùi lạc hậu, còn kém xa hơn cả chủ trương "trọng nông khinh thương" sau thời Trung Cổ. Vì thực tế đảng Cộng Sản Việt Nam tàn phá, tàn sát những nhân tố tích cực của xã hội Việt Nam là thành phần trung nông và phú nông để đưa giai cấp vô sản nông dân không chút kiến thức nông nghiệp lên hàng ngũ lãnh đạo, mà triết gia Trần Đức Thảo gọi là "nông dân lưu manh hóa". Đập phá thành phần tư sản dân tộc, nhân tố tích cực của xã hội còn phôi thai chưa thành hình, Cộng Sản đã đẩy xã hội Việt Nam rơi xuống hàng tận cùng các nước nghèo đói. Những tàn phá về kinh tế giáo dục, đạo đức xã hội, di sản văn hóa như đình chùa... ngày nay các sử gia cũng chưa lường hết được hậu quả. Xem lại nhận định của cụ Huỳnh Thúc Kháng đăng trên báo Tiếng Dân ngày 1 tháng Giêng, 1930 về Giai cấp Lao Động để thấy rằng các cụ Duy Tân ngày xưa sáng suốt hơn đám hương chức Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản ngày nay rất nhiều:

"Bạn lao động ta còn thiếu cái học phổ thông mà dân gian cũng chưa có người xưng tên tư bản (tư bản chỉ người ngoài thôi). Thế mà đã vạch sẵn cái bờ ấy ra thì những bọn du đãng thất nghiệp hễ thấy ai có quần the áo lụa, năm, mười mẫu ruộng, một hai cái nhà buôn con con, đã giá cho một tiếng tư bản mà đem lòng ghen ghét, thành mối ác cảm trong dân gian."

Than ôi, nói năng với hương hồn cụ Huỳnh làm sao, khi lãnh đạo đất nước Việt Nam ngày nay xuất thân là bọn "du đãng thất nghiệp"!?

Bạo động và bất bạo động

Nhân dịp này chúng tôi cũng xin làm sáng tỏ một số vấn đề lịch sử. Gần một thế kỷ nay người đời thường gán ghép tên tuổi Phan Bội Châu đi đôi với Phan Chu Trinh, thậm chí trên một bài viết đăng trên báo Diễn Đàn tại Pháp tháng Bảy, 1994 còn gán ghép chủ trương Duy Tân với Phan Bội Châu.

Lập trường của hai cụ Phan khác nhau như nước với lửa. Người chủ trương Bạo Động Thiết Thuyết, người chủ trương Bất Bạo Động Duy Tân. Hoạt động của Phan Bội Châu (đầu độc, ám sát, khởi loạn...) đã phá nát những công trình xây dựng của Phan Chu Trinh khiến cho các nhà cách mạng Phong Trào Duy Tân kẻ bị giết, người bị tù tội, khiến cho công cuộc Duy Tân bị tan nát. Chỉ trừ có một cơ sở duy nhất là công ty Liên Thành nhờ sự lèo lái sáng suốt của Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quý Anh, Trần Lệ Chất, Nguyễn Thiệt Chi, Ngô Văn Nhượng, Trần Đình Phiên... theo đúng chủ trương của Phong Trào Duy Tân đã tồn tại cho đến ngày nay.

Trong bài "Pháp Việt Liên Hiệp Hậu Chi Tân Việt Nam" (Nước Việt Nam mới sau khi liên hiệp với Pháp) (1), Phan Chu Trinh đã viết về Phan Bội Châu như sau:

"Gặp Phan Bội Châu, tôi biết ngay là người không đủ học thức, ông có chí khí và sự tự tin rất bền bỉ mạnh mẽ. Trong lúc văn chương bác cổ đang thịnh hành, ông là người rất có danh, trong nước sĩ phu đều sùng bái, nếu hiệp lực cùng ông trong nước, kêu gọi quốc dân đứng dậy thì việc chắc sẽ thành công. Nếu để ông ra nước ngoài thì ông sẽ phá chủ nghĩa của tôi. Cho nên tôi hết sức liên kết với ông. Phan Bội Châu cũng biết cái chủ nghĩa của ông ôm ấp cũng sẽ bị tôi phá, nên cũng có hiểu dụ tôi. Hai người giao thiệp với nhau là từ đó.

Sau đó, tôi không sợ nghi ngờ, không từ gian hiểm để ra nước ngoài và do đó đảng trong nước phải giải tán. Trước giao với nhau là bạn, rồi sau thành thù địch! Lúc thì ở "đảng trong nước", lúc thì ở "đảng ngoài nước", biến hóa luôn luôn, không thể phân biệt được. Cái si, cái ngu của tôi ở tại đấy, nỗi khổ tâm của tôi cũng ở tại đấy...

Người bạn đã chết của tôi là ông Tiến Sĩ Trần Quý Cáp học thức rất sâu, chủ nghĩa rất vững, cực lực phản đối chủ trương bạo động, đã viết một thiên "Tự Trị Luận" (Sĩ Phu Tự Trị Luận) trong ấy bài bác chủ nghĩa Phan Bội Châu, không biết duyên cớ gì mà bị giết ở Khánh Hòa. Hỡi ơi! Buồn thay! Đối với người trong nước không lấy gì để cho tỏ rõ. (Trinh này thường khuyên người trong tỉnh lập cho nhiều trường tiểu học, lập nông phố hội. Sau khi có cuộc khởi biến của dân hễ nơi nào có trường học, nông hội, đều bị lính tập dến phá mà còn làm khó dễ)...

Vụ binh dân khởi biến ngày nay xem ra phần lớn đều do sách của Phan Bội Châu mà họ làm theo không sai sót, mà tôi ở trong nước cũng phải chịu là một người phát khởi. (Chiêu dụ lính tập thì có tập "Việt Nam Vong Quốc Sử", chiêu dụ dân binh phản đối thì có "Hải Ngoại Huyết Thư")...

Phan Bội Châu, người rất có chí khí, nhiều nghị lực, chịu nhẫn nhục, dám làm việc lớn, đã tin chắc vào một điều gì thì không bao giờ từ bỏ, dù búa rìu sấm sét cũng không thay đổi. (Ông chủ trì phương thức bạo động đã nhiều lần bị Trinh này bẻ gãy nên không cùng Trinh giao du).

Năm Quý Mão (1903) ở Kinh (Huế), hai lần tìm nhau tại nhà nhưng không gặp. Tôi và ông ở Hương Cảng cùng biện luận, ông đuối lý rồi khóc sướt mướt. Tôi thương yêu ông ở chỗ ấy. Hiện nay sĩ phu cả nước không ai sánh kịp. Nhưng tiếc thay! Học thuật của ông có chiều sở đoản, ông đề xướng thời thế ưa dùng quyền thuật, đã tự ngu mình mà còn làm ngu kẻ khác, tính ngoan cố không thay đổi.

(Ông ta quá thủ cựu, sách vở mới không thèm xem đến. Đơn cử như những sách ông viết ra không căn cứ vào lý luận, không nhằm vào thời thế, khi thì chửi bới, khi thì khóc than, xem ra thực toàn là lối văn chương bát cổ biến ra, không chút giá trị nào cho thích hợp với trình độ, tư cách của dân Nam cả. Đó là chỗ ngu vậy).

Nói khoác không có căn cứ, hãm quốc dân vào chốn chết chóc, chịu lấy tiếng ác danh mà không tự biết...

Cái lý chấp của Phan Bội Châu là triệt để phục thù, chủ nghĩa rất lầm lạc và ngoan ngạnh mưu hãm quốc dân vào chỗ chết, không thích hợp với thời thế, không căn bản lý luận, không nghị luận cho giá trị... Tuy vậy, rõ cái nhân cách của ông cũng như cái chỗ mà ông đã lợi dụng quốc dân ra sao? Nên tôi trước sau đều tỏ lòng phản đối mà cũng vô ích. Lịch sử dân tộc nước Nam trên một nghìn năm đã thành tập quán cho những người đại biểu. Họ không biết cái chân tướng của người Nam rất giàu tính bài ngoại đến tột cùng. Người Nam rất ưa dựa vào người ngoài thì họ lại đẩy việc dựa vào người ngoài đến cùng..."

Để dẫn chứng những điều bịa đặt của Phan Bội Châu cốt để gây thù oán của người Pháp bất chấp hư thực, Phan Chu Trinh nói đến chuyện "Bán trời" trong Việt Nam Vong Quốc Sử. Xem lại Việt Nam Vong Quốc Sử (tr.53-54, Nguyễn Quang Tố dịch, Tao Đàn 1969), cụ Phan Bội Châu viết:

"Thời Pháp có làng nọ thiếu thuế, dân đến kêu nài với công sứ. Công sứ bảo: Bán vợ con, nhà cửa mà nộp. Dân nói: Đã bán hết chỉ còn một mảnh trời là chưa bán mà thôi. Công sứ bảo bán cho y. Dân bằng lòng làm giấy bán. Sau đó dân về thì lính tập theo, không cho dân ra khỏi nhà, bảo dân ra là xâm phạm đến trời của y đã mua."

Phan Chu Trinh phê phán:

"Việc không có mà bịa đặt, đã ngu mình mà còn làm ngu kẻ khác. Cốt yếu là cổ súy quốc dân để nuôi độc tâm, khi độc tâm đã nuôi sâu rồi, loạn lạc bốn bề đều nổi dậy họ mới thừa đó mà nhảy vào để thỏa ý phá hoại."

Đọc lời phê phán của cụ Phan Chu Trinh ta không khỏi nghĩ đến sự kiện lịch sử mấy mươi năm gần đây, bộ máy tuyên truyền hai miền Nam Bắc đã bịa đặt bôi nhọ lẫn nhau, biến người Việt hai miền thành "ác quỷ" cả. Đến khi sự thật xảy ra nói chẳng còn ai tin. Cả dân tộc lao vào cuộc tự sát tập thể.

Gần một thế kỷ qua, có bao nhiêu người đọc và ngẫm nghĩ những tư tưởng Phan Chu Trinh, thậm chí nghe đến chủ trương "Pháp Việt liên hiệp" thì lầm lẫn với Pháp Việt đề huề của Bùi Quang Chiêu, Phạm Quỳnh. Bùi Quang Chiêu nhắm tới một sự cộng tác lương bổng ngang hàng giữa công chức người Pháp và người Việt. Phạm Quỳnh nhắm đến một sự hợp tác cai trị giữa thực dân Pháp và trí thức bản xứ.

Chủ trương của cụ Phan Chu Trinh là học tập những tư tưởng dân chủ dân quyền của Montesquieu, Voltaire, J.J. Rousseau, Diderot v.v... Học tập những tiến bộ kinh tế thương mại kỹ thuật nước Pháp để tự lực tự cường. Hợp tác với những người Pháp có tư tưởng dân chủ, tự do, nhân quyền. Và dùng chính những tư tưởng dân chủ đó để đòi độc lập, phục hưng đất nước.

Ngẫm nghĩ lại trong suốt thế kỷ 20, từ đầu cho đến cuối thế kỷ, chưa có nhà tư tưởng chính trị Việt Nam nào có cái thông minh, có tầm suy nghĩ chính trị sâu rộng, có tấm lòng yêu nước và thương dân như Phan Chu Trinh. Làm *chính trị nhân đạo* thương dân không muốn cho dân phải chết chóc, đói khổ vì chiến tranh, dân mỗi ngày một mạnh, một hùng cường, dân trí nâng cao, kinh tế phát triển. Khác với các đường lối *chính trị bá đạo*, thời

thế tạo anh hùng, cướp chính quyền, khơi lòng căm thù, dìm dân tộc triền miên trong chiến tranh dầu sôi lửa bỏng, đấu tranh với kẻ thù bên ngoài, với giai cấp bên trong, đập phá hủy hoại văn hóa đạo đức, kinh tế dân tộc mà vẫn tưởng mình là yêu nước.

Người đời thường lấy thành bại mà luận anh hùng, "được làm vua thua làm giặc". Một số nhân vật lịch sử lấy mình làm trung tâm, làm thước đo kẻ khác. Nhiều người cho rằng chủ trương Phong Trào Duy Tân là ảo tưởng vì thực dân Pháp không thể nào cho phép người Việt Nam "cải cách dân chủ, nâng cao dân trí, chấn hưng công thương nghiệp" được.

Sự thành công của công ty Liên Thành dưới sự lèo lái của Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quý Anh, Trần Lệ Chất..., truyền qua ba đời tồn tại cho đến nay suốt 90 năm. Có những thời kỳ công ty phát triển chi nhánh tại nhiều tỉnh, thành phố là một chứng minh hùng hồn tính khả thi của công cuộc Duy Tân.

Hồ Tá Bang

Sinh năm 1874, (Tự Đức, Ất Hợi), mất ngày 4 tháng Ba, 1943 (Bảo Đại, Quý Tị), thọ 69 tuổi.

Hồ Tá Bang hiệu là Quốc Phu, người làng Kế Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, cùng làng với Nguyễn Lộ Trạch. Học với Kỳ Yêm Nguyễn Lộ Trạch, lúc nhỏ vào trường sự hiểu biết đã khác với trẻ thường. Đọc "Quì Ưu Lục" của cụ Kỳ Yêm ông lấy làm tâm đắc, bỏ việc thi cử làm quan, lưu tâm đến việc học thực dụng, ông học chữ quốc ngữ, chữ Pháp và đọc sách báo mới Đông Tây do người Tàu mới dịch.

Năm 1899 ông được bổ làm ký lục Tòa sứ Phan Thiết. Tại đây ông cưới bà Huỳnh Thị Lâu, con gái một hào phú Phan Thiết và ở luôn tại đấy. Năm 1910 ông được đổi ra Hội An nhưng sau đó ông từ chức trở về Phan Thiết làm Tổng Lý Công Ty Liên Thành thay thế Nguyễn Trọng Lội vừa mất.

Ông kết giao tâm đắc với các nhà lãnh đạo Phong Trào Duy Tân, các bậc danh nho Hán học cũng như các vị tân học.(2)

Bình Thuận là tỉnh cực nam của triều đình Huế, sau khi Pháp chiếm Nam Kỳ, Bình Thuận trở thành đất tị địa của các sĩ phu miền Nam chỉ muốn sống trên đất của triều đình như Nguyễn Thông, Trương Gia Hội, Trần Thiện Chính...

Bình Thuận cũng là nơi dừng chân của các sĩ phu Trung, Bắc trên đường đi vào Sài Gòn tìm hiểu văn minh Tây Phương. Ngọa Du Sào, nhà Nguyễn Thông, nhà Hồ Tá Bang cũng gần đó trên bờ sông Mương Mán, là nơi kết liên anh tài hào kiệt. Phan Thiết cũng là nơi một ông Hoàng nước Pháp Duc de Montpensier đến lập lâu đài. Lầu Ông Hoàng (xây năm 1907-1910) là lâu đài duy nhất của người Pháp tại Việt Nam, nằm trên đồi Ngọc Lâm, làng Phú Hài, bên cạnh ba tháp Chàm.

Ở ngôi cao ngước mắt ra ngoài bể
Phong lưu ghê sang trọng chẳng vừa chi
(Phan Thiết Phan Thiết. Hàn Mạc Tử)

Biển Phan Thiết là nơi giao hai dòng hải lưu nên cá tụ tập về đây, nghề đánh cá phát triển.

VÙNG ĐÁ NGẦM

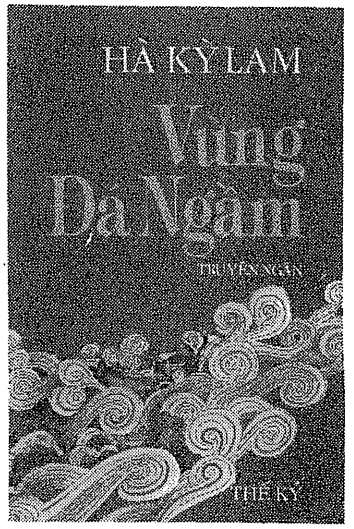

Tuyển tập truyện ngắn của
Hà Kỳ Lam
214 trang
giá $10.00

"**Đá ngầm** không chỉ có ngoài biển khơi đe dọa thuyền bè của người vượt biển, nó còn rải rác khắp đó đây nơi người tị nạn đến cư ngụ, đó là những bất trắc khó khăn trên các vùng đất mới. Hà Kỳ Lam lấy cuộc sống trước mặt làm chất liệu để suy tư và sáng tác(...)" (*Phạm Xuân Đài*)

"Truyện Hà Kỳ Lam *dễ đọc* vì lời văn bình dị, (...) không khúc mắc mà đi thẳng vào đề tài. Nhưng *dễ đọc* không có nghĩa là đọc rồi để *dễ quên*, mà chính là *dễ cảm nhận*, để đọc xong rồi cùng tiếp giòng suy tư với tác giả." (*Lê Văn Lân*)

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

Nghề làm nước mắm trở thành công nghiệp cổ truyền hàng đầu, từ đấy các ghe bầu chở nước mắm đi bán khắp các tỉnh Trung Nam Bắc.

Phan Thiết cũng là nơi nhiều nhân vật lịch sử ghé qua, làm quan, dạy học hay sinh sống: Tiến sĩ Đặng Nguyên Cẩn, Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, Trương Gia Hội, Trương Gia Mô, Trần Đình Phiên, Huỳnh Đình Điển, Nguyễn Hiệt Chi, Trần Thiện Chánh, Nguyễn Tất Thành, Ngô Đình Diệm.

Năm 1905-1906 Hồ Tá Bang cùng Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Thông và các bạn đồng sự Trần Lệ Chất, Nguyễn Hiệt Chi, Ngô Văn Nhượng lập Liên Thành Thi Xã, Dục Thanh Học Đường và Liên Thành Thương Quán.

Liên Thành Thi Xã đặt trụ sở tại nhà cụ Võ Ca. Buổi giảng sách đầu tiên tại đình Phú Tài (nay là Phú Trinh) do Phan Chu Trinh giảng sách Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi và các nhà tư tưởng dân chủ Pháp Montesquieu, Voltaire, Diderot. Thính giả gồm số học sinh nho học lẫn tân học và các nhân sĩ địa phương. Các cụ giảng rõ ràng, dễ hiểu làm chuyển được lòng người nghe.

Trường Dục Thanh mở tại nhà cụ Nguyễn Trọng Lội, dạy chữ quốc ngữ, dạy thể dục thể thao, dạy toán pháp lẫn tinh hoa cổ học cùng sách tân thư. Giáo thọ là cụ Trần Đình Phiên và Nguyễn Hiệt Chi. Nguyễn Tất Thành có đến đây dạy sáu tháng trước khi được tổ chức lên đường Tây du.

Hội Liên Thành lúc đầu vừa sản xuất nước mắm vừa buôn bán tơ lụa, vải sợi, bút mực, giấy, tạp hóa lẫn thuốc Bắc. Trụ sở có nuôi cả ông lang để coi mạch hốt thuốc. Về sau chỉ chuyên tâm làm nước mắm và các hệ phẩm như phân bón làm bằng xác cá v.v...

Công ty lập được cơ sở sản xuất tại các địa phương Đức Thắng, Hưng Long, Mũi Né, Phan Rí thuộc Bình Thuận. Tại Sài Gòn trụ sở thương mại đặt tại Khánh Hội và có thời kỳ phát triển chi nhánh khắp các tỉnh.

Ông Nguyễn Trọng Lội làm Tổng Lý (Tổng Giám Đốc) đầu tiên. Năm 1911 ông mất, Hồ Tá Bang lên thay làm Tổng Lý trong suốt 40 năm. Mọi việc xếp đặt công ty Liên Thành phần lớn đều do Hồ Tá Bang. Ông sinh quán tại Thừa Thiên, trú quán Phan Thiết, thường đi lại Sài Gòn nên phải lấy giấy thuế thân cả ba nơi.

Năm 1925 có hiệp ước mới giữa triều đình Huế và chính phủ Pháp. Tại Nam kỳ, trực trị bởi người Pháp, dân chúng có nhiều tự do hơn tại Trung Kỳ thuộc chế độ bảo hộ, nhân dân một cổ hai tròng bởi hai lớp quan lại Pháp Việt. Phan Thiết gần với Sài Gòn hơn mà lại trực thuộc triều đình Huế, dễ thấy rõ sự khác biệt của hai chế độ chính trị.

Nhân có Toàn Quyền Varenne đi qua Phan Thiết, Hồ Tá Bang đứng đầu danh sách gởi kiến nghị yêu cầu đổi luật lệ Nam Triều. Quan trường (Tuần Vũ Tôn Thất Quảng) lấy làm tức giận. Năm 1928 buộc tội Hồ Tá Bang có nhiều giấy thuế thân, bắt giam ông tại nhà ngục Phan Thiết. Bạn bè khắp nơi kêu oan cho ông. Khâm sứ Jabouille đòi ông đến gặp và tha cho ông. Quan trường đem áo dài khăn đóng để ông mặc yết kiến quan Khâm Sứ, ông khẳng khái nói: "Thằng tù chỉ mặc áo tù chứ không mặc áo dài khăn đóng."

Ông được tha, dư luận lấy làm thích thú.

Bài văn bia mộ Hồ Tá Bang do Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng soạn viết về ông như sau:

"Cụ bản tính khẳng khái, lại nhẫn nại. Gặp người gặp việc bề ngoài xem như bình thường, mà ở trong có cái sức chủ định không gì lôi kéo nổi. Đương buổi mới cũ thay đổi, thời thế lợi lược, mượn một chức thông ký làm đường tắt bước tới đường làm quan, không thế, cũng ôm cứng không chịu thôi, có xua đuổi mới chịu bỏ. Còn cụ vào rồi lại bước ra, tấn thối thung dung, có cái thái độ "dũng thối" của người cổ. Do sĩ phu ra thương mại Liên Thành Thương Quán thật đã khởi ngòi mở lối trước tiên, từ đó kẻ kế khởi luôn nối gót, như hiệu Triều Dương ở Nghệ An, hội Hiệp Thương ở Quảng Nam. Nhưng đều như hoa quỳnh, nở đó lại tàn đó. Duy có Liên Thành Thương Hội trải qua bốn mươi năm, dầu gặp biển dâu biến đổi mà vẫn cứ đứng vững, không khác tòa Lộ Điện của thương giới Trung Kỳ. Tuy rằng chỗ vật sản nhiều, có lắm tay giúp, mà công cụ kinh doanh qui hoạch vẫn nhiều, điều đó không ai chối được!

Lại còn một điều khó gặp là: Vật chất làm đắm lòng người, đạo bầu bạn càng ngày càng xuống, lời hứa hẹn băng nơi tiền bạc, tình tráo trở không khác mây mưa, là việc thường thấy. Cụ bình sinh không hề phiếm giao, khi đã gặp người ưng bụng thì giao kết đến bạc đầu, trước sau như một không hứa hẹn đến hai lời. Vá chân toàn nhau trong hoạn nạn, lại như tánh trời sanh ra vậy. Người xưa bảo "kẻ nại cửu giao." Vậy cho nên gần xa biết tiếng, bầu bạn tin lòng, và để lại người sau mối tình mến tiếc không cùng."■

(còn một kỳ)

Chú thích:

(1) Nguyễn Quang Thắng. *Phan Chu Trinh, Cuộc đời và tác phẩm*, Nxb Văn Học, TP.HCM 1992, tr.251-285.

(2) BS. Hồ Tá Khanh. *Thông sử Công Ty Liên Thành*, Paris 1983.

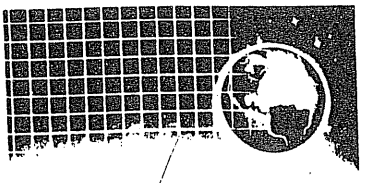

SỔ TAY KÝ GIẢ

Do nhóm biên tập TK 21 phụ trách

CẦU NGUYỆN CHO NGÂN SÁCH MỸ

Đảng Cộng Hòa Mỹ hứa với dân sẽ làm luật khuyến khích học sinh mỗi ngày cầu nguyện và sửa hiến pháp đòi quân bình ngân sách. Sau khi quốc hội Mỹ không chuẩn y tu chính án hiến pháp về Quân Bình Ngân Sách (thiếu đúng một phiếu ở Thượng Viện), có người đề nghị hãy làm một tu chính án khác bắt học sinh phải cầu nguyện cho ngân sách cân bằng. Dù chỉ là câu nói đùa, nhưng trong câu nói có phần sự thật. Trước khi Thượng Viện Mỹ biểu quyết về tu chính án, ông Robert Reischauer, giám đốc nha ngân sách của của quốc hội Mỹ cũng nói rằng ông chỉ mong Thượng Viện thông qua tu chính án như Hạ Viện đã làm. Nhưng ông cũng mong sau đó sẽ không có đủ 38 tiểu bang chấp thuận, để cho dự luật tu chính án "cuốn theo chiều gió" đi luôn. Theo hiến pháp Mỹ, tu chính án hiến pháp phải được hai phần ba mỗi viện thông qua và ít nhất 38 trong số quốc hội tiểu bang chấp thuận.

Lời nói của ông Reischauer có vẻ mâu thuẫn, nhưng rất đúng với sự thật chính trị của nước Mỹ. Những sự thật đó gồm có:

1. Ai cũng thấy chính phủ Mỹ chi tiêu vượt trên số thâu nhiều quá, cần phải tập kỷ luật, ngân sách chi và thâu phải cân bằng. Mỗi lần chi quá số thâu chính phủ phải vay nợ. Nợ chồng chất lên mãi tới đời con đời cháu phải đóng thuế trả nợ, thật bất công với những thế hệ sau.

2. Nói vậy nhưng cả các ông Tổng Thống lẫn các dân biểu, nghị sĩ không ai đủ can đảm cắt chi phí, hay tăng thuế. Vì làm gì cũng đụng tới quyền lợi một số cử tri, họ đều lo mất phiếu. Vì vậy từ 1970 tới giờ không có năm nào ngân sách chính phủ Mỹ cân bằng. Người lớn tiếng hô khẩu hiệu cân bằng ngân sách là ông Reagan, cũng là người tiêu sài rộng rãi nhất, đưa tổng số nợ của nhà nước lên số kỷ lục 4 700 tỷ đô la.

3. Không ai chịu cắt chi hay tăng thuế, vậy làm sao cân bằng ngân sách? Các dân biểu Cộng Hòa nghĩ rằng phải "hù dọa" mọi người bằng cách ghi vào bản hiến pháp. Hiến pháp là đạo luật tối thượng của quốc gia, tổng thống hay dân biểu, ai không tuân thủ hiến pháp đều có thể bị bãi nhiệm. Dân Mỹ có thói quen rất tôn trọng hiến pháp, khác hẳn nhà nước Việt Nam ta.

4. Nhưng ai cũng biết rằng ngân sách không phải chỉ là chuyện chính trị, mà còn là chuyện kinh tế nữa. Ví dụ quốc hội Mỹ biểu quyết một ngân sách cân bằng, thâu bao nhiêu chi bấy nhiêu. Ba tháng sau nền kinh tế cả nước Mỹ (hay cả thế giới) bị suy giảm. Trong ngân sách tự nhiên khoản chi về trợ cấp thất nghiệp, xã hội, và cả y tế tăng lên; còn thuế má tự giảm đi vì lợi tức dân chúng và các xí nghiệp đều xuống. Thế là ngân sách mất thăng bằng. Nền kinh tế nước Mỹ (và thế giới) không tuân theo hiến pháp Hoa Kỳ! Khi đó thì ai có tội "vi hiến", Tổng thống hay quốc hội Mỹ? Một bên thì đề nghị, một bên thì phê chuẩn ngân sách, bên nào đáng bị biếm (impeach) đây? Chưa kể, nhiều lúc ngân sách quốc gia cần phải khiếm hụt mới tạo nên công ăn việc làm!

5. Vậy tại sao các nghị sĩ dân biểu đảng Cộng Hòa cứ muốn làm tu chính án cân bằng ngân sách? Sự thật là họ muốn... "góp lời cầu nguyện" mà thôi.

Giả thử bản tu chính án trên được thông qua, nó giống như một thứ nghị quyết cá nhân (resolution) mà người Mỹ vẫn làm mỗi đêm giao thừa. Ví dụ năm nay tôi quyết tâm bớt ăn bánh ngọt cho khỏi mập. Hay năm tới tôi quyết tâm không cãi lời vợ tôi nữa. Dân Mỹ mỗi năm mỗi người vẫn thường làm các bản nghị quyết như vậy. Liệu họ có giữ đúng các lời thệ nguyện đó chăng? Không chắc. Nhưng các lời nguyện này giúp họ có thêm can đảm trong suốt năm tới, để họ tự kiềm chế, không ăn bánh, hay biết vâng lời vợ — được chút nào hay chút đó.

Vì vậy mà ông Reischauer mong thượng viện Mỹ thông qua tu chính án, vì nếu không thì cả tổng thống lẫn quốc hội sẽ tiếp tục thói quen hư... ăn bánh ngọt nhiều quá, chính phủ sẽ mập ra vì nợ!

Nhưng tại sao ông giám đốc ngân sách lại ước ao là sau khi quốc hội Mỹ thông qua thì bản tu chính án sẽ bị chặn lại ở cấp tiểu bang? Ông tính rằng trong bảy năm, thời hạn để các tiểu bang thảo luận, chính phủ và quốc hội Mỹ bị cái tu chính án đó treo trên đầu nên sẽ phải cố làm cho ngân sách cân bằng, thế là ngon rồi. Nhưng nếu tu chính án được ghi vào hiến pháp thật, thành đạo luật tối thượng của quốc gia, thì thật khó thi hành. Về mặt chính trị đó là mị dân, về mặt kinh tế thật ra không có lợi gì mà có thể lại có hại!

AI BẢO ĐỐI LẬP LÀ KHỔ?

Đối lập sướng lắm chứ! Một cựu dân biểu VNCH tiết lộ trong một cuộc mạn đàm: "Thú thật, hồi làm dân biểu thuộc khối đối lập, tụi tôi khỏe re. Tha hồ chỉ trích chính phủ, mà chả phải... làm gì cả!"

Ông Bill Clinton đang được hưởng thành quả của những... thất bại của đảng Dân Chủ: sau cuộc bầu cử tháng Mười Một 1994, đảng Cộng Hòa đại thắng, chiếm đa số ghế trong Quốc hội Liên Bang, với chương trình, kế hoạch trị quốc mệnh danh là "Giao kèo với nước Mỹ" (*Contract With America.*) Các lãnh tụ Cộng Hòa thi nhau xuất đầu lộ diện, để trước mắt trổ tài kinh bang tế thế, về lâu về dài chuẩn bị tranh cử vào năm 1996. Những quốc sách do các lãnh tụ Cộng Hòa đưa ra trở thành những "cái đinh của buổi tiệc" — mười mắt trông vào, mười tay chỉ tới.

Thế là ông Bill Clinton tự nhiên trở thành "phe đối lập" vì thuộc nhóm thiểu số trong guồng máy quản trị đất nước.

Nhưng ông Bill Clinton không "khỏe re" — như các dân biểu "đối lập" của ta thời VNCH. Bất quá, ông chỉ lợi dụng thời gian đảng Cộng Hòa "công," ông lui về thế "thủ," để dưỡng sức, để che giấu những khuyết điểm của cá nhân ông, của Hành pháp do đảng Dân Chủ nắm, và để chỉ trích các sơ hở của Cộng Hòa.

Thật vậy, cá nhân ông Clinton có nhiều "tịch" — nào hút mà không hít [cần sa], tránh mà không trốn [lính], gặp mà không gỡ [Paula Corbin Jones]. Ở vai trò Tổng thống, ông liên tiếp gặp rắc rối trong việc bổ nhiệm các nhân viên nội các — hoặc chưa bổ đã bị bác, hoặc bổ rồi thì bị bố. Ngay lúc này, ông còn đang phải nhai cái gân gà Henry Foster — người được ông đề cử làm Bộ trưởng Y tế, nhưng bị các nhóm áp lực thuộc phe Cộng Hòa chống đối vì Foster vốn là một bác sĩ sản khoa, đã từng có thành tích phá thai (một thành tích chẳng nghĩa lý gì nếu là một bác sĩ bình thường.)

Một số dự án lớn của ông (và bà) Clinton cũng bị bể, như dự án bảo hiểm y tế phổ quát, khiến cho chỉ số tín nhiệm dành cho ông qua các cuộc thăm dò dư luận bị xuống một cách thảm hại.

Nhưng mới đây, dự luật tu chính Hiến pháp về cân bằng ngân sách của phe Cộng Hòa đưa ra bị Quốc hội bác. Ông Clinton thắng lớn. Ông thắng ở chỗ được người ta quên đi "ba cái lẻ tẻ" về đời tư của ông, để soi mói đời tư của các chuẩn ứng viên Tổng thống thuộc đảng Cộng Hòa. Ông thắng ở chỗ ông "bán" được những món hàng và những khẩu hiệu mà trước đây khó tiếp thị, chẳng hạn giữ được khoản trợ cấp cho người nghèo, cùng lúc "đội" được cho phe Cộng Hòa cái mũ "làm tay sai cho bọn nhà giàu" (giảm trợ cấp xã hội của người có lợi tức thấp, giúp tăng thu cho nhà giàu bằng cách giảm thuế đánh trên tiền lời do đầu tư). Ông thắng ở chỗ tạo được hình ảnh một Tổng thống "vì dân" (dân lo an ninh trên đường phố sa sút, ông cho thêm cảnh sát, dân lo con cái thất học vì học phí cao, ông trợ cấp giáo dục, v.v...)

Nhưng, xin nhắc lại, ông Bill Clinton không "khỏe re," vì dù bị đẩy vào thế thiểu số, thế "đối lập," ông vẫn là Tổng thống, tức người cầm đầu Hành pháp. Ông sẽ là người khôn ngoan, theo những nhà phân tích chính trị, nếu ông biết nhân dịp này tập chú vào một số vấn đề — thay vì ôm rơm cho nặng bụng: việc nào giao cho các Tiểu bang được thì giao, việc nào nhắm chưa làm được lúc này thì... nhờ Quốc hội nghiên cứu (!). Ông có những thẩm quyền dùng sắc lệnh, nghị định hoàn toàn thuộc Hành pháp, không cần thông qua Quốc hội, để điều hành việc nước, ông phải sử dụng tối đa các quyền này.

"Đối lập" trong một chế độ dân chủ giả hiệu, hoặc dân chủ nửa vời, thì "khỏe re." Nhưng "đối lập" trong một chế độ dân chủ đích thực vẫn "vất vả" vì vẫn có trách nhiệm: làm sao cho dân ăn no, mặc ấm, dân vui, dân sướng. Đối tượng phục vụ của những người đại diện cho dân (tổng thống, dân biểu, nghị sĩ, v.v...), trong chế độ dân chủ đích thực, là người dân. Đối tượng phục vụ của những người... tự nhận là đại diện cho dân, trong các chế độ dân chủ giả hiệu, là chính họ (các chủ tịch này nọ, đảng ủy kia khác).

Dầu sao, tháng qua người ta thấy hình ông Clinton trên các báo và đài truyền hình rõ ràng tươi hơn mấy tháng trước.

Xin mời bạn
gia nhập, bảo trợ, tham dự sinh hoạt

HỘI VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
(VAALA)

Liên lạc: (hỏi ông Vũ Duy Tự)
(714) 537-8352

VÔ PHÁP VÔ THIÊN?

Tập hồi ký của BS Lý Chí Tuy viết về đời tư Mao Trạch Đông là một cuốn sách được nhiều người tìm đọc. Người Việt Nam tò mò muốn biết về con người Mao Trạch Đông là tự nhiên. Vì Mao đã ảnh hưởng rất nhiều đến thời cuộc Việt Nam kể từ 1950, sau khi ông ta chiếm được toàn thể Trung Quốc.

Năm 1951, Hồ Chí Minh đã chính thức cho hồi sinh đảng Cộng Sản Việt Nam, dưới tên đảng Lao Động, với cương lĩnh lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông làm chỉ đạo. Sau đó các cố vấn Trung cộng sang lãnh đạo phong trào cải cách ruộng đất, rèn cán chỉnh quân, v.v...

Trong một đoạn, bác sĩ Lý Chí Tuy kể một câu chuyện vui về cách nói năng bóng gió của Mao. Nhưng câu chuyện cũng cho ta biết bản chất tư tưởng Mao Trạch Đông là gì.

Mao nói với ký giả Mỹ Edgar Snow: "Tôi là một nhà sư che dù." Sau đó Snow đã thuật lại câu nói đó trong cuốn *The Long Revolution* (New York: Vintage, 1971, trang 175). Snow nghĩ Mao mang tâm sự của một người cô đơn. Nhiều "học giả" Tây phương lập lại ý kiến đó. Nhưng Mao ưa dùng văn ảnh bóng bẩy. Câu Edgar Snow nghe chỉ là một nửa của câu tục ngữ Trung Hoa, nửa sau mới thực là điều Mao định nói. Tục ngữ có câu: *Hòa thượng đới tán* (Nhà sư che dù) *vô phát vô thiên* (trên đầu không có tóc, cũng không thấy bầu trời). Nhưng câu *vô phát vô thiên* người Trung Quốc cũng đọc như "vô pháp, vô thiên," nghĩa là không sợ pháp luật, và không sợ thần thánh nào cả.

Ý chính của Mao là tự coi mình ở trên tất cả, không sợ một thứ gì trên đời. Ông không cần đến luật pháp, ông không cần đến tôn giáo. Vậy ông ta cai trị nước Trung Hoa bằng cách nào? Bằng mệnh lệnh của một mình ông ta. Một lời nói của ông ban ra thì tất cả đảng Cộng Sản và nhân dân Trung Quốc phải làm theo. Và đây chính là bi kịch của dân Trung Quốc.

Xã hội loài người trở thành văn minh từ khi người ta sống theo những quy tắc đạo lý, và đặt ra một hệ thống luật pháp. Nền đạo lý thường do các tôn giáo dậy bảo và duy trì, giúp mọi người sống như con người, hơn loài cầm thú. Pháp luật ràng buộc con người để ngăn cản các tính xấu, bảo vệ trật tự chung. Tôn giáo khích lệ con người phát huy tính thiện. Luật pháp ngăn ngừa mầm ác cho khỏi gây hại.

Vì vậy, chủ trương "vô pháp, vô thiên" là một con đường dẫn xã hội trở về thời chưa văn minh. Đường lối đó sẽ dẫn đến hỗn loạn. Đó là điều mà Mạnh Tử, vị hiền giả gần 25 thế kỷ trước Mao Trạch Đông đã cảnh cáo.

Mạnh Tử nói rằng: *"Thượng vô đạo quỹ, hạ vô pháp thủ, quốc chi sở tồn giả, hạnh dã,"* nghĩa là "Trên không có đạo lý mà theo, dưới không có pháp luật để ràng buộc, một chế độ như vậy khó mà tồn tại."

Câu nói của Mạnh Tử là một bài học về chính trị có thể suy ngẫm và áp dụng trong bất cứ xã hội nào.

Xã hội cần phải có luật pháp, để ngăn ngừa mầm ác sẵn trong con người. Khi người ta không còn sợ luật pháp nữa thì không có việc ác nào mà họ e ngại không làm. Mà luật pháp phải áp dụng từ trên xuống dưới, không trừ một ai, vì "thượng bất chính, hạ tắc loạn."

Nhưng nếu chỉ ngăn ngừa cái ác trong xã hội thì cũng không khác chi việc nuôi một bầy thú dữ, nhốt chúng vào chuồng để có thể ngăn chúng gây việc ác. Nhưng như thế là cách trị loài thú, chưa phải cách đối đãi với loài người.

Muốn nhân loại hướng thượng, vượt lên trên loài cầm thú thì cần phải có đạo lý. Chính tôn giáo nâng loài người lên địa vị cao quý, vì biểu dương điều thiện sẵn trong tâm linh chúng ta.

Cho nên, như Mạnh Tử cảnh cáo, một xã hội bên trên không có đạo lý, bên dưới không có pháp luật, thì *thiện* không phát triển, *ác* không bị ngăn trở. Xã hội đó sẽ dẫn tới suy hoại.

Cho nên chỉ một ý tưởng của Mao Trạch Đông cho ta thấy bản chất tác hại của chế độ Cộng Sản. "Vô pháp, vô thiên" rõ ràng ngược với tư tưởng truyền thống Á Đông, nơi mà ai cũng kính trọng Khổng-Mạnh như hai vị thầy.

Việc đảng Lao Động Việt Nam quyết định mang tư tưởng Mao Trạch Đông về cai trị dân ta là một đại họa cho dân tộc. Ngày nay chúng ta nhìn thấy báo ứng. Các nhà tư bản đỏ làm cả trăm căn nhà trên sườn đê Yên Phụ, bất chấp an ninh của đê. Hơn 5000 cây số đê điều có thể vỡ, đã có những vết nứt dài trên 200 mét. Dù thủ tướng Võ Văn Kiệt ra chỉ thị 108 TTg ngăn cản, họ vẫn tiếp tục xây. Có ngôi nhà cho thuê 6000 mỹ kim một tháng (lợi tức trung bình của dân ta là 200 mỹ kim một năm). Ở trên thì chỉ biết có tiền, bên dưới không pháp luật nào ràng buộc. Có phải ông Mao đã gieo nhân và bây giờ dân ta lãnh quả đây chăng?

Nhưng sức đề kháng của người dân Việt, cũng như dân Trung Quốc cũng rất mạnh. Đầu tháng Ba, liên tiếp các nhà văn và trí thức Trung Quốc công khai lên tiếng đòi tự do dân chủ. Họ còn chống trả và sẽ xóa bỏ chủ trương "Vô pháp, vô thiên" đó. Vì một nền văn minh có đạo lý và có kỷ cương suốt 2000 năm không dễ mà phá bỏ được. Triều đại Mao hay Hồ dựng lên chưa lâu bằng triều đại nhà Tần hay nhà Mạc.■

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I	VIỄN ĐÔNG II
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92644	1911 E. Garvey # C-D, Rosemead, CA 91770
(714) 539-4614	(818) 571-6807
8:30 AM - 8:30 PM	9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

TAXCALI

HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent

- INCOME TAX
- BOOKKEEPING
- BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

KC TRAVEL & TOURS
ARC

(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

THE KỲ 21

A source for Vietnamese studies

Group in charge of publication:
Do Quy Toan, Do Ngoc Yen, Ha Tuong Cat, Hoang Ngoc Tue, Le Dinh Dieu, Ly Van Chuong, Ngo Manh Thu, Pham Phu Minh, Phan Huy Dat, Tong Hoang and Tran Dai Loc

Publisher, English Section Editor:
Le Dinh Dieu
Editor:
Vuong Huu Bot
(Do Quy Toan)
Assistant Editor:
Pham Phu Minh
Managing Editor:
Nguyen Xuan Hoang

ADVISORS & CONTRIBUTORS:
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Ruth Talovich

THE KY 21
(The 21st Century)
is published monthly, distributed worldwide. Subscription: see form printed on page 4. Send check or money order, inquiries to:
Thế Kỷ 21
11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944
E-MAIL 75504,3510
Compuserve

ADMINISTRATION
Office Manager:
Vu Duy Tu
Account Executive:
Phan My Suong

ISSN 1056-4640

"CAMP PENDLETON HOME-COMING" ON MAY 6

In 1975, that is 20 years ago, over 50,000 Vietnamese refugees were processed through Camp Pendleton as part of "Operation New Arrivals." Desperate, homeless and in distraught after the fall of Saigon, these refugees came to the United States in search of freedom and the pursuit of happiness.

Camp Pendleton, more specifically Camp Cristianitos, became the Vietnamese refugees' version of Ellis Island, where they began their new life in America in an extensive tent city. "Operation New Arrivals" continued from April 29, 1975 until the last family departed on October 31 of that year.

The refugees' arrival is marked by a statute, "Hand of Hope," a point of interest in the Camp sight-seeing tour. The "Hand of Hope" was created in 1975 by one of the refugees, Luu Nguyen Dat, who has a doctorate in French literature. Several Camp Pendleton Marines assisted him in the construction.

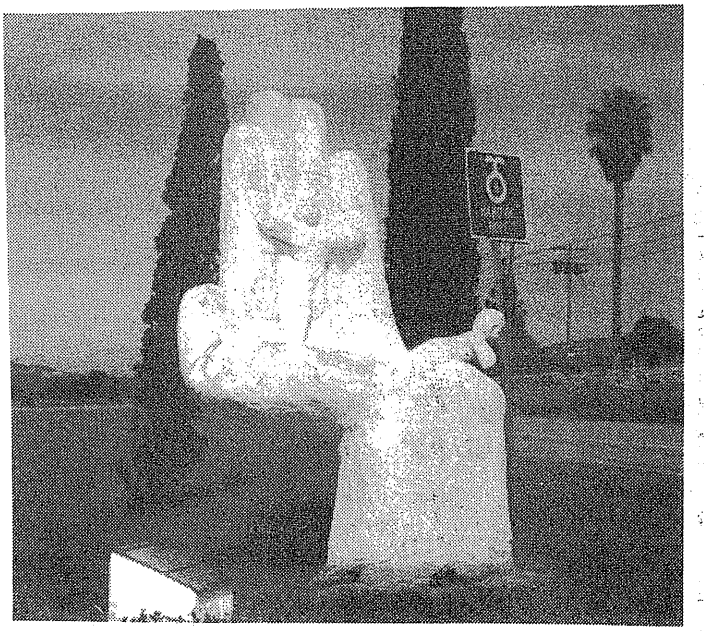

"Hand of Hope"

On Saturday, May 6, 1995, a commemoration organized by Project 20 will be held at the original camp site.

Entitled "Project 20 / Camp Pendleton Homecoming," the event is expected to draw about 50,000 visitors who will spend the whole day of festivities in a re-created tent city.

This will be a moving moment for tens of thousands of "old campers" as well as their American sponsors, and their younger generation. Even "non-campers" -- those refugees who came to the United States in later times -- are curious about the camp and many will join the "pilgrimage."

Quang X. Pham, a Vietnamese-born US Marine captain (now in the Reserves), is a liaison officer for Project 20's Camp

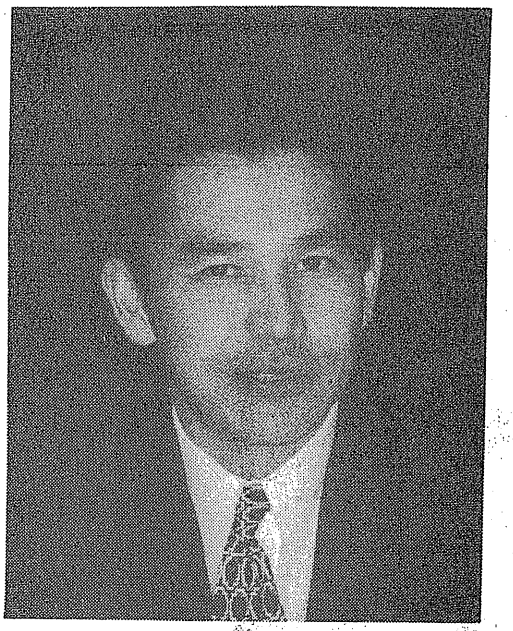

Quang X. Pham

Pendleton Homecoming. In a press release, he states that the organizing committee has extended invitation to present or former Marines, not only of "Operation New Arrivals," but also of "Operation Frequent Wind," which was at Camp Asan on Guam.

"This occasion will be a tearful and poignant reunion for all participants. Many from the Vietnamese American community have ewxpressed their desire to personally thank the Marines who assisted with their evacuation and those who opened their arms and welcomed them to America twenty years ago," said Quang.

For more information, contact Quang X. Pham at (714) 537-8352 or fax (714) 638-1944.

PROJECT 20 RAISES FUNDS FOR YEAR-LONG PROGRAM

Tens of young Vietnamese college students in graciously looking "ao dais" will appear on the stage to show the unique beauty of the Vietnamese women's dress through generations. That is the main event on the "Vietnamese Cultural Night" organized by Project 20 at Hyatt Regency Hotel in Long Beach, on Friday, March 31, 1995.

Along with the ao dai fashion show, the Cultural Night will also present Vietnamese traditional music, a historical sketch, piano and guitar recitals as entertainment at a fund-raising dinner to benefit Project 20's year-long program.

Khoa Le, chief coordinator of Project 20, is also the composer of the symphonic suite entitled "1975" to be premiered by Pacific Symphony Institute Orchestra on June 3, 1995. Le said that "the fund-raiser will be an opportunity for our American friends to see that we Vietnamese refugees do have a history, a culture, and a heritage to contribute to our new country."

For more information concerning the gala, contact VAALA/Project 20 (714) 537-8352.

VIETNAMESE MUSIC AT SEOUL FESTIVAL

The First Meeting of Asia-Pacific Society for Ethnomusicology (APSE) and Traditional Music Festival was held in Seoul, Korea, from 13 to 18 November 1994. The establishment of the APSE was suggested by Prof. Hsu Tsang Houei (Taiwan) during the Fifth International Conference for Ethnomusicology held in Taipei in 1992, and endorsed by representatives from various countries: Prof. Tran Van Khe (Vietnam), Prof. Kwon Oh-sung (South Korea), Prof. Soedarsono (Indonesia), Dr. Jaroenchai Chonpairot (Thailand), Prof. José Maceda (Philippines), Prof. Tomoaki Fujii (Japan), Prof. Zhao Feng (China).

The Society was established in April 1994 in China. Its aim is to promote mutual understanding of music from different cultures in the Asia-Pacific region through comparative research. The inauguration of APSE with its historical meeting in Seoul was the witness of success for the sake of World musicology and World peace.

In this first conference, eight member countries and two non member countries participated> There were approximately 29 paper presenters and 190 performers. There were seminars, round-table discussions, panel discussions, exhibition of musical instruments, books and audio-visual materials from various countries, and performances of traditional music during the APSE conference in Seoul.

Dr. Tran Quang Hai, researcher of the National Center for Scientific Research (Paris, France) and member of the UMR 9957 (Unité Mixte de Recherche), presented his paper entitled "Harmonic Resonantial Voice vs Diphonic or Formantic Voice: Physiology and Acoustics of Vocal Production in Religious Music."■

TWILIGHT

By HOANG KHOI PHONG

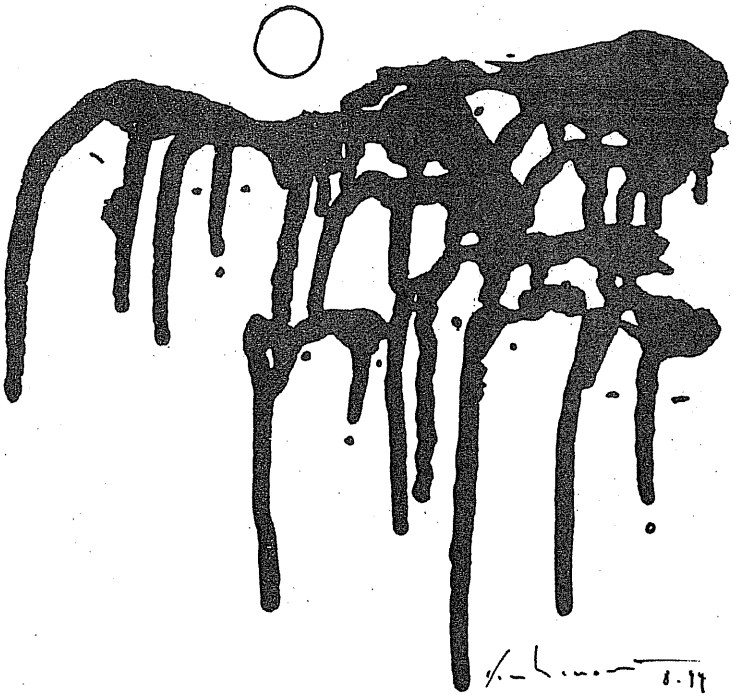

Finally, after three days, my bewilderment faded and I found myself growing accustomed to my new neighborhood. Such a strange concept: a "mobile home" park. This particular one had been designated for people over fifty-five. But the natural instincts of owners to make the best use of an empty property conspired to make me a resident in an area from which -- since I didn't meet the simple criteria of age -- I should have been excluded.

About a hundred trailers are parked in the complex. As a newcomer I thought I should take some time to introduce myself to my neighbors or at the very least get to know the faces and names of those living on both sides of my fence and in the trailer facing mine.

And that was where I stopped, right in front of a "single-wide" mobile home supported about a yard and a half off the ground by six stone blocks. The house had an air of genteel shabbiness about it, from the exposed wheels that the owner hadn't thought to conceal, to the empty aluminum cans scattered in the shadowed spaces near the base of the trailer. In the garden next to the house, I saw the owner sleeping soundly in a wheelchair, under the shade of several peach trees laden with fruit. A thin blanket covered his legs and lying on his lap was a bag of seeds brought to feed city birds too lazy to forage on their own. As I watched, a bold squirrel snuck up and surreptitiously gathered the corn kernels strew across the lawn, now and again cautiously standing up on its hind legs and listening foraa sound, watching for a movement. I turned back and sat on the rattan chair on my porch, looking at my sleeping neighbor and wondering how much longer it would take before I could go over and perform the small yet obligatory act of greeting that seemed required in my adopted land.

I wondered how old the man was. It seemed as if the color and weight had been leached out of him, leaving him wrinkled and spent. The lines on his face and neck were as pronounced

as the carvings on the old sculpture. Yet even though time had atrophied his body, laying only a layer of skin over a framework of brittle bones, he still managed to fill the entire chair. He must have been a strong and forceful man when he was young.

The old man suddenly shuffled and opened his eyes. He seemed dazed. I should give him a couple of minutes to regain his bearings, I thought. But even as I watched, he shifted and went back to sleep. Fifteen minutes later, I saw him wake and grope for the whistle he had around his neck. As soon as he'd found it, he blew long and hard. The sudden noise startled me. The door behind him opened and out came an old woman who quickly asked: "Honey, are you OK?" She bent down to whisper in his ear, then turned and kissed him lightly on the forehead.

Gathering my confidence, I went over and introduced myself, explaining that I was a new arrival to the neighborhood. The old man, incapable of speech, bade me welcome with my eyes. But not his wife. The eyes that a momnent before had gazed upon the old man with warmth and pity, clouded over when they looked at me into two pools of indescribable darkness. I wondered if it would be wise to greet any of my other neighbors.

The next day was a Saturday, and I decided to do some laundry. I had just put two large bags of dirty clothes into my car when I saw another old man approach, his walk energetic, his eyes mischievious, his voice booming. "Good morning, son!" he called. "You Vietnamese?"

I felt annoyed. If he knew I was Vietnamese, then he should have understood that the diminutive "son" didn't appeal to us, particularly when coming from a foreigner, I was still debating how to reply then the man, nonplussed, continued:

"My name's Bill -- I'm your next door neighbor. I was in your country for three years, '69 to '72."

"My name is Nguyen."

"You a vet too? ARVIN?"

"I served in the army."

I resigned myself to making the best of his visit -- at least it meant one less person to whom I'd have to introduce myself. We exchanged some pleasantries about the weather and then our biographies. Bill had retired from the Air Force; he'd been stationed in many places. He actually knew quite a bit about Vietnam and had a good grasp of the kind of Vietnamese vocabulary not used in polite society. While he'd been in Vietnam, he'd supported a "little wife," he told me. Although he was sixty-five, he seemed to me to have the vigor of a man in his fifties.

After that first meeting Bill would often come by to chat with me through the fence, and even, occasionally, visit my house. He'd appointed himself as the bearer of news about what was happening in the neighborhood for me. For the most part, our conversations were one-sided -- I let him do most of the speaking, since I was insecure about my English. Through him I learned about everything that was happening in this little world of ours.

"Hey, Nguyen, you coming to the party at the clubhouse this weekend?"

"What party?"

"Steve and Laura's two year anniversary."

"I don't know them -- I wasn't invited."

"Hey, don't sweat it -- parties around here are open to everyone. Come on; there'll be free food, music; it'll be fun. Steve and Laura got married right here. They're both in their late eighties. Hell, they both got great-grandchildren."

Changing the subject abruptly, he said: "Listen, do you know that guy White in F8."

"I haven't met anybody except the couple next door and you."

"White's a black guy. He's a vet -- he was in Vietnam too. You know, the first five years he's here, I never even knew he had a son. Then the kid starts coming over, spending his nights here. One night, two AM, he breaks into Mrs. Barbara's trailer, M4, steals about two hundred dollars. Then he raped the old woman and stabs her to death. Then the nervy little bastard comes back the next week, probably to do in someone else. That's when they got him. Since then White hadn't dared to show his face, case someone thinks he's an accessory."

"Nine out of ten his son just took advantage of him to scope out the area," I said. I felt a twinge of sympathy for White.

"Well, I guess the police thought the same thing -- they asked him a few questions, then let him go. But I'll tell you, Nguyen, no matter what, I just don't like blacks."

*

That night, when I arrived with my bouquet of flowers and a greeting card, the clubhouse was filled to capacity with fifty or sixty elderly couples. Some of them were in wheelchairs, though I saw no sign of the couple next door to me. As soon as he saw me, Bill rushed over and introduced me to everyone. I felt awkward and out of place among these aged bodies. Steve and Laura, the anniversary couple, seemed to want to deny the passage of time by wearing

brightly colored clothing that seemed too young for them. His hand trembling, Steve took the bouquet I brought and muttered an almost unintelligble thank you. I mumbled my best wishes back, but the atmosphere depressed me. As soon as Bill brought me a paper plate, I took a sandwich and retired to a chair in the corner. Soon after I sat down, a black man entered, carrying a beautifully wrapped gift. His entrance reduced the commotion in the room to soft murmurs of surprise. The man's face was marked with loss and suffering. He brought the gift to the wedding table, put it down and gave his best wishes to the couple. Ignoring the stares of the other people, he settled into the empty chair next to mine and introduced himself.

"Hi. My name's White."

"Nguyen."

I gave a firm handshake and I was abruptly conscious of the few furtive glances thrown in our direction. Then someone must have given a sign, for suddenly an old lady sat down at the piano and began to caress the keyboard. Songs about youth and love tumbled from toothless mouths. But Bill, full of energy, seemed to grow younger; he was at his most entertaining. He hugged one person, swung another one out on the floor to dance. Some of the dancers were too heavy to even walk; others were fragile and thin as toothpicks. Many of them left the dance floor wheezing or consumed by fits of coughing. As the noise abated, Mr. White got up and went to the piano. He bent and whispered to the pianist, who flipped through her

PHILLIP HUNG PEASE
(Grade 9)

WHY?

Why does God put us here upon this Green Earth,
To experience all evils since the time of our birth?

Nations are fighting for more power or land,
People aimlessly dying by their leaders demand,

Elderly left by themselves in some home,
Ignored by their families, dying alone,

Children abusing their bodies for they have no morals inside,
Due to the lack of love they have long been denied,

Trying to understand why are children dead,
For wearing the colors either blue or red,

Races at war killing each other,
For the ignorant reason of just their color,

Homeless people with nowhere to go,
Wealthy people with no compassion in their soul,

Parents divorcing due to a big mistake,
Worrying about themselves and not their children's sake,

All of these evils has made our society ill,
The only way to stop it, is by our own free will.

songbook and tested a couple of chords before she started to play. Her music blended with White's voice and an indescribably sad song filled the air. All of the people seemed visibly moved. As the song went on, I got up and snuck out, uncomfortable with all of the signs of mortality around me. My mind was haunted with images of withered bodies, of snow white hair, of the elegance of the lady pianist. I felt mesmerized by the way clouded eyes were able to shine for a brief moment of happiness before returning to their distant dullness.

*

For several days soon after the guest parking lot outside the complex filled up with cars bearing out of state license plates. Young couples and sometimes even small families complete with chubby, rosy-cheeked babies, roamed the compound. In the morning, I went to the convenience store to pick up a few things and saw Mr. White, paying for a gallon bottle of whiskey. When he saw I'd noticed him, his eyes clouded with uneasiness. I drove back home, haunted by his look. As I stepped out of the car, Bill came overgto me.

"Hey, Nguyen, any visitors today?"

"I have many friends, but they were afraid they couldn't be able to find parking here. Anyway, usually we just meet at Vietnamese restaurants."

"Well, I didn't mean your friends. It's almost Father's Day -- everyone's expecting their kids. Except me. I got a card from my son yesterday, says he can't make it this year."

"Where is he?"

"San Francisco. After he finished up at U.C. Davis he decided to stay up there, on account of his job. Been there about ten years now; he's thirty-two. By the way, that couple next door to you? They haven't had a visitor in the last five years."

"I tried to visit them when I first moved here. But up to now I haven't even been able to find out their namei"

"Sarkissian, that's his name. Armenian. He's a doctor, or was a doctor -- he came to the states in 1945, when he was thirty-five. So he's what now, close to eighty? I heard he left a wife and son behind back in Armenia; his wife now's a nurse who worked with him in a hospital. They had a son too. But he was killed in your country, in the war."

It was as if he had cleared up nagging mystery and opened up a whole new line of thought for me. I remembered the dark glance the old woman had given me that first day when I went over to make their acquaintance. In my mind, I heard again that whistle, saw clearly the lazy city birds and squirrels that fed on the old man's sorrows. Even those seeds made perfect sense now. And yet I remembered also, very clearly, how the old man's eyes, when they fell on me, had been much gentler than his wife's.

"Hey, you know why my kid isn't coming up this year?" Bill interrupted my thoughts.

"I imagined he's probably just busy. The holidays are perfect for making money."

"Nothing that exciting," Bill said. "It's because of his worthless new wife. The fat bitch. You know, his first wife wasn't only very pretty -- she was real nice. Brought me tons of gifts every time they came up. But the one he has now is not only fat and ugly -- she's lazy as hell. She makes me feel like hating my son."

"Well, look, at least we're both luckier than White. I saw him buying a whole gallon of whiskey this morning."

"His son just got sentenced -- life in prison. About half this trailer park went to the courtroom the day they announced the verdict."

Soon the excitement of Father's Day passed and the parking lot returned to its usual emptiness. The sight of relatives wheeling their loved ones in the dying light of sunset became less frequent. Now in the evenings, as the sun moved level with the windows, the old folks searched for companionship at the public beachis near the complex. In this way their lives passed by, a calm seclusion, interrupted only by the periodic need to say farewell to a departing neighbor. There were only two reasons for leaving the trailer park: death or nursing homes for those unfortunate ones who could no longer prepare their own meals or care for their own most basic needs.

*

So the days passed until one evening I came home to a great commotion. Police cars, ambulances and fire trucks had filled up the parking lot and my neighbors were clustered around F8, Mr. White's trailer. From the look of them, I knew that something serious had occured. The lady pianist, her face stained with tears, was being comforted by Bill, who'd put his arm around her and was leading her over into the shade of the peach trees. The police had cordoned off F8 with a yellow tape. Emergency medics entered and exited while the firemen, deprived of an opportunity to ply their trade, squatted down and leisurely puffed at their cigarettes.

It was Veterans' Day, and I knew that Bill and the other veterans had planned to throw a party. Those who had managed to preserve

their old uniforms and ribbons had taken them out of their closets to display to one another. As I found out later, the old timers had visited each other all morning, telling their war stories. Bill had been everywhere and had gone to see everyone -- except White. Perhaps it had slipped his mind. Finally, just before five in the afternoon, when the party was to have started, he remembered White and decided to go to his trailer and drag him along. He knocked, but there was no answer, so he'd gone to check the car shed. Sure enough, White's Buick was there. Bill went back and knocked again. Stil no answer. He circled around to the back door. Noticing a little space where the blind didn't quite meet the bottom of the window, Bill peeked inside. White was hanging in a corner of the bedroom, his face bloated and pale, his tongue sticking out at least an inch. Bill felt faint and had to sit down for a while to regain his composure. After several minutes, he got up and went to the home next door and called the police.

A half an hour later, the party began as scheduled. Bill stood next to the piano, but the pianist sat motionless. No one played, no one sang. All that could be heard was Bill's agonized voice recounting over and over the day's events, reproaching himself. He should have dropped in on White sooner. If he had, if he'd said hi to White, had a drink with the black veteran, he knew he could have stopped him and White would have been here, at the party, singing God Bless America with everyone else.

*

Time slipped by and before I knew it I had been at the trailer park for more than a year. White left behind nothing more than a few belongings and his trailer was sold quickly and cheaply in order to pay off his debts. The new owner was Korean. He was about my age and very well-mannered. Soon he made acquaintance of all the families in the park. He seemed better than me in all ways. He drove a shiny new Hyundai, repainted his house in a bright color and hung a poster of the 1988 Olympics on the wall. Backing him was a country embarked on a successful road to development. Once in a while, I saw Bill stop by the Korean's for a drink.

At that time I was working the second shift. After getting home after a full day of work, I'd clean up, read the newspaper and watch a program or two on TV; by then it would be three in the morning and time to sleep. But whenever I woke up, still cocooned in the comfort of my bed, the first image of the day I'd see through my window would be the old man next door, motionless on his wheelchair, his back supported by an air pillow, his body curved against the chair. His eyes looking up at the sky. Once in a while, one hand would grope for the feeding can fastened on the armrest. With a flicking motion, his hands would direct the birds first to one side, then to the other to snatch their much awaited seeds. I became thoroughly familiar with his system of whistles. A long steady sound signalled his need for water, two shorter ones a wish to be moved into the shade, three and he needed to go inside the house; I imagine to take care of bodily needs. Each time he gave the three whistle sequence, his wife would appear immediately and wheel him inside. At noon he left the peach trees and went inside for his nap, then appeared again after four o'clock in the winter and after five-thirty in the summer. That old couple cared for each other with a tender love that was greater than any other love on earth. Often she would sit beside him and whisper into his ear. If she was inside, his whistle invariably brought her smiling face back outside. And when she came, she never failed to kiss his forehead or his cheek.

THẾ KỶ
XUẤT BẢN • ẤN LOÁT • PHÁT HÀNH

11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

PHIẾU MUA SÁCH

Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
.....
Điện thoại: .....
Tôi đặt mua (các) cuốn: .....
.....
Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền $. .....

Since I'd learned he was a refugee from Armenia, I'd felt close to the old man. He had left his country against his will, and then his son had died on the soil of my land. I felt I understood him and I longed to speak to him, but his circumstances prevented me. Even with his wife, he could only whisper, and more often than not he just had to signal his needs. Besides, the woman's coldness towards me hadn't dissipated. Perhaps I was a reminder to her of her present childlessness, her future loneliness. Many times I helped her carry her laundry bags from the car to their trailer, or lifted some heavy articles for her, only to receive a curt and cold thank you. She gave no sign of thawing, of forgiving. But I became used to it and continued to help her without hope of receiving any acknowledgement.

At Christmas I took a ten day vacation. Feeling that I'd been isolated for too long, I decided to visit old friends, many of whom lived around the Washington D.C. area. By coincidence, Gorbachev was visiting the United States and the media was filled with stories about Glasnost and the two superpowers bringing peace to the world. But suddenly Heaven was angered and disaster struck Armenia. The same land ravaged by the hands of man, the land oppressed by the Russians for close to half a century, now became the victim of violent earthquakes which claimed hundreds of thousands of lives. Gorbachev cut short his visit and hurried home. But Heaven must have no eyes and the old Earth gods must have no ears, for why did they wait until the exact moment when the Armenians were about to demand their independence to rain such calamities on them? The images I saw on my television and in the newpapers reminded me of my neighbor. Having himself survived intact, and he now thinking about his homeland? My meetings with my friends were bittersweet, as we told each other the old stories and talked about Vietnam. For a while I pushed the images of a distant city covered with debris and rubble out of my mind.

But the minute I returned, even as I was turning my car into the complex, an uneasiness came over me. It was ten o'clock already, yet the old man wasn't in his wheelchair under the peach trees. The door to his trailer was closed tightly. As soon as he spotted me, Bill ran out of his house like a whirlwind.

"Did you hear? Sarkissian dropped dead."

I was stunned to the point of speechlessness. The only person here with whom I'd felt a sense of connection had vanished to the Ninth Cloud. After a long while, I was able to ask Bill when it had happened.

"Three days after Christmas."

"Was it an accident, or did he fall ill?"

"Hell, Nguyen -- he was just old."

"Where's his wife?"

"Right after the funeral, she moved to Fresno to live with her sister."

"Has someone else bought the place yet?"

"No, not yet. You know, Nguyen, I helpd her pack. She had all of these stacks of books and magazines and photo albums, and a box of old letters she'd hung onto. All this stuff. She told me that towards the end, the old man wanted to hear her read all those old letters from forty or fifty years ago from relatives and friends. He couldn't see a thing, so he'd asked her to flip through the pages in the photo albums one by one, then read him aloud the name in each caption under every picture. I got a look at the album. He was a great-looking guy when he was young, handsome, full of muscles. A veteran, like you and me, only he was a doctor. All those old books and magazines had stuff about his country in them."

"Did you go to his funeral?"

"Sure. Everybody here went, except the people in wheelchairs."

"Where's the cemetary?"

"Down at the corner of Bolsa and Beach."

"Do you know where his grave is located?"

"Naw, I never remember stuff like that. Check in at the cemetary office -- they should be able to give you the fine details."

I visited the cemetary that evening and found his resting place. And there I lit some incense, to commemorate a compatriot.

*

Finally, I moved out of the "mobile home" park. A friend had bought a small house near the place I worked and asked if I would move in with him, to share expenses and keep him company. The rent was cheaper, so I left. But I miss that place, miss the old couple, the nosy insensitive neighbor with his secret good heart, the elegant pianist, the tragic black man. The man who took over my 1969 model mobile home was yet another Korean, even younger than I, and fresh off the boat. I moved out in the morning and he moved in that afternoon. He too drove a Hyundai and had in his possession a large poster of the 1988 Seoul Olympics. The difference between him and me was that he always walked with his head high, while for the last ten years it seemed that I always looked down.■

Translated by Thai Tuyet Quan

Edited by Wayne Karlin

Infinity Vision

OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa

14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

- Nhãn khoa tổng quát
  - Khám mắt
  - Đo độ làm kính, contact lens
  - Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
  - Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt
- Contact Lens
  - Đủ mọi loại: trong hay màu
  - Daily và Flexiblewear
  - Soft
  - Disposable
  - Gas Permeable
  - Toric
- Kính
  - Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
  - Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
  - Kính mát kiểu mới nhất

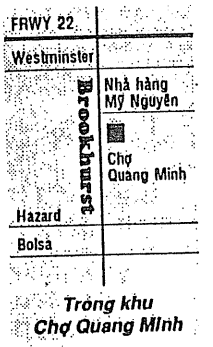

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

- ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
- ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- ***TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG***
- ***LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI***
- ***NHA KHOA THẨM MỸ***
- ***NHA KHOA NHI ĐỒNG***

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM □ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Central Valley Medical Clinic

7225-7227 Reseda Blvd., Reseda, California 91335

(818) 708-7227

Bác sĩ NGUYỄN VĂN HƯNG, M.D.

CHUYÊN TRỊ

NỘI THƯƠNG - NGOẠI THƯƠNG

PHỤ NỮ - THAI SẢN

TRẺ EM - NGOÀI DA

QUANG TUYẾN - SIÊU ÂM

NHẬN

MEDI-CAL - MEDICARE
&BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 7PM
Thứ Bảy: 9AM - 3PM
Chủ Nhật: Đóng cửa

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM **1995**

- khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.
- bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ khuyết tật chi và môi.
- bảo trợ học bổng cho giáo sinh Sư phạm.
- bảo trợ một số lớp tình thương và phổ cập.
- trợ cấp cho một số trẻ mồ côi, khuyết tật.
- tổ chức ủy lạo nạn nhân bão lụt (khi cần thiết).

Kinh phí trợ giúp dự trù: 30.000 - 50.000 USD

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

Muốn nhận bản tin GREEN CROSS hoặc đóng góp, xin quí vị vui lòng liên lạc:

TOGETHER
WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, Ca 92643
Phone (714) 537-4877 Fax (714) 379-1216
California Non-profit Corp. #1838385 Federal Tax Exemption #952344006

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương
nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* **Divine Word College Seminary** ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* **Associate Program** là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

LIÊN HIỆP TỊ NẠN QUẬN CAM (OCRC, Orange County Refugee Coalition),
một nhóm các tổ chức bất vụ lợi giới thiệu:

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VẬN ĐỘNG NHẬP QUỐC TỊCH

(PARTNERSHIP FOR CITIZENSHIP)

- Khóa học nhập tịch MIỄN PHÍ để GIÚP NGƯỜI TỊ NẠN chuẩn bị thi nhập quốc tịch Hoa Kỳ, gồm 25 giờ học dạy các môn về LỊCH SỬ và CƠ CẤU CHÍNH QUYỀN HOA KỲ, và luyện tập để trả lời những câu phỏng vấn của nhân viên sở di trú và nhập tịch (INS).
- Điều kiện theo học: bạn phải ở Mỹ hợp pháp bốn (4) năm trở lên.
- Chương trình MIỄN PHÍ này được chính phủ liên bang chuẩn chi và chấp nhận bởi Sở Định Cư Người Tị Nạn, và được các cơ quan Thiện Nguyện địa phương, các Hội Tương Trợ, cùng ty Xã Hội hạt Orange bảo trợ.
- Các lớp học sẽ được tổ chức vào các buổi

CHIỀU và TỐI MỖI NGÀY TRONG TUẦN và SÁNG THỨ BẢY

tại các địa điểm sau:

- *Garden Grove (4 trung tâm)*
- *Westminster (4 trung tâm)*
- *Santa Ana (2 trung tâm)*
- *Anaheim (2 trung tâm)*

Ngoài ra chúng tôi còn có các bài học và các lớp **ESL MIỄN PHÍ*.**

THỜI GIAN GHI DANH: BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 3 THÁNG MƯỜI 1994

XIN GỌI SỐ

CITIZENSHIP HOT-LINES
(714) 444-0400 hoặc (714) 558-3097

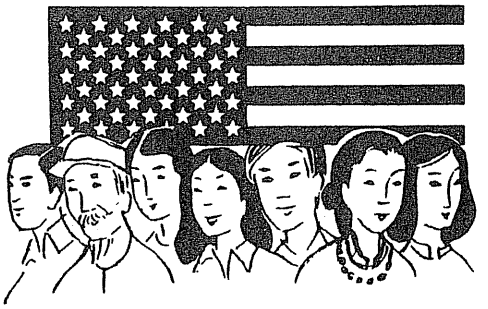

Các Cơ Quan và Hội Đoàn đồng bảo trợ chương trình:

Catholic Charities of Orange County/USCC
County of Orange/Social Service Agency
Episcopal Migration Ministries/ESA
International Rescue Committee, Inc.
Jewish Family Services of Orange County
Laotian American Organized Support
Lutheran Social Services of Southern California
St.Anselm's Cross-Cultural Center/Church World Services
The Cambodian Family, Inc.
Vietnamese American Arts and Letters Association
Vietnamese Community of Orange County, Inc.
World Relief

** Chúng tôi có lớp dạy đặc biệt MIỄN PHÍ cho những thường trú nhân không phải tị nạn ở Mỹ năm năm trở lên, xin gọi lấy hẹn riêng.*

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ phát hành liên tục từ 1985 đến nay
☑ *nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ*
☑ đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới

Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 6, 1995, mua dài hạn được ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277 Garden Grove, CA 92643. USA
Tél: (714) 537-2468

- Hình thức trang nhã, bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, với đóng góp của những cây bút tên tuổi trong và ngoài nước.

•

- Qua HỢP LƯU, độc giả có thể cập nhật đầy đủ sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam đương đại
- Qua HỢP LƯU, độc giả có cơ hội theo sát những khai phá mới của thế hệ cầm bút trẻ.
- Qua HỢP LƯU, văn chương, nghệ thuật thực sự có được chỗ đứng độc lập: vượt trên mọi tranh chấp có tính cách giai đoạn.

BỜ BIỂN CALI: 35 NƠI NGOẠN MỤC

Cận duyên lộ 1 - Big Sur. Ảnh Ngô Thanh Tùng

NGÔ THANH TÙNG

Năm 1972, cử tri Cali đã bỏ phiếu chấp thuận Dự Luật 20, Luật Bờ Biển Cali *(California Coastal Act)* ban hành năm 1976 cùng với Luật Bảo Vệ Bờ Biển Tiểu Bang *(State Coastal Conservancy Act)* qui định việc quản trị, thủ đắc, trùng tu các khu vực được liệt kê là "bờ biển công cộng". Năm 1979, Ủy Ban Cận Duyên Tiểu Bang Cali *(California Coastal Commision)* và Sở Bảo Vệ Bờ Biển Tiểu Bang *(State Coastal Conservancy)* được thành lập với mục đích phối hợp với các địa phương, cố dành lại tối đa những vùng bờ biển làm công viên và bãi tắm công cộng.

Cali là một tiểu bang được gần 50 triệu du khách đến thăm viếng mỗi năm. Phần lớn du khách đều muốn viếng cảnh đẹp bờ biển của Tiểu Bang Vàng. Chỉ có 42% bờ biển Cali là tài sản công cộng có thể vào được, 58% kia là đất tư nhân, hoặc của Liên Bang hay của Tiểu Bang, của Hạt (County) mà dân chúng không được viếng. Làm thế nào để phân biệt bờ biển tư và công? Trên nguyên tắc, ranh phần đất có "nước ướt", tức là vùng nước dâng lên, rút xuống giữa nước lớn và nước ròng. Vùng nước ướt đó là tài sản Tiểu Bang, thuộc công sản. Vậy du khách có quyền đi trên vùng cát ướt đó, dầu trên kia là đất tư. Muốn biết chi tiết khu vực nào công hay tư, có thể liên lạc với Nha Giải Trí và Công viên Cali (California Department of Parks and Recreation) P.O. Box 2390, Sacramento, CA 95811, ĐT (916) 445-6477. Trong số trên một trăm công viên tiểu bang và bãi biển công cộng dọc theo gần 1,200 dặm bờ biển Cali, tôi xin chọn 35 địa điểm, theo tôi, có phong cảnh đẹp, đáng thăm viếng.

35 thắng cảnh bờ biển Cali

Đưa du khách đến danh lam thắng cảnh nằm dọc bờ biển là hai xa lộ 101 và Cận Duyên Lộ 1 (Coast Highway 1), đã được phóng, nương theo các đường mòn mà người da đỏ đã lưu lại. Những đường mòn xa xưa này cũng đã được những nhà thám hiểm Tây Ban Nha sử dụng ở thế kỷ XVIII, với tên chung thời đó là Đại Lộ Hoàng Gia *El Camino Real.*

Tài liệu dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp các bạn yêu phong cảnh, văn nhân, nghệ sĩ, nhà du lịch, lười đọc sách báo Mỹ, có tài liệu sơ khởi để tham khảo tổng quát và duyệt lại từng khu vực. Nên nhớ, mỗi công viên hay điểm ngoạn mục liệt kê dưới đây (có thể đã được đề cập ở Bài Một nhưng vẫn được lập lại tại đây với mục đích giúp độc giả khỏi phải lật mục lục tìm lại) đã được chính quyền in bằng nhiều tài liệu và bản đồ đặc biệt. Rất nhiều đường mòn, đường đá, bãi biển, thung lũng, đồi núi, sông suối KHÔNG TÊN hoặc chưa được đặt tên. Việc tìm hiểu, thiết lập thêm bản đồ chi tiết cho mỗi công viên trong số mấy chục triệu mẫu rừng và gần 1,200 dặm bờ biển là một tiến trình không ngừng nghỉ, không những của Nha Du Lịch Cali (Visitors Bureau), của các công ty làm bản đồ, mà của cả những người yêu thiên nhiên, giới cắm trại, câu cá, chụp hình... sau những cuộc du lãm tự tìm ra.

Cư dân Cali rất sành điệu, nơi nào phong cảnh đẹp, có suối sâu, hồ rộng, đèo cao, bờ biển hùng vĩ, có hồng mộc ngàn năm, có đường cho xe RV lái vào, có nhà vệ sinh, tắm nước nóng, có chợ búa bán bia, bán nước ngọt thực phẩm, có máy giặt công cộng, có nhân viên kiểm lâm giữ an ninh v.v...thì họ rất ưa và chiếu cố liên tục. Vì tổng số công viên quá lớn, tôi đề ra ba tiêu chuẩn để tuyển chọn những danh thắng mà tôi sẽ liệt kê dưới đây:

1/ Những nơi gần như quanh năm đều không còn chỗ trống, (đã được giữ chỗ) phải cần tám tuần giữ chỗ trước.**Tiêu chuẩn ưa chuộng.**

2/ Những nơi rộng trên dưới trăm mẫu, hoặc nếu nhỏ thì phải nằm giáp một khu sơn lâm liên bang *(National Forest, National Conservation Area),* hoặc giáp biển, vào cửa ban ngày có lệ phí ($4-$8). Ngủ qua đêm, có nơi mỗi xe phải trả $36. **Tiêu chuẩn bề thế, tiện nghi**

3/ Những nơi có thể cắm trại, dựng lều ngủ vài ba đêm, hoặc nằm cạnh biển, hoặc có núi, có cổ thụ ngàn năm, có suối hoặc hồ, có nhiều đường mòn cho du khách lội bộ lên đường đỉnh, lội bộ theo sông suối ra bãi biển, và dĩ nhiên phải có ảnh trường đẹp để ít ra cũng chụp được vài ảnh kỷ niệm; hoặc những nơi có địa thế thật đặc biệt. **Tiêu chuẩn môi sinh, phong cảnh.**

Căn cứ vào ba tiêu chuẩn vừa kể, tôi tuyển lựa một số công viên dưới đây theo thứ tự **từ Bắc xuống Nam** Cali.

1. Thiên Đường Ngư Ông: Sông Xích Bích **"Smith River"** cực Bắc Cali. Sông này chảy qua Hạt *Del Norte County.* Đây là nơi câu cá Salmon nổi tiếng. Sông Smith nằm gần biên giới tiểu bang *Oregon* cách thị trấn *Crescent City* vài dặm về phía Bắc, cách San Jose sáu tiếng lái xe. Nổi tiếng là ngư trường cá đỏ thịt *Salmon,* cá lưỡi trâu *founder,* và vài giống khác như*: perch, trout, smelt.* Có nhiều chỗ cắm trại, bơi thuyền, bãi đậu xe RV, đặc biệt nhất, mùa Phục Sinh trùng với mùa hoa thơm tại đây. Vườn hoa loa kèn (huệ tây) *Lily* lớn nhất thế giới nằm trong khu vực này, một loài hoa được cả sắc lẫn hương. Những danh thắng trong vùng sông Xích Bích gồm có:

1. Gần các công viên Huyết Mộc: *Redwood National Park; Jedediah Redwoods State Park; Smith River County Park,* nơi câu cá, ngắm chim. Vùng này nhiều sương mù, trời thường u ám quanh năm.

2. Đoạn đường 101 trong vùng là một trong tám đoạn đường được Hội Địa Lý Quốc Gia Nationl Geographic chọn đẹp nhất Hoa Kỳ.

3. Hai hồ *Lake Earl* và *Lake Talawa* thông thương với nhau nằm cách biển chừng vài trăm thước, đầy cá, rộng 2,000 mẫu.

4. Sông Xích Bích *Smith River* có đường 197 chạy song song, nằm kế cận 101.

5. Mũi *Saint George Point* và mũi Kim Tự Tháp *Pyramid Point.*

6. Đặc điểm cuối cùng: tuy nằm gần thị trấn *Crescent City* nhưng khá vắng vẻ, vì quá xa San Francisco, trên sáu giờ lái xe.

Đường vào: Lái xe trên 101 North, qua khỏi Crescent City vài dặm, đến một thị trấn có tên *Smith River,* vào; hoặc vào *Smith River County Park; Smith River Fishing Access;* hoặc *Clifford Kamph Memorial Park.* Xin xem bản đồ đính kèm.

2. Công viên Hồng Mộc *Redwood National Park* giáp *Crescent City.* Thiết lập năm 1968; được nới rộng thêm chu vi năm 1978. Rộng 100,000 mẫu, ôm một đoạn cửa sông *Klamath.*Cây reedwood già 2,000 năm, cao nhất địa cầu, trên ba trăm bộ. Công viên chiếm trọn 50 dặm chiều dài bờ biển. Kề cận, còn có ba công viên tiểu bang (xin xem bài Công Viên Hồng Mộc Redwood National Park.) Ba công viên này là:

1.Del Norte Coast Redwoods State Park.

2. Jedediah Smith State Park.

3. Prairie Creek Redwoods State Park.

Muốn biết thêm chi tiết, xin điện thoại (707) 464-6101, hoặc viết thư về địa chỉ ghi trên.

Những danh thắng trong vùng này gồm có:

1. Ba công viên tiểu bang vừa kể.

2. Sông *Klamath,* lớn thứ nhì của Cali, dọc bờ sông, có nhiều chỗ cắm trại.

3. Khu da đỏ **Hoopla Indian Reservation** cách cửa sông Klamath 32 dặm đi ngược lên nguồn, có tàu chở du khách thăm viếng mỗi ngày.

4. Mỹ Cảnh Lộ Tám Dặm **8-Mile Drive,** còn gọi là *Coast Drive,* vừa lái, vừa "nín thở" dọc theo bờ biển vặn vẹo dốc đứng cheo leo bên vực.

5. Bao Lơn ngắm sóng Requa **Requa Overlook** nhìn xuống sông *Klamath.*

6. Hai bãi biển: **Crescent Beach** và **Enderts Beach,** và vô số bãi cắm trại.

7. Ba hồ nước ngọt nằm ngay cạnh biển: *Stone Lagoon, Dry Lagoon, Big Lagoon.*

8. **Đặc biệt nhất** là Công Viên Mũi **Patrick Pt. State Park,** rộng 462 mẫu, có 125 ô vuông cắm trại, có bãi biển **Agate Beach** dài gần ba dặm, **có đá cẩm thạch,** phần nhiều là viên nhỏ. Du khách nào may mắn, lượm được đá quý, tự do đem về làm của.

Đường vào Công Viên Hồng Mộc: Đi 101 North, qua khỏi thị trấn *Eureka,* lái gần đến *Crescent City,* sẽ thấy bảng lớn chỉ lối vào *Redwood National Park.* Xin xem bản đồ. Vùng này có nhiều công viên cũng mang tên "Redwoods" nhưng là những công viên tiểu bang thôi. (Công viên Quốc Gia *"Redwood National Park",* chữ "Redwood" không có "s".)

3. Vùng Bảo Tồn Núi Vua **King Range National Conservation Area.** Tọa lạc phía Nam thị trấn *Eureka.* Đây là vùng bờ biển hoang vu nhất, đẹp nhất, ít du khách nhất Cali. Khi bạn du lịch vùng này, cần xe thật tốt, tài xế cứng tay lái. Nên đi hai xe trở lên, để tương trợ nhau.

Sở quản trị Công Sản *(BLM)* quản trị 54,000 mẫu núi non, bờ biển, sông suối thuộc tài sản liên bang trong vùng này, trong số, có King Range. Một phần ba đất đai trong vùng là tài sản tư nhân. Bạn nên tôn trọng quyền tư hữu, đừng xâm nhập đất tư. Đường xá rất ít, cực kỳ hoang vu. Vùng này có biệt danh là "Bờ Biển Mất Tích" *(The Lostcoast).* Chính phủ xây bốn vùng cắm trại nhỏ dọc theo các khu công viên cạnh biển. Đường mòn nổi tiếng trong giới lội bộ là mấy chục dặm hiểm hóc dọc theo bờ biển, từ Sông *Mattole River* xuống *Shelter Cove.* Giới lội bộ có quyền tìm chỗ đậu xe, đeo túi ngủ, mang thực phẩm, lên đường bất cứ lúc nào mà không cần xin phép ai. Tuy nhiên, sở kiểm lâm khuyến cáo du khách rán ghé các trạm kiểm lâm, ngay đầu các đường mòn, để ghi danh, khai báo lộ trình, thời điểm... phòng bị lỡ có mất tích trong mấy chục triệu mẫu rừng hoang, thân nhân còn biết đường tìm. Sau đây là một số công viên nằm về phía Nam Klamath.

4. Công Viên **Mac Kerricher State Park**

Bờ biển nằm trong công viên *Mắc-Ke-Rít-Chơ* dài sáu dặm, với những đồi cát nhỏ. 143 ô vuông dựng lều. Mùa hè thường hết chỗ, muốn cắm trại ở đây, nên điện thoại giữ chỗ vài tuần trước (707) 937-5804. Vắng vẻ vào các mùa khác. Tọa lạc cạnh Cận Duyên Lộ 1, gần suối *Pudding Creek,* Bắc thị trấn **Fort Bragg.** Lối vào Mac Kerricher, từ 101, lấy 20 West, lái gần một giờ, đến *Coast Highway 1,* quẹo phải (Bắc) lái vài dặm, sẽ thấy bảng chỉ lối vào công viên.

5. Công Viên **Van Damme State Park**

Nằm không xa công viên Mac Kerricher bao nhiêu, về phía Nam. Có 74 ô vuông cắm trại, đặc người vào mùa hè. Rộng 347 mẫu. Có 4 dặm rưỡi đường mòn cho giới lội bộ, nằm giáp Sông Con Little River và Rừng cây tý hon Pygmy Forest.

Đường vào, như trên: 101. 20 West, đến *Coast Highway 1,* quẹo trái (Nam), sẽ thấy bảng chỉ đường vào *Van Damme State Park.*

Các thắng cảnh trong vùng gồn có:

1 **Mendocino Coast Botanical Gardens:** Vườn bách thảo nổi tiếng, rộng 47 mẫu. Đường mòn lội bộ bao lơn cạnh biển. Mở cửa mỗi ngày trừ hai tháng Giêng và Hai. Vào cửa $3. ĐT: (707) 964-4352. Một ảnh trường đặc biệt.

2 **Mendocino Headland State Park.** Nằm sát biển, có cửa sông, đặc biệt có nhiều hang đá do sóng vỗ lâu năm tạo thành, nằm chắn trên bãi biển.

3 **Russian Gulch State Park.** Có 30 ô vuông cắm trại, 12 dặm dưỡng mòn lội bộ, nhiều hang đá ngay bờ biển như trên.

6. Bãi Cắm trại *Bodega Dunes Campground*

Có 98 ô vuông cắm trại, lội bộ, câu cá, cỡi ngựa, đốt lửa trại. ĐT: (707) 875-3382. Nên giữ chỗ trước, nhất là vào mùa hè. Đặc biệt công viên này có nhiều đụn cát cho giới vung máy đốt phim. Tọa lạc Bodega Dunes Campground: từ 101, lấy Hwy 116 để vào *Coast Hwy 1.* Quẹo trái (Nam) lái về hướng Bodega Bay, sẽ thấy bảng chỉ đường vào công viên *Bodega Dunes Campground.*

Các thắng cảnh trong vùng đều nằm về hướng Bắc của *Bodega Dunes,* gồm một dọc các bãi tắm do cùng một cơ quan quản trị: Sonoma Coast State Beach. ĐT: (707) 875-3483.

1. Sonoma Coast State Beach.
2. Salmon Creek Beach.
3. Gleason Beach.
4. Wright Beach, có 30 ô vuông cắm trại, vào cửa $5 một xe.

5. Goat Rock, có đụn cát.

7. Công Viên **Bodega Head State Park**

Một công viên đặc biệt tuy nhỏ nhưng có nhiều đường mòn lội bộ, lại nằm ngay cuối bán đảo *Bodega*, với nhiều đụn cát. Từ đây có thể ngắm toàn Vịnh *Bodega*,vùng *Marin County*, và các bãi biển *Somona*. Tọa lạc, nằm phía Bắc Sông Nga **Russian River,** Bắc Mũi Rái **Pt. Reyes.** Lối vào: từ Coast Hwy 1, lấy*Bay Flat Rd,* nối tiếp bởi *Westside Rd,* cứ giữ đường này, sẽ thấy bảng chỉ đường vào công viên.

Các thắng cảnh trong vùng:

1. Bến tầu *Porto Bodega.*
2. *Westside County Park,* nằm rất gần đó về hướng Bắc
3. *Bodega Marine Lab.*
4. Bến tầu *Masons Marina.*
5. *Doran County Park.*

8. Mũi Rái *"Point Reyes National Seashore"*, Bắc *Marin County* (xin đọc *Point Reyes National Seawhore* ở phần trên).

9. Rừng *Mount Tamalpais State Park-Muir Woods* (rất rộng-rất đông). Rộng 6,204 mẫu, bao gồm luôn công viên *Muir Woods National Monument.* Bãi biển, đường mòn, nhiều bãi cắm trại cá nhân, tập thể. Phải giữ chỗ trước, (415) 388-2070. Tọa lạc: Bắc giáp S. F.

Lối vào: Khỏi Kim Môn Kiều, lấy *Coast Hwy 1,* khi thấy *Panoramic Hwy,* quẹo vô, sẽ có bảng chỉ đường vào núi Tha-Man-Phết *"Mount Tamalpais State Park"*. Phải trả lệ phí $4 mỗi xe.

10. Kim Môn Giải Trí Trường **"Golden Gate National Recreation Area"** (Đã đề cập). Một vùng rừng núi khá rộng, bãi biển quanh co dài 8 dặm, sát nách công viên quốc gia **"Muir Woods National Monument".** Trụ sở trung ương, trực thuộc Liên Bang, đặt tại *fort mason,S.F.* (Lối vào tại S.F., cứ đi theo đường *Franklin St.).* Cơ quan này chia ra hai sở:

1. *"National Park Service tại Stinson Beach"*, quản trị các thắng cảnh: *Slide Ranch, Muir Overlook, Tennessee Valley, Rodeo Beach, Kirby Cove, Golden Gate Hostel* có 60 chỗ ngủ rẻ tiền $5.50 một đêm (415) 561-7277.

2. *"National Park Service San Francisco"*, tại *Fort Mason*, thì quản trị: *San Francisco International Hostel, Bldg 240 Fort Mason,* 130 chỗ ngủ (415) 771-7277; Sở này cũng quản trị: *Coastal Trail, Baker Beach, China Beach, Lands End, Ocean Beach, Fort Funston, Burton Beach.*

Những thắng cảnh vừa kể thuộc khu vực S.F. đều được nhiều tài liệu du lịch quảng cáo. Các tài liệu này được phát không tại các khách sạn và văn phòng cung cấp dịch vụ du lịch trong vùng Vịnh San Francisco *Bây-Ơ-Ria (Bay Area).*

Từ S.F. xuống đến *Monterey*, rất đông dân, xe cộ chạy như mắc cửi suốt 24 giờ không ngớt. Các công ty xây cất tranh nhau khai thác đất đai trong vùng này, không có những công viên rộng.

11. Quán Trọ Rẻ Tiền Dưới Hải Đăng *"Montara Lighthouse Hostel"*

Tọa lạc trong Hạt *San Mateo*, trên Coast Hwy 1, nằm dưới *Pacifica,* Nam S.F. chừng vài dặm. Khi bạn lái từ S.F. xuống, qua *Edun Cove/Gray Whale State Beach và Montara State Beach,* là gần tới Quán Trọ Hostel. Nhà ngủ rẻ tiền này có 30 giường, chỉ lấy mỗi đầu người có $5.50 một đêm, mái ấm muôn đời cho những nhà thơ lữ thứ như *Bùi Giáng, Tản Đà* của Hoa Kỳ. (Tiền chưa đủ trả tiền giặt khăn trải giường, mền, gối, điện, nước, người giữ nhà trọ, giấy chùi tay, xà bông, quét dọn nhà vệ sinh...) Có gì quí như máy ảnh, máy video, đồng hồ, xin hết sức cẩn thận. Giới chức quản trị không chịu trách nhiệm về bất cứ vụ mất mát đồ vật nào của khách giang hồ. Muốn giữ chỗ, xin điện thoại (415) 728-7177, hoặc viết cho *Montara Lighthouse Hostel P.O. Box 737 Montara, CA 94037.* Phải nhận giường ngủ trước 4:30 giờ chiều nếu không muốn mất chỗ. Giờ mở cửa: 4:30 chiều - 10 giờ đêm. Xe buýt từ S.F. số SAMTRANS 1A đi Hwy 1, trạm đường 14th.

Những thắng cảnh trong vùng đông dân cư này là:

1. Devil Slide, bao lơn ngắm sóng
2. Pillar Pt. Harbor, bến tàu
3. Dunes Beach, có vài đụn cát nhưng phải vào bằng xe có hai trục chạy được bốn bánh.
4. Venice Beach, giáp Dunes Beach vừa nêu
5. Francis Beach
6. Overlook, bao lơn cao ngắm được toàn vùng Vịnh Bán Nguyệt.

12. Nhà Trọ Hải Đăng Chuồng Bồ Câu *"Pigeon Point Lighthouse Hostel"*

Đặc biệt giống Nhà Trọ *Montara*, số 11 vừa kể. Có 30 giường, đồng giá: độc khách $5.50/đêm. Hải đăng cạnh nhà trọ, nổi tiếng cao thứ nhì trên lãnh thổ Hoa Kỳ. Muốn giữ chỗ, xin viết thư cho: *Pigeon Point Lighthouse Hostel, Pigeon Pt. Rd. Pescadero, CA 94063, hoặc điện thoại (515) 897-0633. Những nơi đáng thăm viếng trong vùng:*

1. Pebble Beach, gần Pescadero Point
2. Bean Hollow State Beach
3. Overlooks, bao lơn ngắm biển
4. Gazo Creek Beach
5. Ano Nuevo State Reserve (xin xem phần dưới).

(Còn tiếp)

ĐÔI ĐIỀU VỚI ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

Nhân đọc bài "Mạn Đàm Với Thang Ma" (Thế Kỷ 21 số 71)

CAM VŨ

Trong *Thế Kỷ 21* số 71, tháng Ba, 1995, ông Nguyễn Anh Tuấn có viết một bài dài nói chuyện với ông Thang Ma về vấn đề ngôn ngữ. Các kiến thức về ngôn ngữ của các ông Thang Ma và Nguyễn Anh Tuấn đều giúp ích nhiều cho bản thân tôi và có lẽ cho nhiều độc giả khác. Nhưng trong bài của ông Nguyễn Anh Tuấn có mấy điều tôi cảm thấy không ổn, mà tôi xin góp ý sau đây.

Đầu tiên ông Tuấn *"không cho rằng trong ngôn ngữ có yếu tố chính trị... Bản thân ngôn ngữ bao giờ cũng vô tư, không thể nói trong ngôn ngữ có yếu tố chính trị."*

Đấy chính là điều khó hiểu cho tôi. Tôi không hình dung được "bản thân vô tư" của ngôn ngữ là như thế nào, vì rõ ràng nó không phải là một thực thể cố định, nó mang tính chất gì, ý nghĩa nào là tùy theo người dùng nó.

Ngôn ngữ là của một dân tộc, đồng ý, nhưng khi dân tộc ấy (tức là từng cá nhân hay nhóm người thuộc dân tộc ấy) nói chính trị thì người ta có *ngôn ngữ chính trị*, khi tỏ tình thì có *ngôn ngữ tình yêu*, người giàu sang có học vấn thì nói *ngôn ngữ trưởng giả*, kẻ lang thang đầu đường xó chợ thì có *ngôn ngữ bụi đời*. Hồi tôi còn nhỏ mỗi khi bắt chước tụi bạn trong xóm ăn nói hỗn ẩu hoặc chửi thề, cha tôi sẽ trừng mắt: "Học ở đâu cái giọng mất dạy đó?" Dĩ nhiên "giọng mất dạy" hoặc "ăn nói cho ra con nhà có giáo dục" thì đều là nói tiếng Việt Nam cả, nhưng rõ ràng đó là những loại ngôn ngữ khác nhau, có ảnh hưởng cả đến việc xây dựng nhân cách cho một con người.

Cho nên tôi nghĩ ngôn ngữ cũng như là nước, nó có hình dạng thế nào là tùy theo đồ đựng nó. Tính chất linh hoạt đó rất phù hợp với câu mô tả đặc tính ngôn ngữ của ông Tuấn: *"Tính kế thừa, hội nhập và phát triển cải tiến không ngừng là những đặc trưng của ngôn ngữ."*

Đến đó thì tôi đồng ý, nhưng những điều sau đây thì tôi thấy cần thảo luận: *"Ngôn ngữ không có tính giai cấp và cũng không phải công cụ của một giai cấp nhất định. Các giai cấp, các hội đoàn, tổ chức chính trị có thể lạm dụng ngôn ngữ phục vụ cho mục đích tuyên truyền chẳng hạn. Nhưng ngôn ngữ không bao giờ là một tên nô lệ, làm theo ý đồ của một số người, một hội đoàn hay một giai cấp. Bao giờ nó cũng là công cụ tư duy và giao tế của cả dân tộc."*

Lạ thật, đã nhận nó là "công cụ tư duy và giao tế của cả dân tộc" mà không cho từng giai cấp, từng đoàn thể, từng tổ chức v.v... tức là những thành tố tạo nên dân tộc ấy dùng trong công việc "tư duy và giao tế" *theo ý đồ của họ*, (tức là phổ biến, trao đổi, tuyên truyền, giáo dục những gì họ nghĩ là đúng) thì ngôn ngữ dùng để làm cái gì? Không có thứ ngôn ngữ trừu tượng gọi là "của cả dân tộc". Ngôn ngữ chỉ có khi được từng thành phần của dân tộc ấy sử dụng, dĩ nhiên dựa vào một cái nền chung, nhưng nhất định là mang tính cách riêng của kẻ sử dụng. Dựa vào cái gì, nhân danh cái gì mà dám bảo người nọ người kia là *lạm dụng ngôn ngữ*?

Ngôn ngữ của một dân tộc là một tài sản chung, ai dùng cũng được và ai cũng có quyền dùng theo mục đích của mình, nó vô tận và thiên biến vạn hóa theo khả năng của người sử dụng, sao gọi là lạm dụng? Trước sau nó chỉ là một công cụ, một công cụ "không xương nhiều đường lắt léo," còn nội dung đúng sai mà nó chuyển tải lại là chuyện hoàn toàn khác, thuộc lãnh vực chân lý hay đạo đức, không dính dáng gì đến nhiệm vụ của nó. Cái hình ảnh "ngôn ngữ không bao giờ là một tên nô lệ" gượng ép quá, vì nó chính là một khả năng của con người, dùng ngôn ngữ tức là sử dụng khả năng của chính mình, cho những mục đích của chính mình, không thể khách quan hóa nó mà bảo nó là một tên nô lệ được.

Sở dĩ ông Tuấn nêu những định nghĩa và lý luận như trên là để cãi với ông Thang Ma rằng ngôn ngữ miền Bắc xã hội chủ nghĩa vẫn độc lập với chính trị, không bị chính trị chi phối, và nhất là không bị ảnh hưởng của nước Trung Hoa Cộng Sản. Đây là điều tôi hoàn toàn không đồng ý với ông Tuấn.

Ông Tuấn đưa ra ví dụ ông Hồ Chí Minh sửa đổi một số cách viết và cách nói mà rốt cuộc không ai theo để chứng minh rằng không thể "Hồ hóa" được ngôn ngữ, không thể chính trị hóa được ngôn ngữ. Theo tôi, cách viết, cách

nói ấy của ông Hồ có tính cách hoàn toàn cá nhân, phù hợp với riêng ông, chứ chưa bao giờ là một cải cách chính thức có tính cách quốc gia cả. Ông viết *kách mệnh* thay vì *cách mạng*, *zải fóng* thay vì *giải phóng* v.v... như là một khám phá của riêng mình, thuận tiện và thích thú cho riêng mình, nếu ông có ý muốn người khác cũng làm giống mình thì cũng chỉ đưa ra như một gợi ý vui vui chứ rõ ràng là không ép buộc. Các cụm từ "chiến sĩ gái", "dân quân trai" v.v... cũng có tính cách *rất là Hồ Chí Minh* như thế, có thể ông ta coi là cách nói riêng của một lãnh tụ lớn tuổi với thế hệ con cháu mình.

Còn nếu đã muốn ép buộc thì với một đảng độc tài triệt để như đảng Cộng Sản Việt Nam, chắc chắn có thể làm được. Bằng chứng là hầu như cả một hệ thống chữ Hán Việt có sẵn từ lâu của ta đã được miền Bắc *thay đổi* theo Trung Cộng, tôi muốn nhấn mạnh là *thay đổi* chứ không phải là du nhập thêm vào, nghĩa là không dùng chữ cũ nữa, bắt buộc phải dùng chữ mới *mà thôi*.

Ngay cái cụm từ *phản ảnh* với *phản ánh* mà ông Tuấn đưa ra làm ví dụ để chứng minh rằng "đứng về tu từ học thì dùng hai cụm từ *phản ảnh* hay *phản ánh* đều được cả" cũng không thoát. Vì *dùng được* với *được dùng* là hai điều khác nhau tại xã hội miền Bắc mà ông Tuấn lờ đi không nhắc tới. Một điều chắc chắn là trong xã hội đó *phản ánh* đã **thay thế hẳn** *phản ảnh*, cũng như tất cả những tiếng mới du nhập từ Trung Quốc sau 1954 **thay thế hẳn** những tiếng Hán Việt tương đương có từ trước. Ở đây tôi không đề cập tới chuyện hay dở trong việc thay đổi đó, mà chỉ muốn nhấn mạnh rằng việc đó có thật, và chính trị đương nhiên có khả năng tác động vào ngôn ngữ (như tất cả mọi khả năng khác của con người, chẳng hạn tình yêu, thương mại, tôn giáo, giáo dục...)

Ông Tuấn viết: *"Chúng ta nhớ rằng sử dụng ngôn ngữ là quyền của nhân dân. Đừng có bảo rằng chính quyền ép mà dùng, mà người dân phải chịu nghe. Không bao giờ có thứ ngôn ngữ Mao hay Hồ. Ta chớ nên ngộ nhận đi đến chỗ cố tình nhồi nhét yếu tố chính trị vào ngôn ngữ để rồi lên án nó. Lên án kiểu đó là lên án nhân dân, lên án trí thức, lên án các nhà ngôn ngữ học."*

Tôi không ngờ dưới mắt ông Tuấn "nhân dân" trong chế độ cộng sản có quyền đến thế. Và tôi cũng không tin trong chính thể ở miền Bắc trước đây dân chúng tự do sử dụng ngôn ngữ theo ý mình, bất chấp chính quyền. Và

ĐÀN BÀ

14 truyện ngắn của
PHẠM VĂN HẢI và HẢI VÂN

"Từ nhỏ, hắn đã sợ đàn bà. Sợ lắm!"
Hắn là ai? Ai là đàn bà? Ai không phải là đàn bà?
Tại sao "Đàn Bà" bị nhiều người gào thét đến mê sảng ngay khi có mặt trên *Thế Kỷ 21* số Ra Mắt? Như Cúc có thực ở ngoài đời không? Thực bao nhiêu phần? Ai có thực? Ai không có thực?
Tìm đọc ngay... "ĐÀN BÀ"!

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

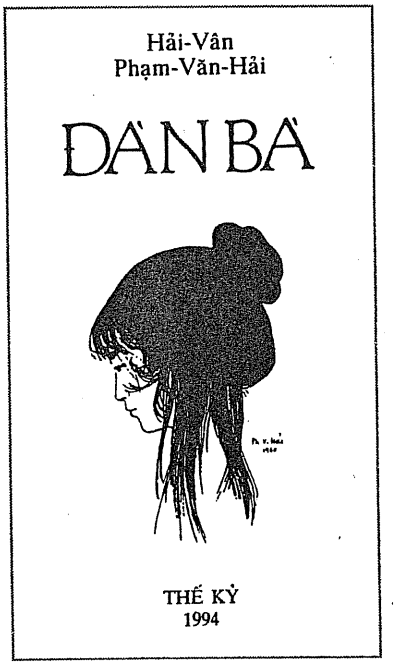

cũng không tin nốt cái việc các nhà trí thức, trong đó có cả các nhà ngôn ngữ học, lại có thể hoạt động độc lập bên ngoài đường lối mà đảng đã chỉ thị. Trong một xã hội bưng bít triệt để, tất cả phương tiện truyền thông (báo chí, sách vở, phát thanh...) đều do nhà nước nắm giữ, từng người dân được kiểm soát tư tưởng qua học tập, kiểm thảo và qua hệ thống tình báo nhân dân tinh vi (đến độ trong gia đình người này rình mò người kia), với một hệ thống nhà tù rộng khắp sẵn sàng đón nhận những kẻ không cùng hát một bài bản với chế độ, trong một xã hội như vậy thì ngôn ngữ đương nhiên phải được điều kiện hóa theo ý muốn của người cầm quyền.

Năm 1975, khi dân hai miền Nam Bắc giao tiếp với nhau, sự khác biệt ngôn ngữ giữa hai miền là điểm nổi bật nhất. Dân miền Nam thì ăn nói lung tung, mỗi người mỗi kiểu, trong khi dân miền Bắc mười người như một phát ngôn y chang nhau, từ ngữ thống nhất, vấn đề giống nhau, và gần như có những câu mẫu trong một số lãnh vực. Đặc biệt có một số tiếng rất thường mà người Bắc, nhất là giới trẻ tuổi, không dùng thường xuyên nữa, như là tiếng *xin lỗi* hoặc *cám ơn*.

Cùng là dân Việt Nam cả sao ngôn ngữ hai miền khác nhau đến thế? Nếu không phải chế độ chính trị gây ra sự khác biệt ấy thì là cái gì? Phát hiện ra ảnh hưởng gắt gao của chính trị trên ngôn ngữ ở miền Bắc không phải là *cố tình nhồi nhét yếu tố chính trị vào để rồi lên án nó* như ông Tuấn nói, vì ngôn ngữ có tội tình gì, mà "nhân dân", các nhà trí thức, các nhà ngôn ngữ (trong một chế độ Cộng Sản kiểu xít-ta-lin thì thân phận như thế nào ai mà chẳng rõ), lên án họ làm gì! Đó là điều ông Tuấn có thể an tâm. Đây chẳng qua chỉ là những nhận xét khách quan về một hiện tượng ngôn ngữ mà thôi.

Nói như vậy tôi không có ý phủ nhận những công trình của các nhà ngôn ngữ học miền Bắc, hoặc các công trình nghiên cứu thuộc nhiều lãnh vực khác về khoa học và văn hóa, tôi chỉ muốn nhấn mạnh là tất cả đều phải được kềm chặt bởi chính trị. Mà việc chế độ Cộng Sản Việt Nam bắt mọi thứ phải triệt để phục vụ nhu cầu chính trị trong từng giai đoạn thì không ai còn lạ gì, nhất là ông Tuấn lại càng phải rõ lắm.

Vậy thì từ chuyện chấp nhận tư tưởng Mao Trạch Đông như là tư tưởng chính thống cho Đảng Cộng sản Việt Nam cho đến chuyện ra lệnh cho các giới ngôn ngữ, triết học, báo chí, văn học... *triệt để thay thế* hệ thống tiếng Hán Việt cổ truyền bằng tiếng mới của Trung Hoa Cộng Sản thì dễ hiểu quá, có gì mà ông Tuấn lại muốn phủ nhận hoặc che lấp đi? Những chuyện như vậy cả thế giới đều biết, giấu làm sao được?

Cũng vì thế mà tôi lại càng không đồng ý với ông Tuấn khi ông viết: *"Với nhận thức như trên, việc chúng ta dùng thêm các từ ngữ mới không phải là lệ thuộc chính trị nước ngoài. Cũng như ngày nay ở Việt Nam người ta dùng từ Computer, Visa, TV v.v... như từ Việt ngữ."* Nhưng ông Tuấn quên chỗ này: *Ngày xưa* ấy với *ngày nay* mà ông Tuấn nói khác nhau một trời một vực, không thể đem so sánh với nhau được. Ngày xưa là một xã hội bưng bít, từ cái ăn, cái nói, cái giải trí, học hành... của mọi người dân đều phải tuyệt đối theo mệnh lệnh đảng, ai rục rịch đi ra khỏi đường đã vạch sẵn thì coi như là chết hoặc bị trù dập suốt đời. Trong khung cảnh ấy người ta đem ngôn ngữ Mao Trạch Đông vào. Còn bây giờ... *"bây giờ thoáng lắm rồi"*, đúng như câu ông Tuấn gặp khi về thăm trong nước. Cái cách du nhập chữ nghĩa của một nơi "thoáng lắm rồi" như Việt Nam ngày nay thì hẳn khác xa với xã hội miền Bắc xưa, đem cái này so sánh với cái kia để nói rằng cái kia cũng giống cái này thì là rất khập khễnh, một sự cố tình không lấy gì làm vô tư cho lắm.

Tóm tắt những gì tôi muốn góp ý với ông Tuấn là:

- Về phương diện lý thuyết cũng như thực tế, không làm gì có một thứ "ngôn ngữ vô tư", khơi khơi, chung chung, không màu sắc.

- Trong miền Bắc xã hội chủ nghĩa trước đây thật sự đã có việc thay thế tiếng Hán Việt cổ truyền bằng tiếng mới của Trung Hoa Cộng Sản, theo mệnh lệnh chính trị của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ngoài ra tôi vẫn kính trọng những công trình có giá trị thực sự của các nhà ngôn ngữ học miền Bắc, mặc dù tôi biết họ phải làm việc trong điều kiện những con ngựa bị che mắt chỉ nhìn thấy một khoảng đường thẳng trước mặt, và trên lưng luôn luôn nhăm nhăm ngọn roi của người đánh xe là đảng Cộng Sản Việt Nam.■

ĐA VĂN - ĐA NGÔN

Truyện ngắn — truyện dài

Một nữ tiểu thuyết gia người Anh, sau vài chục cuốn tiểu thuyết thành công, quyết định sẽ viết một tập truyện ngắn. Bà nói: Viết truyện dài mãi, muốn thay đổi. Tiểu thuyết dài giống như hôn nhân, phải tính toán suy nghĩ nhiều hơn. Truyện ngắn giống như một mối tình, nó thoảng qua rất nhẹ nhàng. Các thi sĩ nghĩ sao?

BÙNG NỔ BIT BANG

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Mỗi lần ngồi vào bàn viết Mục Khoa Học cho Thế Kỷ 21, *tôi vẫn ngậm ngùi mình vẫn là kẻ thua cuộc, bị thời sự khoa học bỏ lại phía sau quá xa.*

Thế Kỷ 21 *mỗi tháng ra một lần, còn thời cuộc khoa học kỹ thuật chuyển biến hàng ngày.*

Trong tháng Hai 1995 vừa qua, thời sự khoa học kỹ thuật có hai biến cố rất đáng chú ý. Đó là vụ "Bùng nổ" Bit trong Cyberspace mà chúng tôi tạm dịch là không gian điện tử hóa cho dễ hiểu, và sự phát triển của môn Tinh thể nhiếp xạ học (Crystallography) của Trung Tâm Cấu Trúc Phân Tử Đại Học Fullerton (Nam California).

Vấn đề "phản ứng hóa học" tôi dự định viết kỳ này chỉ là một đề tài chuyện cổ, có từ hơn một trăm năm nay, sách giáo khoa nào cũng có, vì thế tôi lại xin phép bạn đọc hoãn lại một kỳ, để bàn tới những vấn đề thích thú hơn.

Vụ Bit Bang trong Cyberspace là vấn đề của cuộc cách mạng đa truyền thông đang đang ào tới nhân loại ngày nay, nó hợp với "khẩu vị" của một ký giả như tôi, nên tôi xin "đi" trước. Còn vụ Crystallography dù sao cũng nằm trong khoa sinh hóa, tôi xin viết vào cuối loạt bài sinh học và hóa học.

Đề tài "Bùng nổ" Bit là một đề tài quá rộng lớn và phức tạp, đi từ các vấn đề luật pháp, đạo lý, quyền công dân và quyền con người, cho đến lãnh vực kỹ thuật cao như "digital" (Số hiệu), các mạng lưới Internet, Well... cùng những chuyên lưới như CD.ROM (đĩa cho máy computer đọc) và hàng trăm lưới chuyên đề khác, đan thành những siêu xa lộ thông tin (Super Information Highway) trong Cyberspace. Không có cách nào tóm gọn các vấn đề đó trong một bài báo ngắn, bởi vì dù chỉ cần biết khái niệm, cũng phải đi vào một rừng những thuật ngữ mới và những giải thích dài dòng.

Bởi vậy chúng tôi xin bạn đọc thông cảm, cho đặt bài này dưới mục "Câu chuyện khoa học" cho vui, để bạn đọc đỡ nhức đầu vì các chi tiết kỹ thuật rắc rối.

(Ngày 26 tháng Hai 95)

*

Một thân nhân của tôi, thường hay lấy bản thảo các bài tôi viết đọc trước, chớ không muốn chờ đọc khi đã in trên mặt báo, lần này nhìn thấy tựa đề bài báo trên đây, liền bảo: "Tại sao ông thích viết về bùng nổ như vậy? Hết Bùng nổ vũ trụ (Big Bang), đến Bùng nổ kiến thức (Explosion of knowledge), rồi bây giờ lại đến Bùng Nổ... Bit (Bit Bang), mà Bít là cái gì vậy mà nó nổ?"

Tôi muốn nói đùa một câu: Bùng nổ là hiện tượng nhanh như điện xẹt, chớp loáng. Tôi bị ám ảnh bởi cái nhanh như chớp này, vì đã già rồi, chậm chạp, sợ không theo kịp.

Trên thực tế "Bit Bang" là từ ngữ mới của giới truyền thông, do tạp chí Newsweek "đúc ra" vào tuần lễ cuối của tháng Hai 95.

Bit là một thứ tín hiệu dùng số nhị phân (binary digit) để thông truyền tin tức, dữ kiện, hình ảnh và âm thanh. Đây là một kỹ thuật đang được phát triển mạnh.

Trước đây, người ta dùng kỹ thuật analog (mô phỏng), phối hợp hai làn sóng điện từ, truyền và hiệu, để "bóp" biên độ của chúng phỏng thành những tín hiệu khác nhau. Ngày nay, người ta dùng kỹ thuật digital (số hiệu), để lấy các con số đại diện cho các thông tin khác nhau, rồi cứ truyền các tín hiệu số đó đi là xong. Có điều là khi bảo các anh chàng điện tử viết thành các con số mà truyền, các hạt electron (điện tử) vốn chỉ là một vi hạt vật chất (particle) nên anh ta không biết chữ; anh ta chỉ biết có hai chuyện: khi nào có luồng điện chạy là chạy, khi nào không có luồng điện chạy là đứng. Vậy điện tử chỉ biết có hai số 1 (có điện) và 0 (không có điện). Một (1) và không (0) là on-off vậy.

Khốn thay, mỗi tín hiệu đều khác nhau chớ không phải có hai số. Muốn viết từ số 1 đến số hàng triệu, hàng ngàn ngàn tỷ tỷ, chúng ta có 10 con số, từ 0 đến 9. Vậy nếu chỉ với vỏn vẹn có hai con số 0 và 1, người ta phải dùng phương pháp nhị phân. Thí dụ muốn viết số 1, người ta ghi 0001, muốn viết số 2, người ta ghi 0010 v.v... Kỹ thuật này đã quá thường, các bạn quen với điện toán đều đã biết. Trên đây là chỉ thí dụ có 4 cột số, mỗi Bit phải có đến 8 cột số, cho nên tha hồ mà viết các con số khác nhau.

Các ký giả thời đại này hay đúc (to coin) ra chữ như ta đúc tiền. Họ muốn nhạo luôn chữ Big Bang (Vũ Trụ bùng nổ) mà viết thành Bit Bang, ám chỉ một sự bùng nổ cũng ghê gớm

như vũ trụ bùng nổ. Thật ra năm xưa các nhà vũ trụ học nhạo nhau bằng cách đúc ra chữ "Big Bang" (Nổ lớn), bây giờ các ký giả cũng có quyền trào phúng mà nói đến Bit Bang. Họ muốn ám chỉ đang có vụ nổ lớn trên siêu xa lộ thông tin điện tử trong Cyberspace vậy.

Từ Cyberspace cũng không hẳn là một thuật ngữ thông thường trong khoa học kỹ thuật, như tôi đã có lần trình bày. Gốc của nó do một cuốn tiểu thuyết khoa học giả tưởng của nhà văn William Gibson đưa ra năm 1984, với tựa đề "Neuromancer", có thể dịch là "Lãng tử phiêu bạt giang hồ bằng bộ óc". Theo cuốn tiểu thuyết giả tưởng này, vào một thời đại tương lai, loài người đạt đến kỹ thuật "phóng" linh hồn hay tri thức (consciousness) của mình ra khỏi thể xác để chạy vào ma trận (matrix), một mớ giây rối như mớ bòng bong đan thành một mạn lưới bao trùm toàn cầu và từ đó tiếu ngạo giang hồ, ngao du thiên hạ, trong khi thể xác của mình nằm nguyên trong ... phòng ngủ ở một góc tối tăm nào đó trên Trái Đất.

Đây là một thứ không "gian riêng", mắt thường không thể nhìn thấy, nó chỉ hiện diện trên các siêu xa lộ thông tin và các "xe" chạy trên đó là những tín hiệu số hóa (digital bits). Chính vì thế những người có xe chạy trên xa lộ này họp thành một thứ xã hội lạ: xã hội của Cyberspace. Cuối tháng Hai 95, một từ ngữ mới đã được đúc: đó là "cybersociety."

Mặt phải và trái của cách mạng

Thế tại sao bây giờ "bit" lại bùng nổ? Thật ra *bit* không nổ mà chỉ có *cybersociety* nổ. Như các báo đã loan tin, một anh chàng đạo chích (hacker) kỳ tài của *cybersociety* đã bị bắt sau hai năm truy lùng, vì dùng "xe" *digital bits* chui vào các máy điện toán (computer) của thiên hạ để ăn cắp các bí mật, tài liệu, dữ kiện.

Sự bắt giữ này làm nẩy ra một lời báo động đã âm ỉ từ lâu: mạng lưới Internet và những mạng lưới khác, hiện ở trong lãnh vực nhỏ là mới chỉ nối liền các computer trên khắp thế giới với nhau, có thể gặp nguy vì nạn đạo tặc trên siêu xa lộ. Không gian điện tử hóa không phải là một thế giới an lành.

Space là không gian. Vậy tại sao còn dính chữ *cyber* vào đó để trở thành *cyberspace*, một từ ngữ rất khó dịch ra tiếng Việt?

Cyber bắt nguồn từ một thuật ngữ khoa học do nhà toán học Nobert Weiner đặt ra vào năm 1948, gọi là "cybernetics" mà ta thường dịch không đúng lắm là Điều Khiển học. Sự thật môn học *cybernetics* ngày nay rất phát triển, là bộ môn khoa học tìm cách so sánh và làm cho các hệ thống kiểm soát, sai khiến điện tử theo kịp bằng với bộ óc con người. Vì thế việc nghiên cứu các bộ não điện tử để người máy (robot) có những phản ứng như người thật chính là lãnh vực của bộ môn *cybernetics*.

Với sự hình thành và phát triển nhanh như điện xẹt của *cyberspace*, chúng ta đã thực sự bắt đầu cuộc cách mạng đa truyền thông. Những số hiệu 0 và 1 mà chúng ta đang vận dụng - những nhiên liệu để chạy xe trên siêu xa lộ - đã đạt tới khối lượng khẩn trương, làm "không gian điện tử hóa" bốc lửa. Có thể còn nhiều người trong chúng ta chưa từng ngồi vào trước máy computer. Nhưng chắc chắn là không có ai không bị ảnh hưởng bởi sự bùng nổ của kỹ thuật khoa học computer hiện đang diễn ra trên khắp địa cầu.

Mọi chuyện, từ truyền thông báo chí cho đến y học, từ mẫu dữ kiện nhỏ cho đến dữ... dội lớn trong các va chạm hàng ngày trong cuộc sống, tất cả đều đã bị biến đổi đến cỗi rễ vì một dụng cụ được phát minh chỉ mới 50 năm trước đây. Cái nổ lớn (Big Bang) của thời đại chúng ta có lẽ cũng xứng đáng với từ ngữ Bit Bang thật.

Cuộc cách mạng chỉ mới bắt đầu, nó đã ào tới quá mau lẹ, khiến con người trở tay không kịp. Nó đã tước luôn khả năng của chúng ta đối phó với cái mới, nó đã làm luật pháp trở thành lỗi thời, nó đã "kênh" lại, trang lại như ta trang lại cỗ bài xì, nền kinh tế của chúng ta, ép buộc chúng ta đặt ra những thứ tự ưu tiên mới, sắp xếp lại chỗ ngồi làm việc của chúng ta, đưa Hiến Pháp vào đống lửa, thay đổi suy tư của chúng ta về thực tại, đưa chúng ta vào thế giới sự thật ảo (virtual reality) và rồi đây biến chúng ta thành củ khoai, ngồi hàng giờ bất động, quên ăn quên uống, trước màn hình computer trong khi C.D.ROM chạy một phim mới. Chúng ta đã khổ vì nạn con em dán mắt trên TV hay các trò chơi *video game*, nay chúng ta cùng sắp giống như những đứa trẻ quên ăn quên ngủ vì C.D.ROM.

Những cuộc cách mạng thường xơi tái những kẻ tạo ra nó. Tôi liên tưởng đến câu nói này của một triết gia, vừa được nhà bác học Mỹ Steven Weinberg nhắc đến trong cuốn sach "Dream of a final theory" (Giấc mơ về một lý thuyết cuối cùng). Nhưng tôi nghĩ cuộc cách mạng đa truyền thông sẽ không xơi tái được chúng ta.

Cách mạng nào cũng có mặt phải và mặt trái của nó. Vấn đề của con người ngày nay là làm thế nào cho thời kỳ chuyển tiếp bớt gay, làm nhẹ bớt các xung chấn động, và bảo đảm sao cho cái lợi được quảng bá và thật dịu dàng cho tất cả mọi người.

Tuy nhiên con đường Bit Bang thật trắc trở, hiểm nghèo. Chúng ta đang đứng trước một tương lai bất trắc. Cuộc cách mạng do truyền thông đã tạo ra một số chuyển biến rất hỗn độn

và phức tạp, nhưng con người vẫn chưa tìm thấy những biện pháp hữu hiệu nhất để lái cổ xe cách mạng kỹ thuật học điện tử đi theo đúng hướng trên con đường có nhiều vực thẳm kề bên.

Trong khoa học vật lý lượng tử, các nhà bác học đã đưa ra ý niệm xác suất (probability) về tương lai. Nhưng trong cuộc cách mạng bùng nổ Bit Bang này, xác suất tương lai đã hầu như biến thành số không.

Dựa theo tài liệu báo chí Mỹ, chúng tôi xin tóm gọn vài vấn đề khổng lồ cho suy tư của con người trong cái thế "không biết thế nào mà chọn đường đi cho đúng", về mọi địa hạt chính trị, xã hội và kinh tế.

Đặc tính của PC: tản quyền

Gần 30 năm trước, người ta đã nghĩ đây là thế tập trung kiểm soát kỳ diệu nhất, một máy computer có thể chứa và cập nhật hóa các dữ kiện của hàng triệu con người, cũng giống như một lãnh chúa luôn luôn quan sát được vùng cương thổ bao la của mình.

Thế nhưng khi các computer cá nhân (PC) ra đời và móc vào các mạng lưới như Internet, chúng ta bắt buộc phải hiểu rằng đặc tính của computer là tản quyền. Một máy nhỏ của một cá nhân ngày nay còn mạnh hơn những máy lớn tập trung trước đây và khả năng của nó cũng ghê gớm hơn. Một *hacker* của nước Mỹ có thể thò tay ăn trộm, hay xóa luôn các dữ kiện lưu trữ trong một máy tập trung lớn ở phía bên kia địa cầu.

Cố nhiên tính chất tản quyền của PC tạo ra một mối hăm dọa lớn lao cho các nhà độc tài. Những kẻ độc tài này phải lựa chọn một trong hai con đường: bưng bít giữ cho đất nước họ nằm trong bóng tối của thời đại computer (và tất nhiên chịu đựng những hậu quả khốc liệt về kinh tế), hoặc mở rộng cửa đón một kỹ thuật đưa đến mối nguy là banh rộng xã hội khép kín mà họ chủ trương.

Trong khi đó các cấp quản lý lại nhức óc vì sức mạnh tản quyền này, khi các máy computer và các mạng lưới đã tăng gia quyền lực của cá nhân, khiến các sơ đồ tổ chức tập thể hóa thành những mảnh giấy lộn.

Thứ hai là vấn đề canh phòng và bảo mật riêng tư. Thời đại trước đây, sự riêng tư của một cá nhân hay một nhóm cá nhân được bảo vệ một cách đơn giản. Thí dụ hai người ra chốn thị tứ công khai thì thầm to nhỏ với nhau không ai có thể nghe lén. Ngày nay đủ mọi thứ máy nghe lén, cho dù có ra đến chỗ đồng không mông quạnh thì thầm với nhau, kẻ nghe lén chỉ cần một loại "súng" thâu tiếng động từ xa cũng đủ lấy được hết từng lời.

Thời đại này, kỹ thuật nghe lén lên đến cấp cao. Dùng một cái máy nghe trộm rẻ tiền cũng nghe lén được các cuộc điện đàm. Trong khi đó dân *hacker* tha hồ xâm nhập các máy computer móc trên xa lộ điện tử.

Cố nhiên kỹ thuật ngày nay đã có phương pháp "mã số hóa" để khóa chặt các cửa computer không cho các kẻ đạo chích xâm nhập. Thế nhưng khi chính kẻ gian khóa kỹ các cửa ngõ của hắn khiến luật pháp không thể lén vô xét được, mối nguy cũng không kém.

Vấn đề đặt ra chưa có câu trả lời là: Việc gì sẽ xảy ra cho xã hội con người, nếu tất cả được tự do rào kín những riêng tư của mình. Và việc gì sẽ xảy ra nếu không có sự rào kín đó.

Một đề tài khác, khá quan trọng, là không gian điện tử hóa đã tạo ra một thế đối nghịch giữa việc kiểm soát tin tức và tự do ngôn luận, một quyền căn bản của con người.

Hiển nhiên Internet là bước đầu của mạng lưới thông tin số liệu toàn cầu. Nó đã tổng hợp được hai sắc thái truyền thông là điện thoại và truyền thanh truyền hình, khi nối liền các máy điện toán cá nhân (PC) với nhau. Giống như điện thoại, nó sử dụng mạng lưới vô cùng phức tạp bao trùm khắp thế giới hiện nay đang giúp

hàng tỷ người thông tin liên lạc nói chuyện với nhau. Nhưng cũng giống như mọi hệ thống truyền thanh và truyền hình, một nguồn tin có thể quảng bá cho hàng triệu người nghe và nhìn. Thí dụ chỉ một cá nhân có máy điện toán cũng có thể gửi điện tử thư (e-mail) đến hàng triệu người khác cũng có máy điện toán.

Việc một cá nhân nào đó có thể tung vào mạng lưới những hình ảnh "con heo" để đầu độc con nít và trục lợi đã xảy ra từ nhiều năm nay. Với Internet, kẻ xấu có thể mở ra một "nhà bán sách" trên siêu xa lộ thông tin, chuyên bán những sách dâm ô tục tĩu, bẩn thỉu đến độ không ai dám bày bán trên các hiệu sách ở trong xã hội bình thường. Hoặc đó là phương tiện để vu khống, thóa mạ, làm nhục đến danh dự hay xách nhiễu người khác mà không có cách nào ngăn chặn được.

Ở ngoài đời đã có những luật pháp và qui luật đạo đức để ngăn chặn sự lạm dụng quyền tự do thông tin, thóa mạ và vu khống người khác. Vấn đề này đã gây ra nhiều tranh cãi và kiện tụng nhưng xét ra dễ thi hành, vì trong số hàng triệu người dân, mấy ai đã có cơ hội viết, in, xuất bản và phát hành, mấy ai đã có thể tự ý sử dụng các phương tiện truyền thông như báo chí, truyền thanh và truyền hình?

Thế nhưng trong Internet, mỗi cá nhân điện toán là một tác giả, gồm đủ các phương tiện của điện thoại và truyền thông. Kiểm soát từng nguồn tin này là một vấn đề vô cùng tốn kém trong thời đại số hiệu digital. Chẳng hạn làm thế nào kiểm soát được mỗi cú điện đàm của hàng tỷ người dùng điện thoại trên thế giới ngày nay?

Kiểm soát là đặt máy "nghe lén". Nhưng liệu luật pháp có cho phép không? Những người chủ trương tự do ngôn luận triệt để đã lên tiếng chống đối mọi hình thức kiểm soát trên siêu xa lộ thông tin điện tử. Cuộc tranh cãi sẽ bùng nổ dữ dội và ở một nước như nước Mỹ, đệ nhất tu chính án sẽ gặp một thử thách nghiêm trọng.

Xây dựng lâu đài trên hư ảo

Cyberspace đem lại một cái lợi rất lớn lao trong ngành gọi là "giáo dục tương tác" và "sự thật ảo" (virtual reality). Thế nhưng về mặt này, cái hại cũng kèm theo.

Cuộc cách mạng số hiệu đã giúp gói trọn một bộ Bách Khoa Tự Điển dày hàng chục cuốn trong một cái đĩa CD chỉ lớn bằng lòng bàn tay. Với mạng lưới móc nối các trường đại học, các thư viện, sinh viên học sinh có thể ngồi ở nhà mà học trước máy conputer. Chỉ cần nhấn một nút bấm, sinh viên học sinh có thể chuyển từ đề tài này sang đề tài khác, bỏ lớp diễn giảng này qua lớp khác trong chớp mắt. Nhưng đồng thời nó cũng giúp tuổi trẻ nhảy từ buổi học đến các màn hấp dẫn hơn như MTV kích động, mà họ có thể "tương tác", hoặc xem nốt các đoạn phim sexy trong CD ROM, hoặc ngây người dán mắt vào ác trò chơi tương tác đầy bạo động được thả nổi trong Cyberspace.

Sự phân tán các lớp học truyền thống, có mặt ở trường, không phải là một viễn tượng đầy an toàn cho tuổi trẻ.

Và khủng khiếp hơn nữa là vấn đề sự thật ảo. Theo một chuyên gia ở MIT, tinh túy của cuộc cách mạng thông tin này là sự khác biệt của các hạt nguyên tử và hạt bit.

Nguyên tử là các hạt vật chất, xây dựng thành sự thật... có thật, mà cho đến nay đó là nền tảng của cuộc sống, của nền kinh tế và tri thức của chúng ta.

Còn bit chỉ là những con số vô hình vô sắc. Nó không phải là vật chất. Không ai nhìn thấy hình dạng nó ra sao, khối lượng, màu sắc nó thế nào. Bit chỉ là "vật" hư ảo như bóng ma.

Vậy mà chúng ta đang dùng những vật biến rồi lại có, có rồi lại biến đó làm nền tảng để kiến thiết những dữ kiện, tài liệu, bản tin quảng bá, đĩa nhạc CD, CD.ROM đa truyền thông, những loại hiệu ứng đặc biệt trên phim ảnh và môi trường sự thật ảo. Thét rồi, càng ngày bit lại càng đến với chúng ta thì sự thật cũng càng ngày càng biến dạng và căn bản của nó cũng đổi khác.

Bắt đầu từ hư không, nay đã mọc ra một cyberspace và các hạt vật chất ảo "bit" đang tạo ra hàng loạt các "phi hành gia không gian điện tử hóa" (infornauts), một mái nhà thứ hai, một nơi làm việc, một không gian giải trí vui chơi... một xã hội cybersociety.

Cách mạng đa truyền thông đã đến, bùng nổ Bit Bang đang xảy ra, đem theo một loạt những câu hỏi khắc khoải nhất, cần đến bộ óc của con người để đem lại những câu trả lời, những quyết định dứt khoát, ảnh hưởng đến vận mệnh tương lai của nhân loại.

Khốn thay con người không phải là ông thánh. Con người có thể lầm lẫn.

Đáng ngại chăng? Bi quan chăng? Chúng tôi không nghĩ như vậy. Từ khi xuất hiện trên hai chân ở hành tinh này, con người đã gặp nhiều thử thách ghê gớm, nhưng mỗi can qua là một lần tôi luyện.

Nhìn rõ các vấn đề để bắt tay vào việc tìm giải pháp cũng đủ là công cuộc của cả một đời người rồi.

Người già không có hy vọng làm nổi, nhưng những giới trẻ mới bước chân vào đời sống xã hội ngày nay và va chạm với những thử thách của làn sóng cách mạng truyền thông này... những người đó có thể làm được. Chúng tôi tin như vậy.■

THẾ KỶ
XUẤT BẢN và PHÁT HÀNH
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 □ (714) 638-9510 . FAX (714) 638-1944

THƯ MỤC

9401	Nửa Đời Nhìn Lại (truyện, *Tiêu Dao Bảo Cự*)	HẾT
9402	Thơ Bùi Giáng (thơ, *Bùi Giáng*)	$8.00
9403	Hà Nội Trong Mắt Tôi (ký, *Phạm Xuân Đài*)	$10.00
9404	Câu Chuyện Của Lá Phong (truyện ngắn, *Trần Mộng Tú*)	$10.00
9405	Vùng Đá Ngầm (truyện ngắn, *Hà Kỳ Lam*)	$10.00
9406	Đàn Bà (truyện ngắn, *Hải Vân - Phạm Văn Hải*)	$10.00
9501	Hoa Vàng Cũ (tập kịch thơ, *Phạm Xuân Tích*)	$12.00
9502	Nhớ đất thương trời (thơ, *Trần Hồng Châu*)	Sắp ra
9301	Vườn Dâu Xanh (nhạc, *Trần Đình Quân*)	$10.00
9302	Sử Xanh Lưu Truyền (sưu tầm, *Quý Linh*)	$19.00
9303	Thông Đưa Tiếng Kệ (truyện, *Túy Hồng*)	$12.00
9304	Bạn Gái Nhỏ To (ký, *Bùi Bích Hà*)	$14.00
9305	Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết (ký, *Xuân Vũ*)	$11.00
9306	Chuyện Bé Kim I (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9307	Chuyện Bé Kim II (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9308	Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin (biên khảo, *Trần Văn Ngô*)	$12.00
9309	Ký Giả Chuyên Nghiệp (*Lê Thái Bằng & Lê Đình Điểu* dịch)	$19.50
9310	Hành Trình Về Phương Đông (ký, *Nguyên Phong*)	$10.00
9311	Mùa Hè Năm 1999 (Tuyển tập)	$6.50
9312	Từ Một Giấc Mơ (Tuyển tập)	$12.00
9313	Thơ Trần Mộng Tú (thơ, *Trần Mộng Tú*)	$9.00
9314	Thương Nàng Bấy Nhiêu (truyện, *Kiệt Tấn*)	$12.00
9315	Bút Ký Irina I (ký, *Irina Zisman*)	$10.00
9316	Liêu Trai Chí Dị I (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9317	Liêu Trai Chí Dị II (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9318	Liêu Trai Chí Dị III (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9319	Những Ngày Muốn Quên (ký, *Đoàn Thêm*)	$18.00
9320	War & Exile (East Coast VN *PEN*)	$12.00
9321	Duy Văn Sử Quan (biên khảo, *Hoàng Văn Chí*)	$12.00
9322	Trường Ca Lời Mẹ Ru (thơ, *Trương Anh Thụy*)	$12.00
9323	Trạm Nghỉ Chân (truyện, *Trương Anh Thụy*)	$10.00
9324	Con Đường Cải Tạo (ký, *Dương Tử*)	$10.00
9325	Lớp Sóng Phế Hưng (truyện, *Hồ Trường An*)	$7.00
9326	Một Đêm Thứ Bẩy (truyện, *Mai Thảo*)	$8.00
9327	Mồ Hôi Của Đá (truyện, *Nhật Tiến*)	$8.00
9328	Giai Thoại Hồng (ký, *Hồ Trường An*)	$14.00
9329	Đêm Rồi Cũng Đi Qua (truyện, *Nguyễn Thị Ngọc Nhung*)	$8.00
9330	Phật Giáo Hòa Hảo (biên khảo, *Nguyễn Long Thành Nam*)	$25.00
9331	Miền Đất Hứa (truyện, *Trà Lũ*)	$10.00
9332	Hai Mươi Năm Thăng Trầm (ký, *Đinh Văn Ngọc*)	$12.00
9333	Những vấn Đề Việt Nam (Tuyển tập)	$22.00
9334	Tuyển tập (luận, *Nguyễn Kiến Giang*)	$10.00
9335	Trong Cõi (ký, *Trần Quốc Vượng*)	$15.00
9336	Đôi Điều Suy Nghĩ Của... (luận, *Hà Sĩ Phu*)	$6.00
9337	Trăng Mật (thơ, *Nghiêu Minh*)	$15.00
9338	Những Bài Không Tên Tiếp Nối (nhạc, *Vũ Thành An*)	$12.00
9339	Tình Khúc Hồi Hương (nhạc, *Phạm Anh Dũng*)	$6.00

Du bist wie eine Blume...

NGÁT HƯƠNG VƯỜN THƠ TRỮ TÌNH ĐỨC NGỮ

ĐÀM TRUNG PHÁP

Vượt hẳn lên những hình thức khác trong văn chương Đức, thơ trữ tình Đức ngữ đã đi sâu vào di sản văn học nhân loại. Điều này có được là vì một cơ duyên hy hữu: sự thăng hoa của thơ trữ tình xảy ra cùng lúc âm nhạc đang đi đến tột đỉnh tại Đức Quốc. Sự liên kết diệu kỳ giữa chữ nghĩa và âm điệu trong thế kỷ 18 và 19 đã tạo nên những bài ca *(Lieder)* bất hủ cho các danh tài âm nhạc như *Brahms, Schubert,* và *Schumann.*

Trước thành kiến thiển cận cho rằng Đức ngữ chói tai, vụng về và nặng nề, thi ca trữ tình Đức ngữ đã chứng minh hùng hồn được bản chất uyển chuyển, linh động, và đầy nhạc tính của nó. Trong bài này, tác giả xin được giới thiệu cùng bạn đọc một số thi nhân tiêu biểu trong giai đoạn cực thịnh của loại thơ đầy ắp tình người đó. Tác giả cũng xin thưa tiếp rằng các câu dịch sang Việt ngữ bằng thơ tự do chỉ là để cố gắng diễn tả trung thực ý nghĩa câu thơ Đức ngữ nguyên bản mà thôi.

Câu thơ Đức ngữ mở đầu tựa đề của bài viết này có nghĩa "Em như một đóa hoa" và cũng là tên một bài thơ trác tuyệt của *Heinrich Heine* (1797-1856) trong thi tập *Buch der Lieder.* Bài này đã được *Robert Schumann* phổ nhạc nên lại càng lừng danh hoàn vũ. Cũng như một số bài khác trong thi tập vừa kể, *Du bist wie eine Blume* phản ảnh mối tình tuyệt vọng giữa thi nhân và một người bà con trong họ mang tên *Amalie* xinh đẹp nhưng cũng thực tế. *Amalie* đã làm ngơ *Heinrich* để đi lấy chồng giàu sang, gây ra một vết thương lòng không nguôi cho nhà thơ đa sầu đa cảm. Khổ cho thi nhân là nàng yêu kiều bao nhiêu thì chàng đau lòng bấy nhiêu:

Du bist wie eine Blume
Em trông như đóa hoa tươi
So hold und schoen und rein;
Tuyệt vời duyên dáng, yêu kiều, băng trinh;
Ich schau dich an, und Wehmut
Ngắm em, anh thấy khổ đau
Schleicht mir ins Herz hinein.
Lén vào tâm thất cho sầu lòng anh.

Tuyệt vọng nhưng lại là một người thua cuộc cao thượng, trong phần còn lại của bài thơ thi nhân đã nguyện cầu Thượng Đế ban ơn lành cho nàng được mãi mãi là một đóa hoa hàm tiếu làm đẹp cho đời.

Người ta thường coi *Heinrich Heine* là nhà thơ lớn sau cùng của trào lưu lãng mạn Đức đã có thể viết lên những bài thơ tráng lệ phản ảnh

hùng hồn những cảm nghĩ của thời điểm ấy, như bài *Im wunderschoenen Monat Mai* đã cho độc giả thấy con người và thiên nhiên cùng chợt bừng tỉnh khi mùa xuân trở lại:

Im wunderschoenen Monat Mai,
Trong tháng Năm rực rỡ,
Als alle Knospen sprangen,
Khi muôn hoa đua nở,
Da ist in meinem Herzen
Là lúc trong tim tôi
Die Liebe aufgegangen.
Tình yêu đang bừng dậy.
....
Im wunderschoenen Monat Mai,
Trong tháng Năm rực rỡ,
Als alle Voegel sangen,
Khi chim chóc vang ca,
Da hab ich ihr gestanden
Tôi cùng nàng thú thật
Mein Sehnen und Verlangen.
Lòng ham muốn của tôi.

Chủ đề Carpe diem (tiếng La-tinh có nghĩa "Hãy bắt lấy ngày hôm nay") không thể thiếu trong thi ca trữ tình, và *Ludwig Heinrich Christoph Hoelty* (1748-1776) tài hoa nhưng mệnh yểu đã viết về chủ đề "xuân bất tái lai" này thật tài tình. Giỏi thần học và hay suy tư về cuộc sống phù du, *Hoelty* mê say thiên nhiên và ngợi ca tình yêu và tuổi trẻ. Nhưng cạnh niềm vui trong thơ của ông, người ta thấy lẩn quất đâu đây một thiên tai đang chờ, một cái chết đang lảng vảng. Trong bài *Lebenspflichten* ("Nhiệm vụ cuộc đời"), giữa khung cảnh rực rỡ của mùa xuân là cái chết của một chàng trai trẻ đang khỏe mạnh:

Heute huepft im Fruehlingstanz
Hôm nay trong điệu xuân vũ
Noch der frohe Knabe;
Chàng trai trẻ còn nhảy cao vòi vọi;
Morgen weht der Totenkranz
Ngày mai vòng hoa phúng điếu
Schon auf seinem Grabe.
Đã lất phất trên mộ chàng.

Nhưng từ cái nhìn thực tế đến nhân sinh, *Hoelty* không buồn; thi nhân chỉ xác định mục đích cuộc đời: nếu cái chết không thể tránh được, chúng ta hãy tận hưởng cuộc sống phù du ấy trong niềm vui của thiên nhiên, tình yêu, và rượu:

Lasset keine Nachtigall
Đừng để một chim họa mi nào
Unbehorcht verstummen,
Líu lo mà không thính giả
Keine Bien im Fruehlingstal
Một con ong nào trong thung lũng mùa xuân
Unbelauscht summen.
Ngân nga mà chẳng ai nghe.
....
Fuehlt, so lang, es Gott erlaubt,
Hãy tận hưởng, khi Thượng Đế còn cho phép,
Kuss und suesse Trauben,
Những nụ hôn và trái nho ngọt lịm,
Bis der Tod, der alles raubt,
Cho đến khi Thần Chết tham lam,
Kommt, sie euch zu rauben.
Đến cướp đi tất cả của các anh.

Thi nhân trữ tình lẫy lừng nhất trong văn học Đức Quốc là *Johann Wolfgang von Goethe* (1749-1832). Là một thiên tài hi hữu trong lịch sử loài người, *Goethe* thành công trong đủ mọi loại văn chương. Trong cõi thơ trữ tình của ông, nổi bật nhất là ngôn ngữ bình dị và cấu trúc ngữ pháp đơn sơ theo truyền thống dân ca. Bài *Gefunden* ("Tìm thấy") được giới thiệu sau đây phản ảnh trọn vẹn các đặc trưng đó:

Ich ging im Walde
Tôi đi trong rừng
So fuer mich hin,
Một mình cô quạnh,
Und nichts zu sehen,
Không tìm kiếm chi,
Das war mein Sinn.
Đó là chủ đích.
...
Im Schatten sah ich
Bỗng trong bóng rợp
Ein Bluemenchen stehn,
Ló rạng nụ hoa
Wie Sterne leuchtend,
Long lanh như sao,
Wie Aeuglein schoen.
Đẹp đôi mắt hiền.
....
Ich wollt' es brechen,
Tôi muốn hái hoa,
Da sagt' es fein:
Nhưng hoa khẽ nói:
Soll ich zum Welken
Hoa sao khỏi héo
Gebrochen sein?
Khi bị lìa cành?
....
Ich grub's mit allen
Tôi đào tất cả,
Den Wuerzlein auz,
Rễ nhỏ cây hoa,
Zum Garten trug ich's
Mang về vườn cây
Am huebschen Haus.
Bên nhà đẹp đẽ.
....
Und pflanzt' es wieder
Tôi trồng lại hoa
Am stillen Ort;
Trong góc vườn vắng;

Nun zweigt es immer
Giờ đây cây lớn
Und blueht so fort
Mãi mãi nở hoa.

Cây hoa tươi tốt mà lại biết nói tiếng Đức trong bài thơ hiền hòa chan chứa ân tình đó chính là nàng Christiane Vulpius, một người đẹp cả người lẫn nết vừa độ đôi mươi mà thi nhân đã "tìm thấy" bất ngờ và mang về nhà làm bạn đời.

Một thi nhân vô cùng ái mộ *Goethe* là *Jakob Michael Reinhold Lenz (1751-1792). Lenz* bắt chước cả lối sống lẫn phong cách làm thơ của *Goethe*. Nhiều bài của *Lenz* giống thơ *Goethe* đến nỗi người đương thời không thể phân biệt. Bài thơ *Wo bist du itzt* ("Em ở đâu bây giờ") được giới thiệu sau đây cho thấy thêm vài chi tiết thú vị. *Lenz* làm bài thơ ấy để tặng *Friedericke Brion,* một giai nhân mà thi nhân đang say mê choáng váng. Cũng chính người đẹp này đã là nguồn cảm hứng rạt rào một năm trước đó cho các bài thơ tình nồng thắm nhất của *Goethe*. Trong bài *Wo bist du itzt,* Lenz than vãn đến tận trời xanh vì sự phải xa cách nàng kiều nữ *Friedericke,* qua những vần thơ không gò bó, chất ngất say đắm riêng tư, rập theo khuôn mẫu những bài thơ trữ tình ban đầu của *Goethe*. Bài thơ là một nỗi buồn mênh mang bao trùm cả vũ trụ bị hoang vu chỉ vì thiếu bóng dáng một người. Ai đã một lần yêu say đắm thì chắc chắn phải mê bài thơ ngà ngọc này, nhất là hai đoạn sau đây:

Wo bist du itzt, mein unvergesslich Maedchen,
Em ở đâu bây giờ, hỡi cô gái muốn quên càng nhớ,
Wo singst du itzt?
Em đang ca hát ở đâu?
Wo lacht die Flur, wo triumphiert das Staedtchen,
Cánh đồng nào ở đâu đang cười, thành phố nhỏ nào đang chiến thắng,
Das dich besitzt?
Vì có em?
....
Seit du entfernt, will keine Sonne scheinen,
Từ ngày em đi, không mặt trời nào chiếu sáng,
Und es vereint
Và có sự kết hợp
Der Himmel sich, dir zaertlich nachzuweinen,
Để khóc nhớ thương em, giữa trời cao thăm thẳm,
Mit deinem Freund.
Và người bạn này của em.

Sau cùng, xin giới thiệu cùng quý độc giả một nhà thơ mà nhiều tác phẩm đã nghiễm nhiên trở thành dân ca thực sự của dân tộc Đức. Nhà thơ đó là *Ludwig Uhland* (1787-1862). Bài dân ca nổi tiếng nhất của ông mang tên *Der Wirtin Toechterlein* ("Con gái nhỏ bà chủ quán") với nhiều yếu tố bất ngờ trong nội dung. Nhiều người nghe bài thơ này đã hoe con mắt đấy:

Es zogen drei Bursche wohl ueber den Rhein;
Ba trai trẻ một lần vượt sông Rhein;
Bei einer Frau Wirtin, da kehrten sie ein:
Họ ghé thăm một bà chủ quán:
....
"Frau Wirtin, hat Sie gut Bier und Wein?
"Bà chủ quán ơi, bà có rượu ngon đấy chứ?
Wo hat Sie Ihr schoenes Toechterlein?"
Và cô ái nữ yêu kiều của bà đâu?"
...
Und als sie traten zur Kammer hinein,
Rồi khi ghé vô nhà trong,
Da lag sie in einem schwarzen Schrein.
Họ thấy nàng trong quan tài đen.
....
Der erste, der schlug den Schleier zurueck
Chàng thứ nhất lật tấm khăn che mặt nàng
Und schaute sie an mit traurigem Blick:
Và ngắm nàng qua tia mắt khổ đau:
....
"Ach! lebtest du noch, du schoene Maid,
"Hỡi em xinh, nếu em còn sống,
Ich wuerde dich lieben von dieser Zeit."
Anh sẽ yêu em từ đây."
....
Der zweite deckte den Schleier zu
Chàng thứ hai lật tấm khăn che mặt nàng
Und kehrte sich ab und weinte dazu:
Rồi quay lưng mà lệ ngắn lệ dài:
....
"Ach! dass du liegst auf der Totenbahr!
"Hỡi em đang nằm trong linh cữu!
Ich hab' dich geliebt so manches Jahr."
Anh đã yêu em qua mấy năm rồi."
....
Der dritte hub ihn wieder sogleich
Chàng thứ ba bước tới lật khăn lên
Und kuesste sie an den Mund so bleich:
Và hôn miệng nàng xanh xao vàng vọt:
....
Dich liebt' ich immer, dich lieb' ich noch heut'
"Anh đã luôn yêu em, còn yêu em hôm nay
Und werde ich lieben in Ewigkeit."
Và sẽ yêu em đến tận ngàn thu."

Đã mấy ai trên đời dám hôn miệng người chết như chàng trai thứ ba trong bài thơ để rồi còn chia động từ "yêu em" trong ba thời quá khứ, hiện tại và tương lai vĩnh cửu? Xin để câu hỏi đó tạm kết thúc câu chuyện thi ca trữ tình Đức ngữ tại đây.■

HIỆN TƯỢNG CÚI ĐẦU XUỐNG TRONG VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM

NGUYỄN NAM ANH *thực hiện.*

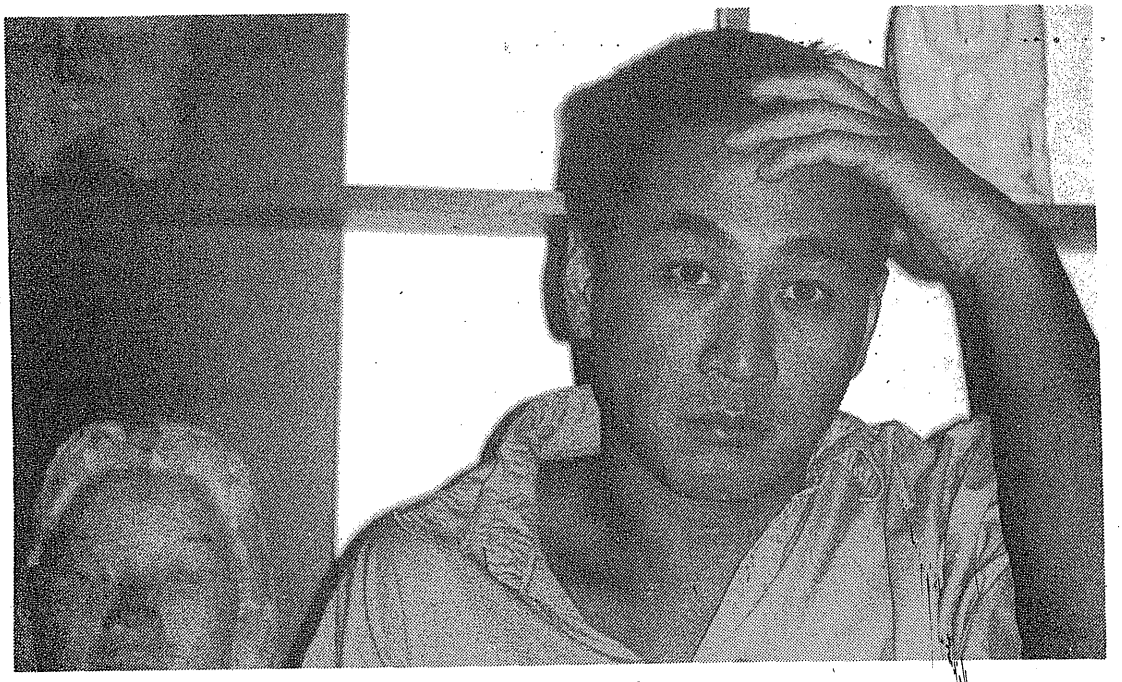

Lê Hữu Khóa - Paris 1994. Ảnh Nguyễn Xuân Hoàng

Paris. Mùa Thu. Buổi sáng. Những hạt mưa nhỏ rắc bụi và một chút gây gây lạnh. Anh Thanh Tuệ, Giám đốc nhà xuất bản An Tiêm bảo sáng nay mình đi uống cà phê và sẽ giới thiệu tôi hai người bạn trẻ. Hỏi ai, Thanh Tuệ không trả lời. Xe Thanh Tuệ loại nhỏ, như phần lớn xe của dân Paris. Bởi vì, anh nói, Paris là thành phố đất chật người đông. Bắt được một chỗ đậu xe nơi cần đậu đã là trúng lô độc đắc, đậu được xe vào "cái chỗ không thể đậu được" ấy lại đòi hỏi một cái tài. Anh Thanh Tuệ là một người tài và luôn luôn trúng lô độc đắc.

Từ Arceuil-Cachan, chúng tôi lên Quận XIII, tạt vào một quán cà phê. Tất nhiên là cà phê Tây. Quán nhỏ. Khách không đông, nhưng người nào cũng có vẻ như quen với cả chủ quán lẫn người hầu bàn. Chúng tôi gọi cà phê. Trời ơi, ly cà phê ở Paris sao mà nhỏ bé như những người "em tóc vàng sợi nhỏ!" Cà phê kiểu ấy thì chỉ hai tợp là xong. Sau cùng tôi cũng gặp hai người bạn trẻ: nhà văn Phan Thị Trọng Tuyến và nhà nghiên cứu Lê Hữu Khoá.

Phan Thị Trọng Tuyến là tác giả của mấy tập truyện ngắn rất được người đọc ưa thích. Còn Lê Hữu Khoá, tác giả của một tập thơ viết bằng tiếng Pháp. Theo chỗ chúng tôi biết anh hiện là Giám đốc Nghiên cứu về vấn đề nhập cư của người Đông Nam Á tại Âu châu. Anh đang làm việc tại Đại học Nice Sophia Antipolis. Khoá nói đại học này cách Paris chừng một ngàn cây số, nằm về phía cực đông nam của nước Pháp, cạnh biên giới Ý. Theo Lê Hữu Khoá gần đây đại học Nice có thêm một bộ phận mang tên Sophia Antipolis chuyên nghiên cứu về các ngành mũi nhọn của nước Pháp. Thấy tôi thắc mắc về một trường học kiểu này, Khoá so sánh nó giống như Silicon Valley ráp với Đại học Berkeley bên California vậy. Anh nghiên cứu và giảng dạy về Xã hội học. Theo anh đại học này có ảnh hưởng rất lớn đối với các nước Âu châu và Bắc Phi nằm trong vùng Địa Trung Hải.

Ở quán cà phê ra, Trọng Tuyến xách một chiếc va li bự, lấy xe về quê, ở tận Nancy.

Nhà Lê Hữu Khoá cũng ở Quận XIII, trên một con đường mang tên Terres au Curé. So với vài căn nhà ở Paris mà tôi có dịp đến thì đây là một căn nhà rộng, và đẹp. Anh tiếp tôi tại một phòng khách thoáng. Quanh phòng đầy tranh và tượng. Một chiếc bàn thấp, thật thấp đặt sát tường. Chủ nhà và khách đều ngồi bệt xuống sàn. Lê Hữu Khoá cho biết anh là người du học chuyến cuối cùng của miền Nam Việt Nam, đến Pháp vào đầu năm 1975. Từ đó đến nay gần hai mươi năm anh đã sống trên đất Pháp. Anh nói: "Tôi học và làm việc trong ngành Xã hội học. Hiện nay tôi là giảng sư của Đại học Nice và là Giám đốc Nhóm nghiên cứu về vấn đề di dân và nhập cư của vùng Đông Nam Á, đặc biệt nghiên cứu về người Đông Dương hiện đang sống tại Pháp và Tây Âu." Khoá còn rất trẻ. Thế nhưng, trong cung cách của anh tôi có cảm tưởng anh lớn hơn số tuổi đời của anh rất nhiều. Chừng mực, kín đáo, cân nhắc và... hơi khô vì hơi thận trọng (?), đó là cái cảm giác đầu tiên tôi có về anh. Dù sao tôi rất thích sự thẳng thắn của anh. Anh là một người trí thức ngăn nắp.

NGUYỄN NAM ANH : Anh sang du học Pháp vào những tháng cuối cùng trước khi Sài Gòn mất, anh có thể cho biết lúc đó anh được học bổng đi học ngành gì?

LÊ HỮU KHOÁ : Tôi chọn ngành Xã Hội Học. Từ năm đầu cho đến khi đậu cử nhân, cao học rồi tiến sĩ tôi chỉ học một ngành Xã Hội Học.

NNA : Từ tốt nghiệp cho đến nay, anh đã thực hiện được những công trình nào về xã hội học?

LHK : Luận án tiến sĩ của tôi có đề tài người Việt tại Pháp. Các sách vở, bài viết của tôi thường về vấn đề người Việt hay người Đông Nam Á tại Tây Âu. Những nghiên cứu do chính phủ Pháp và các bộ Văn Hóa và Xã Hội giao thì tôi cũng chỉ nghiên cứu về những đề tài đó. Trong đại học, tôi chuyên nghiên cứu và giảng dạy về phương pháp luận và khoa học luận về khoa học xã hội. Gần đây tôi có một số công trình nghiên cứu cho chính phủ Pháp về xã hội học văn học, về vấn đề các văn sĩ lưu vong hiện nay đang sống tại Pháp và Tây Âu. Bên cạnh đó tôi vẫn tiếp tục làm những công trình nghiên cứu về vấn đề hội nhập và bản sắc của người Việt, người Đông Dương và Đông Nam Á tại Pháp.

NNA : Anh có thể cho biết từ trước đến nay ngoài những công trình nghiên cứu có tính cách đại học, có công trình nào được thực hiện, in thành sách và đã được phổ biến hay không?

LHK : Tôi có viết bốn cuốn sách về vấn đề hội nhập và bản sắc của người Việt, người Đông Dương, Đông Nam Á tại Pháp. Bên cạnh đó tôi có một số bài viết về văn học và một tập thơ bằng tiếng Pháp về đề tài lưu vong của người Việt. Gần đây những bản báo cáo và những công trình nghiên cứu của tôi cho chính phủ Pháp cũng xoay quanh vấn đề hội nhập và bản sắc. Riêng ba năm sắp tới tôi phải hoàn thành một công trình về xã hội học văn học của người lưu vong, đặt lại các vấn đề lý thuyết, các phạm trù nghiên cứu trong ngành này. Tôi còn phải nghiên cứu thêm về khoa học luận và phương pháp luận trong ngành xã hội học của tôi.

NNA : Cách đây mấy năm tôi được thấy một tập thơ bằng tiếng Pháp của anh. Anh có thể nói qua về tập thơ đó, về nội dung cũng như vị trí của nó trong đời sống văn hóa văn chương ở Pháp?

LHK : Tập thơ nói lên số phận của người Việt trong thế kỷ 20. Tôi dùng thể loại thơ để nói lên một kinh nghiệm sống mà người Việt mình rất muốn đóng góp với thế giới. Trong tập thơ đó tôi nói về những kinh nghiệm tù đày của bạn bè tôi trong chế độ mới của Việt Nam, một điều kiện tù đày rất nghiệt ngã, có người chết, có người sau khi ra khỏi tù bị tật nguyền, có người khi ra khỏi tù phải đi lưu vong ngay. Tập thơ là kết quả ba năm, 1984, 1986 và 1987, tôi về nghiên cứu tại Việt Nam, quan sát thật kỹ những gì xảy ra ở đây, nghe ngóng, điều tra và suy nghĩ về điều kiện làm người của người Việt ở cuối thế kỷ này. Tập thơ này là gạch nối giữa những số phận người Việt, tù đày xong là phải lưu vong ngay.

NNA : Anh vừa cho biết là trong ba năm tới anh phải hoàn thành một công trình về xã hội học văn học của người lưu vong. Xin anh cho biết anh có quan tâm nghiên cứu vấn đề văn học Việt Nam lưu vong của người Việt tại Bắc Mỹ, hay là công việc nghiên cứu của anh chỉ tập trung tại khu vực Pháp và Tây Âu mà thôi?

LHK : Công việc nghiên cứu về văn chương Việt Nam lưu vong tôi đang làm bao gồm nhiều bài vở sáng tác của anh em làm công việc văn học nghệ thuật ở Mỹ. Đây là một đề tài mà tôi nghiên cứu rất say mê. Báo chí, tập san, sáng tác bên Mỹ rất là phong phú và cũng rất là phức tạp. Theo một thống kê tôi làm gần đây thì hằng tháng tôi đọc khoảng hai chục tờ báo và tập san, cộng với các tập thơ và truyện, xuất bản tại Bắc Mỹ. Với số lượng lớn như vậy, một người làm không xuể, nên tôi nhắm nghiên cứu một số người mình vừa quí vừa thích.

Riêng đợt lưu vong đầu tiên tôi vẫn còn tiếp tục nghiên cứu và giới thiệu với người Pháp những công trình của Võ Phiến, Cao Tần, Thanh Nam; gần đây tôi có giới thiệu qua bài viết và bài giảng của tôi về thơ Tô Thùy Yên,

Thanh Tâm Tuyền và Cung Trầm Tưởng. Sau này nếu thì giờ cho phép tôi sẽ nghiên cứu thêm về văn xuôi của Võ Phiến và thơ của Thanh Tâm Tuyền.

NNA : Như vậy anh chỉ quan tâm đến các nhà văn đã thành danh từ lâu tại Việt Nam trước 1975, còn những nhà văn trong khoảng thời gian từ cuối thập niên 60 đến 1975 không thấy anh nhắc tới. Phải chăng anh chỉ đề cập đến những người thuộc thời gian trước 1960?

LHK : Công việc hằng ngày của tôi đòi hỏi chuyên môn cao, trước một sức sống phong phú như môi trường văn học Việt Nam nước ngoài với hàng trăm văn sĩ, thi sĩ, tôi nghe ngóng, đọc bài vở của rất nhiều anh em, nhưng nói là nghiên cứu tất cả thì tôi không dám nhận. Với thì giờ có hạn, với sức nghiên cứu hạn chế của mình về đề tài này, tôi chỉ đặc biệt chú ý tới một số tác giả. Nhưng đối với bài vở của anh em khác, tôi vẫn đọc với tư cách một độc giả thiết tha với nền văn học tha hương.

NNA : Nhân nói đến văn học của những người tha hương, gần đây người ta thường nói đến văn chương trong nước, văn chương ngoài nước... Theo anh có nên nói văn chương trong nước, văn chương ngoài nước, văn chương lưu vong, văn chương quốc nội, hay chỉ nên nói là văn chương Việt Nam mà thôi, như quan niệm của ông Nguyễn Huệ Chi trong một bài viết mà chúng tôi vừa được đọc?

LHK : Cách định nghĩa và đặt tên cho một nền văn học từ kinh nghiệm lưu vong là do người ta thấy đặc tính của nền văn học đó. Riêng tôi, tôi bảo vệ ý

TRẦN MỘNG TÚ

TRI KỶ VỚI ĐẦU GỐI

Gửi PXĐ

Ngồi ôm hai ống chân
Cằm tỳ lên đầu gối
Buổi chiều nhẹ nhàng tới
Bóng tối mờ vây quanh

Không mơ mộng điều gì
Cũng không yêu không ghét
Chỉ thấy một nỗi không
Tròn như chiếc đầu gối

Cùng ngồi trong bóng tối
Thành một đôi tâm giao
Nỗi không và đầu gối
Im lặng ghé vào nhau

Không nói chuyện thăng trầm
Không nói chuyện ngựa xe
Chỉ lắng nghe những chuyện
Người đời không biết nghe

Chuyện có một loài chim
Ôm cành gai giữa ngực
Chuyện giọt nước sông Hằng
Không bao giờ vẩn đục

Chuyện tại sao mây trắng
Cứ bay hoài ngàn năm
Chuyện tại sao đầu gối
Mới chính là tri âm

Chuyện tại sao nỗi không
Mà lại là tất cả
Ôi! khu vườn trong tâm
Giấu nhiều điều rất lạ

Đầu gối không tiếng nói
Nỗi không không có lời
Đôi ta thành tri kỷ
Giữa điểm tâm tuyệt vời

2/95

kiến và định nghĩa của văn chương lưu vong, vì từ điều kiện lưu vong vừa là lưu vong khắc nghiệt vừa là lưu vong sống còn của những người sáng tác nên tên nó là văn chương lưu vong. Thêm nữa, văn chương này mang trong nó ba tính chất: tính chất thứ nhất là lưu vong, ở thế bắt buộc phải bỏ nước ra đi; tính chất thứ hai đó là tiếng nói của những người bị áp bức, đây là văn chương tù đày; tính chất thứ ba là nó mang và thừa kế trong chất lưu vong của nó cả văn chương miền Nam từ năm 1954 đến 1975.

Từ "lưu vong" mang ba sử tính như vậy, nội dung sáng tác trong môi trường lưu vong hoàn toàn khác với văn chương của người Việt ra nước ngoài trước kia. Chẳng hạn văn chương của Phạm Duy Khiêm. Từ văn chương lưu vong ở đây nói lên, thứ nhứt, là số phận lưu vong của một tập thể, thứ hai là quá trình lịch sử mà tập thể đó phải đi qua, thứ ba là lưu vong để bảo vệ sáng tác văn học như là con người cần bảo vệ bản sắc và tự do của mình. Người ta có thể sáng tác trong một điều kiện lưu vong hoàn toàn ở nước ngoài, như là Võ Phiến. Người ta có thể có một kinh nghiệm lưu vong ngay trên địa lý quê cha đất tổ của mình như là Thanh Tâm Tuyền; người ta có thể lưu vong ngay trong thân xác mình đối với những người gần nhất và đối với môi trường xã hội mình đang sống mặc dầu mình không rời cái địa lý đó, như là Tô Thùy Yên.

Vì những định nghĩa rất khác nhau tập họp lại thành một điều kiện, điều kiện này cho phép mình có những nhận định để nói lên tính rất đặc thù của văn chương lưu vong Việt Nam hiện nay.

NNA : Nói như vậy tức chúng ta phải hiểu chữ lưu vong theo một nghĩa rộng hơn, không phải chỉ tác phẩm được sáng tác khi tác giả bị một hình thức lưu đày trên xứ người, mà có thể được sáng tác ngay trong đất nước của chính họ nhưng ở trong một tâm thức lưu vong. Có phải ý anh nói như vậy không?

LHK : Tôi có ý đó. Và những người làm công việc sáng tác những đề tài lưu vong trên đất nước mình có ý định lưu vong và họ đã lưu vong ra ngoài rồi. Trên văn chương của họ thấy rõ ràng là họ rất khác với những phong thái văn học lưu vong rất là tạm thời của một số tác giả gần đây gây sự chú ý như là Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài hay là Dương Thu Hương. Trên định nghĩa lưu vong rõ ràng là có môi trường sáng tác lấy đề tài lưu vong làm đề tài chính, thứ hai là có kinh nghiệm sống lưu vong thực sự. Tôi thấy Võ Phiến và Thanh Tâm Tuyền trong thời điểm này có cùng một số phận như nhau.

NNA : Theo anh, trong khi nghiên cứu và tìm hiểu về nền văn chương lưu vong của người Việt Nam, chắc anh đã có dịp đọc qua tác phẩm của các nhà văn các nước khác cũng sống lưu vong, và những tác phẩm đó đã được xuất bản và được dịch ra tiếng Pháp để in tại nước ngoài. Anh có thể cho biết sơ qua sự so sánh những tác giả đó với văn chương Việt Nam lưu vong?

LHK : Làm công việc so sánh phải thận trọng, vì mỗi hoàn cảnh đã phức tạp rồi, mà so sánh hoàn cảnh này với hoàn cảnh kia sẽ gây rối thêm lên hàng trăm lần. Riêng tôi những năm gần đây có theo dõi các sáng tác của các nhà văn lưu vong Đông Âu, Châu Phi, Bắc Phi và Trung Đông thì thấy những đóng góp của họ vô cùng lớn cho văn học không phải chỉ của họ mà còn của Pháp và của thế giới. Bộ phận lưu vong này càng ngày càng quan trọng, nó đã vô kinh điển và giáo trình trong Đại Học. Hiện nay trong các đại học, những nhóm nghiên cứu sâu về văn chương lưu vong đã đưa những tác giả đó vào giáo trình của mình rồi.

Riêng những tác giả lưu vong Việt Nam thì tôi thấy hiện nay chúng ta có những điểm rất mạnh trong văn chương lưu vong của ta mà nếu tôi không lầm thì những cái đó chưa có hay không có trong các kinh nghiệm lưu vong của các nước khác.

Gần đây tôi có suy nghĩ về một số các quá trình sáng tác, chẳng hạn hiện tượng *cúi đầu xuống* trong thơ của Việt Nam. Trong một quá trình thế kỷ 20 dài như vậy, có những tác giả rất lớn, không biết vô tình hay cố ý mà làm những câu thơ, những đoạn thơ với từ "cúi đầu xuống". Tôi nhớ bài Cúi Đầu Xuống của Mai Thảo, *cúi đầu xuống để cấy những vì sao lên mình trời*. Sau đó Thanh Tâm Tuyền cũng *em gối đầu sương xuống trò chuyện với bóng mình*. Rồi tôi lại thấy có một bài hát của Trịnh Công Sơn là *cúi xuống cho máu ngược dòng, cho sông cạn nguồn, cho cây khô trên cành trút lá bơ vơ*. Rồi một bài hát của Vũ Thành An *cúi xuống cho mộng đời thoát đi*. Từ *cúi đầu xuống* ấy vô tình nối những người sáng tác lại với nhau, nói lên một ký ức tập thể, mà ký ức tập thể này không được quần chúng yêu thơ của Việt Nam để ý, không được giới phê bình phân tích.

Gần đây tôi thấy hình ảnh trong thơ Việt Nam như hình ảnh người chết trong thơ Du Tử Lê, hình ảnh một người như Mai Thảo ngồi trên một chiếc máy bay mà thấy rõ ràng đây là một cái hòm đang bay và trong máy bay đó chỉ có một người Việt Nam ngồi như một ngọn đèn sáng độc nhất trong chiếc máy bay đó thôi. Đây là hiện tượng rất hay vì nó vượt lên điểm nổi bật của từng cá nhân, nói lên những gì sâu nhất của lưu vong, những gì đậm nét nhất của điều kiện làm người ở cuối thế kỷ này.

NNA : Xin cám ơn anh Lê Hữu Khoá.■

THƯ VỀ BLOOMINGTON, ILLINOIS

LÊ TẤT ĐIỀU

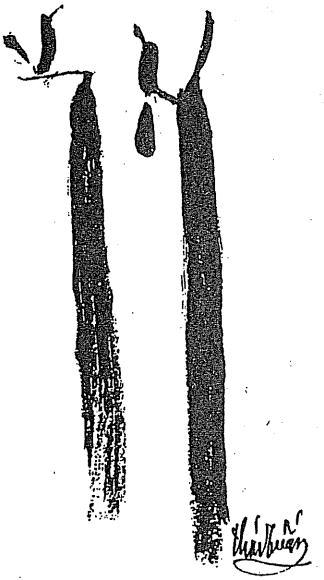

James Keeran kính mến,

Thư này để trả món nợ hai mươi năm trước. Không phải nợ tiền, đừng vội mừng.

Nhắc một chút để anh nhớ. Khoảng tháng Bảy - 75, một buổi trưa, anh đến phi trường Peoria cùng một phái đoàn đông đảo để đón một gia đình tị nạn, cũng đông đảo không kém. Tòa báo The Daily Pantagraph giao cho anh nhiệm vụ viết một loạt bài về những gia đình tị nạn Việt Nam đến định cư ở Bloomington và Normal. Đây là gia đình đầu tiên.

Dẫn đầu gia đình này là một thanh niên gầy còm, đen đủi và nhỏ bé, nặng chừng hơn tám chục pao. Đại gia đình gồm mười lăm người, mang theo hai mươi thùng giấy hành lý. Thùng nào cũng đầy nhóc quần áo lạnh được phát ở trại tạm cư Fort Chaffee. Nghe nói về cái lạnh kinh hồn mùa đông lục địa Mỹ, dân tị nạn hãi lắm.

Được biết thanh niên này là một nhà văn, nhà báo, anh đề nghị anh ta viết hồi ký về những ngày đầu tiên sống ở McLean County. Trong một cuộc họp mặt nhỏ tại quán cà phê tòa báo The Daily Pantagraph, anh và ông xếp của anh hướng dẫn tôi, (anh thanh niên tị nạn gầy còm đó), qua sự thông dịch của Hùng và Lệ, về cách viết loạt bài cho tòa báo. Mỗi ngày bỏ ra chừng hai mươi phút, ghi lên giấy những chuyện xảy ra trong ngày. Những trang nhật ký ấy sẽ giúp cho độc giả thấy được những đổi thay lớn lao mà một gia đình tị nạn phải trải qua trên đường tiến vào thế giới mới.

Thế rồi, sau đó tôi chẳng cung cấp cho tờ báo một dòng nhật ký nào. Trên The Daily Pentagraph xuất bản ngày Chủ nhật 26-10-1975, trang A-3, độc giả thấy một trang báo bất thường, in một bài hồi ký về một ngày ngưng bắn ở Việt Nam. Đây là một phần lời giới thiệu của anh:

"Đây là phần khởi đầu một loạt bài khá bất thường đối với một nhật báo vốn giữ vững truyền thống báo chí.

"Quan niệm khởi thủy giản dị lắm: Chúng tôi yêu cầu một nhà báo Việt Nam, Lê Tất Điều, ghi nhật ký những ngày đầu sống ở quận Mc Lean.

"Đề nghị như thế chúng tôi nghĩ đến chuyện anh ta bỏ ra 20 phút mỗi buổi chiều, ghi lại sự việc trong ngày, để cung cấp tài liệu cho chúng tôi in liên tiếp một loạt bài ngắn về cuộc đời của một gia đình tìm đường sống trong thế giới mới.

"...Nhưng Lê Tất Diều hóa ra lại không thể bắt mình thiết tha đến những công việc hàng ngày trong hiện tại. Thực tại lại nằm ở quá khứ, ở một vụ pháo kích sát hại cô em anh ta, ở nỗi nhớ những đường cũ, chốn xưa. Anh ta nói rằng hiện tại giống mộng hơn là thực.

"Thế là anh ta viết về vụ pháo kích..."

Tiếp đó, tòa báo in nguyên văn hồi ký của tôi: "Ngưng bắn ngày thứ 492."

Chắc anh đã nhớ ra rồi. Bây giờ, tôi nói về món nợ.

Trong hai mươi năm qua, mỗi lần có dịp trở lại Bloomington, hoặc chợt nhớ đến sự tử tế mà anh và tòa báo The Daily Pantagraph dành cho, tôi thường áy náy như người chưa trả một món nợ ân nghĩa. Ngày đó, anh hỏi một đàng, tôi trả lời một nẻo. Tòa báo muốn tôi kể chuyện hiện tại, tôi chỉ nhất định nói về quá khứ. Độc giả muốn thấy niềm vui của một gia đình vừa đến được miền đất hứa, tôi lại chỉ đưa ra nỗi kinh hoàng, đau đớn của một người dân sống trong chiến tranh.

Tôi biết không một ai ở Normal - Bloomington nỡ trách tôi, nhưng vẫn cảm thấy mình đã cư xử không đẹp. Thế nên mới có thư này.

Chậm trễ trả nợ đến hai mươi năm thì hơi quá, nhưng cũng có chỗ hay. Hồi đó có viết nhật ký thì chẳng qua là kể lể về việc học Anh văn, học lái xe, tìm việc, thuê nhà, cư xử với hàng xóm, đồng nghiệp v... v... quẩn quanh ở chuyện sinh tồn nơi xứ lạ, vậy thôi.

DUY LAM

CÔ BÉ ÁO XANH

Chuyến trại ngừng xe cô áo xanh
Đến gần tay nhỏ vội đưa lên
Một bao thuốc lá, miệng van vỉ
Chú nhận cho con, mắt long lanh
Ta đẩy thuốc xuống không dám nhận
Cô lại đẩy lên nói thật nhanh
Bố con cải tạo chết năm ngoái
Mẹ con gửi chú lời chúc lành
Nhận thuốc mắt ta đã ứa lệ
Thương mình thương cho cô áo xanh.

TIỄN THỜI GIAN

Xuân buồn ta chẳng tiễn đưa ai
Ngồi nghe sợi tóc mọc thêm dài
Nghe nhăn thêm trũng hằn thêm nét
Chậm môi cảm nhận tiếng thở dài
Đứng đi lưng nặng đeo dĩ vãng
Nằm dài lại mộng chuyện bi ai
Thôi đành đưa tiễn thời gian vậy
Nó đi ta mới có ngày mai.

Bây giờ thì khác, ít nhất, tôi có thể gửi đến anh và độc giả một vài chấn động sâu xa trong tâm hồn một nhà văn tị nạn đã sống hai thập niên ở xứ này.

*

Quan niệm về Thượng Đế của tôi đã thay đổi khá nhiều từ những ngày đầu xa quê hương.

Năm 1978 (hay 79? Tôi không nhớ), tôi được tuyển làm thợ thiếc cho một hãng đóng tàu, nhờ phóng đại khá nhiều về thiên tài làm thợ thiếc của mình. Thật ra, cũng không đến nỗi phải hóa thân đột ngột từ ông nhà văn ra ông thợ thiếc. Trước đó tôi làm thợ cho một hãng đóng máy bay nên tay búa tay kìm đã vững.

Xong thủ tục giấy tờ, khám sức khỏe, phòng nhân viên gửi tôi xuống xưởng thợ trình diện xếp lớn. Xếp lớn hỏi qua quít vài câu rồi đưa tôi danh sách hơn hai mươi món đồ nghề, bảo về mua liền, sáng hôm sau vào gặp lại xếp.

Đọc cái danh sách dài ấy, tôi chỉ "nhận diện vóc dáng" được có ba món: cái kìm, cái búa và cái cưa sắt. Tôi hơi ngán. Điệu này, sáng mai xách thùng đồ nghề đầy nhóc vào, xếp lớn hỏi chơi vài món, mặt mình lại nghệt ra thì hư hết đại sự.

Tôi phóng thẳng đến tiệm bán đồ kỹ nghệ. Anh bán hàng cầm cái danh sách vào trong kho rồi bê ra một đống đồ nghề để trên quầy. Anh ta tươi cười hỏi:

"Mới bắt được cái job ở Nassco hả?"

Tôi gật đầu. Anh ta mừng tôi có việc ở một hãng lớn, lương khá, nhiều quyền lợi rồi hỏi tiếp: Anh từ đâu tới? Anh hành nghề thợ thiếc ở nước anh bao nhiêu năm? Toàn là những câu hỏi xã giao của một người bán hàng vui vẻ, khéo léo và chuyên nghiệp. Hồi ấy, tôi đâu đã biết. Thấy được người chú ý hỏi han thì khoái trí và máu ba hoa, phét lác lại bốc lên. Tôi khoe láo là đã hành nghề thợ thiếc cỡ mười năm ở Việt Nam, sản phẩm của tôi bán đầy ở Chợ Thiếc Phú Thọ, là khu chợ chỉ cách nhà tôi vài ba dặm.

Đang khoe khoang thì tôi sững lại, biết mình hố, nhưng không kịp. Trước đó, tôi âm mưu hỏi anh bán hàng tên của từng món đồ nghề. Giờ lỡ huênh hoang đâm ra kẹt to. Đường đường một đấng thợ thiếc có sự nghiệp lẫy lừng ở Sài Gòn mà lại mù tịt về tên và công dụng của các món đồ nghề thì nhảm lắm, nhục quốc thể lắm.

Phải nghĩ ra một mẹo vặt. Tôi bảo người bán hàng là để biết chắc tôi mua không thiếu một món gì, tôi sẽ kiểm soát lại mọi thứ theo danh sách. Tôi sẽ đọc tên từng món một. Khi tôi xướng danh một ông Đồ... Nghề nào thì người bán hàng sẽ nhặt món đó ra, đưa cho tôi.

Nhờ mẹo vặt ấy, chỉ sau năm, bảy phút kiến thức của tôi về ngành thợ thiếc đã sâu rộng lắm rồi. Sáng hôm sau, quả nhiên xếp lớn có hỏi vài món đồ. Xếp lớn hỏi cái gì tôi đưa ra ngay chóc cái đó, chuyên nghiệp không chịu được.

Nhưng cũng chính vì thế mà tôi vất vả, hốc hác suốt mấy tháng sau đó.

Thấy tôi tỏ ra là tay thợ lành nghề, xếp lớn đưa ra một quyết định tai hại:

"Bình thường thì tôi gửi thợ Việt Nam đến làm việc trong toán của ông Toàn. Riêng, anh không có trở ngại nhiều về ngôn ngữ, truyền thông, lại có kinh nghiệm, tôi chỉ định anh làm việc với toán của Mike."

(Ông Toàn, trưởng một toán thợ thiếc, vốn là một đại tá Công binh. Sở dĩ tôi hung hăn xin cái job này và còn không thèm học nghề trước là vì ỷ y có ông ta. Tôi đinh ninh là, như mọi

người thợ Việt Nam khác, sẽ được gửi đến làm việc với ông Toàn, lúc đó tha hồ học việc, học nghề.)

*

Hình như có hai lý do khiến anh cai thợ Mike hành hạ tôi suốt ba tháng:

Thứ nhất, có một chú thợ Việt trẻ, tính tình ngang tàng, làm việc ráp ống trên tàu, thỉnh thoảng lại xuống xưởng thợ cãi nhau tay đôi với Mike. Chú ấy có tên họ giống tôi. Mike có thể nghĩ chúng tôi liên hệ họ hàng nên ghét lây.

Thứ nhì, Mike là người kinh nghiệm, thông minh, biết tôi là thứ thợ tay mơ nên phát cho một công việc vừa bẩn vừa cực nhọc nhưng dễ, chỉ đòi hỏi trí thông minh của một anh hót rác. Toán thợ của Mike giữ trọng trách làm những ống dẫn hơi khổng lồ bằng sắt dầy. Cái nhỏ nhất cũng đủ rộng cho một người bò vào, cái lớn, thì khỏi nói, tha hồ đi lại thênh thang như đi trong ống cống chính của thành phố. Ống làm xong được xe cần trục đưa ra một bãi trống chờ thợ sơn. Toán thợ sơn đến, lãnh hàng chậm là ống bắt đầu rỉ, nhiều nhất ở những chỗ có mối hàn. Tôi bắt đầu sự nghiệp thợ thiếc vào đúng thời kỳ hầu hết các ống đã rỉ. Mike ban ra một cái lệnh ngắn: Ông cạo hết rỉ trong các ống dẫn hơi đó, ưu tiên những cái tôi có làm dấu chữ X đỏ. Vừa nói Mike vừa chỉ ra một bãi đầy ống ngổn ngang trùng điệp như rừng núi Trường Sơn.

Thế là mỗi sáng, tôi y phục chỉnh tề: mắt đeo kính an toàn, đầu đội nón nhựa như nón sắt của lính, chân đi giầy có mũi thép bao che các ngón chân... đợi tiếng còi hụ là bắt đầu sự nghiệp cạo rỉ.

Đồ nghề của tôi là một cái needles gun (tôi đặt tên Việt cho nó là Súng bắn rỉ, hay và ý nghĩa hơn tên Mỹ nhiều). Súng gồm một cái ống sắt tròn cỡ cổ tay, dài chừng một phít, chứa đầy những thanh sắt nhỏ và cứng như nan hoa bánh xe đạp. Khi bắn, những nan sắt sẽ phóng tới phóng lui đánh vào chỗ sắt rỉ. Địch thủ có trốn vào những hốc kẹt nhỏ cũng không thoát, chỉ cần một cái nan sắt chui lọt là địch trúng đạn, gục liền.

Buổi sáng đầu tiên ra quân, tôi quan sát chiến trường, lạc quan vô tả, đinh ninh phen này thắng lớn. Vũ khí thì quá giản dị. Hai bàn tay đã từng tháo ráp đủ loại súng lớn súng nhỏ từ quân trường Quan Trung đến quân trường Thủ Đức nay chỉ mất vài phút là tháo ráp sử dụng Súng bắn rỉ rất nhuyễn. Mà địch thủ thì cứ nằm một... đống ở đó, nhắm mắt bắn cũng trúng, mà bắn trật thì nó vẫn ngoan ngoãn chờ anh bắn lại, không càu nhàu một tiếng.

Thêm nữa, bãi chiến trường lại hơi xa xưởng thợ, ngoài tầm kiểm soát của thầy Cai Mike. Mình đã lọt vào cái rừng thùng sắt, ống sắt ngổn ngang đó thì cậu Mike biết mình ở trong cái thùng nào mà theo rõi.

Nhưng chỉ lâm trận chưa đầy một giờ là tôi biết mình lầm, lầm to. Súng bắn rỉ nhẹ hều, nhưng cầm giơ lên khỏi đầu chừng nửa giờ là thấy nặng khủng khiếp. Hai tay mỏi rời, mắt thì muốn hoa lên. Tiếng súng đã ồn mà tiếng nan sắt đánh vào mấy cái thùng sắt rỗng còn ồn hơn, ran ran khắp một vùng bờ biển. Thành ra, anh cai thợ Mike cứ việc ngồi trong xưởng thợ mà theo rõi tôi rất sát. Anh ta kiểm soát công việc của tôi không bằng mắt mà bằng... tai. Chiến trường đột nhiên im tiếng súng hơi lâu là anh lính lười lập tức bị lộ tẩy. Mấy tuần lễ đầu thật khốn khổ. Từ đầu ngón tay đến bả vai nhức nhối suốt ngày đêm, có bữa đau không ngủ được. Lúc đó mới tự trách mình là lâu nay lười biếng, không chịu hoạt động, tập tành gì đến nỗi cơ thể trở nên yếu đuối, bệ rạc quá.

Phải mất đến một tháng hai cánh tay mới "hội nhập" được vào "đời sống mới". Ngày quạt súng đủ tám tiếng đã nhẹ nhàng và giờ nghỉ đã có thể ngồi trong thùng sắt làm thơ.

Chỉ có một thứ không "qua" được là khí hậu buổi trưa. Thùng sắt phơi dưới nắng miền Nam Cali từ mười giờ sáng đã bắt đầu nóng hầm hập. Đúng ngọ thì hóa thành cái lò than. Tôi lại phải mặc áo vải dầy để chống các vụn sắt, thép bắn vào da!

Có nhiều buổi trưa tôi chỉ có thể bắn rỉ trong thùng sắt chừng mười phút là phải chui ra ngồi thở và lau mồ hôi trên mặt.

Anh chàng Bruce đến làm quen với tôi đúng vào thời gian tôi lao động không vinh quang này.

Một buổi trưa, tôi đang nằm ngửa trong một cái thùng sắt nhỏ, say sưa hành nghề thì có kẻ đập tay vào chân tôi la lối:

"Ê. Anh kia. Ngưng bắn một lúc đi. Các quan lớn đang nói chuyện."

Nghe vậy tôi chịu quá. Bỏ súng xuống, tôi vẫn nằm trong thùng, nghỉ ngơi lập tức. Tiếng nói chuyện ồn ào của một nhóm người đứng gần đấy nghe rất rõ. Thoạt đầu, tôi không chú ý. Như sau, "các quan lớn" cười to, văng tục khiếp quá mà nội dung câu chuyện cũng nhảm nhí lắm, tôi tò mò chui ra coi. Chẳng có VIP nào, chỉ có bốn anh thợ đang đứng ngồi trên một cái thùng dài đấu hót tưng bừng. Anh chàng to con, lùn nhất trong bọn, quay lại nhìn tôi, nói:

"Cám ơn anh cái vụ không làm ồn."

Dó là anh chàng đã đập chân tôi yêu cầu ngưng bắn để "các quan lớn nói chuyện."

Tôi mở miếng nhựa che mặt, lau mồ hôi, sửa soạn chui vào thùng bắn tiếp. Anh ta tiến

tới, tự giới thiệu rồi nhắc nhở tôi đừng làm việc chăm chỉ quá vì Mike đang hội họp gì đó ở dưới tàu.

Gần trưa ngày hôm sau, Bruce trở lại, chui vào cái thùng tôi đang làm việc, gạ gẫm tôi dạy anh ta vài câu tiếng Việt. Ở trong thùng vài phút, anh ta chui ra ngay và kêu toáng lên:

"Nóng điên người. Có khùng thì mới làm việc trong cái lò nướng bánh này."

Anh ta bỏ đi. Xế chiều, tôi đang đứng bấn rỉ trong một cái ống khổng lồ thì bỗng cảm thấy cái ống bị nhấc bổng lên, trôi lừ lừ trong không gian. Chạy ra đầu ống, ngó xuống, thấy Bruce đang chỉ trỏ ra hiệu cho một xe trục di chuyển cái ống ra một chỗ đất trống, xoay miệng ống về phía biển rồi hạ xuống. Tôi hò hét:

"Tụi mày làm cái giống gì vậy!"

Bruce cười toe toét:

"Bình tĩnh chờ coi."

Trong vòng nửa giờ, Bruce và anh lái xe trục đã sắp xếp cho tất cả các ống, thùng sắt hướng đầu về phía biển. Đứng ở chỗ nào trong thân ống tôi cũng thấy gió biển thổi mát rợi. Chao ôi! Giản dị có thế mà mình u mê không nghĩ ra, chịu nóng gần chết cả mấy tháng trời!

Từ hôm đó, thỉnh thoảng Bruce, khi thì nhờ anh bạn, khi thì chính anh ta lái xe trục đến xoay lại những cái thùng sắt, cải thiện điều kiện chỗ làm cho tôi. Thời gian chịu nóng trong thùng thâu ngắn lại, chỉ còn nửa giờ mỗi ngày, mà cơn nóng cũng không tàn khốc như trước.

Nhưng Bruce chưa hài lòng. Anh xin đổi đến làm việc trong đơn vị của Mike, đặc trách việc cắt sắt, làm khung sắt. Anh xin tôi về làm thợ phụ, vĩnh viễn chấm dứt cho tôi cái sự nghiệp "chiến sĩ ngoan cường chống rỉ cứu nước."

Làm việc chung với Bruce chỉ có một việc vất vả là khuân sắt. Thanh sắt dài 12 hoặc 24 phít, hai người khiêng, dứt khoát mỗi anh phải lãnh một đầu. Bruce chỉ cao hơn tôi chút đỉnh, cân nặng 230 cân Anh, toàn thân là bắp thịt, lừng lững một khối như võ sĩ đô vật. Trong khi ở một đầu tôi bước è ạch muốn vẹo xương sườn thì đầu kia Bruce vừa đi vừa rỡn, nhẹ tênh! Ngoài ra, cuộc đời thợ thuyền của tôi từ đó rất thoải mái, dễ chịu.

Giờ nghỉ, giờ ăn trưa nào cũng vui. Bruce sưu tầm thật nhiều chuyện tiếu lâm về người Á châu để chọc tôi. Đại khái như: tại sao mắt người Á châu nhỏ mà xếch?

"Tại vì dân Á châu hay ăn cơm gạo, bị táo bón nặng, ngồi ị là phải nhắm mắt lại mà rặn nên lâu ngày hóa xếch cha nó cả mắt lên! Tôi cũng đi tìm chuyện tiếu lâm để đáp lễ. Tại sao mũi người Tây phương to và dài hơn mũi Á châu? Cứ đọc truyện thằng người gỗ Pinochio thì biết! Tại sao người Do Thái mũi to (Bruce là người Do Thái)? Vì không khí khỏi tốn tiền mua v...v...

Cạn truyện tiếu lâm, chúng tôi đấu sức. Bruce khoái trò kéo tay vì lực lượng đôi bên chênh lệch thê thảm. Tất cả sự nhanh nhẹn, những trò khôn vặt của tôi đều vô hiệu trong vụ này. Cánh tay Bruce to gấp ba lần tay tôi, cứng như một thanh sắt nguội. Tôi có thể dùng cả hai tay mà kéo cũng không nổi. Giao đấu mấy chục trận, tôi chỉ thắng được hai lần, hoàn toàn nhờ giở trò ma giáo. Lần thứ nhất, mượn cớ khám xét xem anh ta có giấu ám khí không, tôi nắn bóp bả vai, cánh tay, dưới nách anh ta rồi thình lình chấn một phát vào đại huyệt dưới nách. Chàng Bruce rụng rời, kêu nhặng lên, mất hết nội lực. Lần thứ hai, tôi chấn vào huyệt khuỷu tay anh ta đúng lúc tên trọng tài hô "đấu" và cũng đạt thắng lợi một cách không mấy vinh quang. (Bruce có dọa sẽ kiện lên Tối cao pháp viện để hủy bỏ kết quả hai trận đấu này).

Chán trò kéo tay, chúng tôi bắt đầu những cuộc "đấu võ không đụng chạm", một loại "non- contact Karate". Hai đối thủ đứng xa nhau, cũng đấu đá tưng bừng, nhưng chỉ chạm nhẹ vào người nhau, phần lớn đánh

ĐỖ THÌ KÊNH G

BÌNH MINH TRÊN BIỂN VIỆT NAM

(Ghi nhớ biển Rạch Giá chỗ giáp nước,
trong niềm tin quê hương tôi lại có ngày tươi sáng)

Mặt biển như thau thạch thẫm xanh
Hơi lồi lõm, tươi mát ngon lành.
Vài con rắn biển trườn chầm chậm
Mấy chú cá chuồn phóng vút nhanh.
Gió nhẹ thổi dịu dàng mát mẻ
Sương dần tan lãng đãng mong manh.
Mặt trời sóng nuốt chiều hôm trước
Trỗi dậy tươi cười cuối biển xanh.

không khí cả. Tuy nhiên nếu địch thủ đấm về phía mình mà mình không tránh né hoặc đỡ gạt thì kể như bị trúng đòn, thua điểm.

Bruce phải đấu với tôi ở vòng bán kết, và đại bại. Tôi đã đánh anh chàng một trận nhớ đời.

Trận đấu diễn ra vào giờ ăn trưa một ngày thứ sáu. Chúng tôi tụ hội ở một khoảng trống sát cầu tầu, nuốt vội vàng cho xong bữa trưa trong vòng mười phút, rồi từng cặp lần lượt ra đấu trường. Khán giả rất chọn lọc, thường không quá hai chục tên để tránh gây ồn ào khiến bọn cai thợ có cớ đến phá đám.

Bình thường chúng tôi chỉ múa may, đánh lấy đẹp. Nhưng hôm đó, Bruce hơi xui xẻo. Cặp giác đấu trước tôi chiếm quá nhiều thì giờ. Hai tên ngang sức nhau, đánh rất hăng, nhiều lúc "non-contact" lại hóa ra "full-contact", một tên trúng đòn sưng vều cả môi lên, đâm ra cay cú nặng. Trọng tài muốn coi như cuộc đấu bất phân thắng phụ, huề điểm, nó nhất định không chịu. Khi gỡ được hai tên này ra thì tôi và Bruce chỉ còn chừng bốn, năm phút phù du để giao chiến.

Bruce thủ thế theo kiểu các võ sĩ đánh bốc, nghề của chàng. Thấy cái nhìn của tôi quét từ chân lên đầu hắn một cách nham hiểm, Bruce vội vàng khoa tay đỡ gạt, che ngực và bụng, đề phòng những cú đá.

Tôi muốn kết thúc trận đấu thật nhanh, trước khi còi hụ, nên phải bịp anh chàng ngay từ phút đầu. Tôi cũng giơ hai tay che mặt, chân lại nhảy nhót theo đúng kiểu võ sĩ đánh bốc. Bruce cũng tinh quái lắm, nhưng thấy tôi liên tiếp tung ra toàn đòn tay, hắn cũng dồn thế thủ lên mặt và đầu. Nhờ nhanh nhẹn, tôi búng vào tai Bruce được một phát làm cu cậu khiếp đảm, càng lo che mặt cho kín. Đúng lúc đó tôi nhảy lên, nhưng không đá mà đánh ra hai hư chiêu: bàn tay trái xỉa vào cổ, bàn tay mặt xòe hai ngón ra xỉa vào mắt Bruce. Anh ta vội đưa hai tay lên gạt đỡ túi bụi. Từ ngực chàng trở xuống bị bỏ trống, hóa thành vùng oanh kích tự do. Thế là tôi chỉ việc vòng tay trái xuống, đưa thẳng vào hạ bộ Bruce, làm bộ như túm hết cả củ lẫn rễ, giật phắt ra. Để gieo rắt kinh hoàng, tôi còn giơ cao tay ném bẹt của quí của hắn xuống đất và lấy chân gi gi lên cho hết đường ráp nối.

Bruce nghệt mặt ra vài giây, rồi chợt hiểu. Với tinh thần thượng võ rất cao, Bruce hành xử rất đúng vai trò của một võ sĩ bị thương nặng. Hai tay bưng chặt lấy chỗ bị thương, (mà bây giờ phải kể là trống trơn) Bruce bắt đầu nhảy tưng tưng, kêu rên thảm thiết: "Ối trời ơi! Thằng Li giết tôi! Thằng Li giết tôi!"

Như một chàng cao bồi vừa bắn xong đối phương, như một võ sĩ Nhật vừa chém xong kẻ thù, tôi bình thản oai hùng bỏ đi, coi như trận đấu đã xong. Nhưng Bruce không chịu, lải nhải đòi đấu tiếp.

Thấy tôi không nói, chỉ mỉm cười, anh chàng ức lắm. Chàng quay ra túm lấy tên trọng tài để phân bua:

"Tao đâu đã gục. Tao còn đấu tiếp mà. Mày phải bắt thằng Li đấu tiếp... còn hai phút nữa mới hết giờ."

Trọng tài Carlos, ông trọng tài công minh nhất thế giới, phán một câu ngắn gọn:

"Đánh chác gì nữa. Mày mất dế rồi!"

Khán giả cười lăn chiêng. Và tôi thấy cuộc đời thợ thuyền của mình dễ chịu quá.

Tuần lễ sau đó, thỉnh thoảng, trong lúc tôi bận làm việc ở giàn khoan, Bruce tiến tới đấm dứ vào sát mũi tôi rồi nhảy lùi lại, một tay che hạ bộ, một tay giơ lên thủ thế, chờ đợi.

Tôi nói thẳng:

"Mày chết từ thứ sáu tuần trước. Chủ nhật chôn rồi. Chính tao đọc bài ai điếu ca tụng những thành tích gian ác của mày. Không nhớ sao?"

Bruce cãi:

"Chết sao được. Nhiều thằng mất dế vẫn sống nhăn."

"Ô kê, coi như trưa thứ sáu mày còn sống sót, nhưng tối thứ sáu thì chắc chắn tiêu đời. Con đào của mày thấy mày đánh mất của quí của nó, sức mấy mà nó tha mạng."

Khi trò đấu võ trở nên nguy hiểm vì nhiều võ sĩ trẻ hăng quá, không tôn trọng luật "cấm đụng chạm", chúng tôi phải dẹp đi. Vài ngày sau, Bruce lại tìm ra một trò chơi mới. Anh ta không bao giờ thiếu những sáng kiến nghịch ngợm.

(Cũng có nhiều lúc Bruce nghiêm chỉnh hỏi tôi về Việt Nam. Nhưng ngay khi câu chuyện dẫn tới những hồi ức không vui, anh ta thoáng thấy mặt tôi buồn là đổi đề tài lập tức.)

Trò giác đấu sau cùng của Bruce tuy không ngoạn mục như kéo tay, đấu võ, nhưng cũng cho tôi nhiều phút hồi hộp, căng thẳng.

Khi làm việc, chúng tôi phải đeo trước ngực một cái tạp dề để che vụn sắt, thép và nhất là tia lửa hàn. Chúng tôi buộc hai sợi dây đeo tạp dề ở sau lưng bằng một cái nút thật giản dị. Chỉ cần kéo một sợi là mối buộc sẽ bung ra. Trong suốt cuộc chiến, mục tiêu của hai phe chỉ là làm sao lẻn đến sát sau lưng đối thủ, giật một phát, tạp dề bay ra, là đại thắng.

Bruce luôn luôn khêu chiến trước. Ngày đầu tiên, tôi cứ sơ ý một chút là hắn đã lẻn ra sau lưng mình, hạ thủ nhanh như chớp. Tôi chê trò chơi vô duyên và trẻ con, nhất định không tham dự. Hắn cứ kiên nhẫn, tấn công rồi đứng cười một cách khả ố để chọc giận. Tôi bèn buộc dây tạp dề bằng hai ba mối. Bruce giật

không được, kêu nhặng lên là tôi "ăn gian" rồi dọa sẽ cắt bằng kéo.

Nhưng Bruce không dùng kéo. Mấy hôm sau hắn đưa cho tôi một miếng giấy cứng, xé từ một hộp các tông, viết chữ chi chít. Hắn hạ chiến thư cho tôi! Nội dung chiến thư như sau:

"Thư Tuyên Chiến.

Người gửi: Bruce, công dân thứ năm triệu của nước Do Thái. Người nhận: đại tướng Lee, một anh tướng thân bại danh liệt, thua bét tĩ của quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Sau đây là danh sách những lý do bắt buộc anh phải tham dự cuộc chiến giật dây buộc tạp dề:

1/ Đây là dịp so tài cao thấp giữa một anh Do Thái và một anh Việt Nam, nghĩa là một cuộc chiến tranh hoàn toàn có tính cách chủng tộc. Việc thắng bại sẽ được ghi vào chiến sử thế giới. Danh dự quí quốc nằm cả trong tay anh. Chớ để dân Mít mang tiếng là chưa đánh đã hàng, xấu hổ lắm.

2/ Cuộc chiến này sẽ tập cho anh chống việc địch đánh lén từ phía sau lưng. Mai mốt lỡ Nassco vô tình mướn Việt Cộng vô làm thợ thiếc, anh sẽ được huấn luyện đủ để có cơ may sống sót.

3/ Cuộc chiến này sẽ giúp anh luôn luôn tỉnh táo, đề cao cảnh giác, nhờ vậy tránh được các tai nạn lao động chết người. Vụ thằng Tony, tháng trước, buồn ngủ quá, đưa cả bàn tay vào máy uốn thép, cả bàn tay bị cán dẹp lép, chưa mở nổi đôi mắt ti hí (vì ăn nhiều gạo, táo bón) của nhà anh ra hay sao!

4/ Từ chối tham dự là đồ hèn.

5/ Cuộc đời thợ thiếc nản thấy mẹ, đứa nào không biết rõn chơi thoải mái là đồ ngu."

Điều thứ 5 trong chiến thư có khả năng thuyết phục rất cao. Tôi đành phải xuất trận, tấn công Bruce ngay trong ngày hôm đó.

Quả thực đây là một cuộc chiến dễ thương, có ích cho nhân loại nhất mà tôi được tham dự.

Hồi đó, sở quá nhiều việc. Chúng tôi làm 10 giờ một ngày và làm cả thứ bảy, chủ nhật. Sau giờ ăn trưa, tôi thường lừ đừ, hơi buồn ngủ. Nhờ phải luôn đề cao cảnh giác bảo vệ dây buộc tạp dề, tôi tỉnh táo suốt ngày. Mỗi lần di chuyển là phải quan sát kỹ lộ trình xem kẻ thù có phục kích đâu đó không. Mỗi lần đóng quân, phải đứng làm việc ở một giàn máy, tôi phải tìm thế đứng an toàn, có thể quan sát tứ phía.

Cuộc chiến càng về sau càng trở nên cam go, khó khăn. Chúng tôi phải tìm ra đủ loại mưu sâu, kế độc để đến được sau lưng kẻ thù. Hệ thống phòng thủ của cả hai phe ngày một tối tân. Phải đứng lâu ở một chỗ nào tôi đều nhờ anh thợ đứng đối diện canh chừng phía sau lưng tôi: "Nếu thấy cái bản mặt khó thương của thằng Bruce ló ra là báo cho tôi liền!" Bruce thì trang bị một cái gương nhỏ, đứng làm việc ở máy nào là gài gương lên máy đó để quan sát mọi động tĩnh đến từ phía sau lưng.

Đôi khi cả tuần lễ trôi qua mà hai đứa không đạt được một thành tích nào.

Nhưng cũng chính vì thế mà mỗi chiến thắng là một vinh quang lớn. Bruce lại có tật thích làm to chuyện. Sơ ý, bị tôi kéo dây tạp dề, hắn thường giật mình, nhảy nhổm. Trong khi bọn thợ xung quanh cười ré lên thì Bruce làm bộ ôm ngực lảo đảo, mặt mũi ngơ ngáo kinh hoàng như người vừa bị đứng tim, sắp chết. Hắn diễn xuất hung hãn, quá lố đến nỗi một lần xếp Mike trông thấy, tưởng có tai nạn lao động thật. Và cuộc chiến dễ thương của chúng tôi bị chấm dứt một cách lãng xẹt.

Mike triệu tập một phiên họp khẩn cấp, giảng một hồi về sự an toàn trong sở làm, những qui luật chúng tôi phải triệt để tuân theo. Bình luận về trò chơi của Bruce và tôi, Mike vạch ra những chỗ nguy hiểm, ngu ngốc: Công việc của chúng tôi đòi hỏi sự chú ý, cẩn thận liên tục. Máy móc chạy ào ào, sắt thép nặng nề... cái gì cũng có thể gây tai nạn bị thương, chết người. Phản ứng giật mình, kinh hoảng của Bruce khi bị tấn công bất ngờ thế nào cũng đưa tới tai nạn v...v...

Sau phiên họp, Bruce hơi teo. Hắn bàn với tôi:

"Điệu này dám thằng con nhà Mike sẽ tìm cách lay-off tụi mình. Mày có nghĩ là tụi mình nên bợ đít nó chút xíu cho qua chuyện không?"

Tôi trêu Bruce:

"Có mày sợ mất việc thôi. Tao thì không. Tao mất nước rồi nay có mất thêm tí job cũng chả ăn thua mẹ gì. Mày cứ bảo thằng Mike là lỗi tại tao hết, tao bày ra trò này. Mày cũng nói là tao gửi lời cám ơn nó đã chận đứng kịp thời cuộc chiến Do Thái - Việt Nam và cứu cho nhân loại khỏi họa diệt vong. Bởi vì nếu cuộc chiến tiếp tục leo thang, tao sẽ dùng bom nguyên tử."

Chưa đầy một tháng sau đó thì tôi và Bruce nhận được giấy hồng cho nghỉ việc. Không phải hậu quả cuộc chiến. Chúng tôi nằm trong danh sách 150 người bị sa thải đầu tiên vì ít thâm niên công vụ nhất, vậy thôi.

Đứng trước cổng xưởng đóng tàu Nassco, tay trái xách thùng đồ nghề, tay phải thì bắt tay từ giã đồng nghiệp, tôi và Bruce chỉ nói những câu tạm biệt thông thường.

Tôi quên không cảm ơn Bruce cái vụ đã làm cho cuộc đời thợ thuyền của tôi thoải mái, dễ chịu. Tôi cũng không hề cho Bruce biết rằng anh ta đã làm tôi yêu mến dân tộc Do Thái.

(còn tiếp)

CẢM NGHĨ VỀ "GIẤC MỘNG CON NĂM 2000" CỦA BÁC SĨ NGÔ THẾ VINH

TẠ TỴ

Sự thực, không phải chờ tờ *Thế Kỷ 21* phát hành vào đầu tháng Ba 95, tôi mới được đọc bài **Giấc Mộng Con Năm 2000** của bác sĩ Ngô Thế Vinh. Vì tình thân, Bs Vinh đã gửi cho tội bài nói trên trong dịp Tết Ất Hợi vừa qua, để thay tấm thiệp chúc Tết. Càng đọc, tôi càng bị những dòng chữ lôi cuốn làm tâm cảm dâng lên sự hồi hộp, trộn lẫn lo âu và hy vọng. Cái Giấc Mộng Con Năm 2000, sau khi đọc xong nó trở thành **Giấc Mộng Lớn, Rất Lớn**, làm choáng váng tâm hồn, làm băn khoăn trong mỗi ý nghĩ của tôi.

Giấc mộng đó, muốn thực hiện nổi, người ta phải dùng sức cả triệu bàn tay, cả triệu tấm lòng, may ra mới có cơ thành tựu. Hình ảnh anh cựu chiến binh tàn phế, lại đeo thêm ở sau lưng cái bệnh ung thư ác tính, đã làm thất vọng một toán y sĩ trẻ học ở Hoa Kỳ về Việt Nam làm công tác y tế xã hội. Họ đành bó tay, bất lực trước một căn bệnh hiểm nghèo, *vì đã quá muộn*. Nhưng câu nói của người cựu chiến binh mới thực sự là vấn đề: *Chỉ có bác sĩ các ông mới đến chậm, còn chúng tôi cũng như mọi người dân vẫn ở đây từ bao giờ*. Một câu nói đầy ý nghĩa, vì dân chúng cũng như Dân Tộc Việt Nam đã có mặt từ mấy mươi đời, cũng như các chứng bệnh giết người vẫn có đấy mà chẳng ai chú ý. Hình như mọi người chỉ chạy đua theo hư danh và vật chất, những vinh quang riêng biệt, những ảo vọng phù du cho cá nhân hơn tập thể.

Như cái năm 2,000 là cái gì mà cả thế giới nhắm tới? Bên kia năm 2,000 có những phát minh nào đáng kể, có những bước đi tới nào đáng quan tâm, hay nó cũng chỉ là những sự tìm tòi thường lệ, chẳng hạn như lâu nay nhân loại vẫn đang chú tâm kiếm thuốc chữa bệnh AIDS?

Tôi nghĩ Bs Vinh không mơ tưởng những phép lạ nhiệm màu ở phía bên kia năm 2,000. Giấc Mộng Con Năm 2,000 của Bs Vinh đơn giản nhưng thực tế, là làm sao con người Việt dù trong hay ngoài nước phải có chỗ đứng ngang hàng với thế giới bắt dầu từ năm 2,000.

Còn năm năm nữa, mọi người bước vào thế kỷ 21, một thế kỷ khôi nguyên vừa hy vọng vừa lo sợ! Trong hai mươi năm qua người Việt chúng ta đã học hành, đã cố gắng để hòa đồng với các sắc dân cùng sống trên đất Mỹ. Chúng ta đã có mặt ở khắp các ngành hoạt động. Từ chỗ không có gì, ngày nay chúng ta chúng ta đã trở thành một lực lượng, một thực thể.

Tuổi trẻ, những người đã lớn lên trên đất Mỹ, đang cần một chỗ đứng, một địa bàn dân tộc, để làm chỗ mà cất cánh. Đã hai mươi năm qua, ngoài sự học ra, người Việt lưu vong chưa tạo dựng được một công trình nào cụ thể đáng kể để đánh dấu sự có mặt của mình. Mỗi lần tổ chức hòa nhạc, triển lãm hội họa, hoặc có những sinh hoạt về văn hóa v.v... chúng ta đều phải mượn (đúng ra là mướn) phương tiện của người Mỹ. Chúng ta thiếu hẳn một nơi, một chỗ riêng của chúng ta. Hiện nay chúng ta như những con suối nhỏ, chảy tản mác, mỗi hướng một dòng, thiếu nơi quy tụ để trở nên một dòng sông lớn.

Cái *Convention Center* mà Bs Vinh đưa ra sẽ là một nơi cho tất cả mọi người, sẽ là một mái nhà vĩ đại che chở cho nhiều thế hệ cả hôm nay lẫn ngày mai. Tại đó, chúng ta có thể hội họp, thảo luận, trình diễn, hoặc triển lãm các công trình về nghệ thuật, về khoa học, kỹ thuật... mà khỏi nhờ vã đến ai. Người Việt, dù ở trong hay ngoài nước, mỗi lần nghĩ về nó, đến với nó, đều có thể ngẩng cao đầu hãnh diện về nền văn hiến của mình.

Nếu **Giấc Mộng Con Năm 2,000** của Bs Ngô Thế Vinh được thành hình đầu thế kỷ 21, tương lai của những thế hệ nối tiếp sẽ thăng hoa mãi mãi... Nhưng phải bắt đầu ra sao, để một ngày kia chúng ta khỏi phải thốt ra câu: *đã quá muộn!*■

VỀ CÁC THUẬT NGỮ KINH TẾ

ĐỖ THÔNG MINH

LTS. *Bài của Ngô Nhân Dụng, TK 21 số 70, tháng Hai 1995, đặt câu hỏi đã được ông Đỗ Thông Minh góp ý. Sau đây là một số thuật ngữ nêu trong bài trên. Phần chú thích in chữ nghiêng là của Ngô Nhân Dụng.*

Việt Nam đang đi vào kinh tế thị trường, tức kinh tế tư bản và đang chuẩn bị lập thị trường chứng khoán thí nghiệm (giới hạn trong phạm vi trái phiếu) và sẽ thực sự có thị trường chứng khoán trong khoảng năm năm nữa, tức năm 2,000. Ở Việt Nam đã có khoảng năm, bảy cuốn từ điển nhỏ về đối dịch hoặc giải nghĩa kinh tế. Các chuyên gia kinh tế ở hải ngoại nên lưu tâm để chuẩn bị hội nhập và phát triển khi điều kiện cho phép. Một trong những điểm cần quan tâm là đối dịch thuật ngữ kinh tế vì đây là nhu cầu thực tế và bức thiết như đang xảy ra cho ngành điện toán, tin học.

Chúng tôi xin tìm đối dịch nghĩa chuyên môn cũng như nghĩa thông thường và khi cần, thêm thí dụ cho rõ nghĩa.

1. "equity", Nhật Bản là "tự kỷ tư bản, trì phân, châu thức...", dịch là "vốn của mình, phần mình có, cổ phần..." Ngoài ra còn có nghĩa "giá thuần túy tài sản (giá đồ vật đã trừ thuế); công bình, chính đáng".

(Ngô Nhân Dụng chú thích:

Equity là phần vốn trong tài sản công ty, phần kia là các loại nợ).

2. "collateral", Nhật Bản là "phụ đảm phẩm, phụ đảm vật kiện", dịch là "đồ thế chấp". Ngoài ra còn có nghĩa "phụ đảm chứng khoán", dịch là "chứng khoán thế chấp" và "phó phụ đảm", dịch là "thế chấp phụ". "collateral call" là "gọi thế chấp" (bằng tiền hay đồ), cũng dịch là "yêu cầu thế chấp".

3. "margin", nghĩa thông thường là "giới hạn, biên". Ở Việt Nam dịch là "biên tế, biên cực, giới phạm (giới hạn phạm vi)". Nhật Bản dịch nhiều nghĩa "duyên" là "biên"; "dư bạch" là "lề trắng" (của giấy); "hạn thế" là "giới hạn" và "tối đệ thu ích điểm, phù kim, sai ngạch, chứng cứ kim (chứng khoán), sai ích...", theo thứ tự dịch là "điểm thu lợi thấp nhất, tiền cọc, tiền sai biệt, tiền bảo đảm, lợi ích sai biệt..."

(Chữ margin có nhiều nghĩa tùy trường hợp. Khi mua chứng khoán, đó là số tiền tối thiểu phải đóng, thí dụ 20% giá trị chứng khoán).

- "margin call(s)", Nhật Bản dịch là "truy gia chứng cứ kim", ở Việt Nam dịch là "yêu cầu đóng thêm vào tài khoản biên tế", có thể rút gọn là "gọi đóng thêm biên tế" hay "yêu cầu đóng thêm biên tế".

4. "face value", Nhật Bản dịch "ngạch diện giá cách; biểu diện (thượng) giá cách", ở Việt Nam dịch là "giá phát hành", có thể dịch là "giá trên mặt (ghi trên mặt trái phiếu), giá phát hành".

5. "coupon", nghĩa thường là "phiếu, phiếu hàng..." Nghĩa đặc biệt, Nhật Bản dịch "lợi trát", dịch là "phiếu lời", như:

- "coupon bank debenture", Nhật Bản dịch "lợi phụ kim dung trái", dịch là "trái khoán ngân hàng có lời".

- "coupon bon", Nhật Bản dịch "lợi trát phụ trái khoán", dịch là "trái khoán kèm phiếu lời".

(Đối với trái khoán, bon, coupon là phiếu lời cố định x% trên giá phát hành, face value của trái khoán).

6. "yield", Nhật Bản dịch nghĩa động từ "sản; nhượng độ; báo thù; thu hoạch; lợi hồi, thu ích".

- "bon yield", Nhật Bản dịch "trái khoán lợi hồi", dịch là "lãi suất trái khoán".

(đó là lãi suất thực, tùy giá mua thực, cần phân biệt với coupon lãi suất biểu kiến dựa trên giá phát hành).

7. "liquid assets", Nhật Bản dịch "lưu động tư sản, lưu động tư kim", dịch là "tư/tài sản lưu động, vốn lưu động" hay "tư/tài sản luân chuyển, vốn luân chuyển, dùng chữ "quỹ" để dịch "assets" sợ chưa sát nghĩa.

- "derivative deposit", Nhật Bản dịch "phái sinh đích dự kim", dịch là "trữ kim phái sinh".

- "derivative income", Nhật Bản dịch "phái sinh đích sở đắc", dịch là "lợi tức phái sinh".

- "derivative money", Nhật Bản dịch "phái sinh đích hóa tệ", dịch là "tiền phái sinh".

Ngoài ra trong toán học còn có nghĩa: "đạo quan số" (Trung Quốc là "đạo số"), dịch là "đạo hàm số" và "vi hệ số" (Trung Quốc là "vi thương"), để nguyên hoặc dịch là "hệ số nhỏ".

9. "option"= "right of choice", Nhật Bản dịch "tuyển trạch quyền" (Trung Quốc cũng

dịch vậy), tuyển trạch, tuyển trạch mãi mại, tuyển trạch tự do", dịch là "quyền chọn (lựa)", không thấy nói gì đến chữ "phiếu" như trong bài gợi ý là "hứa phiếu" (tất nhiên mọi sự mua bán đều trên giấy tờ, phiếu hơn là thực vật và chữ phiếu được hiểu ngầm) và số ít không có "s".

- "call option" dịch là "quyền chọn gọi (mua)".

- "option contract", Nhật Bản dịch "tuyển trạch quyền phụ thủ dẫn khế ước", dịch là "khế ước kèm quyền chọn".

10. "futures= "forward", Nhật Bản dịch "tiên vật" (Trung Quốc là "kỳ hóa", là hàng hóa ở thời điểm tới), ý chỉ vật phía trước, vật sẽ có, không thấy nói gì đến chữ "phiếu" như trong bài gợi ý là "lai phiếu" và thường viết số nhiều có "s", như:

- "futures economy", Nhật Bản dịch "tiên vật kinh tế", dịch là "kinh tế tiên vật".

- "futures goods", Nhật Bản dịch "tiên độ thương phẩm" dịch là "hàng đưa trước" hay "tương lai tài", dịch là "tài sản tương lai".

- "futures market", Nhật Bản dịch "tiên vật thị trường" (Trung Quốc là "kỳ hóa thị trường"), dịch là "thị trường tiên vật".

- "futures price", Nhật Bản dịch "tiên vật giá cách" (Trung Quốc là "kỳ hóa giá cách"), dịch là "giá tiên vật".

(Trong thị trường các đê rí va ti forward contract khác futures contract. Forward contract không cần đăng ký ở thị trường, futures thì bắt buộc. Futures mua hay bán tính lời lỗ từng ngày, forward thì đợi mãn hạn mới tính.

11. "swap", Nhật Bản dịch "giao hoán" (Trung Quốc là "hỗ huệ tín hóa"), dịch là "giao hoán, trao đổi", như:

- "swap agreement" (Trung Quốc là "hỗ huệ tín hóa hiệp nghị"), dịch là "hiệp định giao hoán, thỏa ước giao hoán".

- "swap cost" (Trung Quốc là "hỗ huệ tín hóa thành bản"), dịch là "giá giao hoán" với nghĩa tổn thất sinh ra từ sự sai biệt "thị trường thực vật" và "thị trường tiên vật".

Sách của Lê Văn Sâm ở Việt Nam, dựa theo Rachel S. Epstein and Nina Liebman dịch "swap" là "Việc trao đổi chứng khoán có tỷ giá cố định để lấy chứng khoán có tỷ giá thả nổi".

Phần giải thích về quyền chọn (option) chúng tôi thấy tác giả giải thích chưa được rõ điều kiện về phía người mua, nếu chỉ đơn giản khi nào lên giá có lợi thì người mua mới giành quyền chọn mua, tức chắc ăn có một phía, vậy bên bán hay môi giới được lợi gì? Ngay sau đó tác giả lại cho thấy người mua có thể lời 100% và lỗ 100%. Nếu được xin tác giả giải thích rõ thêm hộ.

(Tôi mua call option, trên đó nói tôi có quyền mua một cổ phiếu IBM giá $70 ngày 21-4-95. Tôi phải trả cho người bán option $2. Ngày 21-4-95 nếu giá IBM là $70 trở lên, tôi chọn *sử dụng quyền mua. Thí dụ giá IBM là $75, tôi chỉ trả $70 cho người kia, lời $5, trừ vốn bỏ ra $2, tôi lời 150%. Nếu giá IBM là $69, tôi bỏ luôn, mất $2, tức là mất 100%. Người bán call option cho tôi tin rằng giá IBM đến ngày đó không hơn $72 là ông ta có lời! Chỉ có người mua (long position) có quyền chọn!)*

Vài lời thô thiển, có gì xin ông Thang Ma, ông Ngô Nhân Dụng và quý bạn đọc chỉ giáo thêm và mong được học hỏi nhiều ở các ông cũng như bạn đọc, vì tôi không phải chuyên môn về ngữ học, kinh tế, cũng không học rộng và đầy đủ, trực tiếp ở Trung Hoa. Để chuẩn bị cho việc biên soạn cuốn Trung-Việt-Nhật, tôi có ý định đi Trung Quốc du học một thời gian, nhưng chưa biết bao giờ mới có cơ hội thuận tiện.■

CHIA BUỒN

Được tin buồn

Anh
PHẠM VIỆT KHÔI

con trai của nhà thơ Hà Thượng Nhân (Phạm Xuân Ninh),

đã từ trần ngày 7 tháng Ba 1995 tại San Jose, California,

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng nhà thơ Hà Thượng Nhân và gia quyến, và cầu chúc hương hồn anh Khôi sớm siêu thoát.

Nhật báo NGƯỜI VIỆT
Tạp chí THẾ KỶ 21

DÀN NHẠC GIAO HƯỞNG PSI CHƠI BẢN "1975" CỦA LÊ VĂN KHOA

Lần đầu tiên một nhạc phẩm Việt Nam được trình tấu tại đại thính đường Orange County Performing Arts Center.

LÊ TAM CA

Đầu tháng Sáu tới đây, dân quận Cam sẽ được thưởng thức một chương trình nhạc giao hưởng Việt-Mỹ độc đáo, tại thính đường 3,000 chỗ ngồi thuộc Trung Tâm Nghệ Thuật Trình Diễn Quận Cam (*Orange County Performing Arts Center*), thị xã Costa Mesa — ngay khu thương xá South Coast Plaza, miền Nam California.

Ban nhạc PSI (*Pacific Symphony Institute*), một bộ phận của dàn nhạc giao hưởng lớn, có uy tín quốc tế, *Pacific Symphony Orchestra*, với khoảng 60 nhạc công, sẽ chơi bản "Titan," Giao hưởng số 1, của Mahler, và bản "1975," tổ khúc giao hưởng của Lê Văn Khoa, viết cho dịp kỷ niệm năm thứ 20 người Việt bỏ nước ra đi.

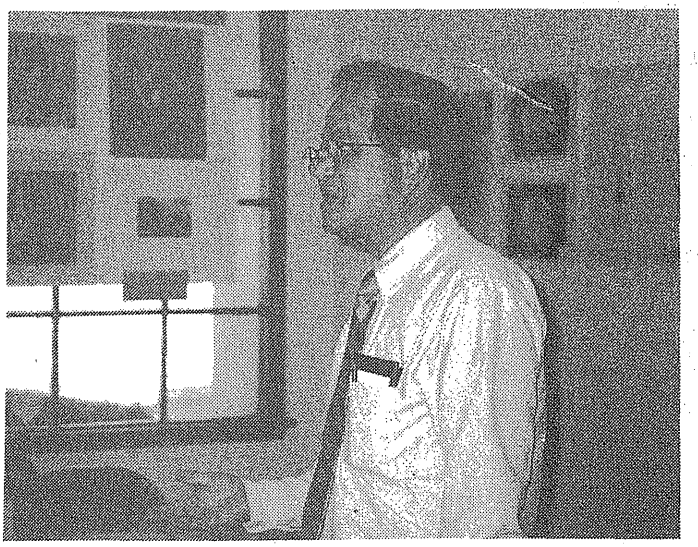

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa. Ảnh Lê Tam Ca

Tổ khúc giao hưởng "1975" là gì?

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa cho biết rằng đây là một bản nhạc giao hưởng có nhiều đoạn, diễn tả một quá trình dài của lịch sử Việt, tượng trưng bằng một ngôi làng đang sống yên bình thì chiến tranh ập đến. Người dân trong làng đã bị xô đẩy vào cuộc chiến, nhưng vẫn phải sống, với tất cả những hoạt động thể xác, tâm linh, tư tưởng, tín ngưỡng. Dân làng còn có cả một truyền thống văn hóa hàng ngàn năm, nên những nét đẹp văn hóa vẫn được dân làng lưu truyền, đem theo, dù phải ra khỏi đất nước.

Được hỏi làm cách nào thể hiện tất cả những "hình ảnh" và cả những điều trừu tượng bằng âm thanh, ông Lê Văn Khoa nói đó là nhiệm vụ và khả năng của nhà soạn nhạc và những người biểu diễn. Ông cho biết, dàn nhạc giao hưởng PSI, dưới quyền điều khiển của nhạc trưởng Edward Cumming, với những nhạc cụ Tây phương, sẽ phải thể hiện nét Đông phương, hoặc cụ thể hơn, trong "1975," nét Việt Nam.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa tin rằng có thể dùng nhạc cụ Tây phương để thể hiện hồn tính Việt Nam, vì ông đã có hai kinh nghiệm thành công trong việc "phối ngẫu" này: Trong các chương trình biểu diễn của Ca đoàn Ngàn Khơi những năm gần đây, ông và nhạc trưởng Trần Chúc, cũng như một số nhạc sĩ khác đã hoặc đang, đưa những điệu dân ca, dân nhạc Việt Nam vào hình thức nhạc thính phòng hoặc giao hưởng Tây phương. Các bản dân ca do Tứ ca Ngàn Khơi hát, được Lê Văn Khoa hòa âm, đã hơn một lần chinh phục người nghe. Khoảng sáu tháng trước, tại một thính phòng của Trung Tâm Nghệ Thuật Trình diễn Orange County, Lê Văn Khoa và nhạc trưởng Carl St Clair của dàn nhạc PSO đã thử nghiệm thành công một số đoản khúc Việt trình tấu bằng nhạc cụ Tây phương, và một số đoản khúc Mỹ trình tấu

bằng nhạc cụ Á đông.

Đàn bầu trong dàn nhạc giao hưởng

"Tôi sẽ cho đàn bầu xuất hiện cùng với dàn nhạc giao hưởng chiều mùng 3 tháng Sáu này." Nhạc sĩ Lê Văn Khoa cho biết như thế khi được hỏi trong tác phẩm "1975" có phần nào dành cho các nhạc cụ Việt Nam hay không. Ông nói: "Trong số các nhạc cụ Đông phương, đàn bầu là một loại đàn hoàn toàn Việt Nam, có một âm sắc độc đáo không tìm thấy ở bất cứ loại nhạc cụ nào mà tôi đã biết." Trong tổ khúc giao hưởng "1975" có một đoạn nhan đề "Trong Đêm Thâu" sẽ vang lên tiếng đàn bầu (cũng còn được gọi là đàn độc huyền, vì đàn này chỉ có một dây).

Dàn nhạc PSI sẽ không chơi toàn bộ tác phẩm "1975," mà chỉ có ba trích đoạn: đoạn *mở đầu*, gợi nhớ cảnh làng quê yên tĩnh; *Hội Trăng Rằm*, tả cảnh những đôi trai gái đuổi theo nhau dưới ánh trăng trên sườn đồi; và *Trong Đêm Thâu*, với tiếng đàn bầu nỉ non, sẽ bị tiếng hỏa tiễn phá tan sự bình yên.

Dự Án 20 và Hội VAALA

Buổi trình tấu nhạc giao hưởng này được bảo trợ bởi "Dự Án 20." Như đã giới thiệu trên *Thế Kỷ 21*, "Dự Án 20" là một tổ chức do một nhóm văn nghệ sĩ và người hoạt động trong cộng đồng, cả Việt lẫn Mỹ, tập hợp có tính cách ngắn hạn — chỉ làm việc trong năm 1995 — nhằm tổ chức hoặc phối hợp với các nhóm văn hóa khác cùng thực hiện các chương trình văn chương, nghệ thuật và học thuật, đánh dấu năm thứ 20 người Việt định cư tại Mỹ. Nhạc sĩ Lê Văn Khoa là một thành viên trong Ban Tổ Chức của "Dự Án 20." Ông cũng là phối trí viên đặc trách chương trình (*Production Coordinator*) của nhóm này.

Khi được hỏi tại sao "Dự Án 20" chỉ có các sinh hoạt văn hóa mà không có những cuộc biểu dương về chính trị, hoặc các công tác xã hội, ông Lê Văn Khoa đã cho biết "Dự Án 20" không phải là tổ chức duy nhất trong cộng đồng có những chương trình cho năm 1995. Những tổ chức chính trị sẽ có những hoạt động về mặt chính trị. Các hội đoàn xã hội, hoặc ái hữu, các nhà thờ, chùa, đền, vân vân, lại có những sinh hoạt đáp ứng những nhu cầu có tính cách xã hội, tâm linh.

Vì "Dự Án 20" chỉ có thời gian hoạt động ngắn nên phải nhờ một tổ chức có tư cách pháp nhân là Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) bảo trợ trên phương diện hành chánh. Hội này cũng đã có sẵn một số chương trình thường lệ trong năm, như triển lãm mỹ thuật, trình diễn âm nhạc, thảo luận văn học, vân vân — nay đưa vào lịch sinh hoạt chung của "Dự Án 20."

Cả hai cơ cấu, ông Khoa cho biết, đều tự túc về ngân sách. Mỗi sinh hoạt tự đài thọ phí tổn của mình. Do đó, cả hai phải kêu gọi sự yểm trợ của các mạnh thường quân và tổ chức những bữa ăn gây quỹ. Được biết, vào ngày 31 tháng Ba, "Dự Án 20" tổ chức một bữa ăn gây quỹ tại Hyatt Regency Hotel, ở Long Beach, để lấy tiền đài thọ các phí tổn của buổi trình tấu nhạc giao hưởng tại *Orange County Performing Arts Center*.

Đầu tháng Năm có vé đi nghe nhạc

Với bữa ăn gây quỹ cuối tháng Ba, "Dự Án 20" có thể có đủ tiền chi phí cho buổi hòa nhạc, không cần phải bán vé vô cửa. "Dự Án 20" sẽ mời quý vị yêu nhạc giao hưởng đi nghe miễn phí. Vé do PSI phát hành, bắt đầu phát vào đầu tháng Năm 1995, tại hai nơi: phòng vé của *Orange County Performing Arts Center* (714) 755-5788, và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (714) 537-8352.■

SÁCH MỚI

Nhà phát hành **THẾ KỶ** hân hạnh giới thiệu các sách mới sau đây. Quý vị độc giả của báo *Thế Kỷ 21* có thể đặt mua các sách này nơi nhà phát hành **THẾ KỶ**, được bớt 10%.

1. **Ngụ Ngôn La Fontaine**, tập I: $10.00
2. **Ngụ ngôn La Fontaine**, tập II: $10.00
3. **Hồi Ký Một Đời Người**, của *Phạm Ngọc Lũy*, tập I: $25.00
4. **Hồi Ký Một Đời Người**, của *Phạm Ngọc Lũy*, tập II: $25.00
5. **Tự Điển Giải Nghĩa Điện Toán**, của *Lê Thiệu Lương* và *Đỗ Thông Minh*: $20.00
6. **Phiên Dịch Sách Báo Anh Việt**, của *Nguyễn Văn Tạo*: $30.00
7. **Để Thương Để Nhớ**, của *Nguyễn Sĩ Tín*: $12.00
8. **Super mini Dictionary** (lớn): 3500yen.
9. **Super mini Dictionary** (nhỏ): 2911yen.
10. **Tự Điển Tin Học Tổng Hợp**, của *Đỗ Thông Minh*: $30.00
11. **Những Mối Ưu Tư Của Người Việt Đôi Bờ**, của *Bửu Sao*: $15.00.
12. **Na Uy và Tôi**, của *Nguyễn Thị Vinh*: $15.00

THẾ KỶ
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

DÙNG DẰNG

TRẦN DOÃN NHO

Đợi đám bạn bè kéo xuống hết khỏi cầu thang, Phước kéo Diễm:

"Đi em!"

Diễm ngạc nhiên:

"Gì mà vội thế. Anh xem, phòng ốc còn tùm lum thế này."

Phước nhìn Liên đang nằm thiêm thiếp trên sàn nhà, chiếc áo sơ mi sút hạt nút dưới để lộ cả rốn:

"Cô ta dậy, cô ta sẽ dọn."

"Đâu được. Tỉnh dậy, thấy tụi mình bỏ đi, đã giận rồi, phải nhìn nhà cửa ngổn ngang thế này, chịu sao được. Đợi em một tí đi."

Phước cương quyết:

"Không được. Em loay hoay, Liên dậy, lỡ việc hết."

Diễm nhìn Liên, rồi nhìn sàn nhà đầy vỏ bia chai, bia lon, thịt, chả, ruốc, rau..., lòng ngần ngừ, không quyết. Phước ôm lưng Diễm, bồng nổi nàng đến cầu thang:

"Cái cảnh này ở đây xảy ra dài dài. Không chừng mai trở về vẫn còn đó cho em dọn."

Hai người bước xuống thang gác. Phước dắt xe Honda ra. Diễm kéo tấm cửa sắt lại, cười:

"Tội Liên, nằm say một mình."

"Thôi, đừng có tình cảm vẩn vơ nữa. Leo lên xe đi. Anh phải đi đổi chiếc Dream II nơi thằng bạn. Loại cúp 81 này chạy đường xa yếu lắm."

*

Chiếc xe gắn máy một trăm phân khối của Nhật vọt nhanh, đưa hai người ra xa lộ, đến Ngã Ba Vũng Tàu, quẹo phải. Diễm mặc quần Jean, áo cánh cụt, hở ngực, tóc cột cao kiểu đuôi ngựa, tay ôm chiếc sắc. Phước rú ga chạy bảy, tám mươi cây số một giờ. Đường về Vũng Tàu độ này tương đối tốt, vì thường xuyên được tu sửa để đón khách du lịch. Trời chiều. Gió lồng lộng. Diễm ôm chặt Phước, mặt úp vào vai anh, hít thở mùi gió lẫn mùi đàn ông nóng hổi. Thỉnh thoảng nàng ngửi thấy cả mùi bia. Nàng hỏi:

"Bia trong người nhiều lắm đó nhé. Coi chừng cả hai đứa đi đong luôn."

Phước nghiêng mặt:

"Nhằm nhò gì. Có bia vào chạy xe đã lắm."

"Tội lắm, ông nội. Để tôi qua Mỹ rồi chết." Như để trêu thêm Diễm, Phước lại nhấn ga. Tám mươi. Tám lăm. Chín mươi. Nàng la:

"Đừng giỡn với tử thần nhé. Em giận, em đòi về, đừng trách."

Phước giảm ga, đưa tay véo vào đùi Diễm. Nàng kêu đau. Phước cười:

"Để mai sang bên đó cho nhớ. Tưởng tượng cảnh cái thằng kỹ sư đó nó ôm em, rồi nó rờ rẫm, rồi nó ngọ nguậy, rồi nó... tùm lum, mà tức."

Diễm vuốt má Phước:

"Ai tức. Ai ăn hớt trước. Anh ấy mà biết em lăng loàn như thế này chắc uống thuốc tự tử

quá."

Phước cười trong gió:

"Lăng loàn? Nghe đâu như thế kỷ trước. Em nhớ là sắp sang thế kỷ hai mươi mốt rồi nhé. Mà lại, ai chả lăng loàn. Bộ anh chàng kỹ sư bên Mỹ trung trinh lắm nhỉ."

"Em nói giỡn chơi. Có điều, nghĩ lại, thấy nhột trong người."

Phước nghĩ Diễm nhột với Nữa, chồng nàng. Còn Diễm thì khác. Nàng cảm thấy nhột với Liên. Tỉnh dậy, thấy vắng nàng, cô ả dám giận cá chém thớt, đá luôn đồ đạc trong phòng. Đã có một lần như vậy, trước đây. Nghĩ đến cái cảnh sáng nay, Liên cù chầy cù mài năn nỉ mẹ chồng nàng để nàng đi chơi và ở lại đêm, mà thấy tội. Nhưng dù sao, đi với Phước cũng thú hơn. Dù sao,Phước là đàn ông. Vững, chắc, dứt khoát. Từ nụ hôn cho tới cái bíu tay, hơi thở. Liên vụng về, ham hố và bất lực. Lại nữa, Liên là đàn bà. Tội nghiệp, chỉ có Diễm chìu. Nàng đi rồi, còn lâu Liên mới có bạn. Cô ta sẽ sống như thế , như thế, cô đơn, vụng trộm, bất an.

Phước nói:

"Nghe nói con đường này sẽ được tụi Nhật đầu tư, hiện đại hóa."

"Ừ."

"Xe gắn máy có quyền chạy trên trăm cây số giờ."

"Ừ."

Gió thổi những câu nói của Phước tan loãng ra, rơi rớt đâu đó phía sau hoặc hai bên đường. Nhưng chàng ta vẫn cứ nói. Thỉnh thoảng, nàng cảm thấy nước bọt từ miệng Phước bắn vào mặt nàng. Nàng không chú ý xem thực sự Phước đang nói gì. Nàng trông chóng đến. Biển. Vài lon bia, lâng lâng. Và căn phòng. Gối. Nệm. Lăn lộn. Và những lời dối trá cứ như thật. Phước dối. Diễm dối. Thương em lắm. Thương anh lắm. Nhưng mỗi người đã có một cõi riêng, hoàn toàn chẳng dính dấp gì nhau. Em đi. Anh ở. Rồi thôi. Diễm còn nhớ lần đầu tiên quen Phước ở một tiệc sinh nhật, Phước đùa "Như Diễm với mình mà yêu nhau được thì vui biết mấy. Diễm thì phải đi. Mình thì phải ở. Mình chẳng nợ gì nhau. Mình yêu nhau ngắn ngắn. Yêu dài thấy mệt lắm!" Ý tưởng trông cũng ngồ ngộ. Vả lại, mai mốt đi Mỹ rồi, sợ gì. Và Diễm chấp nhận thứ tình yêu ngắn ngắn đó.

Vũng Tàu. Bãi Trước. Những hàng dừa. Cát. Diễm thấy bâng khuâng. Có phải là lần cuối cùng mình đến đây? Đột nhiên, Diễm nhớ Toán, thằng bạn học cùng lớp. Hồi đó, còn đang học lớp chín. Nhân lớp học về du ngoạn ở đây, hắn tỏ tình. Cái thằng chi lạ! Đang ngồi vọc cát, hắn sà tới ngồi một bên, nói vẩn vơ rồi bỗng nắm tay nàng thì thầm "tau yêu mi lắm, Diễm ơi," rồi bỏ chạy một mạch. Và sau đó, tránh nàng luôn. Nghe nói sau này, hắn theo gia đình vượt biên, chết trên biển.

Phước đi gửi xe. Diễm nhìn biển. Biển vắng. Người tắm thưa thớt. Vỏ ốc vỏ sò nằm giăng đầy bãi. Một cặp vợ chồng, Diễm đoán thế, người nước ngoài vừa đi vừa nói chuyện dọc theo bờ cát, trong bộ đồ tắm mỏng mảnh. Diễm rùng mình. Phước trở về, hỏi:

"Tụi mình bơi một lát nhé."

Diễm lắc đầu:

"Em thấy ơn ớn sau lưng. Mà lại, biển vắng quá."

"Mai mốt xa biển rồi, không nhớ sao?"

Diễm bâng khuâng:

"Nhiều thứ để nhớ quá. Biển nhằm nhò gì."

Nàng ngồi xuống chiếc ghế xếp, nhìn tấm bảng đề hai chữ "Thùy Dương" lay động trước gió biển. Ở ngoài xa, xanh mù mù. Mai đây nàng sẽ ở bên ngoài cái màu xanh đó. Đối với nàng, mọi thứ ở đó còn mông lung, bất định quá. Cái rõ nét nhất là Nữa, chồng nàng, nàng lại vẫn thấy mù mờ. Kỷ niệm còn quá nghèo nàn cho một cuộc tình. Những lá thư làm quen nhạt nhẽo, những tấm hình bên phương trời có tuyết, có xe hơi..., rồi một đám cưới xa hoa, vội vã, vài chục ngày gọi là vợ chồng, rồi thư đi tin lại, những thủ tục, giấy tờ, phỏng vấn. Nàng không kịp nghĩ, không kịp nhớ, không kịp băn khoăn. Với những đồng đô la Nữa gửi về, nàng sống một đời sống mới. Xa xỉ. Gấp. Vội.

Phước kéo ghế sát một bên:

"Lại nhớ người tình ở phương trời rồi nhé. Giờ này hắn đang làm gì nào? Ngủ, ăn, làm hay đi chơi với một con nhóc nào đó chứ gì?"

Diễm cười:

"Anh ta hiền lắm."

"Hiền? Hiền thế nào?"

"Thì đại loại: lo ăn học, lo đi làm, lo cưới vợ..."

"Em tin thế?"

"Tin chứ. Anh ấy còn dưới mức hiền nữa kìa. Lù đù lắm. Đâu có như anh, ẩu tả, lang chạ."

"Em yêu?"

"Ừ... chắc có."

"Anh không tin thế. Em không hề yêu, anh biết."

Diễm gỡ tay Phước đang ôm eo nàng:

"Thôi. Chuyện đó chẳng dính dáng gì đến anh."

Phước cầm tay nàng:

"Sao không dính. Giả sử... Anh giả sử thôi nhé. Giả sử bây giờ em đừng đi nữa. Em ở lại... ở lại với anh."

Diễm nhìn lên:

"Em ở lại cho con Diệu Ái nó giết em à?"

Phước cười:

"Thì em ở lại, còn anh 'séparer' Diệu Ái."

TRẦN KIM ANH

NHỮNG NGĂN KÉO CUỘC ĐỜI

Đêm như những ngăn kéo
Cất giữ cuộc đời qua
Ngăn trên cùng để mở
Cho ngày thơ ấu xa

Trong tăm tối phận người
Tôi nhìn tôi tuổi nhỏ
Mắt trong tóc mượt mà
Mộng vườn thơ bỏ ngỏ

Ngăn dưới cho nụ hồng
Bên đường tỏa hương thắm
Dịu ngọt nỗi đời đau
Quê nhà xa vạn dặm

Giữa ngăn kéo dĩ vãng
Có ngăn to khôn cùng
Tôi trong tôi đầm ấm
Tôi trong tôi yêu thương

Có ngăn thấp thật thấp
Tôi xếp gọn muộn phiền
Đêm mùa đông rét mướt
Tôi vỗ về bình yên

Đêm như những ngăn kéo
Mở toang cửa cuối ngày
Tôi nhìn tôi lại rõ
Chút ưu sầu nhạt phai

Tháng Giêng 95

Diễm định nói gì, nhưng rồi im lặng. Phước nói đùa, nhưng lạ cái là, đột nhiên, mấy ngày hôm nay nàng lại bị ám ảnh bởi cái ý tưởng đó. Từ khi chấp nhận lời đề nghị của Phước, nàng lại bị Phước cuốn đi như một cơn lốc. Phước khỏe, tếu, sống động. Những ý tưởng của anh tuy ngộ nghĩnh, nhưng lại mở ra cho nàng nhiều cánh cửa vào đời sống. Mỗi lần đi chơi với Phước, nàng vẫn tự trấn an bằng cách nghĩ đến một người tình ngắn ngày, một người tình qua đường, một chiếc cầu bắc qua khoảng trống giữa cuộc đời cũ và cuộc đời mới. Nàng vui chơi, trước khi nhập cuộc. Có điều nàng lúc càng cảm thấy hình ảnh Phước như nặng lên trong tâm tưởng. Anh đi vào giấc mơ, đi vào ý tưởng của nàng.

Diễm nói vu vơ:

"Kể ra thì Diệu Ái cũng tội."

"Cô ta nào dính líu gì đến em."

Diễm chu miệng, nhìn anh, ngón tay trỏ dí vào trán:

"À, thì không dính. Không dính gì mà em lại ngồi đây với anh. Cô ta mà biết há? Em tưởng tượng cái mặt cô ta sưng bằng cái thúng. Nghĩ sơ sơ thế là đã thấy ghét."

Phước cười:

"Hơi có vẻ ghen rồi đấy nhé."

"Chả thèm đâu, ông bạn ạ. Ông tưởng ông lôi tôi đi được như thế này là ông thắng lợi trăm phần trăm. Chưa đâu."

"Thì đúng là chưa. Nhưng anh ngửi thấy mùi gì khang khác."

"Mùi gì?"

"Mùi tình. Anh dụ em một tình yêu ngắn ngày. Nhưng giờ anh cảm thấy khác. Trông bộ tình nó dài ra."

"Anh đùa hay thật!"

Phước nâng cằm Diễm:

"Thật."

Nàng rúc đầu vào ngực anh:

"Em thì ngửi thấy... mùi... "

"Mùi gì?"

"Mùi mồ hôi của cái áo mấy ngày chưa giặt."

Cả hai cười lớn. Diễm tiếp:

"Nhưng... nhưng, em thích cái mùi này."

Nói xong, nàng lại tiếp tục rúc đầu vào ngực anh, khúc khích. Phước nâng đầu nàng lên:

"Em cảm thấy hối hận chưa?"

Diễm nhìn thẳng vào mắt anh:

"Sợ anh đấy chứ. Em thì em đi xa. Mọi chuyện sẽ lùi vào dĩ vãng. Như một vết mờ. Còn anh, anh sẽ về lại với Diệu Ái, rồi..."

Phước bịt miệng nàng lại:

"Thôi, đủ rồi. Đừng lôi kéo người này người nọ vào. Bây giờ chỉ có em và anh. Cái ngày mai nào cũng bất định hết."

Phước định nói thêm một điều gì nữa, nhưng tự dưng, anh cảm thấy bùi ngùi. Anh im lặng, nhìn ra xa. Biển mênh mông, vô định. Diễm trong tay anh, có mà như không. Rồi nàng sẽ đi, sẽ biệt mù âm tín. Nàng sẽ khác. Nàng sẽ quên. Như một kỷ niệm hờ. Còn anh, người ở lại. Dù gì thì cũng là người ở lại. Biển này, đất này, quê hương này, thành phố này, Diệu Ái này... Anh không thiếu thứ gì. Chỉ có điều, ấy

là anh không được ra đi như Diễm, với Diễm. Ôi, nỗi kiêu hãnh của kẻ ra đi! Sá gì đôi ba kỷ niệm vu vơ, sá gì anh, Diễm nhỉ. Phước nhìn Diễm, thở dài:

"Phải thế không Diễm?"

Diễm buông tay ngơ ngác:

"Phải gì vậy anh?"

Phước cười buồn:

"Anh nghĩ đến hôm em đi."

Nàng cảm thấy đau nhói. Gió ngoài biển thổi vào bắt đầu lành lạnh. Nàng ngồi khuất sau anh,tránh gió. Chiều xuống thật nhanh. Phước ôm vai Diễm:

"Anh thấy lạnh. Thôi, vào em!"

Diễm lẳng lặng bước theo anh.

*

Hai người trở về Sài Gòn lúc mười giờ sáng. Phước thả nàng xuống, rồ ga vọt đi. Anh đã trễ giờ giao hàng. Nàng nhìn theo, ngơ ngẩn một lát, rồi mới xoay người lại gõ cửa. E cũng khá lâu, mới thấy Liên xuống mở cửa. Thấy Diễm, Liên hỏi, giọng khàn đục:

"Về rồi à?"

"Ừ, về."

Liên đóng cửa, lẳng lặng lên gác. Diễm bối rối bước theo. Nhìn quanh, Diễm thấy mọi vật vẫn như cũ. Chai, chén, ly, đồ ăn... vẫn còn nằm nguyên trên sàn nhà. Ruồi nhặn bu đầy. Nàng vứt cái xách xuống, mở cánh cửa sổ để nắng và gió lùa vào. Nàng xắn tay áo, thu dọn mọi thứ trà dư tửu hậu trên sàn nhà, rửa ráy, lau chùi sạch sẽ. Chà, cả bọn nhậu cũng khá. Ba nam ba nữ ngốn hết gần hai két bia. BGT, 33, Sài Gòn. Thuốc ba số 5, Jet, Craven A. Vịt quay, gà bóp, trứng lộn. Đám con trai uống như hủ chìm. Nhất là Phước. Trong số ba cô, Liên uống nhiều nhất. Hát hò, kể chuyện tếu. Nhưng đề tài chủ yếu vẫn là chuyện Diễm ra đi cùng mối tình "ghép" của nàng, như cách trêu chọc của Tuân, bạn Phước.

Chùi rửa xong xuôi, thấy Liên nằm yên trên giường, Diễm đến ngồi một bên, lay vai Liên:

"Sao, giận rồi phải không?" Liên vùng dậy, giận dỗi:

"Đến bây giờ cô mới ngó ngàng đến tôi à? Cô cư xử với tôi tệ đến thế thì thôi!"

Khuôn mặt Liên khô, phờ phạc. Tóc tai lòa xòa. Giọng khan. Liên leo xuống giường, bước lui bước tới, dáng bộ mệt mỏi. Liên đến bên của sổ, nhìn ra. Diễm nhẹ nhàng bước đến sau lưng, đặt tay lên vai Liên, im lặng. Xe cộ rộn ràng bên dưới. Bụi cuốn từng đợt, đổ vào cái hành lang nhỏ bên ngoài với nhiều chậu hoa đặt khít nhau. Diễm bóp vai Liên, kéo Liên xoay người lại:

"Xin lỗi. Làm gì mà mặt mày dữ dằn thế."

Liên chợt cười:

"Đáng lẽ phải xé xác mi ra. Mi bắt tau thức đợi suốt đêm. Bọn bây đi hú hí ở đâu?"

Diễm chống chế:

"Không. Mi hiểu lầm..."

Liên chỉ vào mặt Diễm:

"Không thể giấu tau được. Mi tàn nhẫn, mi bỏ tau. Mi bắt tau phải năn nỉ ỉ ôi cái bà nhạc quê mùa của mi để mi tự do. Mi lợi dụng để đi chơi với trai."

"Lại kể công."

Liên ôm mặt Diễm:

"Tau đâu cần kể công. Tau cần mi. Mi hiểu chưa, Diễm."

Giọng Diễm đầy ân hận:

"Thôi, tao xin lỗi. Vả lại, mi biết, Phước cũng tội."

Liên đẩy Diễm ra xa, nhìn thẳng vào mặt nàng:

"Mi đang chơi một trò chơi nguy hiểm. Nó dính líu đến số phận của nhiều người: Diệu Ái, Nữa, Phước, mi và cả tau. Mi biết không, mi sẽ mất hết. Mất hết..."

Liên gục mặt vào vai Diễm:

"Phước không tốt gì với mi đâu. Hắn đểu giả. Hắn điêu ngoa."

"Tao thấy không đến nỗi thế."

"Hắn chẳng bao giờ yêu mi cả."

Diễm cười:

"Đây chỉ là một hợp đồng ngắn ngày."

"Lầm. Tình cảm không bao giờ là một hợp đồng."

Liên buông Diễm ra, bước lui bước tới, hai tay thọc trong túi quần. Diễm nhìn lên, hơi xốn xang. Càng giận, khuôn mặt của Liên càng thẩn thờ khó hiểu. Ở trường bọn nam sinh viên vẫn gọi đùa Liên là triết gia. Còn đám nữ thì không thích chơi với Liên vì cái vẻ khô và cô độc của Liên. Chỉ có Diễm. Nàng hiểu Liên và chia sẻ những nỗi phiền muộn và cuộc sống bất an của Liên.

Liên đến bên Diễm:

"Thà mi ra đi, mi bỏ tau. Mi không thể bỏ tau khi mi đang ở đây."

Diễm cười:

"Tau bỏ mi hồi nào?"

Liên tiếp tục nói, không để ý đến câu hỏi của Diễm:

"Bọn đàn ông, chúng nó sành sõi, chúng nó có hơi hám, chúng nó có ... đủ thứ. Còn tau, hà, mi xem thường tau, mi chê tau thiếu hụt, kém cỏi, bất thường."

Liên nhìn sát mặt Diễm:

"Tau yêu mi, mi biết không."

Liên nắm tay lại, đấm xuống chiếc bàn nhỏ kê ti vi. Diễm ôm lưng Liên, sờ nắn bụng Liên, cười bả lả:

"Tau biết. Tau cũng thương mi chớ bộ."

"Mi luôn luôn phản trắc, mi biết chưa?"

Liên úp mặt vào hai bàn tay, run rẩy. Diễm nghĩ là Liên khóc. Nàng ôm hai vai Liên, kéo xuống. Nàng hôn lên tóc Liên, thì thầm:

"Tao biết. Tao xin lỗi."

Liên đột ngột xoay người lại, ôm Diễm, kéo nàng xuống. Nàng buông tay, để mặc. Hai người ngả xuống giường. Diễm cảm thấy ngộp dưới bộ ngực nặng nề của Liên. Nàng cố nhoi mặt ra, tìm chỗ để thở. Liên hôn lên tóc, lên gáy Diễm, cắn nhẹ dái tai Diễm. Rồi hôn lên mặt lên ngực nàng. Nàng nhột nhạt, đưa đôi bàn tay yếu ớt, cố đẩy thân hình Liên sang một bên. Nhưng không được. Liên phủ lên người nàng, hai tay gỡ nút, đầu chui rúc khắp người, thở hào hển, miệng luôn rên rỉ. Nữa đã vụng về, mà Liên lại càng vụng về hơn. Liên lay hoay, sục sạo trên thân thể của Diễm, cố tìm một hơi hám, một phản ứng, một sự đồng tình. Diễm chìu bạn, ôm lấy lưng Liên, áp mặt vào khoảng ngực Liên, đặt lên đó một nụ hôn.Nàng muốn hôn thật dài, thật đắm đuối, nhưng hai đầu vú của Liên cọ xát vào da thịt khiến nàng nhột nhạt, nên lại thôi. Nàng ngoi mặt ra, nhìn lên trần nhà. Liên nhỏm dậy, ngồi lên bụng nàng, đầu cúi xuống. Tóc tai lòa xòa rủ xuống che gần như khuất khuôn mặt Liên. Diễm nghe hơi thở Liên có mùi thuốc lá, mùi bia. Nàng hỏi:

"Sáng mà đã uống bia?"

"Uống để ngủ mà không được. Tức mi quá."

Diễm xô Liên xuống:

"Mi nặng quá. Dẹp người tau mất."

Liên vừa trườn người xuống, vừa càu nhàu:

"Phước nặng hơn tau, sau mi chịu nổi."

Liên xoay mặt Diễm lại. Cái nhìn Liên chợt trở nên đắm đuối. Liên luồn tay vào ngực Diễm, tiếp tục sờ nắn. Diễm nhột, nẩy người lên. Nàng cố tránh, nhưng khuôn mặt Liên cứ áp sát. Hơi thở cô nóng hổi. Liên hôn lên tóc, lên mắt Diễm. Đôi môi Liên tìm đôi môi Diễm. Nàng hơi lợm. Mùi nước miếng Liên nhạt nhẽo. Liên hôn nồng nàn mà Diễm cứ có cảm giác như Liên đóng kịch. Đầu lưỡi Liên tìm kiếm, chờ đợi. Nhưng Diễm nản chí. Liên thả nàng ra, cằn nhằn:

"Mi như cục đá, cục đất. Mi bị thằng Phước nó hớp hồn."

Diễm chùi miệng. Nàng ôm Liên:

"Mi đừng buồn."

Liên hất tay Diễm ra, đứng dậy, đi vào phòng. Liên trở ra, điếu thuốc trên môi. Liên ngửa mặt lên trần nhà, nhả khói vù vù. Nhìn bộ điệu của Liên, Diễm nghĩ đến Phước, đến Nữa. Mỗi người có một thói quen riêng sau khi ôm ấp nàng. Phước cũng hút một điếu thuốc như Liên. Còn Nữa lại chạy đi tìm một ly nước đá. Còn nàng thì nằm lim dim.

Liên vứt tàn thuốc qua cửa sổ, đến đứng trước mặt Diễm:

"Tau chợt có một ý nghĩ mới: hay là mi ở lại, đừng đi nữa."

Diễm ngạc nhiên:

"Ở lại?"

"Ừ, ở lại Việt Nam. Với bạn bè, với tau, với Phước."

"Không đi Mỹ nữa?"

"Chứ sao!"

Một cái gì đó nhói lên trong tim, khiến Diễm có cảm giác thảng thốt. Liên tiếp:

"Tau đoan chắc cái mối tình ghép này sẽ không bao giờ làm cho mi hạnh phúc. Tao không nghi ngờ gì anh chàng Nữa hết. Nhưng tau nghi ngờ mi. Nếu mi chỉ cần đi Mỹ thôi, thì tùy mi. Còn nói theo chồng, thì... e trật."

Diễm chới với, nhưng gượng cười:

"Đừng nói bậy. Mọi chuyện xem như xong."

Liên ôm vai Diễm:

"Tau biết mi yêu Phước rồi. Mi ở lại, cho Phước giành lấy chín phần. Còn tau một phần. Mi đi rồi, thì..."

Diễm bịt miệng Liên:

"Thôi, thôi. Đừng nói nữa. Để cho tau yên."

Liên vẫn nói tiếp:

"Không yên đâu. Mi làm như thể mi theo chồng, đoàn tụ với chồng. Mi dối trá với Nữa, với chính mi. Không chừng mi trù liệu sẽ bỏ Nữa. Mi chỉ xem Nữa như chiếc cầu. Suốt đời mi sẽ dối trá, phản bội. Không bao giờ mi có thể yêu. Mi đến được nước Mỹ, nhưng mi sẽ không bao giờ có tình yêu..."

*

Dù cố gắng quên, cố gắng xua đuổi, nhưng những lời nói của Liên như những nhát dao sắc cứa vào lòng Diễm. Nó cấu xé, dằn vặt, ép chế nàng. Nàng cuống cuồng, hớt hải. Tất cả chỉ vì những gì Liên nói không xa lạ gì với những gì nàng tưởng nghĩ. Liên chỉ vén lên một tấm màn mỏng, để phơi trần ra những gì mà nàng cố dấu giếm chính nàng. Một đám cưới xa hoa, một tháng chung đụng và những đồng đô la thần thánh không làm nẩy nở một tí gì tình cảm của nàng đối với Nữa. Trước sau, nàng chỉ đóng kịch. Nàng chỉ muốn đi Mỹ. Nàng muốn thực hiện một giấc mơ mà hầu như cả thế hệ của nàng ôm ấp: rời khỏi đất nước. Cũng như nhiều bạn bè nàng, nàng đã *nhịn yêu* như người ta nhịn ăn cho bớt mập. Nàng hạn chế quan hệ với bạn trai, đè nén những rung động, trốn tránh những cơ hội. Đi cái đã, rồi yêu sau. Vượt biên, bảo lãnh, con lai, lấy chồng Việt Kiều..., gì cũng được, miễn là đi.

Và lúc này đây, chính trong lúc muốn sống xả láng, trong lúc muốn yêu thử, thì nàng lại

bắt đầu cảm thấy yêu. Rời khỏi nhà Liên, lang thang một mình trên các dường phố suốt buổi chiều, cuối cùng, nàng quyết định ở lại Việt nam. Về căn nhà mà gia đình chồng ở tạm để đợi tiễn nàng đi, nàng âm thầm bỏ một ít áo quần vào trong xách, lột hết nữ trang nàng có trong người gói vào một mảnh giấy báo cùng với mấy trăm đô la Nữa gửi tháng rồi tiêu chưa hết. Nàng viết vội vài chữ để lại, báo cho biết là nàng không đi, đồng thời cám ơn và xin lỗi gia đình chồng. Sau đó, nói dối là đi có chút việc, nàng ôm cái xách nhỏ, gọi xích lô lên Bưu Điện. Nàng muốn thông báo ngay cho Nữa biết quyết định của mình.

Từ một nơi nào đó bên kia đại dương, giọng Nữa khàn đục:

"Ai đó."

"Em đây. Diễm đây."

Nữa la lên trong máy, dòn tan:

"Trời ơi, em Diễm, vợ anh đó há. Trời ơi, nhớ em muốn phát điên lên được. Anh đang mong em từng giờ từng phút. Còn có mười ngày nữa mà sao lâu quá chừng chừng. Cả tuần nay lu bu với công việc, không gọi em được. lại nữa, phải chuẩn bị mọi thứ để đón em. Làm gì mà gọi anh giờ này. Nhớ anh lắm hả?"

"Bên đó mấy giờ?"

"Bốn giờ sáng."

"Em xin lỗi. À... mà anh này..."

"Sao, mẹ có khỏe không. Anh Phú, con Hiền và mấy cô, mấy dì vào Sài Gòn cả chưa? Em đi thăm bạn bè hết chưa? Nè, anh dặn em nè. Còn bao nhiêu tiền em cứ tiêu thoải mái, đừng lo lắng gì hết. Bên này anh đã mở cho em một trương mục trong ngân hàng rồi đó. Em sang rồi, thích sắm gì cứ sắm, thích đi đâu cứ đi. Em có thích đi Cali không? Có mấy cô bạn của em bên đó thỉnh thoảng gọi anh, hỏi em đã sang chưa? Thiên Trang ở San Jose này, Hồng Phước ở Santa Ana này... Bữa nay sắp đến hè rồi, đi du lịch tùy thích.

Diễm ngập ngừng: "Anh gọi cho bọn nó, nói em gửi lời thăm nhé."

"Thì đợi em sang, em gọi thẳng điện thoại cho họ chứ cần gì mà phải nhắn gửi. Ở đây, bạn bè gọi cho nhau hàng ngày. Đôi khi nói chuyện hàng giờ."

"Em định nói với anh là... là..."

"Về chuyện học Anh văn hay sao? Hay chuyện đi làm? Đừng lo mà ốm người. Anh sẽ dạy Anh văn cho em. Còn đi làm thì khoan đã. Anh đủ sức nuôi em mà. Cái *job* của anh chắc chắn lắm. Anh sắp được lên lương đấy."

"Không, em muốn nói chuyện khác, chuyện anh và em..."

"Chuyện anh và em sao? À, chuyện khoan có con há, OK. Anh đâu muốn có con liền. Bọn mình còn trẻ mà. Vài ba năm sau rồi đẻ cũng được. Một hai đứa là đủ rồi em há."

"Em quyết định... quyết định...

"Chẳng nên quyết định gì sớm. Cứ sang đây, để một thời gian cho em quen với nếp sống ở Mỹ, rồi sau đó tùy em chọn lựa. Anh định *down* tiền mua một cái *single house*, tức là một biệt thự đấy, nhưng thôi, đợi em sang rồi tùy em. Biết đâu chừng em lại thích *move* đi bang khác. Georgia này cũng ấm, cũng đông người Việt, nhưng nếu em không thích thì tụi mình bàn tính sau."

"Em muốn nói chuyện gia đình..."

"Chuyện bảo lãnh gia đình em há? Dễ thôi. Gia đình anh không ai muốn đi. Còn em thích đưa ba má sang ở cho vui thì đâu có khó gì. Đi du lịch hay bảo lãnh cũng dễ thôi."

Diễm cố nói một câu cho xong:

"Em đã quyết định ở lại..."

"Tùy em, tùy em hết. Vợ muốn là trời muốn. Ở Georgia hay Cali hay đâu cũng được. Điều quan trọng là việc làm ăn và khí hậu. Ở Mỹ dễ lắm, không phải như ở Việt Nam. Thích đi là đi. Em sang đây vài tháng rồi có muốn về thăm Việt Nam cũng được thôi. Nhớ nhà há? OK. Mua vé về thăm ngay. Đừng lo. Anh chỉ mong sao em thương anh là đủ rồi. Thời gian ở với nhau ngắn quá, chưa hiểu nhau nhiều. Nhưng anh biết gia đình em, biết em..."

"Không phải, em muốn nói..."

Diễm như muốn nghẹt thở:

"Em... em muốn ở lại Việt Nam..."

"Ở lại Việt Nam? Anh không hiểu."

Nàng buột miệng nói một câu khác dự tính:

"Ở lại thêm... thêm vài tháng nữa."

"Cái gì? Mọi chuyện sắp xếp cả rồi. Ở lại làm gì cho thêm rắc rối. Em biết không, tình hình càng lúc càng khó. Đã có chuyến bay rồi thì đi. Hoãn lui, hoãn tới, lỡ tụi nó làm rắc rối thì phiền. Hai nước sắp bang giao. Ai biết chuyện đi ở thế nào? Đừng dùng dằng nữa. Anh biết em thương ba mẹ, thương mấy đứa em. Nhưng anh hứa, cứ sang cái đã. Về thăm sau. Thôi nhé. Đừng nũng nịu nữa. Nhớ em quá trời. Cách xa thế này mà anh còn ngửi thấy mùi của em. Thôi nhé, anh dậy chuẩn bị đi làm. Chiều anh gọi lại. Bye, bye Diễm."

Diễm gác điện thoại, lòng ngẩn ngơ. Nàng bước ra khỏi phòng điện thoại, nhìn mọi người vào ra tấp nập mà không có cảm giác gì cả. Đầu óc nàng rỗng không. Chợt nhớ ra một điều, nàng chạy vội xuống tầng cấp sở Bưu Điện, gọi xích lô trở về nhà. Gặp mẹ Nữa tại cửa, nàng chẳng kịp chào hỏi, lao vào phòng, mở gói giấy báo. Thấy tấm giấy nhỏ có ghi vội mấy giòng của nàng vẫn còn nằm yên, nàng thở phào. Nàng cầm tấm giấy xé vụn, vứt cái xách xuống sàn, ném mình trên giường, nhắm mắt. Nàng có cảm giác vừa tiếc vừa mừng.

"Ai đem con sáo sang sông, để cho con sáo..."

TIẾNG HÁT RU ĐỜI, RU NGƯỜI

NGÔ ĐÌNH VẬN

Ru con là tập quán tốt đẹp, lâu đời của nhiều dân tộc trên thế giới. Bất cứ một bài hát ru con của nòi giống nào thì cũng ướt đẫm tình mẫu tử, gây xúc động cho người nghe.

Ru con vì vậy không nhất thiết chỉ là nhu cầu đem các làn điệu êm nhẹ vào tai dứa trẻ để cho nó dễ ngủ mà đây còn là một cách thể hiện tình thương yêu của mẹ đối với con thơ.

Tuy nhiên tập quán tốt dẹp này đã dần dần mất đi trước trào lưu tiến hóa của nhân loại bao gồm những trở ngại về cũ, mới, về hoàn cảnh... thêm vào đó sinh hoạt của xã hội văn minh cơ khí đã khiến cho người mẹ không còn có nhiều thì giờ để săn sóc, nâng niu con cái như thời xưa nữa.

Người mẹ của thời đại này đã bị cuộc sống cắt bớt một phần thiên chức làm mẹ tức là sưởi ấm tình người đối với con thơ.

Tập quán ru con của xã hội Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của các trở ngại kể trên vì thế tập tục ru con chỉ còn tồn tại ở các vùng quê. Tiếng hát ru con đã giảm thiểu rất nhiều trong sinh hoạt dân chúng ở nơi thành thị.

Tìm hiểu về lối hát ru con trong sách, sử cũ, cũng như quan sát sinh hoạt của xã hội Việt Nam chúng ta thấy rằng hát ru là một phong tục lâu đời trong dân gian, phổ cập tới mọi tầng lớp của xã hội.

Người nước Nam ru cho trẻ ngủ không nhất thiết phải là các bài hát nói riêng về chuyện ru trẻ nhưng lối hát ru đã bao gồm tất cả các thể điệu trữ tình, yêu thiên nhiên, yêu nòi giống, yêu dời, yêu người và cả yêu nhau nữa... Người nước Nam có thể dùng các câu ca dao, các bài thơ lục bát, ngâm Kiều, nói Vân Tiên... để ru cho trẻ ngủ. Tính cách không giới hạn thể điệu ấy đã làm phong phú cho nền dân nhạc Việt Nam và còn bảo tồn, phát triển phong hóa đặc thù của dân Việt. Hát ru tự nhiên đã làm công việc chuyên chở kho tàng văn chương truyền khẩu từ đời này qua dời khác.

Tập quán của dân Việt cũng không chỉ giới hạn việc ru con cho người mẹ mà ru trẻ còn là công việc của cha, của bà, của chị... của các người thân trong gia đình đứa bé.

Thân xác của đứa bé đã được âu yếm đặt trong vòng tay, trong lòng, trên võng thì ngay từ trứng nước tinh thần của đứa bé cũng đuộc nâng niu bằng một cái nôi được đan bởi những sợi dây tình cảm thiêng liêng của gia đình là gốc của xã hội.

Hơn thế nữa hát ru còn được người Việt coi là tiếng ru của nòi giống, của mẹ dân tộc đầy từ ái trao tặng cho tất cả mọi con dân nước Việt.

Chứng kiến về lối ru con, ru cháu, ru em chúng ta còn thấy sự quan trọng đặc biệt của tiếng võng đưa kẽo kẹt có thể ví như một thứ đàn đệm, giữ nhịp cho tiếng hát của mẹ, của bà, của chị...

Một điểm quan trọng là nếu một gia đình nào đã bỏ ru con thì đến đời sau sẽ mất luôn tập quán ru con, vì con cái của các gia đình ấy đã không tập được các bài hát ru truyền lại, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt tiếng hát ru được phục hồi bởi cơ duyên từ bên ngoài nền tảng giáo dục gia đình.

Ở quốc nội, sau biến cố 1975 thì việc ru con

trong sinh hoạt xã hội miền Nam Việt Nam đã được phụ nữ chuyển giao cho nam giới. Người cha trong nhiều gia đình đã lãnh nhận công việc nội trợ để người mẹ có thì giờ lo việc tần tảo nuôi sống gia đình bằng các công việc bên ngoài. Sở dĩ có hiện tượng thay đổi trên vì dưới chế độ Cộng Sản thành phần phụ nữ hoạt động ngoài xã hội ít bị nguy hiểm, ít bị công an theo dõi, ít bị làm phiền hơn nam giới.

Về tập tục hát ru của thành phần tị nạn cộng sản ở hải ngoại thì cũng gặp những trở ngại lớn lao như bận bịu công việc kiếm sống, sự khác biệt ngôn ngữ ở gia đình và ngoài xã hội, về quan niệm cũ, mới, Đông, Tây... vì thế tập quán ru con càng ngày càng bị mất mát tới độ bi thảm.

Hơn một năm qua, kể từ khi chúng tôi bắt đầu nghiên cứu để viết loạt bài "Khái lược tiến hóa của dân nhạc Việt Nam," chúng tôi đã được sự giúp đỡ của một số thân hữu và đặc biệt sự tiếp tay của Đài Truyền Hình Việt Nam ở Houston, Texas, để thực hiện các cuộc thăm dò về tập quán hát ru của người Việt tại Hoa Kỳ. Tuy nhiên vì phương tiện giới hạn, chúng tôi chỉ có được những kết quả khiêm tốn, tượng trưng, chứ không thể có được một tỷ lệ chính xác.

Đài Truyền Hình Việt Nam ở Houston đã thăm hỏi trên 30 gia đình thuộc lớp tuổi từ 25 đến 45 thì mọi người đều xác nhận là không còn ai tiếp tục ru con, ru cháu nữa. Trong số kể trên có hai phụ nữ hiện mang thai, một người nói là không lưu tâm đến tục lệ cổ xưa, một người cho hay là *"Tôi đâu có biết ru thế nào, nên có sinh con thì cũng đành chịu không ru gì cả."*

Chủ sự chương trình của Đài Truyền Hình Việt Nam tại Houston là anh Trần Văn Nhật, người thực hiện cuộc thăm dò, cũng cho hay là anh ít ru các con của anh nhưng chính ông nội thì lại thường ru các cháu. Thân phụ của anh Nhật là cụ Trần Văn Hanh, 82 tuổi, quê ở làng Tảo Môn, tỉnh Nam Định, đã cho biết rằng cụ hay ru các cháu bằng các câu ru cũ như:

Ru em, em ngủ cho yên,
Em đừng khóc nữa làm phiền mẹ cha,
Ru em, em nín trong nhà
Để mẹ đi chợ mua quà cho em.

Hoặc là:

À ơi, à ơi, à ơi,
Kìa em nín lặng nghe lời mẹ ru
Ở đời ba bảy đường tu
Kìa câu bất học sẽ ngu như là...

Trong khi đó, tại San Jose miền Bắc California, ký giả Nguyễn Quang Dũng đã giúp chúng tôi làm một cuộc thăm dò ở vùng Vịnh Cựu Kim Sơn và anh cho biết có 20% những người được hỏi nói là còn ru cho trẻ ngủ bằng các bài hát ru của Việt Nam. Tuy nhiên ký giả Nguyễn Quang Dũng cho biết thành phần mà anh thăm hỏi đều ở lớp tuổi 50 trở lên, có vài người lại đang hành nghề giữ trẻ.

Ở Orange County, Nam California, chúng tôi và một số thân hữu đã liên tiếp thực hiện các cuộc thăm dò tại Trung Tâm Sinh Hoạt Cao Niên, thuộc Hội Cộng Đồng người Việt Orange County, ở số 1618 đường West First, thành phố Santa Ana, trong các tháng Sáu 1994 và tháng Hai 1995. Trung Tâm Sinh Hoạt Cao Niên hàng ngày có trên 100 bô lão tới họp mặt, tập thái cực quyền, đọc sách báo, đánh cờ, đánh bài cho vui. Các cụ sinh hoạt ở đây tuổi từ 65 đến 95. Trong một cuộc thăm dò chính thức, chúng tôi đã được ông Giám Đốc Trung Tâm Nguyễn Văn Ánh giới thiệu các cụ tại phòng sinh hoạt, tại lớp học Anh Văn.

Kết quả mà chúng tôi ghi nhận là có 10% các cụ còn ru cháu.

Một điểm quan trọng là chúng ta không thể có được kết quả chính xác nếu áp dụng kiểu thăm dò công khai vì các cụ không quen với lối phát biểu giữa nơi công cộng như người dân bản xứ. Các cụ vẫn giữ tập tục của người Á Đông là dè dặt, thận trọng và ngại ngùng trước đám đông. Tuy vậy qua các cuộc thăm hỏi riêng rẽ thì hầu hết các cụ đều nói là ở lớp tuổi các cụ người mẹ Việt Nam nào cũng biết ru con, nhiều cụ xác nhận còn ru cháu ít nhất một lần trong tuần. Nhiều cụ còn tìm đến gặp chúng tôi để tâm sự về hoàn cảnh riêng tư như con cái không để cho các cụ bồng bế, ru cháu vì *"Chúng nó sợ tôi làm té con của chúng nó"*. Có bà trẻ hơn đã góp chuyện ngay rằng *"Thực tình thì để những người già lão trông coi trẻ ở cái xứ đầy máy móc như ở bên này cũng đáng lo ngại lắm, chẳng hạn như muốn dùng nước lạnh lại vặn vòi nước nóng thì cũng khổ."*

Hầu hết các cụ mà chúng tôi được tiếp xúc đều thuộc các bài hát ru phổ thông như bài "Cò Lả", "Cây Trúc Xinh"... của miền Bắc, các bài "Lý Qua Đèo", "Lý Giang Nam" miền Trung, "Lý Giao Duyên [điệu ru con]", "Lý Chim Quyên" của miền Nam.

Qua tất cả các cuộc thăm dò nói trên cộng với những cuộc tiếp xúc ở nhiều nơi, nhiều thành phần, nhiều lứa tuổi khác nhau, chúng tôi ghi nhận các điểm khái quát như sau:

Số các gia đình Việt Nam còn giữ tập quán ru con rất thấp ở hải ngoại.

Một số gia đình còn giữ thói quen ru con, ru cháu thuộc các gia đình có sinh hoạt liên hệ đến văn hóa, tôn giáo và một số mới đến Hoa Kỳ trong ít năm qua.

Các gia đình còn giữ tập tục ru con, ru cháu thì trẻ em nói tiếng Việt rất sõi, bố mẹ dễ trao đổi, thông cảm với lớp trẻ tuổi hơn và gia đình

NGUYỄN TƯ

DỌN NHÀ LÊN NÚI

Mang dăm cuốn kệ lên rừng,
Thấy lòng thanh tĩnh như chừng Vô vi...
Mười năm múa bút mà chi?
Văn chương chữ nghĩa thiếu gì tài hoa!?
Bây giờ lên núi mây xa,
Ngâm câu lạc vận thấy ta vô tình!?
Em về dưới nớ lặng thinh,
Bước qua con phố buồn tênh dấu hài...

Noel 94

BUỔI TRƯA Ở CANLEY-VALE

Theo nhau xuống phố một ngày,
Dường như đời cũng nguôi ngoai cơn buồn.
Tóc em từng sợi hoang đường,
Bay trong vạt nắng vàng buông sắc màu...
Thoáng nhìn qua: chút hư hao,
Giấu quanh nỗi xót xa nào trong em?
Đường về trên nớ dài thêm,
Xin cầm giữ hạt nắng mềm cho nhau...

25/10/94

ít bị rơi vào thảm cảnh xung khắc giữa các lứa tuổi.

Các vị có tuổi phần đông rất khó ngủ nên các cụ thường dùng các cuốn băng nhạc cổ, nhất là cuốn băng Tao Đàn của nữ nghệ sĩ Hồ Điệp để nghe, ru mình vào giấc ngủ.

Trong những thăm hỏi trên, chúng tôi ghi nhận một số các chi tiết đặc biệt như sau:

Tại thị xã Orange, miền Nam California, chúng tôi đã chứng kiến cụ Đinh Thị Nguyên, 91 tuổi, quê ở làng Hảo Nho, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, bế một đứa chắt ngoại mang hai giòng máu Mỹ Việt. Bà cụ vừa ẵm chắt vừa ru:

Vua Ngô băm sáu cái tàn vàng,
Chết xuống âm phủ có mang được gì.
Chúa Chổm đánh chén tì tì,
Chết xuống âm phủ khác gì vua Ngô.

Đứa nhỏ thiu thiu ngủ, cụ nói *"Nó chán nghe giọng của tôi rồi, nó ngủ".*

Thấy cụ còn minh mẫn, nhớ nhiều, sau đó chúng tôi đã thăm hỏi cụ về chuyện ru con, ru cháu, ru chắt. Cụ cho biết, cụ thuộc nhiều bài hát ru lắm, chẳng hạn như các bài:

Đầu làng có đàn chim tiên
Nó kêu ríu rít cho nên bồi hồi
Bây giờ mình ở xa xôi
Nào ai có biết rằng tôi thương mình
Cây kim tiên đổi lá thau vàng
Cây bao nhiêu lá thương nàng bấy nhiêu
Lòng đây thương đấy đã nhiều
Đấy mà thương giả bao nhiêu mặc lòng

Hoặc như bài hát ru có câu cụ nhớ, có câu quên:

Ba cô cắt cỏ bên sông
Má đỏ hồng hồng, yếm thắm nhuộm thâm,
...
Ta về ta nói mẹ ta
Giết lợn đem cưới, giết gà đem cheo
Con lợn vừa bằng con mèo
Lòng ăn không hết đem treo cột đình
Ông xã đánh trống thình thình
Quan viên đội mũ ra đình ăn cheo.

Cụ Nguyên tâm sự *"Nhiều khi cháu nó không đưa con tới chơi, tôi ngồi một mình ở nhà cũng ru trống không cho đỡ buồn".*

Tại Santa Ana, nữ ca sĩ Minh Trang, một giọng ca không thể thay thế trong bản *Đêm Tàn Bến Ngự* của Dương Thiệu Tước, đã cho biết rằng *"Các bài ru em đã ảnh hưởng đến sinh hoạt ca hát của tôi nhiều lắm, tôi rất nhớ những làn điệu mà bà vú đã ru em tôi là Ngọc Thuyền. Cô Thuyền chính là phu nhân của nhạc sĩ Đỗ Thế Phiệt sau này".* Nữ ca sĩ Minh Trang đã hát nho nhỏ cho chúng tôi nghe một bài hát ru mà bà còn nhớ:

Đêm khuya, gió mát trăng thanh
Đường xa, dặm vắng xin anh đừng về
Mảnh trăng đã trót lời thề
Làm chi để gánh nặng nề riêng ai.

Ở một thị trấn băng giá là Meridion của xứ nông nghiệp Idaho, tiếng hát ru của người Việt Nam đã được dùng để vỗ về, âu yếm ru một em nhỏ có hai dòng máu Việt - Mỹ tên là John Jackson, cách đây 16, 17 năm. Năm nay John đã 18 tuổi, là sinh viên ngành sinh vật học của đại học Georgetown ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Từ vài năm qua, mỗi lần về thăm nhà, John thường lặp lại mấy câu hát ru bằng tiếng Việt và nói với bà ngoại rằng "*cháu còn nhớ mấy bài hát này bà đã ru cháu hồi còn nhỏ.*"

Bà của cậu John tên là Đỗ Thị Loan, 82 tuổi, nguyên giáo sư Việt Hán của Đại học Văn

Khoa Saigon, và cũng là chị ruột nữ ca sĩ Minh Đỗ, giọng ca hàng đầu ở miền Bắc Việt Nam trước đây.

Cụ Loan kể rằng lúc ca sĩ Minh Đỗ còn nhỏ, cụ đã nghe bà vú ru Minh Đỗ bằng nhiều bài hát ru rất hay, và cụ nói: "*tôi không ngờ em út tôi về sau lại ru cả triệu người Việt Nam qua bài hát ru của miền Nam — Gió mùa thu, mẹ ru con ngủ — đã được thâu vào đĩa nhạc năm 1955 tại thủ đô Prague của xứ Tiệp Khắc.*"

Nói đến đây, cụ Loan ngưng lại, rồi sau đó qua điện thoại, giọng cụ chùng xuống rất nhỏ "*xin lỗi,... nói về chuyện này tôi xúc động quá... không cầm nổi nước mắt...*"

Chúng tôi đáp lại "*Thưa bác, cháu cũng đã được nghe giọng hát não nuột đến tê buốt này, khoảng năm 1970, 1972 gì đó, nhạc sĩ Phạm Duy đi ngoại quốc về cho cháu mượn cuốn băng thu lại đĩa nhạc của nữ ca sĩ Minh Đỗ. Cháu nghe bài "Cò Lả" mà phát run lên đến nổi gai ốc vì cảm động.*"

Câu chuyện tiếp tục như một dịp hoài niệm giọng hát đặc biệt của Minh Đỗ. Sau đó, cụ Loan đã kể cho chúng tôi bài hát ru mà cụ còn nhớ, theo thể đối đáp:

Tam tòng tứ đức còn ghi
Bé nghe cha mẹ lớn thì nghe anh.
Nghe anh được lúc bấy giờ,
Rồi sau trứng nước con thơ ai nhìn.
Xin nàng cứ lấy làm tin,
Mai sau trứng nước anh nhìn con anh.

Cụ Loan cũng cho hay rằng khoảng năm 1941, khi có dịp vô thăm Quảng Nam, cụ đã nghe được một bài hát ru của người mẹ ru con mà cụ còn nhớ:

Trăng lên khỏi núi trăng tà,
Mình thương ta thật hay là thương chơi,
Trăng lên khỏi núi trăng rơi,
Mình thương ta thật hay chơi hỡi mình.

Biết được rằng cụ Loan thuộc hàng cô, dì, của nữ ca sĩ Kim Tước, chúng tôi hỏi cụ có bao giờ ru Kim Tước không, cụ đáp "*Kim Tước tuy là cháu tôi nhưng lúc cô ấy còn nhỏ ở xa tôi, nên tôi không có dịp được ru một người nổi tiếng như cô ấy; kể cũng tiếc thật.*"

Trong khi đó, tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, thi sĩ Nguyễn Long Quang, 13 tuổi, mỗi buổi tối trước khi đi ngủ đã có thói quen vô phòng bà ngoại để đọc thơ, đọc văn, cho bà nghe 15 phút rồi chúc bà ngủ ngon.

Nguyễn Long Quang, lúc 8 tuổi (năm 1988) đã đoạt giải thơ *Haiku* do tòa lãnh sự Nhật Bản ở Atlanta, tiểu bang Georgia, đại diện nước Nhật tổ chức một cuộc thi cho 16,000 thí sinh nhi đồng trên toàn nước Mỹ. Sau nhiều đợt chấm, qua các vòng loại, bài thơ của Quang được trao giải nhất. Bài thơ tiếng Anh này được giáo sư Nguyễn Ngọc Bích dịch ra Việt ngữ như sau:

Hươu băng rừng
Trong vắng lặng màn đêm,
Tuyết bắt đầu đổ.

Bà ngoại của thi sĩ Nguyễn Long Quang là nữ sĩ Kim Y Phạm Lệ Oanh.

Cụ Oanh năm nay 82 tuổi, sinh quán tại Hà Đông, tính theo gia phả, cụ Oanh là cháu 21 đời của Nguyễn Trãi. Cụ Oanh thuộc dòng một người vợ lẽ của tiền bối Nguyễn Trãi, đã thoát cuộc tru di tam tộc trong vụ án Thị Lộ. Người vợ lẽ này lúc trốn đã có thai, sau sinh được một người con đổi ra họ Phạm.

Cụ Oanh cũng là thân mẫu của nữ sĩ Trương Anh Thụy. Nữ sĩ cho chúng tôi biết, trong tập "Trường Ca Lời Me Ru" bà đã trích nhiều bài ca dao tục ngữ. Ngay trang đầu của tập thơ, bà đã làm bốn câu thay lời đề tặng:

Nhớ thuở bé những đêm trăng tỏ
Mẹ thường ru con ngủ à ơi,
Giờ đây trăng sáng quê người,
Bồng con lại nhớ những lời mẹ ru.

Nữ sĩ Trương Anh Thụy du học ở Hoa Kỳ từ năm 1961, rồi ở lại luôn, tới năm 1968 thì đón cả hai thân qua đoàn tụ.

(còn tiếp)

D.Đ.H.

LẤY CHỒNG SỚM LÀM GÌ!

Tặng H.M.

"Sao Em lấy chồng sớm làm gì!"
Cho tháng ngày chậm bước chân đi!
Để đường tơ dứt, cung đàn lỡ!
Giọng ca sầu còn ai ướt mi!

Paris này anh không về nữa!
Sông Seine buồn không đợi người sang!
Lá thu vàng chỉ làm nhung nhớ!
Cầu Pont Neuf không còn lang thang!

Paris còn đó trong mơ
Mà người yêu dấu không chờ đợi nhau!

NHỮNG NGƯỜI NÔ LỆ TRONG CHẾ ĐỘ STALIN

Những di tích và những nhân chứng

NGUYỄN ANH TUẤN

Khi chiến tranh thế giới thứ hai vừa vừa kết thúc, trong khi cả loài người hân hoan ăn mừng chiến thắng chủ nghĩa phát xít Đức Ý Nhật, thật không thể ngờ, một chủ nghĩa phát xít khác lại đã hình thành ngay trên đất nước to rộng của Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết. Một nước được cả thế giới tán dương và tỏ lòng khâm phục, bởi những chiến thắng lẫy lừng, từ chiến dịch quật cường Lêningrat, Vongagrat đến chiến dịch Berlin đã đi vào lịch sử thế giới. Máu của quân dân Nga và các nước đồng minh trên thế giới đổ xuống để đem lại chiến thắng vinh quang cho cả loài người, để chôn vùi chủ nghĩa phát xít khát máu xuống bùn đen muôn thuở. Vậy mà, chủ nghĩa phát xít lại tái sinh ngay trên mảnh đất đã bị chúng tắm máu 17 triệu dân Nga. Kẻ đứng đầu của tập đoàn phát xít mới này không phải ai xa lạ, mà chính là Stalin, người tổng chỉ huy Hồng quân Liên Xô trong chiến tranh giữ nước của nhân dân Nga.

Stalin đã cho bắn giết và cho đi đày hàng vạn những chiến sĩ và sĩ quan dũng cảm trong Hồng quân Liên Xô, khi tiếng súng diệt phát xít Đức Ý Nhật vừa ngừng nổ. Những con người đó là những chiến sĩ đã chịu đựng biết bao gian khó trong chiến tranh. Họ đã phải giam mình trong chiến hào dưới băng tuyết với nhiệt độ 40 dưới không độ, dưới hỏa lực áp đảo mạnh của quân Đức. Họ đã không tiếc máu xương đứng vững trong chiến hào và đem lại ngày chiến thắng cho nhân dân Nga và nhân dân toàn thế giới. Thế mà họ đã bị vị tổng tư lệnh của họ bắn bỏ. Người ta đã tìm ra những huyệt chôn người tập thể dưới thời Stalin. Nhiều người đã bị bắt và đi tù không có ngày trở lại.

Ai mà hiểu được vì sao Stalin lại hạ lệnh bắt giam toàn bộ một trường nữ sinh xứ Ukraine và tống họ lên trại tập trung Bắc cực, làm tù khổ sai cho đến hết đời. Cô Galina Skopyuk là một trong số nữ sinh vô tội ấy. Nhiều bạn bè cùng bị bắt với cô đã bỏ xác nơi Siberi xa xôi giá lạnh. Nhưng không hiểu do phép màu nào mà cô vẫn còn sống sót. Galina đã sống 49 năm trong cái mùa đông chín tháng kéo dài trên vùng Bắc cực, chẳng vì tội tình gì cả. Nếu có ai hỏi bà bị bắt vì tội gì thì bà Galina chỉ biết lắc đầu thở dài và mắt đầy ngấn lệ.

Chúng ta không chỉ lên án con người độc tài Stalin, mà phải lên án cả những nguyên thủ quốc gia nước Liên Xô cũ. Vì sao họ lại bỏ quên hàng vạn sinh linh trong bão tuyết, mưa băng vùng Bắc cực mấy chục năm trời. Stalin đã chết lâu rồi, nhưng những con người lương thiện bị đem đi đày ải không được một ai lưu ý tới.

Khi gặp phóng viên James Meek, bà Galina nói: "Lúc nào tôi cũng muốn thoát khỏi nơi này nhưng không sao thoát được."

Mảnh đất hoang vu giá lạnh dùng làm trại tập trung giam giữ những người Nga vô tội trước đây, nay sau mấy chục năm cần cù lao động, những bàn tay tù nhân đã xây dựng nơi đây thành một thành phố nhỏ mang tên Norilsk.

Thành phố Norilsk nằm trên vùng Bắc cực, nơi người ta gọi là *tundra*, một vùng bị đông giá quanh năm. Năm 1935 khi Stalin đầy ải hàng vạn tù chính trị đến nơi đây, nó chỉ là một mảnh đất cằn cỗi hoang vu giá lạnh, với những cái hang sâu, dấu tích những miệng núi lửa. Những tù nhân đến đây để lao động khổ sai đã xây nên thành phố Norilsk. Nếu nhìn vào bản đồ nước Nga hôm nay, bạn có thể hình dung được chặn đường dài từ quê hương những người tù chính trị xứ Ukraine của vùng Hắc Hải đến vùng Siberi Bắc cực xa xôi. Nếu bạn có dịp về Việt Nam hỏi chuyện những nhân công Việt Nam được chính phủ đưa sang Liên Xô làm công nhân xuất khẩu trả nợ cho nước Nga, bạn sẽ được họ kể cho nghe cuộc sống vùng Bắc cực.

"Chúng cháu là thanh niên trai tráng mà không chịu nổi cái rét vùng Siberi. Rét đến mức máu ở trong tai chảy ra, rét đến mức vừa đi tiểu ra thì nó đông thành băng ngay lập tức, rét đến mức thức ăn trở nên rắn như sắt, phải

ninh nấu vất vả mới nhai nổi. Nhiều công nhân Việt Nam không chịu được cuộc sống quá khắc nghiệt nên đã trốn. Nhưng cũng có người yếu sức không trốn nổi và đã bỏ xác nơi băng giá xa xôi ở xứ người."

Trên đây là những lời của một người cháu họ của tôi đã từng sang Liên Xô lao động ở Siberi. Nhưng các bạn nhớ rằng, đó là thời kỳ hiện nay. Và điều kiện sống còn khá hơn, vì dành cho công nhân nước bạn đến lao động. Còn điều kiện dành cho những tù chính trị từ 1935 ra sao, chúng ta có thể nào hình dung được?

Một người đàn bà trong viện bảo tàng Norilsk, Nina Kandrushina, đưa ra một con số như sau: Trong số 350,000 tù chính trị bị đày ải ở trại giam Norilsk từ năm 1935 có 100,000 người đã chết, chủ yếu là bị bắn bỏ, và chết trong lao động khổ sai.

Sau thế chiến thứ hai, trại giam này lại tràn ngập những binh lính và sĩ quan trong Hồng quân Liên Xô. Không hiểu vì tội gì họ bị xích tay giải đến đây. Trong đó có nhiều người bị phát xít Đức bắt làm tù binh, vừa được quân Nga và quân đồng minh giải phóng, thì lại bị nhét vào nhà tù lớn nước Nga. Thật đau lòng thay cho những con người như vậy. Và đến tận hôm nay những con cháu họ sẽ đau xót biết bao, mỗi khi nghĩ đến số phận hẩm hiu của ông cha họ.

Phần đông những chiến binh này là người các nước cộng hòa Baltic, Ukraine, Bielarour và Checchen Kazahk.

Bà Skoryuk, cô gái Ukraine khi bị bắt mới 17 tuổi, nói: "Chúng tôi phải lao động cực nhọc từ bảy giờ sáng đến tám giờ tối, và không có nghỉ ăn trưa. Chúng tôi không có ngày nghỉ nào cả, trừ khi trời quá lạnh, xuống đến 45, 50. Lúc ấy bọn giám thị cũng không thể ra ngoài mà giám sát tù nhân được. Đó là những ngày tù nhân được nghỉ. Chúng tôi chỉ được viết thư về nhà một năm một lần. Nhưng không được nhận ảnh của người thân gửi đến. Do đó chúng tôi cũng không thể hình dung được hình dáng người thân ra sao."

Số tù nhân dồn ép đến nơi này hàng bao nhiêu vạn, và chết bao nhiêu vạn cũng không có tài liệu nào xác minh được. Hiện nay cái thành phố do chính những bàn tay nô lệ tù nhân xây dựng nên trên mảnh đất băng giá, có chừng 250,000 người. Chưa bằng số lượng đợt tù nhân đầu tiên từ 1935 là 350,000 người. Điều đó chứng tỏ, cái mảnh đất quanh năm tuyết đọng này đã chôn vùi hàng mấy trăm ngàn con người. Những người sống sót hôm nay đều không muốn nói đến nguồn gốc xưa kia của họ. Cũng có người thực sự đã quên vì quá già và lú lẫn.

Một ngôi nhà thờ nho nhỏ vừa mới được nhân dân dựng nên trên ngọn dồi Schmidt, nơi ngày xưa vào năm 1947 là mồ chôn tập thể những nạn nhân bị Stalin tàn sát. Gần nơi đó là ba cây thập tự bằng gỗ do ba nước cộng hòa Baltic dựng nên để kỷ niệm những người nước họ đã chết ở nơi này.

Nhưng còn biết bao người chết ở đây không ai biết đến. Họ là ai, là người nước cộng hòa nào, họ có gia đình thân nhân gì không. Tất cả chỉ là một khoảng trắng. Họ đã chết vì làm việc kiệt sức, vì thiếu dinh dưỡng, vì bị đánh đập, bị bắn bỏ. Nếu so với những trại tập trung của Hitler thì tình trạng khắc nghiệt cũng không kém. Nhưng về mặt đạo lý và tinh thần họ còn đau khổ hơn, vì họ bị người ta tròng lên cổ cái thòng lọng có nhãn hiệu "Những tên phản quốc".

Nơi trung tâm của Norilsk ngày nay là khu công nghiệp thành phố. Người ta đang cho xe ủi để cào đất làm mặt bằng cho những cơ sở nhà máy mới. Và người ta cào cuốc, ủi vất đi những nắm xương tàn của tù nhân, nằm không quan quách dưới nền đất cứng. Những chiếc xe lăn nghiền nát những đống xương khô, trong các khu mồ tập thể.

Có những sự kiện nhà nước Liên Xô không ghi vào sổ bảo tàng thành phố, nhưng nó sẽ không bao giờ quên đối với những con người đã từng sống ở đó. Một cuộc bạo động đã nổ ra năm 1953 với 35,000 tù nhân tham gia khởi nghĩa sau cái chết của Stalin. Nhưng cuộc khởi nghĩa đã bị dìm trong biển máu. Những tù nhân nam giới dường như chết hết. Trong trại giam nữ tù nhân số 6, chỉ còn bà Skoryuk là người cuối cùng chịu đầu hàng và sống sót đến ngày nay, để kể lại cho phóng viên James Meek.

Một cuộc nổi dậy khác của trại giam nữ xảy ra ngày bảy tháng Bảy năm đó, bằng hình thức đấu tranh tuyệt thực. Nhưng họ đã nhịn ăn một tuần mà bọn giám thị trại giam vẫn bỏ mặc cho chết đói. Chúng còn cho đào sẵn những huyệt chôn người tập thể để chôn tất cả những ai tham gia đấu tranh. Chẳng đặng đừng, những nữ tù nhân phải xông ra tranh đấu. Lính canh ngục đã đáp lại bằng dùi cui, gạch đá và vòi nước nóng. Ba ngàn nữ tù nhân bị dồn vào một *tundra* đất chết. Nhưng cũng ngay nơi đó đã có những đơn vị quân đội với súng ống và lưỡi lê trong tay chờ đón họ.

Thật không ngờ chủ nghĩa phát xít lại tái sinh ở nơi này, nơi có những cuộc cách mạng làm rung động thế giới cách đây gần 80 năm để giải phóng cho những người nô lệ trong chế độ Nga hoàng. Nhưng chính nơi đây lại mọc lên những trại giam nô lệ mới.■

DÂN KHÔNG CÓ QUYỀN ĐỐI LẬP CHÍNH TRỊ TẠI C.H.X.H.C.N. VIỆT NAM

DƯƠNG THÀNH LỢI

Tương tự như ông Trần văn Lợi ở Hòa Lan (*Bạn Đọc Viết, Thế Kỷ 21*, số 70, Tháng Hai 1995, t.8), tôi thán phục công trình nghiên cứu của Luật sư Trần Thanh Hiệp về quyền đối lập chính trị ở CHXHCN Việt Nam (*Thế Kỷ 21*, số 69, Tháng Giêng 1995, t.22). Tuy vậy, dựa trên lối nghiên cứu pháp lý thuần túy để suy xét luật pháp CHXHCN Việt Nam và công pháp quốc tế hiện nay, tôi cảm thấy khó có thể đồng ý với các kết luận của L.S. Trần.

L.S. Trần quả quyết là trong khuôn khổ luật định của CHXHCN Việt Nam hiện nay, người dân có *căn bản pháp lý (legal basis)* để đối lập chính quyền Cộng sản dựa trên ba (3) cơ sở hiến định, quốc tế và luật định. Theo sự nhận xét thiển cận của tôi trên quan điểm pháp lý thuần túy thì nhân dân Việt Nam không có "căn bản pháp lý" nào để có thể đối lập chính quyền CHXHCN Việt Nam (*ngoại trừ quyền tự nhiên (natural rights) tức là không cần đến pháp quyền (legal rights)*).

Phân tích các cơ sở pháp lý

(A) Trên *cơ sở hiến định*, Hiến Pháp CHXHCN Việt Nam hiện nay vẫn trao cho Đảng Cộng Sản Việt Nam vai trò chỉ đạo duy nhất trong quốc gia, thì bất cứ ai "đối lập" Đảng Cộng Sản Việt Nam đều vi phạm Hiến Pháp CHXHCN Việt Nam.

"Đảng Cộng Sản Việt Nam... là lực lượng lãnh đạo Nhà Nước và xã hội. Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến Pháp và pháp luật." (Điều 4, Chương I - Chế độ chính trị).

"... Quốc Hội, Hội Đồng Nhân Dân và các cơ quan khác của Nhà Nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ." (Điều 6, Chương I - Chế độ chính trị).

Qua Hiến Pháp CHXHCNVN, Đảng Cộng Sản nằm trên tất cả mọi tổ chức quốc gia trong đó có Quốc Hội và Hội Đồng Nhân Dân. Hiến Pháp là luật tối cao trong nước xác quyết vai trò độc tôn của Đảng CSVN, và Đảng chỉ bị bắt buộc "hoạt động trong khuôn khổ Hiến Pháp và pháp luật: tức là tùy tiện chỉ huy cả nước kể cả việc "lãnh đạo" Quốc Hội - cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân (Điều 83) - trong vấn đề lập pháp.

Khi phân tích bất kỳ điều khoản nào trong một bộ luật, người ta thường phải đặt điều khoản đó trong tinh thần các điều khoản khác trong cùng bộ luật hầu tránh sự lạm dụng của điều khoản đó. Vì vậy cho nên khi bàn về quyền đối lập chính trị, chúng ta bắt buộc phải lưu ý đến Chương I của Hiến Pháp CHXHCNVN về chế độ chính trị.

Qua các điều 1 và 4 nêu ra ở trên, các pháp quyền được Quốc Hội CHXHCNVN ban phát cho người dân trong Hiến Pháp như nhân quyền về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, (Điều 50, Chương V - Quyền và Nghĩa vụ Cơ Bản của Công Dân), v.v... thực sự đều bị hạn chế bởi sự xác quyết trong Hiến Pháp về vai trò tối cao của Đảng Cộng Sản VIệt Nam. Các dân quyền này thật sự là những quyền có điều kiện (*qualified rights*); và một trong các điều kiện quan trọng nhất cần phải thỏa mãn trước khi có thể sử dụng các dân quyền này được đưa ra trong Chương V là "công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà Nước và xã hội" (Điều 51). Như đã bàn ở trên, "Nhà Nước và xã hội" bị Đảng Cộng Sản "lãnh đạo" hay kiểm soát hoàn toàn (Điều 1). Song song, "công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến Pháp..." (Điều 79, Chương V) tức là nhân dân Việt Nam phải chấp nhận tuyệt đối sự lãnh đạo của Đảng CSVN, bất kể là Đảng có khả năng lãnh đạo quốc gia hay không.

Tóm lại, Hiến Pháp CHXHCNVN hàm chứa nhiều mâu thuẫn hiện nay, người dân Việt Nam không có pháp quyền để đối lập chính trị với Đảng Cộng Sản Việt Nam - một tổ chức được chính Hiến Pháp CHXHCNVN thần thánh hóa và đưa vào vai trò lãnh đạo tối cao trong nước.

(B) Trên "cơ sở quốc tế" ảnh hưởng của các công ước quốc tế thay đổi tùy theo Hiến Pháp quốc gia. Theo Hiến Pháp Hoa kỳ và của nhiều nước theo Tổng-thống-chế, công pháp quốc tế nếu có khả năng hành pháp (*"self-executing" or treaties express their obligation in sufficient and definite terms*) trở thành luật quốc gia sau khi ký kết (Article 6 - Hiến Pháp Hoa Kỳ).

Hiến Pháp Hoa kỳ bắt buộc Tổng thống phải có sự đồng ý của Thượng Nghị Viện trước khi ký vào bất cứ bản công ước quốc tế nào để tránh việc lạm quyền hành pháp.

Bởi vì không có đòi hỏi này cho nên theo Hiến Pháp Canada và những quốc gia bị ảnh hưởng của Anh quốc (Nghị viện chế), các công ước quốc tế chỉ có giá trị theo công pháp quốc tế nhưng không thể thay thế luật pháp quốc gia, và tòa án quốc gia cũng không thể áp dụng các công ước này (chỉ có Quốc Hội mới có quyền ban hành luật, nếu muốn, để áp dụng các điều khoản của công ước quốc tế).

Khi nghiên cứu Hiến Pháp CHXHCNVN, tôi không thấy có điều khoản nào ghi là công pháp quốc tế trở thành luật pháp CHXHCNVN một khi được ký kết. Tôi cũng không tìm được một bộ luật nào của CHXHCNVN áp dụng các điều khoản của Công Ước Quốc Tế về Dân Quyền và Quyền Chính Trị (*International Covenant on Civil anh Political Rights*) hay của Công Ước Quốc Tế về các Quyền Kinh Tế, Xã Hội va Văn Hóa (*International Convenant on Economic, Social and Cultural Rights*). Vì vậy cho nên tòa án CHXHCNVN không cần phải quan tâm đến "quyền đối lập" của người dân Việt Nam mà chỉ cần thi hành các mệnh lệnh chỉ đạo tối cao của Đảng CSVN.

Song song, theo những công ước trên, Nhà Nước CHXHCNVN có quyền giới hạn các dân quyền quan trọng như tự do ngôn luận, biểu tình, lập đảng phái... khi an ninh quốc gia bị đe dọa (Articles 19, 21,22 - Công Ước Quốc Tế về Dân Quyền và Quyền Chính Trị). Vì thế cho nên ngay cả khi các công ước uốc tế được Nhà Nước CHXHCNVN pháp hóa, người dân Việt Nam cũng không thể bám lấy công ước quốc tế làm "căn bản pháp lý" cho quyền đối lập chính trị bởi vì Nhà Nước dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN có thể khống chế dân quyền bất cứ lúc nào Đảng cảm thấy bị đe dọa chính trị. Quốc Hội dưới sự chỉ đạo của Đảng có thể "... ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương" và "... quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia" (Điều 91, Khoản 10 & Điều 84, Khoản 12, Chương VI - Quốc Hội).

Người dân Việt Nam cũng đừng mong cái gọi là "tóa án quốc tế" xác nhận quyền đối lập của mình. Các quyết định của Ủy Ban Nhân Quyền (*Human Rights Committee*) của Liên Hiệp Quốc không có cơ sở pháp lý để thực hiện trực tiếp trong quốc gia, đặc biệt là trong một quốc gia như CHXHCN Việt Nam vốn không ký vào Hiệp Định Thư Phụ Đính Nhiệm Ý theo Công Ước Quốc Tế về Dân Quyền và Quyền Chính Trị (*Optional Protocol to the International Covenant on Civil and Political Rights*). Áp lực quốc tế phản ảnh các quyết định của "tòa án quốc tế", nếu có, thì cũng rất giới hạn và theo từng mùa cũng như dựa trên quyền lợi quốc gia của các thành viên Liên Hiệp Quốc hơn là quyền lợi của người dân nghèo xứ Việt.

(C) "Cơ sở luật định" không có chỗ đứng trong "căn bản pháp lý" sau phần kết luận về "cơ sở hiến định" bởi vì luật pháp đi ngược với Hiến Pháp trở thành vi hiến và vô hiệu lực:

"Hiến Pháp ... là cơ bản của Nhà Nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến Pháp." (Điều 146, Chương XII - Hiệu Lực của Hiến Pháp và Việc Sửa Đổi Hiến Pháp).

Kết luận

Tóm lại, trên quan điểm pháp lý thuần túy, người dân Việt Nam không có quyền đối lập chính trị với Nhà Nước CHXHCNVN hay Đảng CSVN, dựa trên luật pháp hiện hành của của Quốc Hội CHXHCNVN dưới sự lãnh đạo độc tài của Đảng CSVN. Giới luật gia cũng như các thành phần khác của dân tộc có thể lao đầu vào chính trường để thay đổi luật pháp quốc gia nhưng tuyệt đối không thể giải thích luật pháp theo nhu cầu chính trị.

Một người yêu chuộng tự do luôn luôn mong muốn dân tộc Việt Nam được tự do phát biểu chính kiến và chọn lựa thành phần lãnh đạo tương xứng hầu có khả năng đưa đất nước ra khỏi cảnh lầm than. Ý muốn này phản ảnh hoài bão tự do của nhân loại và luật pháp phải thay đổi để đáp ứng nhu cầu cấp tiến của con người. Để thực hiện ý muốn này, những người yêu nước và có tinh thần cách mạng phải lao đầu vào chính trường và chấp nhận hy sinh để "đối lập" với Đảng CSVN bất chấp luật pháp của đối phương. Đảng CSVN kiểm soát được chính trường Việt Nam cho nên có thể thao túng luật pháp. Người Quốc gia khó có thể dùng luật pháp hiện nay của Đảng CSVN để thay đổi chế độ CHXHCNVN.

Quyền tự do trong đó phản ảnh "quyền đối lập chính trị" không tự tìm đến với bất cứ quốc gia nào mà là kết quả trực tiếp của nỗ lực tranh đấu liên tiếp do nhiều thành phần dân tộc tiến hành. Quyền tự do của người dân được bảo vệ bởi đặc tính dân chủ của các đảng phái chính trị trong quốc gia, truyền thống tôn trọng nhân quyền của hệ thống pháp lý, và sự độc lập của ngành tư pháp chứ không phải sự hiện hữu của một vài bộ luật đầy mỹ từ tự do như Hiến Pháp của CHXHCN Việt Nam.■

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

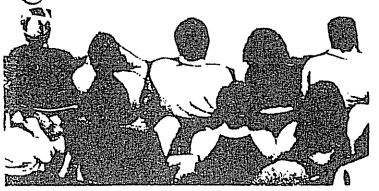

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ và ba tác phẩm của ông tại hải ngoại

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã từ Việt Nam đến Hoa Kỳ (Houston) hôm 20 tháng Hai 1995, và vừa đến Quận Cam để thăm bà con bạn bè vào ngày 15 tháng Ba. Nhân dịp này gia đình ông và nhà xuất bản Văn Nghệ sẽ tổ chức một cuộc họp mặt với thân hữu vào ngày 18 tháng Ba 95 tại hội trường của nhật báo Người Việt. Đây cũng đồng thời là buổi ra mắt ba tác phẩm mới nhất của ông vừa được nhà Văn Nghệ in xong, là các cuốn *Dấu Chân Xóa Cát, Người Vái Tứ Phương và Mình Lại Soi Mình.* Bản thảo các cuốn này đã được nhà văn Doãn Quốc Sỹ chuyển sang Hoa Kỳ bằng một đường dây đặc biệt một thời gian không lâu trước khi ông ra đi. Nhà xuất bản Văn Nghệ đã tức thời lo ngay việc in ấn để kịp đón nhà văn Doãn Quốc Sỹ đến Hoa Kỳ bằng chính các tác phẩm của ông.

Sài Gòn tái bản các sách dịch của Bùi Giáng

Hai mươi năm sau khi Sài Gòn bị cộng sản chiếm đóng, sau khi sách vở của ông bị truy quét, thiêu hủy như bao văn nghệ phẩm khác của miền Nam, bây giờ tất cả các sách dịch của Bùi Giáng đang được nhà xuất bản Văn Nghệ của thành phố Sài Gòn cho tái bản.

Cõi Người Ta của Saint Exupéry qua bản dịch của Bùi Giáng vừa được nhà xuất bản Văn Nghệ tái bản đầu năm 1995. Được biết trong năm nay hàng loạt sách dịch khác của ông như *Hoàng Tử Bé* của Saint Exupéry, *Bạo Chúa Caligula* của Albert Camus, *Khung Cửa Hẹp* của André Gide v.v... cũng sẽ lần lượt được tái bản.

Điêu khắc gia William Snapp nói chuyện tại trụ sở VAALA

Vào chiều Thứ Bảy 18 tháng Hai 1995 Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) đã tổ chức một buổi nói chuyện về điêu khắc tại trụ sở của Hội. Diễn giả là điêu khắc gia William Snapp, 73 tuổi, tốt nghiệp hội họa từ năm 1941, sau đó tự học về điêu khắc, tác giả bức tượng nổi tiếng *Soul* (Linh Hồn) hiện dựng trong công viên Indiana Memorial Union, nói lên khát vọng hòa bình đã có nơi ông từ ngày còn trẻ.

Kinh nghiệm về tư duy, ước mơ và sự kiên nhẫn cho tới lúc tác phẩm hoàn thành và được chấp nhận của William Snapp là một chia sẻ quý báu của nhà điêu khắc người Mỹ đối với các nghệ sĩ Việt Nam có mặt trong cuộc nói chuyện. Các nghệ sĩ tạo hình Việt Nam như Lại Hữu Đức, Trần Văn Lên, Suzie Vương, Nguyễn Tuấn... cùng một số đông người yêu nghệ thuật

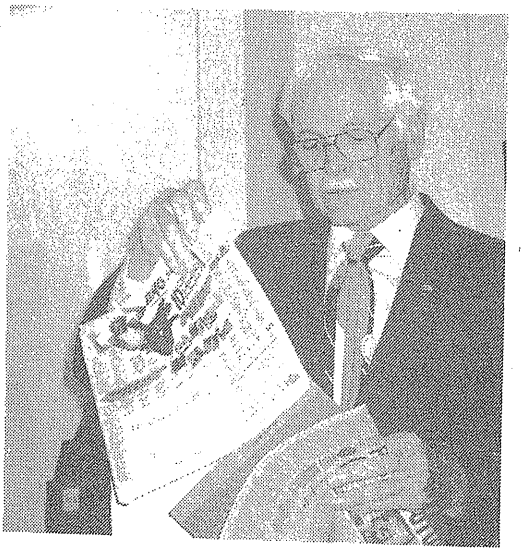

Điêu khắc gia William Snapp

đã đến tham dự. Nhiều câu hỏi về quan niệm sáng tác, kỹ thuật thực hiện và cả phương thức tiếp thị (đem bán trên thị trường) các tác phẩm nghệ thuật đã được nêu lên, ông Snapp cùng một số nghệ sĩ khác góp ý trong phần trả lời.

Đây là một buổi sinh hoạt tổ chức trong khuôn khổ của "Dự Án 20", để thể hiện tinh thần hội nhập văn hóa của người Việt Nam sau 20 năm định cư tại Mỹ.

Đêm nhạc hội "50 năm Khánh Ly"

Nữ ca sĩ nổi tiếng Khánh Ly đã tổ chức một đêm nhạc hội vào 5 tháng Ba 1995 tại vũ trường Majestic, quận Cam, California để đánh dấu năm thứ 50 mình sống trên đời, 35 năm

mình vào nghề ca hát và 20 năm xa quê hương.

Khánh Ly và bạn hữu đã gợi nhớ lại một thời kỷ niệm vừa thơ mộng lẫn đau thương với thuở *Tình Ca Chân Đất, Ca Khúc Da Vàng* cộng với những khúc viết cho đời tị nạn, cho những mảnh đời lưu lạc thăng trầm.

Đây là một lần đánh dấu đầy ý nghĩa, vì Khánh Ly là một ca sĩ lớn của Việt Nam, tiếng hát của chị như một làn sóng tình cảm thấm đẫm tâm hồn người dân Việt từ giữa thập niên 60 cho tới nay, và vẫn còn tiếp tục với một phong độ vững vàng. Ngày nay không những chỉ người Việt hải ngoại nghe chị, mà khắp nơi trên đất nước Việt Nam, từ Nam ra Bắc, nơi đâu mọi người cũng yêu thích tiếng hát Khánh Ly.

Hơn 1,500 người dự lễ Hai Bà Trưng tại Quận Cam

Lễ Hai Bà Trưng năm nay ở Quận Cam đã được hội Ái Hữu Trưng Vương tổ chức vào ngày chủ nhật 5 tháng Ba 1995 tại trường Valley High School. Mặc dù trời mưa tầm tã, hơn 1,500 người đã đến tham dự các chương trình lễ dâng hương hoa, chúc rượu, văn nghệ, hóa trang, trao giải thưởng cho con em học sinh xuất sắc, và nhất là nghi lễ rước kiệu được coi là truyền thống của Hội Ái Hữu Trưng Vương. Trong lễ rước kiệu, mỗi năm có hai em nữ sinh "tài sắc vẹn toàn" mà Hội Trưng Vương coi là tiêu biểu nhất trong năm được chọn đóng vai Trưng Trắc và Trưng Nhị. Đám rước còn gồm gần một trăm em cầm cờ xí, quạt lọng, chiêng trống, lại có thêm ban nhạc bát âm của nhạc sĩ Lữ Liên phụ họa.

Buổi lễ đã gây một tình cảm về lịch sử và văn hóa rất tốt cho đồng bào tị nạn, đặc biệt là giới trẻ tuổi, rất cần hiểu biết về quá khứ của giống nòi.

Nghệ sĩ Việt Hùng kỷ niệm 55 năm cuộc đời nghệ thuật sân khấu cải lương

Nghệ sĩ Việt Hùng, 74 tuổi, đã đến với sân khấu cải lương từ năm 1940, tính đến nay vừa đúng 55 năm. Một số anh chị em văn nghệ sĩ đã tổ chức một cuộc họp mặt kỷ niệm để mừng người nghệ sĩ lão thành, tại Hội Quán Lạc Hồng, Westminster, Quận Cam, vào tối ngày 4 tháng Ba 1995.

Những bó hoa hồng, hàng trăm chữ ký lưu niệm của thân hữu và nghệ sĩ cùng với những giọng hát cải lương quen thuộc, trong đó có tiếng hát của nghệ sĩ Hữu Phước vừa mới từ Pháp sang, đã tạo nên bầu không khí thân ái của tình nghệ sĩ.

Hiện thực và cách điệu trong tác phẩm của Trần Văn Lên

Điêu khắc gia Trần Văn Lên

Trên tường là những bức ảnh trúng giải hoặc được tuyển chọn từ cuộc thi Ảnh Nghệ Thuật do Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam Miền Nam California tổ chức, trên nền nhà, trong căn phòng ấm cúng của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA), là những bức tượng trắng và những phù điêu (tượng đắp nổi) lớn của điêu khắc gia Trần Văn Lên.

Cuộc triển lãm điêu khắc bắt đầu từ ngày thứ Bẩy 18 tháng Hai 1995, với sinh hoạt mở đầu là cuộc nói chuyện của điêu khắc gia người Mỹ, William Snapp, Jr.

Trả lời phỏng vấn, điêu khắc gia họ Trần nói: "Bộ môn điêu khắc trong nền mỹ thuật Việt Nam đã có từ ngày tahnh lập các trường Cao đẳng Mỹ Thuật ở Hà Nội và Gia Định, nhưng vẫn ít nguòi quan tâm tới. Trong khi bộ môn hội họa phát triểm mạnh, với số họa sĩ đông đảo thuộc đủ các trường phái, thì số điêu khắc gia tốt nghiệp quá ít, và hiếm có những cuộc triển lãm thuần túy về điêu khắc."

Ông Lên cũng cho biết, ông chọn ngành điêu khắc ngay từ ngày bước chân vào trường Mỹ Nghệ Thực Hành Biên Hòa. Sau, lên trường Cao đẳng Mỹ Thuật Quốc Gia ở Gia Định, ông vẫn theo học điêu khắc, và theo đuổi ngành này từ khi tốt nghiệp, năm 1965, đến

nay. Đặc biệt, ngay khi còn đang học, vào năm 1963, Trần Văn Lên đã được Hội Phật Giáo Thế Giới giao cho việc thực hiện bức tượng Phật A Di Đà — tượng cao 2 mét 60, bằng đá nhân tạo mầu hồng, đặt tại chùa Bạch Vân, tỉnh Kiến Hòa.

Được biết sáng tác đầu tay của ông, thực hiện năm 1958, là một phù điêu bằng đá nhân tạo, mang tựa đề *Mùa Gặt Lúa*, ghi lại hình ảnh những người nông dân Việt Nam gặt và đập lúa theo lối cổ truyền — gặt bằng liềm, và đập từng lượm lúa trên một mặt cối, với cót hoặc nóp quây chung quanh, ngay trên mặt ruộng. Bức phù điêu này được chọn trưng bày tại phòng Khánh tiết Bộ Quốc Gia Giáo Dục, đường Lê Thánh Tôn, Saigon.

Trần Văn Lên không tạc trực tiếp các tác phẩm của ông trên đá hay gỗ, mà ông nắn mô hình bằng đất trước, sau đó đổ khuôn bằng thạch cao, rồi dùng đá nhân tạo — tức bột đá trộn với xi-măng — đổ vào khuôn, và sau đó trau chuốt lại.

Nhiều tác phẩm, ông để nguyên lớp thạch cao trắng; nhưng cũng có những bức tượng hoặc những tấm phù điêu được ông dùng sơn và nhũ phủ lên như teng đồng của cổ vật. Những tác phẩm diễn tả những biến cố hoặc nhân vật lịch sử, hay những bức ghi lại hoạt cảnh đời sống con người Việt Nam, ông dùng thủ pháp này.

Tác phẩm của Trần Văn Lên phần lớn theo trường phái cổ điển. Nhưng ngay từ thời gian đầu bước vào ngành điêu khắc, ông đã mạnh dạn "cách điệu" đường nét và hình thể, tạo thành những bức tượng hoặc những phù điêu mang phong cách hiện đại, tượng trưng.

Cuộc triển lãm tượng và phù điêu của Trần Văn Lên, tại phòng triển lãm VAALA, do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ, trong khuôn khổ "Dự Án 20" để kỷ niệm 20 năm người Việt định cư tại Mỹ. Trần Văn Lên có lẽ là người thuộc lớp di cư muộn nhất trong cộng đồng Việt ở quận Cam. Ông mang đến cho vùng đất này một nét đẹp văn hóa, vừa phổ quát vừa đặc thù, để đóng góp vào việc làm đẹp cho đất nước đa chủng và đa văn hóa này. Một trong những dự án lớn của ông, có trưng bày trong cuộc triển lãm tại VAALA, là đồ án "đài tưởng niệm Vua Hùng."

Được hỏi về đồ án này, ông Trần Văn Lên cho biết "đây là một tác phẩm điêu khắc, mà cũng là một công trình kiến trúc quy mô, được sáng tạo theo đường nét hiện đại, có thể nhìn thấy hình dáng và vẻ đẹp từ nhiều phía." Chỉ vào hình họa đồ treo trên tường, ông Lên giải thích: "Biểu tượng đài được cách điệu hình dáng con chim Lạc. Theo truyền thuyết, chim Lạc là vật tổ linh thiêng của dân tộc Việt, được ghi khắc trên trống đồng cổ xưa. Trên đôi cánh chim là những phù điêu ghi lại hình ảnh gần 5,000 năm dựng nước, với những trang lịch sử lẫy lừng của những Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v..."

Những tổ chức trong cộng đồng muốn vận động xây dựng tượng đài, đền thờ, hoặc công viên Hùng Vương, cũng như những cá nhân muốn bảo trợ, đóng góp cho việc dựng tượng đài, xin liên lạc với điêu khắc gia Trần Văn Lên, qua Hội VAALA (714) 537-8352, hoặc tại nhà (714) 895-7205.

Dàn nhạc hòa tấu thiếu niên Việt Nam ra mắt

"Đây là lần đầu tiên, không những tại miền Nam California, mà có thể nói tại hải ngoại, sau 20 năm người Việt định cư ở những vùng đất mới, chúng ta có được một ban nhạc hòa tấu thiếu niên." Nhạc sĩ dương cầm Nguyễn Mỹ Lệ, giám đốc trường nhạc Westminster Music School, cũng là thành viên sáng lập và điều hành của Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ, phát biểu mở đầu cho buổi trình diễn của Dàn Nhạc Hòa Tấu Thiếu Niên Việt Nam.

Buổi trình diễn được tổ chức vào hồi 5 giờ chiều Chủ Nhật 26 tháng Hai 1995, tại Phòng Sinh Hoạt nhật báo *Người Việt*, trên đường Moran, thị xã Westminster, California.

Cô Nguyễn Mỹ Lệ tường trình khái quát về tiến trình hình thành của Dàn Nhạc Thiếu Niên, do sáng kiến của một số ca, nhạc sĩ chuyên nghiệp hoặc tài tử, những người yêu nhạc, và các phụ huynh có con em học nhạc ở trường công hoặc ở các lớp tư. Sáng kiến này, đúng ra, là một sự nối tiếp việc thành lập một dàn nhạc hòa tấu "người lớn" mà cách đây không lâu đã có dịp ra mắt người thưởng ngoạn: Dàn nhạc của Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ (viết tắt là VAP theo tên tiếng Anh là *Vietnamese-American Philharmonic*), trong buổi trình tấu tưởng niệm cố nhạc sư Đỗ Thế Phiệt, tại Ebell Theatre, Santa Ana.

Một số nhạc sĩ trong VAP đang là giáo sư âm nhạc của các lớp thuộc các trường trung hoặc đại học Mỹ, hoặc các lớp tư do chính quý vị đó lập ra, có những học trò gốc Việt. Những em này trở thành nòng cốt cho tổ chức mới thành hình: Dàn Nhạc Hòa Tấu Thiếu Niên Việt Nam.

Cô Nguyễn Mỹ Lệ kêu gọi cộng đồng giúp đỡ thêm nữa, để chúng ta có một dàn nhạc thiếu niên hôm nay, và sẽ có một dàn nhạc Việt Nam Hải Ngoại nay mai.

Khi nhạc trưởng Vũ Tôn Bình bước lên bục điều khiển, trong tiếng vỗ tay nồng nhiệt của gần 200 khán thính giả ngồi kín các dãy ghế

của Phòng Sinh Hoạt, đồng hồ chỉ đúng 5 giờ chiều. Ông Nguyễn Đức Tuân, một phụ huynh có cháu tham gia trình diễn, sau đó, nói với nhà báo rằng: "Việc bắt đầu đúng giờ trong buổi hôm nay thật vô cùng quan trọng, vì đó là bài học đầu tiên con em chúng ta cần học, chứ không phải chỉ chơi đàn hay là đủ."

Ba mươi em, tuổi từ 10 đến 17 (được tăng cường một vài nhạc sĩ người lớn) trong đồng phục áo trắng, quần hoặc dúyp đen, vẻ mặt hơi căng thẳng, có chút bẽn lẽn, nhưng nghiêm cẩn và đồng đều, tuyệt đối theo lệnh nhạc trưởng. Bản *Rigaudon in Golden Style* của Edward Grieg cất lên, mở đầu cho một chương trình trình tấu dài 1 giờ 20 phút, với 16 bản nhạc của các nhà soạn nhạc lừng lẫy như Mozart, Jarre, Brahms, Chopin, Menken, Handel và Phạm Duy.

Dàn Nhạc Thiếu Niên đã chơi ba bản mở đầu và ba bản kết thúc chương trình. Ở giữa là những màn độc tấu dương cầm (của Ann Hoàng, Jenny Hà), song tấu hắc tiêu, hoặc sáo, và hạc cầm (của Ann Mai, Nguyễn Bảo Anh, Vincent Phạm, Sandra Han Vũ, Vũ Thiên Trang, Vũ Thiên Y). Tiếng vĩ cầm điêu luyện của Vũ Thiên Y và tiếng hạc cầm thánh thót của Vũ Thiên Trang tạo những ấn tượng mạnh nơi người nghe; nhưng người ta không ngạc nhiên khi biết rằng hai anh em họ Vũ này là con của nhạc trưởng Vũ Tôn Bình.

Nhạc trưởng Vũ Tôn Bình, tốt nghiệp cao học và tiến sĩ nhạc học tại California, đã nói với cử tọa, sau phần đầu của chương trình: "Xin quý phụ huynh hãy khuyến khích các con em mình chơi nhạc bằng cách sẵn sàng lắng nghe các em đàn ở nhà." Ông tiết lộ rằng ông vẫn thường nói với con gái "đàn đi ru bố ngủ." Nhưng thực ra, mỗi lần con ông đàn ông đều lắng nghe và cảm thấy lâng lâng.

Nhận xét về con số các em tham gia Dàn Nhạc, nhạc trưởng họ Vũ nói: "Theo ước tính thông thường, thì trong số 30 em có mặt hôm nay, trong vài năm tới, sẽ chỉ có 10 em tiếp tục chơi nhạc. Trong số 10 em đó sẽ chỉ có năm em chọn nhạc làm môn học chính. Nhưng 90 phần trăm các em chơi nhạc sẽ thành công trong bất cứ ngành nào trong đời sống."

"Đặc biệt, nếu các em chơi trong một dàn nhạc hòa tấu, các em sẽ đạt được bốn yếu tố quan trọng cho đời sống: một là cách sống hòa hợp, hòa thuận với người khác, hai là tập một phong cách riêng, một nghệ thuật sống có cá tính, ba là làm việc có kế hoạch, và bốn là kỹ thuật trình bày bất cứ vấn đề gì một cách hấp dẫn." Nhạc trưởng Vũ Tôn Bình nói với các phụ huynh để quý vị này cho con em tham gia dàn nhạc.

"Chúng tôi đang vận động để gây quỹ học bổng cho các em." Ông Vũ Duy Hiển, một bác sĩ y khoa, cũng là một người say mê âm nhạc hiện đang hát trong Ca đoàn Ngàn Khơi, nhân danh Hội VAP nói với cử tọa, để chứng minh rằng có thể vượt qua một số những trở ngại để đưa con em vào chơi trong dàn nhạc. Ông Hiển kêu gọi sự đóng góp của mọi người, vì ông biết quả thật có một số em thuộc các gia đình có thu nhập yếu, nhưng rất thích âm nhạc và có nhiều tiềm năng cống hiến cho cộng đồng. Ông nói: "Ngay như buổi trình diễn hôm nay, có em không có nhạc cụ, phải đi mượn hay đi thuê."

Ngoài việc cho tiền để con em mua nhạc cụ, đóng tiền học, như lời nhạc trưởng Vũ Tôn Bình cho thấy, các phụ huynh còn phải nâng đỡ tinh thần các em bằng cách khuyến khích, theo dõi việc tập dượt ở nhà, cho các em đi nghe những buổi trình tấu của những ban nhạc Mỹ ở ngay nơi mình cư ngụ (giá vé thường rất rẻ).

Trong cuộc phỏng vấn chớp nhoáng trước giờ trình diễn, dành cho nhà báo, ông Vũ Duy Hiển cho biết "lập một dàn nhạc thiếu niên và tập cho các em trình diễn được là cả một công trình cần nhiều kiên nhẫn, nhưng nhìn về tương lai thấy rất hứa hẹn, chúng tôi rất vui."

"Phần lớn các em là học sinh có học nhạc ở trường, nhưng tập cho các em chơi chung thì phải bỏ thì giờ nhiều. Mới bắt đầu từ tháng Chín năm 1994, Dàn Nhạc Hòa Tấu Thiếu Niên hiện học chung mỗi tuần một buổi tại trường nhạc của cô Mỹ Lệ, dưới sự hướng dẫn hoàn toàn tình nguyện, không có thù lao, của các nhạc sĩ Vũ Tôn Bình, Ngô Nhật Long, Nguyễn Khánh Hồng, Mộng Thủy và một số phụ giáo của trường Westminster Music School."

Trả lời câu hỏi về loại nhạc mà các em chơi trong lúc tập cũng như trình diễn, ông Vũ Duy Hiển cho biết: "Cả nhạc cổ điển Tây phương lẫn nhạc mới Việt Nam. Thí dụ trong chương trình hôm nay có bài *Giọt Mưa Trên Lá* của Phạm Duy, do Ngô Nhật Long soạn hòa âm."

Cô Mỹ Lệ cho biết rằng buổi trình diễn chính thức của dàn nhạc này để ra mắt cộng đồng sẽ tổ chức vào đầu tháng Bẩy tới đây. Cô nói: "Hôm nay chỉ là buổi trình diễn cuối khóa, có tính cách tổng dượt mà thôi."

Nhà văn Trần Diệu Hằng nói với nhà báo sau khi chương trình chấm dứt: "Tôi đưa các cháu đi nghe để chúng nó ủng hộ tinh thần bạn chúng nó chơi trong dàn nhạc." Được hỏi có cho các cháu tham gia dàn nhạc không, nhà văn nói: "Có chứ. Sẽ thuyết phục các cháu. Tụi nó còn mắc cỡ, nhưng phải tham gia chứ. Việc thành lập Dàn Nhạc Thiếu Niên này rất có ý nghĩa và đáng hỗ trợ."

Liên lạc với VAP (714) 531-9700.■

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

Hơn Nửa Đời Hư, hồi ký của *Vương Hồng Sển*, Khánh Trường trình bày bìa với một bức ảnh của tác giả do Lê Phương Chi chụp, Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 640 trang, giá 20 Mỹ Kim (ngoài nước Mỹ thêm 3 Mỹ Kim). Liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683; hoặc 10881 Oak St, Stanton, CA 90680. Tel (714) 527-5761.

Suốt hơn 600 trang sách, Vương Hồng Sển kể lại chuyện đời mình từ lúc ra đời năm 1902 tại Sốc Trăng cho đến năm 1967 là năm thôi dạy Đại Học Huế. Với một văn phong đặc biệt miền Nam, gần như văn nói của Lục Tỉnh, tác giả đưa người đọc về với tỉnh Sốc Trăng những năm đầu thế kỷ, trường Chasseloup Laubat ở thập niên 10, việc đi làm công chức và thế giới quan trường thời Pháp thuộc, rồi biến cố 1945, rồi tổng thống Ngô Đình Diệm, thú chơi đồ cổ ngoạn... việc gì có liên quan đến mình tác giả đều viết một cách tỉ mỉ, chi tiết, vì tác giả có một ưu điểm lớn ít ai có được, ấy là *sưu tầm*. Từ trẻ tuổi ông đã có thói quen ghi chép nhật ký và lưu giữ tất cả tài liệu nào mình có được, thêm đức tính cẩn thận của một người trong ngành khảo cổ và bản tính phóng khoáng ưa đùa cợt, sách của Vương Hồng Sển chứa đầy ắp sự kiện và tư liệu nhưng lại rất hấp dẫn, đọc dễ "sa đà". Về người và việc, tác giả có lối quan sát đặc biệt, không giống như nhà văn mà cũng không giống nhà khoa học, có cái tò mò kỹ lưỡng của một tay chuyên mua đồ cổ, nhưng luôn luôn có thêm một nụ cười hóm hỉnh hiền lành.

Ngay tựa của sách, **Hơn Nửa Đời Hư**, cũng nói lên tính ưa cười cợt và khinh khoát của tác giả. Tự cho mình là "hư" cũng đúng một phần với bản chất "ham vui" của mình, nhưng cái tác giả muốn gởi gắm có lẽ là thái độ ưa tự do phóng dật của mình đối với cuộc sống, "hư" là vì không theo lề thói danh lợi thông thường của người đời.

Tuy chỉ kể chuyện đời ông cho đến năm 1967, tác giả hoàn tất thiên hồi ký này vào năm 1978, và xem lại lần chót trước khi đưa xuất bản vào năm 1992, năm ông tròn 90 tuổi. Bản in **Hơn Nửa Đời Hư** trong nước đã bị chế độ kiểm duyệt bỏ khoảng 100 trang, một nhà xuất bản ở Hoa Kỳ vội vã chụp in lại bản ấy, dĩ nhiên cũng ở tình trạng bất túc như thế. Riêng bản của nhà Văn Nghệ in lần này, sau khi nhận bản thảo đầy đủ và giấy ủy quyền của tác giả, là một bản hoàn hảo, độc giả có thể yên tâm theo dõi đủ 65 năm sống của tác giả để xem ông... hư đến mức độ nào.

Trung Luận của **Long Thọ** (Nàgàrjuna), **Thượng Tọa Thích Viên Lý** dịch, Phạm Công Thiện viết lời giới thiệu, Đinh Cường vẽ bìa. Sách dày 280 trang, kể cả hai phụ bản chữ Phạn và chữ Hán, giá 14 Mỹ Kim, do Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới tại California xuất bản. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Long Thọ (Nàgàrjuna) là một vị Tổ Sư của Phật Giáo xuất hiện vào khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch, viết **Trung Luận** gồm 27 phẩm, giảng luận những vấn đề căn bản của đạo Phật. Thượng Tọa Thích Viên Lý dịch **Trung Luận** qua bản dịch chữ Hán của Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập. Sau đây là vài nhận xét của Phạm Công Thiện:

Không phải chỉ giỏi chữ Hán là có thể dịch nổi Trung Luận của Long Thọ, cũng không phải chỉ giỏi Phật học là dịch được Trung Luận. Biết bao nhiêu vị học giả uyên bác về Hán học và Phật học phải đành cảm thấy bất lực khi muốn dịch Trung Luận ra chữ Việt. Thế mà Thượng Tọa Thích Viên Lý đã làm được điều ít ai làm được; bản dịch của Thượng Tọa chẳng những là bản dịch chính xác nhất hiện nay mà đồng thời cũng là một trong vài ba công trình vĩ đại nhất của nền Phật học Việt Nam ở quê hương và hải ngoại, chẳng những đối với hiện thời mà đối với ngàn năm sau nữa, cho đến lúc nào Phật Giáo vẫn còn hưng thịnh ở quê cha đất tổ...

Bóng Thiên Đường, truyện dài của **Trần Long Hồ**, bìa và phụ bản của Đinh Cường, Minh Văn xuất bản. Sách dày 276 trang, (không kể 26 trang quảng cáo ở cuối sách), giá bán US$15.00 tại Hoa Kỳ, US$17.00 ngoài Hoa Kỳ. Liên lạc: Nhà xuất bản Minh Văn, P.O.Box 647 Oakton, VA 22124, USA. Tel (703) 560-0390. Fax (703)204-9239.

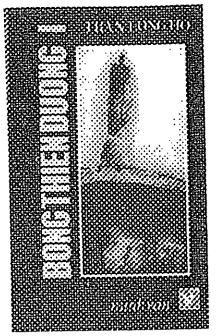

Theo tác giả, **Bóng Thiên Đường** là quyển thứ ba trong bộ trường thiên *Dung Thân*, tiếp theo quyển một, *Cõi Sa Mù* và quyển hai, *Cửa Địa Ngục*. Quyển **Bóng Thiên Đường** gồm ba phần, phần một là cuốn chúng tôi đang giới thiệu hôm nay được đọc nối theo cuốn *Cõi Sa Mù* đã xuất bản trước đây.

Khung cảnh câu chuyện là một bệnh viện thuộc xã Vị Thanh (tỉnh lỵ Chương Thiện cũ), vào khoảng năm 1980 - 81, với những màn đấu đá nhau, hãm hại nhau của các phe phái đám đảng viên thuộc đảng ủy của bệnh viện. Tác giả đã tạo ra một câu chuyện hấp dẫn, kể cả những màn tội ác đen tối mà phe đảng ủy đã ra tay để tiêu diệt những kẻ chống lại chúng.

"Bóng Thiên Đường chỉ muốn nói lên phần nào những cảnh ngộ đau lòng trong một đất nước phân ly và một xã hội hỗn mang mà tình người đã sớm thui chột. Một nơi mà đời sống không thể tạo nổi một niềm tin nào và con người cũng chẳng còn chỗ dung thân trên quê hương của chính mình." Đó là những lời của chính tác giả đã viết về tác phẩm của mình.

Âm Bản, tập truyện ngắn của **Ngô Nguyên Dũng**, bìa và phụ bản của Đinh Cường, Minh Văn xuất bản. Sách gồm 10 truyện, chiếm 204 trang trong tổng số 222 trang của toàn cuốn sách. (Gần 20 trang còn lại, giống như cuốn Bóng Thiên Đường ở trên, là phần quảng cáo, giới thiệu các sách khác của nhà xuất bản, kể cả một trang không dính dáng gì đến chữ nghĩa là quảng cáo một... phòng mạch bác sĩ chuyên trị bệnh nội thương. Một hình thức khá lạ mắt đối với một tác phẩm văn học). Giá bán tại Hoa Kỳ US$11.00, ngoài Hoa Kỳ US$13.00. Địa chỉ liên lạc như ở quyển Bóng Thiên Đường.

Ngô Nguyên Dũng đi du học và định cư ở (Tây) Đức từ năm 1970, đã xuất bản nhiều sách. Những truyện trong tập **Âm Bản** phản ảnh đời sống của người Việt Nam tại Đức, từ những người qua đã lâu có cuộc sống ổn định, đến những người vượt biên, rồi đến những người từ Đông Âu tràn sang... Tác giả đã đến với tất cả với một tấm lòng và một cái nhìn đầy trách nhiệm, chiết xuất một ít mảnh đời, một vài tình huống đây đó vào truyện ngắn của mình. Riêng truyện Âm Bản, vẫn trong cảnh sống của người Việt tại Đức, tác giả đã suy nghĩ về vai trò của người cầm bút: người viết văn là *âm bản* của dương bản là tác phẩm của mình.

Muông Cầm Trại, bản dịch mới cuốn "Animal Farm" của **George Orwell.** Dịch giả **Hà Minh Thọ**, Diễn Đàn xuất bản, Praha, Tiệp Khắc.

Đây có lẽ là bản dịch thứ ba ra tiếng Việt của tác phẩm nổi danh Animal Farm. Năm 1955 ở Sài Gòn đã có một bản dịch do Sở Thông Tin Hoa Kỳ tại đây xuất bản. Gần đây ở Toronto, dịch giả Đỗ Khánh Hoan ấn hành bản thứ hai. Ít nhất đây là lần thứ ba, chứng tỏ ai đọc cuốn sách này cũng muốn giới thiệu với bạn bè, bà con, một tuyệt tác!

Đặc điểm của bản dịch này là dịch giả đã sống ở miền Bắc Việt Nam nhiều năm, ông dùng ngôn từ rất đặc biệt lối miền Bắc, ông chú ý đến các văn bản khác nhau của Orwell và tìm tới bản gốc. Ai đã đọc rồi cũng nên tìm cuốn sách này đọc lại. Ai đã sống dưới chế độ Cộng Sản càng thấy thâm ý của Orwell. Từ năm 1945 ông đã mô tả xã hội Cộng Sản một cách tài tình, với nhiều dự phóng bây giờ đã được nhận ra là khá chính xác qua chuyện ngụ ngôn của một trại chăn nuôi. Các muông, cầm trong trại làm cách mạng, cướp chính quyền. Các đồng chí heo đứng ra lãnh đạo, cai quản nhà nước cách mạng. Óc hài hước rất Anh Cát Lợi, có một không hai!

Tâm Khúc Lưu Vong, tuyển tập thơ của **Ngô Đức Diễm**, Phục Hưng xuất bản 1994, dày 160 trang, giá $10.00. Liên lạc: Vương Thị Thìn, 2138 Treewood Lane, San Jose, CA 95132.

Độc giả sẽ không ngỡ ngàng khi đọc những dòng thơ đầy khẩu khí đấu tranh chống cộng trong **Tâm Khúc Lưu Vong**, khi biết rằng tác giả Ngô Đức Diễm cũng chính là nhà tranh đấu cho nhân quyền có bí danh Ngô

Quốc sĩ.

Vốn là giáo sư Triết ở các trường trung học Nha Trang, Việt Nam, Ngô Đức Diễm làm thơ đã lâu, và thơ ông rất bình dị, thật thà như nói - mỗi bài thơ là một cuộc nói chuyện, với một người, một biến cố, hoặc một thành phố, một quảng trường.

Nhà thơ họ Ngô đi nhiều, đọc nhiều, nên các địa danh và các nhân vật thời sự hàng hàng lớp lớp xuất hiện trong thơ ông. Ông thoải mái, và có vẻ thành công hơn, trong những đoạn thơ tự do - không cần hợp vận, nhưng giầu nhạc tính. (LTC)

Xuân Và Tuổi Trẻ, CD và băng cassette nhạc do **Hoàng Vân** thực hiện, hòa âm: Lê Văn Thiện, Lê Ngọc Chân, Steve King, Bảo Chấn, với sự cộng tác của các giọng hát: Ánh Hiền, Hoàng Vân, Minh Luân, Hà Thanh, Khôi Nguyên, Cao Nhã, John Baldwin, Võ Đình Tuyết, Khánh Vân. Liên lạc: Hoàng Vân, điện thoại (203) 523-8472.

Đĩa nhạc gồm nhiều bài nổi tiếng quen thuộc như Xuân Và Tuổi Trẻ của La Hối, Người Đi Qua Đời Tôi của Phạm Đình Chương, Mắt Biếc của Ngô Thụy Miên, Nắng Chiều của Lê Trọng Nguyễn, Dạ Khúc của Schubert, Đêm Đông của Nguyễn Văn Thương v.v... được trình bày một cách nghiêm chỉnh trong phần hòa âm, nhạc đệm cũng như giọng hát.

Đây là cố gắng của một số anh em nghệ sĩ ở vùng Boston - Connecticut, qui tụ những tài năng tại địa phương và vùng lân cận thuộc miền Đông Hoa Kỳ để thể hiện những công trình văn nghệ của riêng mình.

Về một vài cuốn sách đã và sẽ xuất bản

LTS. Chúng tôi mời bạn đọc chia sẻ một số tiếng vang về một vài cuốn sách mới hoặc sắp xuất bản, mà tòa soạn nhận được trong thời gian gần đây.

Na Uy Và Tôi của Nguyễn Thị Vinh, do nhà xuất bản Anh Em phát hành tại Na Uy, Dương Khoa dịch ra tiếng Na Uy, đã được nữ phê bình gia người Na Uy Elin Brodin, nổi tiếng về ngòi bút khắt khe và chính xác, viết bài phê bình đăng trên nhật báo lớn nhất tại Na Uy, tờ *Aftenposten*, ngày 11 tháng Mười 1994. Một đoạn trích dịch bài báo đó như sau:

(...)*Tập truyện đã biểu thị tài năng đáng chú ý và nghị lực của nhà văn nhìn vào phần trong sáng của mỗi sự việc.*

Điều mà với phần đông người ta cho là trở ngại, thì đối với bà Nguyễn Thị Vinh là thử thách. Những gì một người Na Uy bình thường muốn phản ứng với sự cay đắng thì Nguyễn Thị Vinh xem như cơ hội để phát triển.

Hẳn nhiên Nguyễn Thị Vinh là người có cá tính đặc biệt, trong khi thái độ mẫu mực, tối quan trọng của bà xem ra bắt nguồn từ một nền văn hóa cổ xưa, phong phú và cao cấp, mà bà đã được sinh ra ở trong đó.

Những người Tây Phương có thể học hỏi nhiều điều: sự cởi mở, thiện chí đóng góp, tính kiên nhẫn, tự kiểm và lễ độ.

...Nguyễn Thị Vinh, với cá tính cố hữu của bà, đã thường nói về ý tưởng biết ơn đất nước Na Uy. Nhưng chưa chắc là đã như thế; chính chúng ta phải cảm ơn bà.

Tóm lại Na Uy và Tôi là một tác phẩm thuần túy văn chương với nguồn kiến thức vô giá. Một sự đóng góp tuyệt vời vào công việc làm sụp đổ những rào cản giả tạo. Một nhịp cầu giữa các quốc gia."

(Nguyễn Hữu Nhật dịch)

Bóng Sắc Giai Nhân Trên Đường Bắc Tiến và Nam Tiến của **Lệ Vân**, Tiếng Sông Hương xuất bản, sắp phát hành.

Nhà văn Nguyên Hương nhận xét như sau:

Trái với quan niệm thông thường "đọc sử khô khan", với tác phẩm Bóng Sắc Giai Nhân Trên Đường Bắc Tiến và Nam Tiến, *từ những sự kiện, nhân vật xa xưa, Lệ Vân đã hồi sinh lại quá khứ, như gần như xa, dĩ vãng mà hiện tại, độc giả có thể thích thú đọc luôn một hơi không nghỉ. Đó đây những rung động nhẹ nhàng, lôi cuốn hấp dẫn người đọc chẳng khác nào đọc tiểu thuyết hay truyện giải trí.*

Theo dấu chân các liệt nữ anh thư từ Lĩnh Nam - Bách Việt với Hai Bà lần đến kinh đô Oudong với công nương Ngọc Vạn như một chuỗi dài bất tận, người đọc có cảm tưởng lịch sử là một giấc mơ, giấc mơ từ quá khứ đang hiển hiện với những suy tư xao động thầm lặng như một thực tại nhân sinh (réalité humaine).

...Hình như tác giả Bóng Sắc Giai Nhân Trên Đường Bắc Tiến và Nam Tiến *muốn dẫn đưa người đọc suy nghĩ thêm về quan niệm của phụ nữ Việt Nam đối với vai trò của mình trong xã hội. Không đòi hỏi ồn ào nữ quyền nhưng vẫn không quên nữ quyền, người phụ nữ Việt Nam ngày xưa luôn luôn hành xử nữ quyền ấy một cách tự nhiên trong mục đích cao cả, đúng lúc và đúng cảnh ngộ.* ■

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

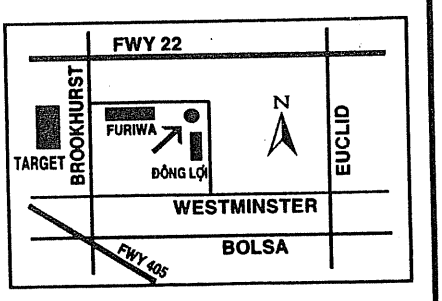

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

THE KY 21

OFFICE: 11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510. Fax: (714) 638-1944

ADVERTISING RATES

I. COVER (full color):

- Back cover:.....$640.00
- Inside (front/back):.....$520.00

II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page.....$460.00

† (Less than 1 page size: not available).

III. INSIDE (black and white):

- 1 page:.....$200.00
- 1/2 page:.....$110.00
- 1/4 page:.....$60.00
- 1/8 page:.....$40.00

† Add-on color (red/blue) any size:.....$40.00

DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings.
- 10% for 8 runnings.
- 20% for 12 runnings.
- 25% for paying in advance.

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO

Thế Kỷ 21

□ Xin gửi ngay cho tôi tạp chí THẾ KỶ 21, kể từ số.....
Tôi kèm theo đây số tiền $US40.00 (trong nước Mỹ, *bulk rate; hoặc $52.00 first class*); US$58.00 (Canada); $76.00 (Âu châu); $86.00 (Úc/Á châu) một năm (12 số báo), trong đó đã tính cả cước phí. Xin trả bằng ngân phiếu / lệnh phiếu Mỹ kim.

Họ tên:.....
Địa chỉ:.....
.....

THẾ KỶ 21: 11022 Acacia Pkwy #A, Garden Grove CA 92640 USA •(714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

PROJECT 20 1975 - 1995

VIETNAMESE AMERICANS
AFTER TWENTY YEARS
DỰ ÁN 20: NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT SAU HAI MƯƠI NĂM

LỊCH SINH HOẠT 1995
TẠI ORANGE COUNTY

THÁNG GIÊNG
Ngày 7: Lúc 10 giờ 30 sáng, tại VAALA 11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92640. Ban Giám khảo cuộc thi Ảnh Nghệ thuật chấm và chọn ảnh. Cuộc thi do Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam Miền Nam Cali (gọi tắt THSV Nam Cali), phối hợp với Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, tổ chức.
Ngày 28 và 29: — Triển lãm ảnh (của cuộc thi) tại Hội Chợ Tết THSV, tại trường Đại học Golden West.
— Chính thức phát động các sinh hoạt của Dự Án 20.

THÁNG HAI
Ngày 4 tới 25: Tại VAALA, triển lãm ảnh (của cuộc thi nói trên).
Ngày 18: Lúc 3 giờ chiều, tại VAALA, trưng bày và thảo luận về điêu khắc — với điêu khắc gia William Snapp và một số nghệ sĩ tạo hình Việt Nam...
Ngày 26: Lúc 3 giờ, tại VAALA, hội luận văn học — tiếp tục các cuộc hội luận về "Nhìn lại 20 năm văn học Việt Nam hải ngoại," do các tạp chí *Văn Học* và *Thế Kỷ 21* tổ chức. Chuyên đề: "Xuất bản sách tại hải ngoại."

THÁNG BA
Ngày 4: Lúc 10 giờ sáng, tại VAALA, khai mạc Triển lãm "Tranh lụa Việt Nam."
Ngày 10: Lúc 7 giờ tối, tại Titan Pavillion, Viện Đại học Cal State Fullerton (CSUF), trình diễn văn nghệ, do Hội Sinh Viên Việt Nam tại CSUF và Dự Án 20 tổ chức.
Ngày 17:
9 giờ sáng: Khai mạc Hội luận "Người Việt tại Orange County" — trong khuôn khổ một loạt các cuộc hội luận "nhìn lại 20 năm." Nói tiếng Anh. Tại CSUF.
1 giờ chiều: Khai mạc Triển lãm ảnh báo chí "Đời sống người Việt tị nạn tại Orange County." CSUF, một số báo Việt và Mỹ, phối hợp tổ chức.
5 giờ 30 chiều: Khai mạc Triển lãm Văn hóa Việt Nam (trong đó có phần trưng bầy các "kỷ vật trong tù" của các cựu tù nhân chính trị Việt Nam). Tại Viện Bảo tàng Nhân chủng, CSUF.
Ngày 31:
9 giờ sáng: Hội luận "Văn hóa Đông Dương và Truyền thông Mỹ." Trường Truyền thông, Đại học CSUF và VAALA tổ chức. Tại trường Truyền thông, CSUF.
5 giờ chiều: Khai mạc triển lãm hội họa đương đại tại CSUF Art Gallery.

THÁNG TƯ
Ngày 13: Trình diễn dân ca và nhạc cổ truyền Việt Nam, do Nguyễn Thuyết Phong và DỰ ÁN 20 TỔ CHỨC. (Địa điểm thông báo sau).
Ngày 15 (đến 15 tháng Năm): Triển lãm bỏ túi tại Thư viện Đại học UCI.

THÁNG NĂM
Ngày 6: Pendleton 20 năm sau.

THÁNG SÁU
Ngày 3: Lúc 3 giờ, tại Orange County Performing Arts Center, Costa Mesa, Dàn nhạc Pacific Symphony Institute Orchestra trình tấu trích đoạn giao hưởng "1-9-7-5" của Lê Văn Khoa.
Ngày 18: Lúc 3 giờ, tại thính đường Plummer, Fullerton, Ca đoàn Ngàn Khơi và nhiều ca sĩ nổi tiếng, trình diễn ca nhạc.

THÁNG BẢY
Ngày 1 đến 4: Đại hội Thể thao sinh viên do THSV Nam Cali tổ chức.
Ngày 22: Hội diễn "Tù Ca" — những ca khúc sáng tác trong tù Cộng sản.

THÁNG CHÍN
Chương trình phối hợp với UCI-Extension.

THÁNG MƯỜI MỘT
Lễ Kết thúc Dự Án 20.

(Chương trình có thể thay đổi)

PROJECT 20: 14901 MORAN ST., WESTMINSTER CA 92683. TEL (714) 892-9316. FAX (714) 894-1381
PRODUCTION OFFICE: 11022 ACACIA PAKWY #A, GARDEN GROVE CA 92640. TEL (714) 537-8352. FAX (714) 638-1944
SUPPORTED ADMINISTRATIVELY BY VAALA. MAKE CHECKS PAYABLE TO VAALA / PROJECT 20

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**

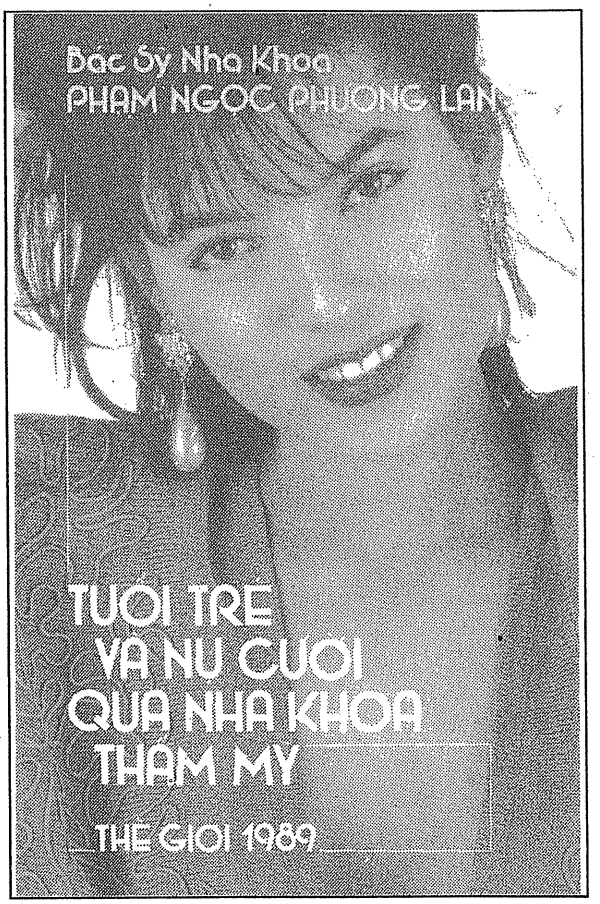

Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

DỰ ÁN 20

thân ái mời toàn thể bà con đã từng ở — hoặc chỉ nghe nói đến — Camp Pendleton
*tham dự "**Ngày Trở Về Camp Pendleton**"*
*tổ chức từ 10 giờ sáng đến 8 giờ tối ngày **thứ Bẩy 6 tháng 5, 1995**.*

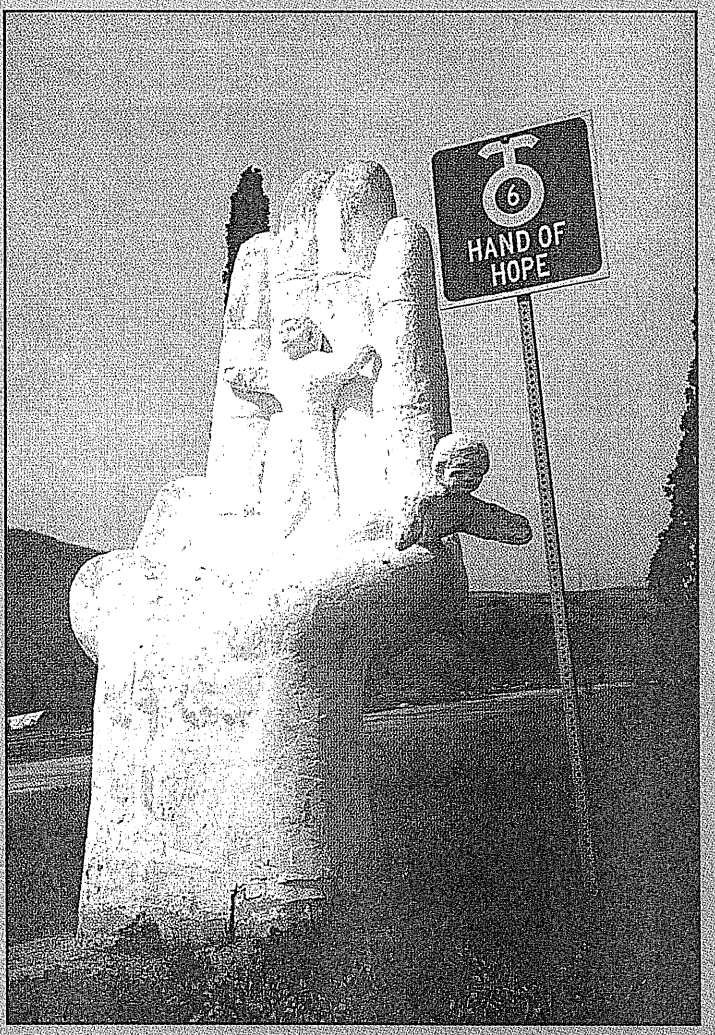

Tượng "Hand of Hope" trong Camp Pendleton, tượng trưng cho sự đón nhận và giúp đỡ của nước Mỹ dành cho những người Việt Nam tị nạn Cộng sản. Tượng do Lưu Nguyên Đạt phác thảo, một nhóm quân nhân Thủy Quân Lục Chiến Mỹ dựng vào cuối năm 1975, hiện là một điểm hấp dẫn trong chương trình du lịch thăm viếng Camp Pendleton.

Dự Án 20 tổ chức, với sự phối hợp của Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam miền Nam California, Hội đồng thị xã Westminster, và các Hội đoàn, Cơ quan Văn hóa, Xã hội Việt và Mỹ.

Để biết thêm chi tiết, xin liên lạc: **Phạm Xuân Quang (714) 537-8352**.

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

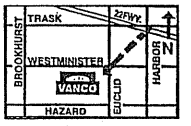

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

Bộ mới nhất - Hoàn hảo nhất

Từ Điển Phát Âm Điện Tử

THẾ KỶ EV-555

Sẽ giúp bạn mở tung cánh cửa bước vào thế giới mới. Học tiếng Anh dễ dàng, giải quyết mọi khó khăn trong đời sống và giao dịch với người ngoại quốc.

Trên 40 đặc tính và công dụng tuyệt hảo:

Tạm ghi ra đây:

1. *Phát âm giọng Mỹ của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Đại Học Berkeley (USA).*
2. *Anh - Việt, Việt - Anh 85,000 từ (lớn nhất hiện nay), có đối chiếu.*
3. *Đàm thoại thông dụng: Hàng ngàn câu về đời sống, du lịch, thương mại.*
4. *Văn phạm và cú pháp có giải thích và dẫn chứng.*
5. *Đầy đủ nhóm từ, thành ngữ để tra cứu cấp tốc.*
6. *Có Vạn Dụng Tự Điển để dùng riêng trong việc ăn, mặc, ở, đi đứng.*
7. *Làm tự điển riêng với chữ mới hay chữ chuyên môn.*
8. *Chữ đồng nghĩa và phản nghĩa hiện ngay trên môn ảnh.*
9. *Có đủ sổ ghi điện thoại, sổ hẹn, sổ ghi nhớ, có chuông báo, lớn 128K.*
10. *Có các trò chơi nhanh trí để tập luyện trí nhớ và phản ứng.*
11. *Đồng hồ quốc tế Toàn Năng cho giờ địa phương và giờ quốc tế.*
12. *Bộ phận máy tính rất lớn, làm tới 12 hàng số.*
13. *Lịch Vạn Niên có âm dương đối chiếu hiện ngay lên màn ảnh.*
14. *Luyện thi Nhập Tịch Mỹ: Tài liệu song ngữ đầy đủ nhất.*
15. *Cần giữ hồ sơ bí mật có thể đặt mã số riêng.*
16. *Phần phát âm có thể mở lớn nhỏ và nhanh chậm.*
17. *Tự động tắt nếu bị bỏ quên.*
18. *Có màn ảnh và lời chào mừng của chủ nhân khi mở máy.*
19. *Tính hối xuất quốc tế nhanh chóng.*
20. *Dùng pin hay điện nhà đều được (với Adapter).*

Giữ nguyên hệ thống phát âm của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Berkeley USA.

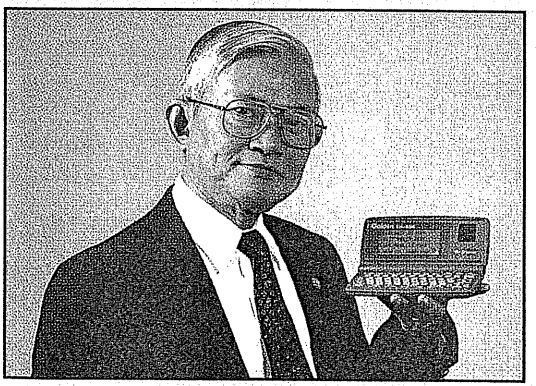

GS. Lê Chính Long: "Tôi muốn giới thiệu tới bạn máy từ điển này."

- **Sức máy mạnh, chuyển chữ nhanh, không phải chờ đợi**
- **Bộ nhớ lớn, lưu trữ hàng ngàn chữ mới và tài liệu riêng**
- **Vạn Dụng Từ Điển có trên 35 lãnh vực sinh hoạt**
- **Luyện Thi Nhập Tịch có phát âm hai phần hỏi đáp**
- **Trục máy tân kỳ, màn ảnh đứng vững nhiều góc**
- **Máy gọn, nhẹ, tiện dụng nhất hiện nay.**

GIÁ CHÍNH THỨC: $329 GIÁ ĐẶT MUA: $279

Tổng đại lý tại Hoa Kỳ & Canada:

GOLDEN MATE INC.

2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732

Các đại lý và khách hàng xin liên lạc cô Mỹ Chi:

1-800-248-3948 hoặc (818) 279-9898

(818) 307-1188 * Fax: (818) 279-9899

Chi nhánh các nơi

MONTEREY PARK:	443-C Garvey Ave.	**(818) 307-1188**
ROWLAND HTS:	18414 Colima Rod.	**(818) 965-2538**
MONTEREY PARK:	127 N. Garfield Ave.	**(818) 571-6598**
CHINATOWN (LA):	727 N. Broadway # 128	**(213) 625-8609**
LITTLE SAIGON:	9200 Bolsa Ave. #226	**(714) 897-9808**

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

TRUNG TÂM NHA KHOA EDINGER DENTAL

NHA SĨ LÝ QUỐC TUẤN. D.D.S.

GENERAL & COSMETIC DENTISTRY

TEL: 1-800-758-5538 HOẶC (714) 751-5538

616 W. Edinger, Santa Ana, CA 92707

(Giữa đường Bristol + Flower và Broadway + Main)

- *Giải thưởng đặc biệt về răng giả ĐHNK USC.*
- *Tốt nghiệp Đại Học Nha Khoa USC.*
- *Giảng viên Khoa Chữa Răng và Nha Khoa Thẩm Mỹ USC.*
- *Tốt nghiệp Đại Học Nha Khoa Saigon.*
- *Nguyên Nha Sĩ Điều Trị Quận 5, Quận Gò Vấp.*
- *Phòng mạch cũ tại góc Vườn Chuối Phan Thanh Giản, Quận 3, Saigon.*

Chúng tôi có máy INTRA ORAL CAMERA để trình bày tường tận và trung thực về tình trạng sức khỏe răng miệng của quý vị, ngỏ hầu giúp quý vị yên tâm lựa chọn chương trình điều trị riêng.

TRUNG TÂM NHA KHOA VIỆT NAM DUY NHẤT CÓ BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CHỈNH NHA (NIỀNG RĂNG)

GIỜ MỞ CỬA:
Mon - Thur: 7AM - 7PM
Fri: Closed
Sat - Sun: 8 AM - 2 PM
(Xin lấy hẹn trước)

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

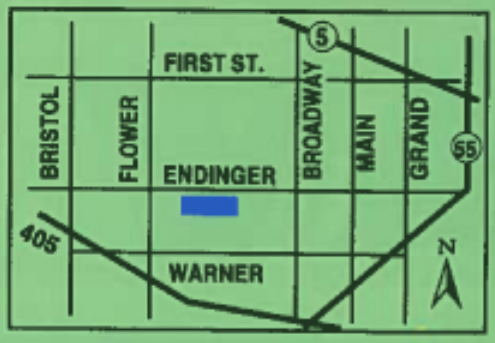

ĐẶC BIỆT CHÚNG TÔI CÓ PHÒNG LAB LÀM CÁC LOẠI RĂNG GIẢ TẠI CHỖ

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim